

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HẰNG

DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ' VỚI
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HẰNG

**DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ' VỚI
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà



2.TS. Lương Huyền Thanh



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả



Nguyễn Thị Hằng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	13
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	13
1.2. Cơ sở lý luận	39
Chương 2: DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VÀ BỐI CẢNH BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH.....	68
2.1. Khái quát về di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư	68
2.2. Bối cảnh bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình.....	91
Chương 3: NHẬN DIỆN MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH.....	105
3.1. Tác động của di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình.....	105
3.2. Tác động của phát triển kinh tế - xã hội đối với di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư.....	146
Chương 4: BÀN LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ NHẪM HÀI HÒA MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH.....	162
4.1. Một số vấn đề đặt ra trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình.....	162
4.2. Một số khuyến nghị nhằm hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình.....	178
KẾT LUẬN.....	194
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	197
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	198
PHỤ LỤC	216

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNVH	Công nghiệp văn hóa
DSVH	DSVH
ĐLC	Độ lệch chuẩn
ĐTB	Điểm trung bình
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LS-VH	Lịch sử - văn hóa
NCS	Nghiên cứu sinh
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Đánh giá của du khách về tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch ở Cố đô Hoa Lư.....	105
Bảng 3.2: Một số hoạt động du khách tham gia khi thăm quan, du lịch ở Cố đô Hoa Lư.....	107
Bảng 3.3: Đánh giá của du khách về các sản phẩm, dịch vụ phụ trợ ở khu di tích Cố đô Hoa Lư.....	108
Bảng 3.4: Hoạt động mua sắm của du khách khi thăm quan, du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư.....	111
Bảng 3.5: Kết quả đón khách và doanh thu từ hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư từ năm 2014 đến năm 2024.....	114
Bảng 3.6: Kết quả kinh doanh du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 3 tháng đầu năm 2024	115
Bảng 3.7: Các sinh hoạt văn hóa được tổ chức trong không gian các di tích - lịch sử văn hóa ở Cố đô Hoa Lư.....	117
Bảng 3.8: Mức độ tham gia các sinh hoạt văn hóa được tổ chức trong không gian các di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư của người dân địa phương.....	120
Bảng 3.9: Mức độ tham gia của người dân địa phương với các vai trò khác nhau trong Lễ hội Hoa Lư	121
Bảng 3.10: Mức độ thực hành sinh hoạt văn hóa đi lễ của người dân địa phương ở các di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư	123
Bảng 3.11: DSVH Cố đô Hoa Lư thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch.....	124
Bảng 3.12: Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư thỏa mãn các nhu cầu của người dân địa phương	125
Bảng 3.13: Mức độ hiểu biết thông tin về di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư của khách du lịch	127

Bảng 3.14: Mức độ hiểu biết thông tin về di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư của người dân địa phương	128
Bảng 3.15: Ấn tượng của khách du lịch về vùng đất, văn hóa, con người Ninh Bình sau khi thăm quan di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư	129
Bảng 3.16: Cơ cấu nguồn lao động du lịch xã Trường Yên đến hết tháng 12 năm 2019	134
Bảng 3.17: Cơ cấu ngành nghề của người dân địa phương tham gia khảo sát.....	135
Bảng 3.18: Đánh giá của du khách về cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư.....	136
Bảng 3.19: Đánh giá của du khách về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư.....	148
Bảng 3.20: Đánh giá của người dân địa phương về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư	149
Bảng 3.21: Cơ cấu khách du lịch đến Cố đô Hoa Lư phân theo quốc tịch giai đoạn 2014-2024.....	152
Bảng 4.1: Số lượng du khách đến khu di tích Cố đô Hoa Lư trong tương quan với Quần thể danh thắng Tràng An	175
Bảng 4.2: Các kênh thông tin chủ yếu du khách sử dụng để tìm hiểu về khu di tích Cố đô Hoa Lư	184

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia, di sản văn hóa (DSVH) luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ là kết tinh của lịch sử, văn hóa và bản sắc dân tộc, mà còn là nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Nhận thức về DSVH ngày nay đã có sự chuyển biến căn bản: từ chỗ xem DSVH chủ yếu như đối tượng bảo tồn, sang coi di sản là nguồn lực nội sinh, có khả năng tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường, phát triển công nghiệp văn hóa (CNVH) và nền kinh tế sáng tạo hiện nay, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH trở thành một yêu cầu mang tính cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Cố đô Hoa Lư - kinh đô đầu tiên của Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam - là một trong những không gian di sản đặc biệt quan trọng của lịch sử và văn hóa dân tộc. Với hệ thống di tích lịch sử - văn hóa (LS-VH) phong phú, có lễ hội Hoa Lư, cảnh quan thiên nhiên đặc sắc và chiều sâu giá trị tinh thần gắn với thời kỳ hình thành và phát triển quốc gia Đại Cồ Việt, DSVH Cố đô Hoa Lư không chỉ có ý nghĩa to lớn về mặt lịch sử, văn hóa mà còn mang trong mình tiềm năng lớn có thể khai thác phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình. Dưới góc độ văn hóa học, DSVH Cố đô Hoa Lư được nhìn nhận như một dạng vốn văn hóa có khả năng chuyển hóa thành các nguồn vốn phát triển KT-XH, đồng thời là biểu tượng khẳng định vị thế, uy tín địa phương trong giao lưu và hội nhập.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của du lịch văn hóa, du lịch văn hóa - sinh thái, khu vực Hoa Lư đã và đang đóng vai trò ngày càng rõ nét trong cơ cấu phát triển kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh địa phương và quốc gia. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy quá trình khai thác và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư trong phát triển KT-XH đang đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc. Sự gia tăng nhanh chóng của các hoạt động du lịch, dịch vụ và đầu tư kinh tế, nếu thiếu định hướng văn hóa và cơ chế quản lý phù hợp, có thể dẫn đến nguy cơ thương mại hóa di sản, xâm hại không gian văn hóa - cảnh quan, làm suy giảm giá trị lịch sử, tính linh thiêng và bản sắc vốn có của di sản. Bên cạnh đó,

mối quan hệ giữa bảo tồn di sản với yêu cầu phát triển KT-XH trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế vẫn còn nhiều mâu thuẫn, bất cập; vai trò của cộng đồng địa phương trong bảo vệ và phát huy di sản chưa được phát huy đầy đủ; cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản lý, khai thác di sản còn thiếu đồng bộ...

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về DSVH Cổ đô Hoa Lư, về phát triển du lịch, phát triển KT-XH ở các địa phương, song các nghiên cứu tiếp cận DSVH như một nguồn vốn văn hóa trong phát triển, đặc biệt là dưới góc độ Văn hóa học vẫn còn hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu về DSVH Cổ đô Hoa Lư hiện nay thiên về khảo cứu lịch sử, khảo cổ học, di sản học, bảo tồn di tích hoặc nghiên cứu du lịch, trong khi chưa có nhiều công trình phân tích một cách hệ thống mối quan hệ biện chứng giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh hiện nay. Khoảng trống này đòi hỏi một cách tiếp cận liên ngành, trong đó, Văn hóa học giữ vai trò trung tâm nhằm làm rõ giá trị, vai trò, cơ chế tác động và điều kiện phát huy giá trị di sản trong phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của phát triển, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết 80 - NQ/TW (2026) của Bộ Chính trị về *phát triển văn hóa Việt Nam* tiếp tục nhất quán khẳng định quan điểm phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội; xây dựng, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng vững chắc, sức mạnh nội sinh của dân tộc. Đồng thời, Đảng nhấn mạnh yêu cầu gắn bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH với phát triển bền vững KT-XH và nâng cao sức mạnh nội sinh của địa phương. Vì vậy, việc nghiên cứu cụ thể một trường hợp điển hình như DSVH Cổ đô Hoa Lư có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương lớn vào thực tiễn địa phương.

Bên cạnh đó, Ninh Bình hiện đang định hướng phát triển địa phương dựa trên giá trị di sản và cảnh quan văn hóa - sinh thái, xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng Đô thị di sản thiên niên kỷ vào năm 2030. Trong không gian phát triển mới, không gian di sản Cổ đô Hoa Lư không còn tồn tại cục bộ mà trở thành trung tâm kết nối các tuyến hành lang kinh tế - văn hóa liên vùng. Do đó, việc làm rõ cơ sở khoa học cho việc gắn kết bảo tồn và phát huy giá trị di sản với phát triển KT-XH không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang giá trị thực

tiền cao, phục vụ trực tiếp cho công tác hoạch định chính sách và quản lý văn hóa cũng như phát triển địa phương.

Xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn nêu trên, NCS lựa chọn đề tài ***“Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh hiện nay”*** làm nội dung nghiên cứu cho luận án tiến sĩ Văn hóa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm nhận diện, phân tích và đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình. Từ đó bàn luận một số vấn đề đặt ra và đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với tư cách là một dạng vốn văn hóa phục vụ phát triển KT-XH, đồng thời huy động các nguồn lực từ quá trình phát triển KT-XH để bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu như trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Thứ nhất, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu của đề tài. Từ đó, chỉ ra những nội dung luận án có thể kế thừa và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu và làm sáng tỏ thêm.

Thứ hai, nghiên cứu, cụ thể hóa những vấn đề lý luận: khái niệm, phân loại DSVH; giá trị DSVH; mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH nhằm tạo nên khung lý thuyết làm căn cứ để nhận diện, phân tích mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình.

Thứ ba, nhận diện, phân tích mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình theo hai hướng: DSVH với tư cách là một dạng vốn văn hóa chuyển hóa thành các nguồn vốn khác trong quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH tạo ra những tác động đến phát triển KT-XH và sự tác động trở lại của quá trình phát triển KT-XH đối với DSVH Cố đô Hoa Lư thông qua đầu tư nguồn lực cho bảo tồn, tôn tạo và tái tạo vốn DSVH.

Thứ tư, bàn luận các vấn đề đặt ra và đề xuất một số khuyến nghị khoa học nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình theo hướng bền vững hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu của luận án là DSVH Cổ đô Hoa Lư với sự phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi không gian: Luận án tập trung nghiên cứu các DSVH vật thể và phi vật thể tiêu biểu trong phạm vi không gian có liên quan mật thiết đến quá trình hình thành nhà nước Đại Cồ Việt và Cổ đô Hoa Lư thuộc các huyện Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, Yên Mô, Yên Khánh và thành phố Ninh Bình theo Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Trong đó, tập trung chủ yếu vào hệ thống DSVH trên địa bàn xã Trường Yên, huyện Hoa Lư (nay thuộc phường Tây Hoa Lư). Bởi các DSVH cốt lõi, quan trọng nhất - những di sản để lại của kinh thành, Cổ đô Hoa Lư xưa đa phần đều thuộc địa bàn xã Trường Yên.

Về phạm vi thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến trước ngày 01/7/2025 - thời điểm sáp nhập tỉnh Ninh Bình với tỉnh Hà Nam và Nam Định thành tỉnh Ninh Bình (mới). Bởi các lý do sau:

Năm 2012 là một dấu ấn đặc biệt, khu di tích Cổ đô Hoa Lư đã được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt với tên gọi *Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cổ đô Hoa Lư* theo Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đó chính là sự tôn vinh các giá trị của DSVH Cổ đô Hoa Lư trong lịch sử và văn hóa của dân tộc. Từ đây, DSVH Cổ đô Hoa Lư ngày càng thu hút được nhiều hơn sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học; tỉnh Ninh Bình cũng có nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án... gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH, nhờ đó giá trị của di sản đã có những tác động không nhỏ đến đời sống KT-XH của Tỉnh. Và luận án chỉ nghiên cứu đến trước thời điểm thành lập tỉnh Ninh Bình (mới) ngày 01/7/2025, do hạn chế về thời gian nghiên cứu của luận án không cho phép kéo dài để thu thập các dữ liệu thực tế để đánh giá mối quan hệ giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình (mới). Nghiên cứu trong khoảng thời gian này, luận án

sẽ được cung cấp nguồn tư liệu thực tiễn chân thực, sát, hợp mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

Phạm vi nội dung: Trong luận án, thuật ngữ “phát triển kinh tế - xã hội” được tiếp cận theo quan điểm phát triển toàn diện và bền vững của Đảng, nhấn mạnh sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội và nâng cao đời sống con người; đồng thời phát triển hài hòa giữa các lĩnh vực kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh quốc phòng... Tuy nhiên, luận án không nhằm bao quát toàn bộ nội hàm của “phát triển kinh tế - xã hội” theo quan điểm trên, mà tập trung làm rõ mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình, do đó, phạm vi nghiên cứu được giới hạn ở những phương diện phát triển có mối liên hệ trực tiếp với quá trình bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư. Đồng thời, việc lựa chọn phương diện nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở vận dụng lý thuyết vốn và sự chuyển hóa giữa các loại vốn của Pierre Bourdieu nhằm lý giải cơ chế mà thông qua đó DSVH được chuyển hóa thành các nguồn lực phục vụ phát triển. Theo cách tiếp cận này, DSVH được xem là một dạng vốn văn hóa đặc thù; thông qua quá trình bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH trong bối cảnh xã hội cụ thể, giá trị của DSVH có thể được chuyển hóa thành các vốn kinh tế, xã hội, biểu tượng, tạo ra những tác động đối với phát triển KT-XH địa phương. Trên cơ sở đó, luận án lựa chọn khảo sát ba phương diện phát triển có mối liên hệ trực tiếp với quá trình chuyển hóa và phát huy nguồn lực từ DSVH bao gồm: (1) *phát triển kinh tế* thông qua khai thác giá trị DSVH để phát triển du lịch, dịch vụ và thị trường sản phẩm văn hóa; qua đó tạo nguồn lực góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương; (2) *phát triển văn hóa, nâng cao hình ảnh và vị thế địa phương trong giao lưu, hội nhập*, thể hiện ở việc đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần xã hội; khẳng định bản sắc văn hóa cộng đồng; nâng cao uy tín, vị thế của địa phương góp phần mở rộng giao lưu, hợp tác và hội nhập; (3) *phát triển xã hội* thể hiện qua việc góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống người dân và cải thiện kết cấu hạ tầng phát triển; tạo lập các mạng lưới và quan hệ xã hội, tăng cường đoàn kết cộng đồng và tạo dựng môi trường xã hội ổn định để phát triển bền vững. Các phương diện phát triển nêu trên không được hiểu là sự phân loại tương ứng với từng loại vốn theo lý thuyết

Bourdieu mà là khung phân tích của luận án nhằm nhận diện các kết quả, tác động của quá trình chuyển hóa vốn từ DSVH đối với phát triển địa phương.

- Luận án thừa nhận mối quan hệ tương tác hai chiều giữa DSVH và phát triển KT-XH địa phương. Tuy nhiên, dưới góc tiếp cận của văn hóa học và vận dụng lý thuyết về các loại vốn của Pierre Bourdieu, nghiên cứu lựa chọn DSVH như đối tượng trung tâm (vốn văn hóa) làm điểm khởi phát phân tích. Trên cơ sở đó, luận án tập trung làm rõ chiều tác động từ DSVH tới phát triển KT-XH. Chiều tác động ngược lại từ phát triển KT-XH tới DSVH vẫn được xem xét nhưng với dung lượng hạn chế hơn như một cơ chế phản hồi, góp phần điều chỉnh quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển KT-XH.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi 1: Mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình có bản chất như thế nào? *Giả thuyết 1:* Mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình là mối quan hệ biện chứng, tương tác hai chiều. Hai chiều tác động này vừa có những mặt tích cực vừa nảy sinh những hạn chế, thách thức.

Câu hỏi 2: Thực trạng mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình hiện nay như thế nào? *Giả thuyết 2:* Mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình được biểu hiện thông qua sự tác động qua lại giữa DSVH và phát triển KT-XH. Thông qua quá trình bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản, DSVH tác động đến quá trình phát triển KT-XH; đồng thời, quá trình phát triển KT-XH có thể tác động trở lại việc bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH.

Câu hỏi 3: Trong bối cảnh hiện nay, những vấn đề gì đang đặt ra trong mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình và cần giải quyết như thế nào để hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH theo hướng bền vững? *Giả thuyết 3:* Trong bối cảnh hiện nay, mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình đang đặt ra yêu cầu giải quyết hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản; đồng thời cần phát triển nguồn nhân lực và tăng cường liên kết các chủ thể; hoàn thiện quy hoạch và liên kết không gian di sản; nâng cao nhận thức và bảo đảm sự tham gia,

lợi ích của cộng đồng. Việc giải quyết đồng bộ những vấn đề này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển KT-XH và bảo đảm sự phát triển bền vững.

5. Phương pháp luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu, sự phân tích, đánh giá của luận án dựa trên các cơ sở phương pháp luận như sau:

- Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin như: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa; quan niệm về DSVH, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa và vai trò của DSVH đối với sự phát triển KT-XH.

- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của văn hóa, DSVH đối với phát triển KT-XH; quan điểm gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH.

5.2. Cách tiếp cận liên ngành

Luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT - XH tỉnh Ninh Bình dưới góc độ văn hóa học. Theo đó, DSVH Cố đô Hoa Lư được nhìn nhận như một chỉnh thể văn hóa, bao gồm các giá trị vật thể, phi vật thể, biểu tượng và tinh thần, gắn với quá trình hình thành và khẳng định bản sắc của cộng đồng. DSVH không chỉ được xem là đối tượng bảo tồn mà còn là nguồn lực văn hóa có thể được khai thác và phát huy trong phát triển KT-XH. Cách tiếp cận văn hóa học tập trung xem xét quá trình nhận diện giá trị di sản và bảo tồn, trao truyền, thực hành, khai thác và phát huy các giá trị di sản, cũng như những biến đổi về giá trị và cách thức sử dụng di sản trong đời sống KT-XH đương đại.

Do đối tượng nghiên cứu có tính chất phức hợp, liên quan đồng thời đến các phương diện văn hóa, lịch sử, kinh tế, xã hội và quản lý, luận án vận dụng có chọn lọc tri thức của một số ngành, lĩnh vực liên quan để bổ sung cho cách tiếp cận văn hóa học. Tri thức lịch sử học được sử dụng để làm rõ nguồn gốc, quá trình hình thành và biến đổi của DSVH Cố đô Hoa Lư qua các thời kỳ. Một số tri thức về kinh tế và phát triển được sử dụng để xem xét các nguồn lực và

lợi ích kinh tế gắn với khai thác, phát huy giá trị di sản và mối liên hệ với phát triển KT-XH. Tri thức xã hội học được sử dụng để phân tích nhận thức, đánh giá, nhu cầu, mức độ tham gia và trải nghiệm của các chủ thể, đặc biệt là người dân địa phương và khách du lịch. Một số tri thức về quản lý văn hóa được sử dụng để xem xét các nhân tố liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư.

Các tri thức liên ngành được sử dụng có chọn lọc góp phần bổ sung và làm rõ một số nội dung nghiên cứu không tách rời mà được kết hợp trong quá trình phân tích. Các phương diện lịch sử, kinh tế, xã hội và quản lý được xem xét trong mối liên hệ với các giá trị của DSVH Cổ đô Hoa Lư và quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản. Qua đó, luận án nhận diện, phân tích và đánh giá mối quan hệ tương tác hai chiều giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình này, văn hóa học giữ vai trò chủ đạo trong việc xác định vấn đề, lựa chọn và kết nối các phương diện phân tích, bảo đảm việc sử dụng các tri thức liên ngành phục vụ mục tiêu nghiên cứu và thống nhất với hướng tiếp cận văn hóa học của luận án.

5.3. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

- *Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp*: Là phương pháp được tác giả sử dụng phổ biến trong toàn bộ luận án nhằm thu thập thông tin, số liệu từ các tài liệu là các tác phẩm của các nhà tư tưởng, các nhà nghiên cứu khoa học; những văn bản của các tổ chức quốc tế và trong nước; những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; báo cáo của các sở, ban, ngành liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án.

- *Phương pháp điền dã, quan sát thực địa*: NCS sử dụng phương pháp điền dã, quan sát thực địa nhằm khảo sát thực tiễn địa bàn nghiên cứu là khu di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình) và quan sát tham dự thực tiễn hoạt động của các đối tượng nghiên cứu (các mẫu) được lựa chọn nhằm xây dựng đề cương nghiên cứu và kiểm chứng các luận điểm khoa học đã được đưa ra như: tìm hiểu hiện trạng các di tích LS-VH, các giá trị tiêu biểu của các DSVH vật thể và phi vật thể thuộc Cổ đô Hoa Lư, tham dự lễ hội Hoa Lư và tìm hiểu thực tiễn bảo tồn, khai

thác, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư trong phát triển KT-XH của địa phương. Thời gian điền dã được thực hiện với 4 đợt chính vào các khoảng thời gian: tháng 12/2024; tháng 3, tháng 4 và tháng 7/2025.

- Phương pháp điều tra xã hội học:

Phương pháp này được sử dụng nhằm thu thập các dữ liệu định lượng về nhận thức, đánh giá, nhu cầu, mức độ tham gia và trải nghiệm của người dân địa phương và khách du lịch đối với công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH địa phương; qua đó góp phần nhận diện mối quan hệ và những tác động qua lại giữa DSVH với phát triển KT-XH.

NCS sử dụng 550 phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu. Trong đó gồm có:

350 phiếu dành để thu thập thông tin của các chủ thể người dân địa phương, gồm có: cán bộ, công chức xã Trường Yên, người dân thuộc các thôn: Thôn Tây, thôn Bắc, thôn Đông, thôn Nam, thôn Tam Kỳ (xã Trường Yên), là những người dân sinh sống trong khu vực trung tâm của khu di tích, chịu ảnh hưởng nhiều nhất của quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư.

200 phiếu hỏi được sử dụng để thu thập thông tin từ khách du lịch trong nước đến thăm quan, tìm hiểu về khu di tích.

Việc lựa chọn đối tượng khảo sát được thực hiện có chủ đích theo yêu cầu của nội dung nghiên cứu, kết hợp phát phiếu tại các địa bàn, điểm thăm quan phù hợp. Trong quá trình khảo sát, NCS chú ý đến sự đa dạng về giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp và địa bàn cư trú nhằm hạn chế sự tập trung mẫu vào một nhóm đối tượng. Cỡ mẫu 350 người dân và 200 khách du lịch được xác định phù hợp với mục tiêu nhận diện các xu hướng nhận thức, đánh giá và trải nghiệm của hai nhóm chủ thể trong điều kiện khảo sát thực tế. Ngoài ra, kích thước mẫu này cũng được tham chiếu với các nghiên cứu trước đây trong cùng lĩnh vực. Do phương thức chọn mẫu không phải là mẫu xác suất với khung mẫu tổng thể đầy đủ, kết quả khảo sát có giá trị phản ánh xu hướng và đặc điểm của các nhóm được khảo sát, nhưng không được khái quát theo nghĩa đại diện thống kê cho toàn bộ dân cư địa phương hoặc toàn bộ khách du lịch.

Phiếu khảo sát được xây dựng bám sát mục đích, câu hỏi và nội dung nghiên cứu của luận án, sau khi thu hồi được kiểm tra tính hợp lệ, mã hóa, nhập dữ liệu

và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. NCS sử dụng chủ yếu các thống kê mô tả như tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn và xếp thứ bậc; đồng thời so sánh kết quả theo một số đặc điểm của đối tượng khảo sát. Kết quả điều tra được sử dụng kết hợp với dữ liệu phỏng vấn sâu và quan sát thực địa và các báo cáo của sở, ban, ngành và các tài liệu thứ cấp liên quan để phân tích, đánh giá vấn đề nghiên cứu.

+ Luận án sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu (10 cuộc phỏng vấn) nhằm đi sâu tìm hiểu mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư và phát triển KT-XH địa phương qua các chủ thể nghiên cứu: đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người dân địa phương, khách du lịch và các chủ thể kinh doanh dịch vụ. Đối tượng được lựa chọn có chủ đích trên cơ sở mức độ tham gia, hiểu biết và trải nghiệm đối với DSVH Cố đô Hoa Lư và các hoạt động KT-XH liên quan.

Quá trình phỏng vấn được thực hiện trực tiếp, có ghi âm (trên cơ sở đồng thuận), ghi chép đầy đủ và tuân thủ nguyên tắc ẩn danh và bảo mật thông tin. Các đối tượng phỏng vấn được mã hóa ẩn danh theo nhóm và thứ tự: Cán bộ lãnh đạo, quản lý: CBQL01, CBQL02...; người dân địa phương: ND01, ND02...; du khách: DL01, DL02...; chủ thể kinh doanh dịch vụ: DV01, DV02... kèm theo mô tả ngắn về đặc điểm liên quan, nhằm bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin nhưng vẫn cho phép đối chiếu và kiểm chứng dữ liệu. Một người có thể được phỏng vấn nhiều lần nhằm làm rõ và đối chiếu các thông tin đa dạng, đa chiều. Dữ liệu phỏng vấn sâu được sử dụng để bổ sung, giải thích và đối chiếu với kết quả điều tra bằng bảng hỏi.

Bên cạnh dữ liệu phỏng vấn sâu do NCS trực tiếp thực hiện, luận án sử dụng bổ sung một số tư liệu thứ cấp từ các phương tiện truyền thông chính thống. Trong đó có các nội dung phỏng vấn và ý kiến của du khách quốc tế liên quan đến trải nghiệm, nhận thức và đánh giá về DSVH Cố đô Hoa Lư. Các tư liệu này được lựa chọn có chủ đích trên cơ sở mức độ phù hợp với nội dung nghiên cứu, nguồn cung cấp được xác định rõ và được trích dẫn đầy đủ. NCS sử dụng các tư liệu này chủ yếu để minh họa, bổ sung và đối chiếu với kết quả khảo sát, phỏng vấn trực tiếp; không coi đây là dữ liệu điều tra đại diện cho du khách quốc tế và không sử dụng để suy rộng cho toàn bộ khách du lịch hoặc thị trường quốc tế.

6. Đóng góp mới của luận án

6.1. Đóng góp về mặt lý luận

Trên cơ sở kế thừa hệ thống lý luận của các nhà khoa học đi trước và vận dụng lý thuyết các loại vốn và sự chuyển hóa các loại vốn của Pierre Bourdieu, luận án nhìn nhận di sản văn hóa (DSVH) vừa là giá trị cần bảo tồn, vừa là một dạng vốn văn hóa có khả năng được huy động và chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) thông qua bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản. Qua đó, luận án góp phần bổ sung, làm rõ cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa DSVH với KT-XH từ góc độ văn hóa học, trên cơ sở nhấn mạnh tính tương tác hai chiều giữa bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và phát triển KT-XH, đồng thời chú trọng yêu cầu hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển KT-XH theo hướng bền vững.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

- Luận án góp phần nhận diện và phân tích một cách hệ thống các loại hình DSVH Cổ đô Hoa Lư, làm rõ những giá trị tiêu biểu và khả năng khai thác, phát huy các giá trị đó gắn với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình.

- Luận án góp phần làm rõ những phương diện chủ yếu trong mối quan hệ giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư và phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình. Qua đó, chỉ ra những đóng góp của DSVH đối với phát triển KT-XH, đồng thời nhận diện những tác động trở lại của quá trình phát triển KT-XH đối với bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua khảo sát, điều tra xã hội học về thực trạng bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH.

- Luận án góp phần nhận diện những vấn đề đặt ra trong quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH và đề xuất một số khuyến nghị mang tính định hướng để hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong bối cảnh hiện nay.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nghiên cứu, quản lý, bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH địa phương. Đồng thời góp phần cung cấp những luận cứ tham khảo cho việc xây dựng chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm phát huy giá trị di sản, huy động nguồn lực từ phát triển KT-XH cho bảo tồn

di sản và bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH theo hướng bền vững. Kết quả nghiên cứu cũng có thể được sử dụng như một nguồn tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập các lĩnh vực văn hóa học, văn hóa và phát triển, quản lý văn hóa...

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có 4 chương, 8 tiết:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận về di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội

Chương 2: Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư và bối cảnh bảo tồn, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình

Chương 3: Nhận diện mối quan hệ giữa di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình

Chương 4: Bàn luận và khuyến nghị nhằm hài hòa mối quan hệ giữa di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Các nghiên cứu về di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội

Trong khoảng hơn hai thập kỉ gần đây, nhận thức về DSVH đã có những chuyển biến căn bản, DSVH không chỉ được xem là đối tượng cần bảo tồn, mà còn được đặt trong mối quan hệ với phát triển, DSVH được đánh giá là nguồn vốn, nguồn lực nội sinh có khả năng được huy động trong quá trình phát triển KT-XH theo hướng bền vững. Vì vậy, mối quan hệ giữa DSVH với sự phát triển KT-XH nói chung và các lĩnh vực trong đời sống nói riêng đã trở thành đề tài nghiên cứu thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu cả trong nước và quốc tế. Từ điểm xuất phát muốn làm rõ vai trò, vị trí của DSVH trong đời sống đương đại, nhưng với cái nhìn biện chứng, các nghiên cứu còn xem xét cả những tác động trở lại của sự phát triển KT-XH đối với DSVH để cân nhắc lợi, hại, phát hiện các vấn đề đặt ra và những tác động chính sách để hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển, hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, giữa lợi ích kinh tế và lợi ích văn hóa... Để có cái nhìn tổng quan về tình hình nghiên cứu vấn đề DSVH với phát triển KT-XH, NCS tiến hành tổng quan theo trật tự sắp xếp mang tính tương đối từ các công trình nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận chung đến các công trình tập trung làm rõ thực trạng bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH một số địa bàn cụ thể.

**Nhóm công trình nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH*

Nghiên cứu *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc* [175] của nhà nghiên cứu Hoàng Vinh đã làm rõ những vấn đề lý luận chung về DSVH như quan niệm DSVH, phân loại DSVH và vai trò, chức năng của DSVH với sự phát triển của đất nước và vấn đề chính sách bảo tồn và phát triển DSVH.

Theo tác giả Hoàng Vinh, DSVH được quan niệm là tổng thể những tài sản văn hóa truyền thống trong hệ thống giá trị của nó, được chủ thể nhận biết và đưa vào sử dụng nhằm đáp ứng những nhu cầu và đòi hỏi của hiện tại. Theo tác giả, yếu tố đóng vai trò then chốt ở đây là những khái niệm “nhận biết” và “sử dụng; bên

ngoài mối quan hệ với chủ thể, không tồn tại khái niệm DSVH theo nghĩa đích thực của nó.[175, tr.8]

Về vai trò, chức năng của DSVH, theo Hoàng Vinh, DSVH chứa đựng hệ thống các giá trị thể hiện *bản sắc văn hóa* của một dân tộc. Trong quá trình phát triển đất nước, giao lưu và hội nhập quốc tế, văn hóa nói chung, DSVH nói riêng đóng vai trò là *nền tảng* cho sự phát triển bền vững. Chức năng gốc nguồn tiềm nhập trong DSVH là chức năng nâng đỡ và phát triển sự sống. Trong quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế, DSVH dân tộc là cơ sở để nước ta hòa nhập với thế giới mà không bị tha hóa chính mình. Qua đó không chỉ làm giàu có, phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc thông qua đối thoại, giao lưu, tiếp biến với các nền văn hóa khác, đồng thời còn làm phong phú kho tàng DSVH của nhân loại. [175, tr.11-13]

Để bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc, GS. Hoàng Vinh đã đưa ra một số kiến nghị chính sách như là: Xây dựng chính sách bảo tồn và phát triển DSVH cần xuất phát từ tinh thần khách quan, thận trọng và bao dung, cần căn cứ vào cả yêu cầu trước mắt và yêu cầu lâu dài trong sự phát triển đất nước; phải tính toán cân nhắc giữa chi phí đầu tư và hiệu quả KT-XH mang lại, không nên “làm bằng bất cứ giá nào” với những di sản khó mang lại hiệu quả xã hội cao và lâu dài. Xây dựng tư tưởng “bảo tồn vì sự phát triển” có nghĩa là bảo tồn DSVH không phải là cất giữ cho khỏi mất, mà phải làm sao để phát huy được giá trị của di sản trong đời sống KT-XH của đất nước và không ngừng làm giàu có, phong phú thêm kho tàng DSVH dân tộc. Về những chính sách cụ thể, tác giả kiến nghị, cần xây dựng hoàn chỉnh bộ luật về bảo tồn và sử dụng tài sản văn hóa dân tộc; xây dựng một thể chế chính sách về ngân sách tài chính; xây dựng bộ máy quản lý nhà nước và hệ thống thiết chế sự nghiệp để tiến hành công tác bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc trong điều kiện mới.

Nghiên cứu của Hoàng Vinh cũng giới thiệu một số kinh nghiệm của Nhật Bản trong bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc mà với những sự tương đồng về văn hóa Việt Nam có thể tham khảo như: Chú trọng nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về vai trò, chức năng của tài sản DSVH đối với sự phát triển của đất nước. Về các chính sách cụ thể, Nhật Bản đã xây dựng tổ chức bộ máy theo chiều dọc chuyên trách các vấn đề văn hóa và bảo tồn, phát triển DSVH quốc gia và nhà nước cung cấp ngân sách cho công tác này. Thực hiện “Bảo tồn tài sản văn hóa trên cơ sở xác

lập quyền sở hữu và sự bảo trợ của nhà nước”, Nhật Bản đã ban hành Bộ luật bảo tồn các tài sản văn hóa từ những năm 80 của thế kỷ XX...

Nghiên cứu *Cultural Heritage and Tourism in the Developing World: A regional perspective (DSVH và du lịch ở các nước đang phát triển: Tiếp cận từ góc nhìn khu vực)* [194] do hai tác giả Dallen J. Timothy, Gyan P. Nyaupane chủ biên. Với góc độ nghiên cứu liên ngành, nội dung cuốn sách tập trung làm rõ mối quan hệ giữa DSVH và phát triển du lịch ở các nước đang phát triển.

Theo các tác giả sách, DSVH bao gồm di sản vật thể (Tangible heritage) là các dấu tích vật chất của môi trường văn hóa được xây dựng bao gồm các di tích, công trình công cộng và nhà ở lịch sử, lâu đài và nhà thờ lớn, bảo tàng và các di tích khảo cổ đền, miếu, lâu đài và các địa điểm khảo cổ... và di sản phi vật thể (Intangible heritage) bao gồm các yếu tố như là âm nhạc, khiêu vũ, ngôn ngữ, tôn giáo, ẩm thực, truyền thống nghệ thuật và lễ hội... và Du lịch di sản (Heritage Tourism) được định nghĩa là hình thức du lịch dựa vào các tài nguyên văn hóa truyền thống và lịch sử.

Về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT-XH, theo các tác giả, DSVH có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT-XH thông qua phát triển du lịch di sản như là một công cụ xóa đói giảm nghèo, kích thích nền kinh tế, tạo việc làm và sinh kế cho người dân, tăng doanh thu cho công tác bảo tồn và quản lý di sản. Ngoài các cơ hội kinh tế, du lịch di sản có thể giúp trao quyền cho cộng đồng địa phương, trẻ hóa không gian đô thị lịch sử, giúp một quốc gia hoặc điểm đến cải thiện hình ảnh của mình và thúc đẩy đoàn kết dân tộc. Ngược lại, nghiên cứu cũng chỉ ra một số tác động tiêu cực của du lịch đối với DSVH, nghiên cứu đã đưa ra những minh họa cụ thể về hậu quả của du lịch có thể gây ra khi nhà cửa, làng mạc và không gian linh thiêng của người dân được mở cửa cho du khách có thể làm biến đổi văn hóa và “di sản hóa” cuộc sống, đó là thay đổi các nghi lễ, truyền thống, làm mới các DSVH... để chiêu lòng du khách; gây ra các vấn đề về môi trường như: ô nhiễm rác thải, tiếng ồn, xâm hại đến di tích và cảnh quan văn hóa; vấn đề phân phối lợi ích không công bằng, lợi ích thu được từ du lịch di sản phần lớn thuộc về các nhà đầu tư bên ngoài hoặc các công ty du lịch lớn, còn cộng đồng địa phương chỉ nhận được phần lợi ích rất nhỏ; du lịch phát triển cũng làm tăng chi phí sinh hoạt cuộc sống của người dân, chính quyền ưu tiên phát triển du lịch khiến người dân bị đẩy khỏi khu vực trung tâm di sản, phải dịch chuyển đến nơi sinh sống mới.

Và các tác giả cảnh báo rằng, các nước đang phát triển thường ưu tiên việc tạo ra nguồn thu rất cần thiết hơn là bảo tồn, điều này thường dẫn đến sự xuống cấp của các di sản.

Sau khi nghiên cứu, khảo sát thực trạng phát triển du lịch di sản ở các nước thuộc nhiều khu vực trên thế giới, các tác giả đã tập trung vào những thách thức chung mà các nước đang phát triển phải đối mặt và thảo luận về những tác động của du lịch di sản và định hướng tương lai. Đó là các thách thức như: giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa di sản và phát triển bền vững; vấn đề quyền sở hữu, đại diện và diễn giải di sản; vai trò của cộng đồng với việc bảo tồn, khai thác di sản; vấn đề quản lý và chính sách phát triển du lịch di sản; vấn đề tác động của toàn cầu hóa đến di sản. Từ đó, các tác giả đã đưa ra những khuyến nghị chiến lược: du lịch di sản có vai trò quan trọng đối với sự phát triển KT-XH, muốn phát huy vai trò tích cực của nó thì cần quy hoạch, quản lý theo hướng quản trị du lịch di sản dựa vào cộng đồng (community-based governance). Cần thúc đẩy giáo dục, truyền thông để nâng cao nhận thức về giá trị di sản và tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế để học hỏi mô hình phát triển du lịch di sản hiệu quả.

Tác giả Bùi Hoài Sơn trong nghiên cứu *DSVH để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam* [90; tr18-22] đã đưa ra cách quan niệm về DSVH, để trở thành DSVH, các sản phẩm văn hóa ít nhất phải trải qua một quá trình chọn lọc từ quá khứ với 3 yếu tố then chốt là *lịch sử* (ghi lại những khía cạnh được lựa chọn của quá khứ), *ký ức* (là những lưu giữ quá khứ của cá nhân, cộng đồng dưới hình thức văn hóa dân gian) và *báu vật* (là những hiện vật của quá khứ tồn tại trong xã hội hiện tại như các DSVH vật thể) đáp ứng lợi ích cộng đồng xã hội và được thừa nhận là DSVH. Và DSVH không phải là một yếu tố bất biến qua thời gian và không gian, có những thứ trước kia được coi là di sản nhưng hiện nay không được coi là di sản nữa, ngược lại có những thứ trước kia không được coi là di sản nhưng hiện có thể lại trở thành di sản.

Xuất phát từ vai trò, chức năng văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội của DSVH, tác giả đã chỉ ra mục đích của công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản nhằm: nhằm xác định, củng cố, tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; tạo ra những bằng chứng khoa học về lịch sử hình thành, phát triển của một cộng đồng, dân tộc; đáp ứng nhu cầu và làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân; Giúp cộng đồng, người dân ý thức về cội nguồn, tăng cường tính đoàn kết cộng đồng, và

tăng cường ý thức người dân về giữ gìn DSVH; tạo sản phẩm để phát triển du lịch, phát triển KT-XH địa phương và quảng bá hình ảnh địa phương, đất nước ra bên ngoài. Theo tác giả, tùy vào mục đích để có cách bảo tồn và phát huy cụ thể cho từng trường hợp DSVH cụ thể. Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị DSVH cần gắn với chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương, đất nước.

Nghiên cứu *Cultural Heritage and Value Creation: Towards New Pathways (DSVH và sự kiến tạo giá trị: Những cách tiếp cận mới)* [184] do tác giả Gaetano M. Golinelli chủ biên, dựa trên cách tiếp cận hệ thống, các tác giả đã phát triển lý thuyết mới về DSVH.

Về DSVH, từ việc định nghĩa và làm sâu sắc khái niệm “giá trị văn hóa” trong bối cảnh hiện đại, các tác giả đã đưa ra một cách nhìn mới về “DSVH” năng động, tích cực hơn, DSVH không chỉ là thứ cần bảo tồn mà còn là nguồn lực có khả năng tạo ra “giá trị mới” cho xã hội. Quan niệm cũ nhìn giá trị văn hóa một cách tĩnh tại và độc lập loại trừ mối quan hệ với cộng đồng, đồng nhất giá trị văn hóa với các tính chất như vẻ đẹp thẩm mỹ bên ngoài hoặc giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật. Theo các tác giả, “giá trị văn hóa” là “giá trị sử dụng” được hình thành thông qua mối quan hệ giữa con người với di sản, chứ không chỉ nằm ở bản thân hiện vật. Di sản có giá trị khi nó “còn sống” và gắn với cộng đồng sử dụng, còn được cảm nhận, truyền tải và tái tạo. Điều này có nghĩa là giá trị văn hóa chính là sản phẩm của nhận thức tập thể và sự tương tác xã hội, chứ không phải là thuộc tính khách quan cố định của một đối tượng. Từ cách nhìn nhận giá trị văn hóa như vậy, tác giả đưa ra một cách nhìn nhận mới về DSVH, DSVH là một phần trong “hệ thống sống” của xã hội. Nó tồn tại và phát triển trong mối quan hệ giữa quá khứ- hiện tại-tương lai. Theo tác giả, giá trị của di sản không phải là giá trị nội tại, tự thân, tồn tại độc lập không phụ thuộc vào con người, cộng đồng mà “giá trị sử dụng” mới là trung tâm, di sản chỉ có ý nghĩa nếu được sử dụng một cách có ý thức và phù hợp với cộng đồng, do cộng đồng đánh giá là có giá trị hay không, lúc này “giá trị sử dụng” đã trở thành “giá trị xã hội”. Quan điểm này khá tương đồng với nhà nghiên cứu Hoàng Vinh trong nghiên cứu *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc*. [175] Các tác giả đã xem DSVH là “tài sản văn hóa” (*bene culturale*), bao gồm cả di sản vật thể như các công trình kiến trúc, di tích, hiện vật... và di sản phi vật thể như tri thức truyền thống, lễ hội, kỹ thuật tập thể... Tài sản văn hóa không tồn tại độc lập, mà luôn vận hành trong một hệ thống mở-nơi có sự tương tác với con người, cộng

đồng, môi trường và các quy luật xã hội. Tài sản văn hóa chỉ thực sự có giá trị khi được kích hoạt và sử dụng trong đời sống như một yếu tố năng động, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Từ quan niệm như vậy đã dẫn đến hàng loạt những thay đổi trong công tác quản lý, bảo tồn di sản. Các tác giả muốn nhấn mạnh rằng: để DSVH thực sự tạo ra giá trị cho xã hội hiện đại, nó phải được tích hợp vào hệ thống xã hội mở và việc quản trị nó cần có sự phối hợp đa bên và tư duy hệ thống. DSVH không nên chỉ được “quản lý” như một đối tượng vật lý, mà cần được “quản trị” như một hệ thống sống động, có khả năng thích ứng và phát triển cùng cộng đồng. Quản trị di sản là đặt di sản vào một hệ thống với các mối quan hệ tương tác của nhiều yếu tố như kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ... Cần xây dựng hệ thống quản trị chung về DSVH bao gồm nhiều yếu tố như: tài sản di sản, chủ thể quản lý nhà nước, cộng đồng địa phương, người tiêu dùng văn hóa, doanh nghiệp, nhà đầu tư, các tổ chức văn hóa - xã hội và các kênh truyền thông giáo dục. Các yếu tố cùng tương tác trong hệ thống chung, đóng góp và điều chỉnh theo mục tiêu phát triển bền vững. Việc quản trị hệ thống di sản phải dựa trên giá trị sử dụng (value-in-use), chứ không đơn thuần là giá trị nội tại hay vật lý. Khi cộng đồng có thể sử dụng, tương tác, và tái tạo ý nghĩa với di sản, thì di sản mới thực sự “sống” và có khả năng tạo gia lợi ích về kinh tế xã hội. Quản trị hiệu quả cần phát huy vai trò của các chủ thể như cộng đồng địa phương không chỉ là “người giữ di sản” mà còn là người sử dụng và phát triển di sản. Nhà nước đóng vai trò điều phối và hỗ trợ, chứ không độc quyền định đoạt. Cơ chế hợp tác liên ngành - liên cấp - liên chủ thể cần được thiết lập linh hoạt. Mục tiêu cao nhất của công tác quản trị di sản là làm cho di sản trở thành nguồn lực tạo giá trị liên tục thay vì chỉ là đối tượng bảo vệ.

Trên cơ sở hệ thống lý thuyết về DSVH, các tác giả sách đã minh họa bằng những trường hợp cụ thể về di sản trong thực tiễn quốc tế. Tác giả phân tích nội dung, mục tiêu và nguyên tắc của Công ước UNESCO 2003, nhấn mạnh đến vai trò của cộng đồng trong việc gìn giữ tri thức truyền thống, tập quán xã hội, và nghi lễ - vốn là phần sống động của di sản nhân loại. Trên cơ sở Công ước Di sản thế giới năm 1972, tác giả phân tích trường hợp cụ thể về việc bảo tồn và phát huy cảnh quan canh tác nông nghiệp truyền thống ở một vùng trồng nho của nước Ý. Tác giả chứng minh rằng những cảnh quan này không chỉ mang giá trị văn hóa, lịch sử cần

được bảo vệ mà còn có thể trở thành đòn bẩy kinh tế, gia tăng sức cạnh tranh vùng và thu hút du lịch. Bảo tồn di sản cảnh quan không đồng nghĩa với việc “đóng băng” chúng mà là làm sống động và phát huy giá trị kinh tế, xã hội, văn hóa vốn đã tồn tại trong không gian ấy. Để làm sáng tỏ thêm về khái niệm DSVH, tác giả đã phân tích việc UNESCO công nhận “Chế độ ăn Địa Trung Hải” là DSVH phi vật thể (năm 2010), như một minh chứng cho việc di sản không chỉ là các vật thể hữu hình, mà có thể là thói quen ăn uống, tập quán sinh hoạt gắn với cộng đồng và vùng đất. Đó không chỉ là cách ăn, mà đó là hệ thống tri thức, tập quán và giá trị xã hội - nơi ẩm thực gắn với môi trường, cộng đồng, và các nghi lễ gia đình. Qua đó, các tác giả nhấn mạnh rằng di sản không chỉ nằm trong bảo tàng hay kiến trúc cổ, mà hiện diện trong đời sống hàng ngày, trong bữa cơm, câu chuyện và ký ức cộng đồng.

Với những nội dung lý luận và thực tiễn được trình bày, nghiên cứu *Cultural Heritage and Value Creation: Towards New Pathways* đã cung cấp những quan niệm mới về nhiều vấn đề liên quan đến di sản và đã đề xuất cách tiếp cận hệ thống, liên ngành có tính ứng dụng cao trong nghiên cứu và quản trị di sản. Theo đó, di sản không phải là một gánh nặng bảo tồn, mà là nguồn lực sáng tạo và nền tảng cho phát triển bền vững trong xã hội hiện đại.

Nghiên cứu *cultural Heritage, and Outstanding Universal Value: Value - Based Analyses of the World Heritage and Intangible cultural Heritage conventionst (DSVH và giá trị nổi bật toàn cầu: Phân tích dựa trên giá trị của Công ước Di sản Thế giới và Công ước DSVH Phi vật thể)* [188] của Sophia Labadi đã bàn luận các vấn đề về xác định giá trị nổi bật toàn cầu (OUV) và ghi danh DSVH thế giới. Với việc phân tích hai công ước của UNESCO, Công ước Di sản thế giới (1972) và Công ước DSVH phi vật thể thế giới (2003) và thực tiễn thi hành, vận dụng hai Công ước ở các quốc gia, tác giả đã cho thấy việc xác định và ghi danh di sản thế giới là một quá trình rất phức tạp, tiêu chuẩn giá trị nổi bật toàn cầu - căn cứ để ghi danh di sản thế giới cũng còn nhiều tranh luận và cách hiểu khác nhau, việc đề cử ghi danh di sản thế giới nhiều khi đằng sau nó còn có những động cơ chính trị, lợi ích KT-XH mà làm mờ đi những lớp giá trị truyền thống của di sản. Khung khổ pháp lý quốc tế của UNESCO vẫn không ngừng được điều chỉnh, bổ sung ngày càng hoàn thiện hơn để việc đề cử, thẩm định và ghi danh di sản thế giới trở nên xác thực và minh bạch hơn.

Một nội dung quan trọng được đề cập trong nghiên cứu là vấn đề mối quan hệ của DSVH cụ thể là DSVH thế giới với phát triển bền vững. Labadi đặt ra vấn đề: liệu việc ghi danh di sản thế giới (World Heritage) có thực sự đem lại sự phát triển bền vững (sustainable development) cho cộng đồng địa phương hay chỉ tạo ra lợi ích du lịch ngắn hạn và gây ra những tác động tiêu cực như: thương mại hóa, làm tăng giá đất, đánh mất bản sắc... Bà đã phân tích một số chính sách và thực tế thực hiện và chỉ ra, tuy UNESCO tuyên truyền về du lịch bền vững, nhưng thực tế, kết quả rất khác nhau tùy năng lực quản lý, kế hoạch quản lý (management plan) của từng quốc gia/địa phương. Qua thực tiễn, bà đã khuyến nghị: cần có công cụ quản trị điểm đến (destination management), phân bổ lợi ích cho cộng đồng, và giám sát các tác động du lịch nếu không “nhãn UNESCO” có thể làm trầm trọng thêm bất bình đẳng. Để di sản phát huy được vai trò của di sản với phát triển du lịch nói riêng và phát triển bền vững nói chung đòi hỏi các quốc gia/địa phương phải có kế hoạch và năng lực quản lý, lấy lợi ích cộng đồng và vai trò của cộng đồng là trung tâm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. DSVH Cố đô Hoa Lư là một trong những bộ phận cốt lõi của Di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới - Quần thể danh thắng Tràng An, những vấn đề được bàn luận trong nghiên cứu về vai trò của DSVH thế giới với phát triển bền vững, và những gợi ý nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ bảo tồn, giữ gìn di sản thế giới với khai thác, phát huy giá trị di sản phục vụ quá trình phát triển là những nội dung quan trọng mà tỉnh Ninh Bình có thể tham khảo trong quá trình quản trị đối với DSVH Cố đô Hoa Lư trong bối cảnh hiện nay.

Nghiên cứu *Những quan điểm tiếp cận mới về DSVH trong tiến trình hội nhập và phát triển ở Việt Nam hiện nay* [56, tr.33-65] của tác giả Dương Văn Sáu đã làm rõ khái niệm DSVH, mối quan hệ giữa DSVH và phát triển, đồng thời đưa ra những quan niệm tiếp cận mới về bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH dưới góc nhìn của kinh tế du lịch.

Về quan niệm về DSVH, sau khi phân tích những đặc trưng của DSVH và phân tích quan niệm về DSVH được quy định trong Luật DSVH (2013) [81], tác giả đã đưa ra quan niệm về DSVH, xác định DSVH là tài sản chung của cả cộng đồng; được cộng đồng công nhận, bảo tồn và phát triển, nâng tầm giá trị và được trao truyền cho các thế hệ tiếp theo, trở thành di sản muôn đời của dân tộc và đóng góp vào nền văn hóa nhân loại.

Mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH được nghiên cứu chỉ ra thông qua mối quan hệ giữa DSVH với phát triển du lịch, theo đó, DSVH được xem là tài nguyên văn hóa của kinh tế du lịch, trở thành nguyên liệu cho ngành công nghiệp du lịch, đem lại nguồn lợi kinh tế cho địa phương và cho đất nước, đồng thời du lịch góp phần khôi phục, bảo tồn và phát triển DSVH, nâng tầm DSVH, quảng bá văn hóa dân tộc ra thế giới trong quá trình giao lưu và hội nhập. Từ đó, cần lựa chọn một hướng tiếp cận mới cho công tác bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH, làm sao để phát huy hiệu quả giá trị, vai trò của DSVH trong đời sống KT-XH.

Sau khi giới thiệu các quan điểm tiếp cận truyền thống về bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH như: Quan điểm bảo tồn nguyên trạng, quan điểm bảo tồn phát triển, quan điểm cách tân văn hóa, nghiên cứu giới thiệu một số quan niệm phổ biến hiện nay về bảo tồn, phát huy giá trị di sản đó là quan điểm “bảo tồn động” DSVH nhằm phát huy giá trị của DSVH trong đời sống KT-XH, gắn sự tồn tại và phát triển của DSVH với sự vận hành của đời sống, đem lại lợi ích nhiều mặt cho cộng đồng chủ thể của DSVH, đồng thời nâng cao ý thức bảo tồn và phát triển DSVH của các chủ thể, từ đó giúp DSVH được bảo vệ và phát triển một cách bền vững. Nghiên cứu cũng chỉ rõ khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch chính là giải pháp để “bảo tồn động” các DSVH dân tộc.

Trong nhóm các nghiên cứu: Đặng Văn Bài: *DSVH: “nguồn vốn” cho phát triển kinh tế - xã hội* [100; tr81-89]; Nguyễn Đình Bắc, Trần Mạnh Quân: *Vai trò của DSVH đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay* [100; tr154-162]; Đỗ Văn Trụ: *Phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội từ các giá trị DSVH một cách bền vững* [100, tr.89-102], các tác giả đều thống nhất cho rằng, DSVH là sản phẩm do con người sáng tạo ra; thể hiện bản sắc của cộng đồng, dân tộc; được chọn lọc, giữ gìn, lưu truyền qua nhiều thế hệ. Những sản phẩm văn hóa được giữ gìn và truyền từ đời này sang đời khác, được coi là DSVH chỉ khi nó còn có ích, có giá trị thúc đẩy sự phát triển của xã hội, con người. Vì vậy, DSVH được coi là “vốn văn hóa”, là “nguồn lực”, có khả năng đóng góp và sự phát triển KT-XH của cộng đồng, dân tộc. Trong chiến lược phát triển đất nước hiện nay, cần có giải pháp gắn bảo tồn, phát huy giá trị, vai trò của DSVH với phát triển KT-XH để hướng đến sự phát triển bền vững đất nước.

**Những công trình tập trung nghiên cứu thực tiễn bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH*

Tác giả Arthur Pedersen trong tài liệu *Quản lý du lịch tại các di sản thế giới, Tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý khu Di sản thế giới* [74] cho rằng, DSVH là nguồn tài nguyên nhân văn vô cùng quý giá. Tuy nhiên, giá trị DSVH và vai trò của nó chỉ được phát huy trong đời sống thông qua các hoạt động khai thác, phát huy giá trị di sản trong các hoạt động KT-XH. Và ngành công nghiệp du lịch được xem là một công cụ hữu ích nhất cho việc bảo tồn và phát huy DSVH. Qua quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy, du lịch đang là nhân tố ngày càng quan trọng trong việc hoạch định và quản lý các khu di sản thế giới của UNESCO. Thông qua công cụ khai thác là du lịch, vai trò kinh tế và vai trò văn hóa, xã hội của di sản được thể hiện. Các loại hình du lịch nói chung, du lịch văn hóa nói riêng tạo việc làm, tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương, đóng góp cho ngân quỹ phục vụ bảo tồn, trùng tu di sản, quảng bá, thúc đẩy các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương... Tuy nhiên, bên cạnh đó, du lịch cũng đưa lại nhiều vấn đề tiêu cực về môi trường, văn hóa, xã hội... Đòi hỏi phải quản lý phát triển du lịch bền vững ở các khu di sản.

Với 8 chủ đề đưa ra, tài liệu hướng dẫn đã lập định nhận thức chung về nhiều thuật ngữ liên quan và cung cấp hệ thống phương pháp luận để các nhà quản lý khu di sản giải quyết các vấn đề về quản lý du lịch di sản. Tài liệu cũng đưa ra rất nhiều biện pháp có tính khả thi có thể áp dụng cho các cuộc thăm dò, khảo sát, theo dõi chính sách, thực hiện quản lý, quảng bá khu di sản và liên hệ với những người có lợi ích. Theo tác giả, để quản lý phát triển du lịch bền vững ở cả khu di sản thiên nhiên hay DSVH đòi hỏi một quá trình can dự chặt chẽ: cần quan tâm đến các vấn đề xác định mục đích chính sách và mục tiêu quản lý, làm việc với những người có lợi ích và nâng cao năng lực - sức chứa của các khu di sản tức là khả năng tiếp nhận lượng khách trong cùng một thời điểm và tăng cường các hoạt động tuyên truyền, quảng bá di sản. Trong đó, tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề quản lý du khách để đảm bảo quản lý tốt những tác động của du khách đến khu vực di sản. Đó là hoạt động cân bằng giữa lượng du khách và những tác động mà họ gây ra và khả năng chấp nhận của khu vực di sản. Để quản lý tốt du khách đòi hỏi phải có chính sách du lịch dựa trên mục tiêu bảo toàn và bảo tồn di sản và những chính sách này được những người có lợi ích ủng hộ và tuân thủ các quy định pháp luật, khuyến khích các

cuộc tranh luận và sự theo dõi, giám sát hoạt động du lịch. Những phương pháp, biện pháp quản lý được đưa ra trong tài liệu, các nhà quản lý có thể lựa chọn và tùy cơ áp dụng vào khu vực di sản mà mình quản lý.

DSVH Cố đô Hoa Lư có một phần quan trọng nằm trong vùng lõi di sản hỗn hợp thế giới quần thể danh thắng Tràng An. Việc tham khảo những hướng dẫn của Athur Perderson sẽ rất hữu ích trong việc bàn luận các vấn đề về khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển KT-XH gắn với bảo tồn, giữ gìn di sản.

Trong nghiên cứu *Khai thác DSVH như là một tài nguyên du lịch* [16, tr.38] tác giả Nguyễn Thị Chiến đã khẳng định DSVH chính là nguồn tài nguyên phong phú, dồi dào và quý giá cho ngành kinh tế du lịch. Tuy nhiên, thông qua những minh chứng cụ thể, tác giả đã nêu lên một số vấn đề bất cập, hạn chế nổi cộm trong khai thác DSVH phục vụ phát triển du lịch như: cách ứng xử lâu nay đối với nguồn tài nguyên này chưa được thích đáng. Du lịch chỉ biết khai thác giá trị của di sản mang lại nguồn lợi kinh tế mà chưa có sự tái đầu tư trở lại để bảo tồn, giữ gìn di sản dẫn đến nhiều DSVH bị xuống cấp, bị làm biến dạng, hủy hoại nghiêm trọng. Đó còn là hạn chế trong công tác quản lý nhà nước, còn thiếu những quy định, quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị trong quản lý khai thác, sử dụng gắn với bảo tồn, giữ gìn DSVH. Đây là những vấn đề nổi cộm cần phải được giải quyết nhằm gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển bền vững KT-XH hội của đất nước nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

Theo nhóm tác giả Nguyễn Thị Phương Châm - Hoàng Cẩm trong Nghiên cứu *DSVH và sự phát triển bền vững, nhân văn ở Việt Nam hiện nay*[15] DSVH bao gồm cả các yếu tố mang tính vật thể và phi vật thể biểu hiện bản sắc và sự kế tục văn hóa dân tộc. Nghiên cứu đã khái lược quá trình phát triển nhận thức của nhân loại về mối quan hệ giữa DSVH và phát triển, từ chỗ DSVH chỉ được quan niệm là các yếu tố vật thể, và bị coi là yếu tố đi ngược sự phát triển, cùng với sự phát triển của thực tiễn, nhân loại đã thay đổi cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò của DSVH, từ những năm 80 của thế kỉ XX, DSVH được coi là một trong bốn trụ cột của phát triển bền vững, vai trò kinh tế, văn hóa, xã hội của DSVH ngày càng được đánh giá cao đối với sự phát triển. Từ đây, trên thế giới, cũng như ở Việt Nam, DSVH đã trở thành đối tượng được quan tâm trong các chủ trương, chính sách phát triển của các quốc gia các tổ chức và là đối tượng nghiên cứu rất được chú trọng của

các ngành khoa học, công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH được chú trọng đầu tư thực hiện.

Nghiên cứu cũng nhấn mạnh, thách thức lớn nhất hiện nay trong việc phát huy giá trị, vai trò của DSVH đối với sự phát triển chính là vấn đề nhận thức, đó là nhận thức hạn hẹp về DSVH theo quan điểm chọn lọc, so sánh hơn - kém về mặt giá trị với hệ tiêu chí áp đặt từ bên ngoài, dẫn đến phân biệt đối xử với các DSVH. Đó là nhận thức phát triển gắn với DSVH chỉ hạn hẹp ở khía cạnh phát triển kinh tế, nên DSVH chủ yếu mới được khai thác vì sự tăng trưởng kinh tế, vai trò văn hóa, xã hội của di sản chưa được chú trọng phát huy.

Tác giả Nguyễn Thị Thông Nhất trong nghiên cứu *Khai thác hợp lý DSVH thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung Việt Nam* [70], dưới góc độ kinh tế, đã nhìn nhận DSVH nói chung, DSVH thế giới nói riêng là nguồn tài nguyên, là nguồn lực để phát triển kinh tế - ngành du lịch văn hóa. Cũng như các loại tài nguyên khác, để đảm bảo hướng đến sự phát triển bền vững thì cần phải khai thác một cách hợp lý. Tác giả đã đưa ra quan niệm về “khai thác hợp lý DSVH nói chung và DSVH thế giới nói riêng”, đó là những hoạt động sử dụng DSVH như là nguồn lực để phát triển du lịch nhằm mục đích vừa mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng, dân tộc, khu vực, nơi có di sản vừa đảm bảo giữ gìn, bảo vệ nguyên vẹn di sản và bảo vệ môi trường. Tác giả đã đưa ra 7 tiêu chí đánh giá khai thác hợp lý DSVH thế giới trong phát triển du lịch bao gồm: (1) Khai thác đầy đủ DSVH thế giới; (2) khai thác luôn đi đôi với bảo tồn, giữ gìn và phát huy tính độc đáo của di sản; (3) phát triển du lịch phải tạo nguồn thu làm vốn tái đầu tư bảo vệ, trùng tu di sản; (4) phải đảm bảo đem lại việc làm và thu nhập cho cộng đồng; (5) Kết hợp phát triển du lịch DSVH với các loại hình du lịch khác; (6) đảm bảo sức chứa số lượng du khách cùng một lúc của DSVH và (7) bảo vệ môi trường du lịch. Nghiên cứu đã trình bày kinh nghiệm của một số nước về khai thác giá trị DSVH thế giới trong phát triển du lịch như Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, qua đó, nghiên cứu đã chỉ ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam để khai thác hợp lý giá trị DSVH thế giới cho phát triển du lịch. Căn cứ trên 7 tiêu chí đưa ra, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng khai thác DSVH thế giới ở các tỉnh miền Trung trong phát triển du lịch như: phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, Thánh Địa Mỹ Sơn (tỉnh Quảng Nam), Cố đô Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế), Thành Nhà Hồ (tỉnh Thanh Hóa) chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại. Căn cứ trên điều kiện tự nhiên, kinh tế,

xã hội của các tỉnh miền Trung và thực tiễn phát triển du lịch trên thế giới, của Việt Nam và của các tỉnh miền Trung, nghiên cứu đã chỉ ra cơ hội và thách thức trong khai thác, phát triển du lịch ở miền Trung. Và chỉ ra phương hướng, mục tiêu, các nhóm giải pháp khai thác giá trị DSVH thế giới để phát triển du lịch ở miền Trung trong thời gian tới.

Mặc dù, đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động khai thác DSVH thế giới để phát triển du lịch, coi các DSVH thế giới như là những sản phẩm độc đáo để phát triển du lịch và đề tài nghiên cứu dưới góc độ kinh tế học, nhưng qua đó, NCS có thể tham khảo một số nội dung lý luận về DSVH, DSVH thế giới, du lịch văn hóa và qua hoạt động khai thác DSVH thế giới để phát triển du lịch của miền Trung đã cho thấy giá trị, vai trò của DSVH đã được khai thác và phát huy trong cuộc sống đem lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng. Đây chính là một nghiên cứu thực tiễn tạo cơ sở để NCS tiếp tục đi sâu nghiên cứu vai trò, tác động của DSVH đối với đời sống KT-XH của cộng đồng người dân đồng thời cũng nhận diện những ảnh hưởng, nguy cơ, thách thức mà di sản phải đối mặt trước những tác động của các hoạt động KT-XH.

Với cách tiếp cận văn hóa học, tác giả Đoàn Thị Thanh Thúy trong nghiên cứu *Giá trị DSVH với phát triển du lịch ở Thủ đô Hà Nội hiện nay* [137] đã tập trung vào làm rõ mối quan hệ giữa DSVH với phát triển du lịch, đó là mối quan hệ tác động hai chiều, DSVH là nguồn lực cho phát triển du lịch và là mục tiêu của phát triển du lịch. Ngược lại, du lịch lại có tác động thúc đẩy giao lưu, quảng bá văn hóa, đồng thời tạo nguồn lực phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Từ thực tiễn khai thác giá trị DSVH của Văn Miếu - Quốc Tử Giám phục vụ phát triển du lịch, tác giả đã phát hiện các vấn đề bất cập, mâu thuẫn đặt ra như: mâu thuẫn giữa nhu cầu khai thác với giữ gìn DSVH; mâu thuẫn giữa yêu cầu khai thác giá trị DSVH với sự bất cập về thể chế liên quan. Để khai thác, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển du lịch bền vững, nghiên cứu đã bàn luận một số nội dung như: nâng cao nhận thức về vai trò của DSVH với phát triển du lịch; nâng cao nhận thức về việc phát huy giá trị DSVH giáo dục; hoàn thiện các văn bản pháp luật về khai thác giá trị DSVH trong cơ chế thị trường; vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với xây dựng điểm phát triển du lịch; vấn đề đào tạo nguồn nhân lực; vấn đề liên kết du lịch để khai thác hợp lý giá trị DSVH và vấn đề xây dựng mô hình quản lý kết hợp giữa bảo tồn và phát huy giá trị DSVH để phát triển văn hóa

và du lịch. Đây là nghiên cứu có chủ đề khá gần với đề tài luận án của NCS, mặc dù nghiên cứu chỉ dừng lại nghiên cứu tác động của DSVH với phát triển du lịch chứ không phải toàn bộ đời sống KT-XH, và những vấn đề và bàn luận đặt ra mới chỉ xuất phát từ thực tiễn DSVH ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nhưng qua nghiên cứu, đề tài của NCS có thể tham khảo các vấn đề lý luận về DSVH, và vai trò của DSVH với phát triển du lịch (một nội dung trong phát triển kinh tế gắn với di sản).

1.1.2. Các nghiên cứu về di sản văn hóa ở Ninh Bình với phát triển kinh tế - xã hội

**Các nghiên cứu về hệ thống DSVH ở Ninh Bình*

Tỉnh Ninh Bình được ví như một Việt Nam thu nhỏ, nơi đây có đầy đủ dạng địa hình từ đồng bằng, đồi, núi, sông, biển. Thiên nhiên đã ban tặng cho mảnh đất này nhiều danh lam thắng tuyệt đẹp, có cả núi non hùng vĩ, sông nước nên thơ trữ tình. Đặc biệt, Ninh Bình nằm ở cửa ngõ giao lưu giữa miền Bắc - Trung và Tây Bắc, từ xa xưa, nơi đây đã diễn ra sự giao thoa giữa các vùng văn hóa lớn. Trải qua mấy ngàn năm hình thành và phát triển, Ninh Bình đã trở thành mảnh đất giàu truyền thống văn hóa với nhiều loại hình văn hóa, hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng, đặc sắc. Văn hóa, con người Ninh Bình đã trở thành đề tài thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học.

Cuốn sách *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình* [113] của tác giả Trương Đình Tường là sự kế thừa của nhiều công trình nghiên cứu trước đó, sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiều ngành khoa học kết hợp với sự khảo cứu, điền dã, so sánh của nhóm tác giả. Nội dung của cuốn sách là một tập hợp những ghi chép, miêu tả về nhiều vấn đề của mảnh đất Ninh Bình như lịch sử, địa lý, dân cư, đặc biệt tập trung ghi chép, miêu tả tỉ mỉ về văn hóa dân gian của vùng đất Ninh Bình như những tri thức dân gian; truyện kể dân gian; ca dao, tục ngữ và nghệ thuật ca hát dân gian; Trò chơi và sinh hoạt dân gian; kỹ nghệ và ẩm thực dân gian; phong tục - tập quán và tín ngưỡng dân gian; văn hóa dân gian dân tộc Mường. Cuốn sách còn có phụ lục ghi chép, giới thiệu về nhiều DSVH vật thể và phi vật thể, di sản thiên nhiên và những danh nhân, những nhà khoa bảng thời phong kiến tiêu biểu của Ninh Bình. Qua đây, cuốn sách đã cung cấp những tri thức quý giá về vẻ đẹp văn hóa, con người, quan niệm thẩm mỹ phong tục, tập quán truyền thống của vùng đất Ninh Bình.

Bài viết “*Tiền sử Ninh Bình trong không gian văn hóa khu vực*” của tác giả Nguyễn Việt [106, tr.82-86], dưới góc nhìn khảo cổ học, dựa trên những di chỉ khảo cổ học đã khảo cứu được, tác giả đã khái quát quá trình biến đổi văn hóa mưu sinh của người Tràng An từ thời tiền sử, từ những nhóm khai thác thức ăn thiên nhiên nhỏ lẻ, mở rộng của văn hóa Hòa Bình thời biển cạn, đến khai thác nhuyễn thể biển, nhuyễn thể nước lợ khi biển tiến sâu vào đất liền, rồi chuyển sang dần sang khai thác nhuyễn thể nước ngọt khi biển thoái. Sự biến đổi văn hóa mưu sinh đó, theo tác giả, đó chính là sự thích nghi với sự biến đổi của sinh cảnh và sinh khối thức ăn trong cuộc sống của cư dân.

Nhóm các bài viết: *Tiềm năng văn hóa Ninh Bình cho sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh* của tác giả Lê Hồng Lý [106, tr.156-164]; “*Một vài suy nghĩ về văn hóa và con người Ninh Bình trong phát triển bền vững*” của tác giả Thích Thanh Nhiễu và Tạ Văn Tác [106; tr.74-81]; DSVH: *Nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Bình* của tác giả Nguyễn Ngọc Phúc [100; tr.608-616] đã cùng góp phần làm sáng tỏ kho tàng DSVH giàu có và đặc sắc- nguồn vốn nhân văn quan trọng tạo lợi thế cho Ninh Bình trong quá trình phát triển. Hệ thống di sản vật thể với dày đặc các di tích lịch sử văn hóa thờ vua Đinh, vua Lê và các vị công thần có công với dân, với nước, thờ các vị thần núi, sông, biển, các vị tổ nghề... và các di tích gắn liền với tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân như đình, chùa, miếu, phủ, nhà thờ... Hệ thống DSVH phi vật thể với đậm đặc không gian văn hóa lễ hội với khoảng 260 lễ hội diễn ra hàng năm, tiêu biểu như Lễ hội Hoa Lư, Lễ hội chùa Bái Đính... Đây còn là mảnh đất của nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời nổi tiếng như điêu khắc đá Ninh Vân, thêu ren Văn Lâm, chiếu Kim Sơn... Ninh Bình còn là đất tổ của nghệ thuật chèo truyền thống với bà tổ nghề Phạm Thị Trân... và hệ thống di tích lịch sử cách mạng... Các nghiên cứu đã khẳng định hệ thống DSVH không chỉ có vai trò quan trọng, là nơi nuôi dưỡng, bồi đắp tinh thần cho người dân mà còn trở thành nguồn lực quan trọng để Ninh Bình có thể khai thác, phát huy phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hướng đến sự phát triển bền vững địa phương.

Qua nghiên cứu *Về văn hóa Tràng An - Hoa Lư, đô thị di sản thiên nhiên kỷ của tác giả Hồ Sỹ Quý*, [84] trên cơ sở các vấn đề lý luận và thực tiễn về đô thị di sản thiên nhiên kỉ, nhà nghiên cứu Hồ Sỹ Quý đã khẳng định, với lợi thế về di sản, tỉnh Ninh Bình hội tụ đầy đủ các yếu tố để xây dựng thủ phủ của tỉnh trở thành một

đô thị di sản thiên nhiên kỉ theo Quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với linh hồn của đô thị là văn hóa Tràng An - Hoa Lư - quần thể danh thắng Tràng An - di sản hỗn hợp tự nhiên và văn hóa thế giới duy nhất của khu vực Đông Nam Á, trong đó, DSVH Cố đô Hoa Lư là một trong ba vùng lõi của quần thể di sản, đó là kinh đô đầu tiên của quốc gia Đại Cồ Việt - Nhà nước độc lập tự chủ đầu tiên của nước ta sau ngàn năm Bắc thuộc; ngày nay, Cố đô Hoa Lư đã trở thành Di tích quốc gia đặc biệt, một không gian đậm đặc dấu ấn lịch sử, văn hóa của dân tộc. Quy hoạch xây dựng thành phố Hoa Lư trở thành thành phố văn minh hiện đại với đặc trưng là đô thị di sản thiên nhiên kỷ, một đô thị vừa cổ kính vừa hiện đại, là phù hợp với đặc trưng văn hóa, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, phát triển theo định hướng đó, tỉnh Ninh Bình và DSVH Cố đô Hoa Lư phải đối diện với những thách thức thiên nhiên kỉ mà UNESCO đã cảnh báo các quốc gia có di sản thế giới đó là thách thức từ quá trình đô thị hóa và thách thức từ vấn đề quản trị không gian đô thị hiện đại hóa làm sao để vừa phát triển kinh tế đô thị; hiện đại hóa các tổ chức và cách thức hoạt động hành chính công ở tất cả các cấp quản lý nhà nước ở đô thị mà không làm mất đi những đặc trưng văn hóa của đô thị cổ Cố đô Hoa Lư. Điều này, đòi hỏi tỉnh Ninh Bình cần hết sức thận trọng và cần tìm ra những giải pháp thực hiện hiệu quả.

Các nghiên cứu đã góp phần khắc họa vẻ đẹp văn hóa, con người của vùng đất Ninh Bình và đánh giá đây không chỉ là niềm tự hào của Ninh Bình mà còn là tài sản quý giá để Ninh Bình có thể khai thác, phát huy trong quá trình phát triển. Tiếc là chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa, con người Ninh Bình trong thời kỳ hiện đại, bởi, không chỉ có văn hóa dân gian truyền thống và người dân nơi đây còn sáng tạo ra nhiều giá trị văn hóa thể hiện bản sắc, đặc trưng của văn hóa, con người Ninh Bình trong tiến trình hội nhập và phát triển.

** Các nghiên cứu về thực tiễn bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH ở Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế - xã hội*

Trong công trình nghiên cứu *“Biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân tại quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch”* [64] với góc độ nghiên cứu văn hóa học, trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận về biến đổi văn hóa sinh kế: khái niệm, cấu trúc văn hóa sinh kế; phát triển du lịch và văn hóa sinh kế bền vững, tác giả Bùi Văn Mạnh đã phân tích, đánh giá thực trạng biến đổi văn hóa sinh kế

của cư dân tại khu vực quần thể danh thắng Tràng An trên các mặt nguồn lực sinh kế, hoạt động sinh kế, biến đổi các giá trị văn hóa sinh kế và đánh giá các yếu tố tác động và các xu hướng phát triển du lịch tác động đến biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân và đề xuất một số giải pháp phát triển sinh kế bền vững của cư dân nơi đây. Để hướng vào thực hiện mục tiêu nghiên cứu, công trình đã có những nghiên cứu tổng quan về kho tàng tài nguyên văn hóa của Ninh Bình thuộc quần thể Tràng An bao gồm cả DSVH vật thể như các di tích khảo cổ học, di tích lịch sử, văn hóa... và DSVH phi vật thể như các lễ hội, các nghề truyền thống, tín ngưỡng dân gian, tri thức dân gian... Đây chính là nền tảng quan trọng để Ninh Bình đẩy mạnh phát triển du lịch thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương, tạo ra những biến đổi trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân, trong đó có sự biến đổi về văn hóa sinh kế. Mặc dù nghiên cứu không tập trung phân tích, đánh giá vai trò của DSVH với KT-XH của địa phương và của người dân nhưng đã khẳng định hệ thống DSVH và thiên nhiên là điều kiện quan trọng nhất để tạo cơ sở đẩy mạnh phát triển du lịch. Khi phân tích, đánh giá thực trạng biến đổi các yếu tố của văn hóa sinh kế, thì đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra những biến đổi trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân và biến đổi KT-XH của địa phương nhờ đẩy mạnh phát triển du lịch trên cơ sở khai thác thế mạnh về DSVH và cảnh quan thiên nhiên. Địa bàn nghiên cứu trong luận án của nghiên cứu sinh là khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, có một số di tích trong khu vực trung tâm thuộc khu vực bảo vệ của Di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Vì vậy, NCS có thể tham khảo một số nội dung liên quan đến luận án như: các thông tin thực tiễn trong Luận án về hệ thống DSVH, tác động của việc khai thác, phát huy giá trị di sản trong phát triển du lịch đến cuộc sống người dân và những thông tin về nguồn nhân lực, cơ cấu kinh tế địa phương, tình hình kinh doanh dịch vụ, du lịch trên địa bàn...

Nhóm tác giả Vũ Thị Hương-Nguyễn Thị Thu Giang trong bài viết *Hiệu quả mô hình quản lý công tư tại quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình* [53]; đã khẳng định lợi thế về di sản không chỉ làm giàu có đời sống tinh thần và là niềm tự hào của người dân Ninh Bình, mà giá trị về kinh tế của di sản đã được Ninh Bình chú trọng, khai thác, phát huy thông qua hoạt động phát triển du lịch. Để việc khai thác, phát huy giá trị của di sản vừa mang lại lợi ích kinh tế, xã hội vừa gắn với bảo tồn, giữ gìn di sản, tỉnh Ninh Bình hiện đang áp dụng mô hình quản lý hợp tác công

- tư. Bài viết đã phân tích thực trạng mô hình quản lý công tư tại quần thể danh thắng Tràng An, trong đó, đại diện cho quản lý nhà nước là hoạt động của Ban quản lý quần thể danh thắng trực thuộc Sở du lịch tỉnh, chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về di sản, trực tiếp hướng dẫn, quản lý và định hướng và giám sát hoạt động du lịch tại khu vực. Đơn vị chịu trách nhiệm vận hành, khai thác du lịch là đơn vị tư nhân - Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường. Sự phối hợp giữa đơn vị giám sát của Nhà nước và khai thác của tư nhân đã giúp cho quá trình khai thác, phát huy giá trị di sản thông qua hoạt động du lịch đem lại hiệu quả cao hơn cả về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự và môi trường. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế trong mô hình này như vấn đề thẩm định, phê duyệt dự toán đầu tư xây dựng công trình, vấn đề chỉ định nhà thầu... Mặc dù vậy, nghiên cứu vẫn khẳng định mô hình hợp tác công - tư vẫn là một mô hình hiệu quả cần tiếp tục áp dụng trong quá trình xây dựng, phát triển các dự án phát triển du lịch nhằm khai thác, phát huy giá trị di sản trong quá trình phát triển KT-XH của Tỉnh gắn với bảo tồn và giữ gìn di sản.

Nghiên cứu *Bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở Việt Nam (Từ thực tiễn hai di sản thế giới Đô thị cổ Hội An và quần thể danh thắng Tràng An)* [135]; của tác giả Đỗ Thị Thanh Thủy, dưới góc độ quản lý nhà nước, nghiên cứu đã làm rõ một số vấn đề lý luận về bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở Việt Nam: Làm rõ các khái niệm như DSVH, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững, vai trò của DSVH với phát triển du lịch; quan niệm về bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH với phát triển du lịch. Vấn đề những thách thức và xung đột tiềm tàng đối với mối quan hệ giữa bảo vệ, phát huy tài nguyên DSVH với phát triển du lịch và giới thiệu một số mô hình quản lý trong bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững.

Trên cơ sở lý luận, nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở hai di sản thế giới là đô thị cổ Hội An và danh thắng Tràng An. Để phục vụ nghiên cứu của luận án, NCS chỉ tổng quan thực trạng ở di sản thế giới Tràng An. Nghiên cứu của nhóm tác giả đã chỉ ra những điểm mạnh và điểm

yếu trong công tác quản lý phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch ở Tràng An. Và đánh giá những cơ hội và thách thức đối với việc bảo vệ và phát huy DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở quần thể danh thắng Tràng An. Nghiên cứu còn đánh giá thực trạng công tác quản lý phát huy sáng tạo DSVH với phát triển du lịch ở khu vực di sản trên địa bàn xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư; đánh giá tác động về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của việc bảo vệ và phát huy DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững trên địa bàn xã Ninh Hải.

Từ thực trạng công tác bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở hai khu di sản thế giới, nghiên cứu đã bàn luận một số vấn đề đặt ra đối với việc bảo vệ, phát huy các tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững như: vấn đề nguồn nhân lực; vấn đề nâng cao nhận thức cho các chủ thể; vấn đề huy động nguồn lực tài chính; vấn đề cụ thể hóa cơ chế, chính sách; vấn đề bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu và vấn đề phát huy vai trò của cộng đồng địa phương và phát triển xã hội bền vững, bao trùm. Nghiên cứu đã dự báo một số xu hướng nổi bật trong bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững. Và đề xuất một số nguyên tắc và bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả bảo vệ và phát huy tài nguyên DSVH gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, bao gồm các tiêu chí về văn hóa, kinh tế, xã hội và môi trường. Từ thực trạng ở hai khu di sản thế giới, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số mô hình bảo vệ và phát triển tài nguyên DSVH hài hòa, hợp lý và bền vững gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững như: mô hình các bên liên quan; mô hình tích hợp liên ngành; mô hình quản lý bảo vệ và quản lý sáng tạo và mô hình hợp tác công - tư.

1.1.3. Các nghiên cứu về di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội

** Các nghiên cứu về hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư*

Cố đô Hoa Lư - cái tên không chỉ nói lên vị trí, vai trò của di sản trong lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam, mà còn là một biểu tượng văn hóa giàu giá trị có sức hấp dẫn, lôi cuốn được đông đảo các nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu.

Nhà nghiên cứu Trần Quốc Vượng đã từng nhận xét: “Văn hóa Hoa Lư mang đậm sắc thái văn hóa dân dã, văn hóa xóm làng của cư dân nông nghiệp lúa

nước”[43, tr.12]; Tính dân gian của văn hóa Cổ đô Hoa Lư được thể hiện rất rõ thông qua các loại hình văn hóa được sưu tầm và giới thiệu trong cuốn sách *Văn hoá dân gian Cổ đô Hoa Lư và các vùng phụ cận: Sưu tầm và giới thiệu một số nét tiêu biểu về Lễ hội, Văn hoá dân gian, ẩm thực* [43] của tác giả Đỗ Danh Gia bao gồm Lễ hội đền Đinh Lê (lễ hội Hoa Lư) với nhiều nghi lễ, các sinh hoạt văn hóa, trò chơi dân gian...; văn học dân gian, phương ngôn, ca dao, tục ngữ, diễn ca; những câu chuyện lưu truyền trong dân gian về những danh nhân của đất Hoa Lư và ẩm thực dân gian như dê đá Hoa Lư, cá rô Tổng Trường, mắm tép Gia Viễn, Trà sơn kim cúc... Dựa trên những tài liệu nghiên cứu khoa học tin cậy đã được công bố kết hợp với sự khảo cứu, điền dã, đối chiếu, so sánh của tác giả, công trình đã cung cấp một tài liệu sưu tầm mang tính khoa học giới thiệu những nét đẹp văn hóa dân gian truyền thống của Hoa Lư góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp cho thế hệ mai sau.

Tác giả Lã Đăng Bật với sự khảo cứu theo tiến trình lịch sử trong nghiên cứu *Cổ đô Hoa Lư*, [3] tác giả đã tái hiện không gian Cổ đô Hoa Lư xưa qua các triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và thời kỳ đầu nhà Lý. Kinh đô Hoa Lư xưa với hệ thống tường thành, cung điện chủ yếu được xây dựng ở giai đoạn nhà Đinh, các triều đại sau không có sự mở mang nhiều. Trải qua hơn 1000 năm tồn tại cùng những biến thiên của thời đại, Cổ đô Hoa Lư xưa, ngày nay đã trở thành một quần thể di tích quốc gia đặc biệt. Hệ thống tường thành tự nhiên là những dãy núi bao quanh kinh thành xưa vẫn còn tồn tại sừng sững cho đến ngày nay. Những bức tường thành nhân tạo và hệ thống cung điện xưa không còn nữa, nhưng dấu vết của nó vẫn được tìm thấy ẩn sâu dưới lòng đất qua các cuộc nghiên cứu khảo cổ học. Hệ thống cung điện xưa không còn, Cổ đô Hoa Lư được xây dựng thành nơi thờ vua Đinh, vua Lê và những vị công thần có công với đất nước. Quần thể di tích Cổ đô Hoa Lư hiện nay được đề cập trong nghiên cứu bao gồm hệ thống DSVH vật thể phong phú đa dạng gồm có đền, phủ, lăng, chùa... tiêu biểu như đền vua Đinh, đền vua Lê, đền công chúa Phất Kim, chùa Nhất trụ, chùa Bà Ngô, Phủ Vườn thiên... và hệ thống di sản thiên nhiên gắn liền với lịch sử tồn tại, phát triển của kinh đô Hoa Lư xưa như: các ngọn núi như Mã yên sơn... hệ thống hang động như hang Quàn, động Am Tiên... sông Hoàng Long, sông Sào Khê... Bên cạnh việc giới thiệu về mảnh đất Cổ đô Hoa Lư xưa và nay, nghiên cứu còn giới thiệu khái quát về các danh nhân trên mảnh đất kinh đô xưa như: vua Đinh Tiên Hoàng và các danh thần, các hoàng hậu,

hoàng tử, công chúa của vua Đinh; vua Lê Đại Hành và các hoàng tử của vua Lê; vua Lê Long Đinh và các danh thần đời vua Long Đinh và vua Lý Thái Tổ. Nghiên cứu đã cung cấp cho người đọc một cái nhìn khá toàn diện và hệ thống về đất và người ở kinh đô Hoa Lư xưa và hệ thống di tích lịch sử - văn hóa ở Hoa Lư ngày nay.

Tiếp theo mạch nguồn nghiên cứu trên, năm 2017, tác giả Lã Đăng Bất xuất bản cuốn sách *Nước Đại Cồ Việt xưa và Cố đô Hoa Lư nay*. [4] So với nghiên cứu năm 2011, cuốn sách có sự bổ sung nhiều nội dung và tư liệu khoa học. Nghiên cứu chia làm hai phần: phần 1 - Nước Đại Cồ Việt xưa là những tư liệu lịch sử về cuộc đời sự nghiệp của 4 vị vua của nước Đại cồ Việt đóng đô ở kinh đô Hoa Lư là vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành, Lê Long Đinh và Lý Thái Tổ và toàn cảnh kinh tế, chính trị, xã hội của nước Đại Cồ Việt dưới triều đại của vua Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành và vua Lê Long Đinh và thông tin lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của nước Đại Cồ Việt. Phần 2 - Cố đô Hoa Lư nay là những tư liệu về hệ thống DSVH được bảo tồn, giữ gìn của kinh đô nước Đại Cồ Việt xưa đến ngày nay, bao gồm các di tích và di vật như: các tường thành thiên nhiên, dấu vết các tường thành nhân tạo, nền sân cung điện xưa, các cột kinh Phật và một số di vật khai quật được. Và hệ thống di tích lịch sử, văn hóa cũng có sự bổ sung so với nghiên cứu năm 2011 cả về thông tin các di tích đã được đề cập cũng như bổ sung thêm nhiều di tích chưa có trong nghiên cứu năm 2011, bên cạnh những di tích trong quần thể di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, còn có những di tích nằm trong quần thể danh thắng Tràng An - di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An. Ngoài hệ thống DSVH vật thể, nghiên cứu còn giới thiệu về DSVH phi vật thể tiêu biểu của vùng đất Cố đô là lễ hội Trường Yên (nay là lễ hội Hoa Lư). Qua nghiên cứu, người đọc sẽ thấy được quá trình hình thành, phát triển và lưu tồn đến ngày của kinh đô Hoa Lư của nhà nước Đại Cồ Việt xưa và thấy được vị trí, vai trò của nó đối với lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Năm 2017, tác giả Nguyễn Thị Kim Cúc xuất bản cuốn sách *Hoa Lư xưa và nay*. [19] Mặc dù tên nghiên cứu có sự so sánh giữa Hoa Lư xưa và hiện nay, nhưng nội dung chính của sách tập trung vào giới thiệu một số DSVH tiêu biểu của Cố đô Hoa Lư là: Đền và lăng vua Đinh, đền và lăng của vua Lê, động Am Tiên, động Thiên Tôn và chùa Nhất Trụ. Bên cạnh đó, tác giả giới thiệu khái quát một số điểm thăm quan, tìm hiểu LS-VH của vùng đất Cố đô - Ninh Bình như: Khu trưng bày ngoài trời ở Đền vua Đinh, vua Lê, khu du lịch sinh thái Tràng An, Chùa Bái Đính.

Cuốn sách còn có phần phụ lục là những câu chuyện truyền thuyết dân gian về các nhân vật liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển của Kinh đô Hoa Lư xưa như: truyền thuyết về Đinh Bộ Lĩnh, Lê Đại Hành, Đại thắng Minh Hoàng Hậu và truyền thuyết về kẻ giết vua - Đỗ Thích. Mặc dù dung lượng cuốn sách không nhiều, nhưng đã cung cấp những cho người đọc thêm thông tin, tư liệu và góc nhìn về DSVH của Cố đô Hoa Lư.

Trên đây là một số công trình nghiên cứu mang tính hệ thống khắc họa một cách khá đầy đủ, toàn diện về hệ thống di sản vật thể và phi vật thể của Cố đô Hoa Lư. Ngoài ra còn có một số nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu các DSVH cụ thể như: Nghiên cứu của Lê Văn Thao, Trương Đình Tường (2011): *Đền vua Đinh vua Lê: Những giá trị đặc sắc về lịch sử văn hóa* [109] được trình bày dưới dạng tập hợp các bức ảnh kèm chú thích về các công trình, di tích, di vật thuộc đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành, đã giới thiệu một cách khái quát về lịch sử, nguồn gốc, giá trị của những DSVH đó. Hay nghiên cứu của tác giả Tổng Trung tín, Phạm Văn Triệu: *Về giá trị di sản tường thành Hoa Lư* [100; tr.456-tr470] dựa trên các kết quả nghiên cứu khảo cổ học, các tác giả đã tái hiện lại kiến trúc tường thành của kinh đô Hoa Lư xưa bao gồm khu vực thành ngoại, khu vực thành nội và kỹ thuật xây một số bức tường thành như núi chẽ sang núi cột cờ, từ núi Cột cờ sang núi Thanh Lâu, kiến trúc tường thành Ngòi chẹm. Từ đó, nghiên cứu nhận định kinh đô Hoa Lư xưa là một kinh đô lớn rộng và đặc biệt; dấu tích kiến trúc phong phú và đa dạng. Dựa trên những dấu tích tường thành được phát hiện chính là cơ sở quan trọng để đánh giá tầm vóc của kinh đô xưa, đồng thời là cơ sở để nghiên cứu phục dựng lại diện mạo của Cố đô Hoa Lư xưa trở thành công viên LS-VH nhằm giữ gìn, bảo tồn và phát huy của giá trị DSVH tiêu biểu của dân tộc cuối thế kỉ X, đầu thế kỉ XI.

Công trình “*Nghiên cứu lịch sử và khảo cổ học về Hoa Lư -Kinh đô đầu tiên của Nhà nước độc lập triều đại Nhà Đinh và Tiền Lê từ năm 968 đến năm 1010 sau công nguyên (SCN)*” [66] của tác giả M.Gumoutier. Đây là một công trình nghiên cứu khá đặc biệt, bởi nội dung viết về lịch sử và di sản khảo cổ của kinh đô Hoa Lư, Việt Nam nhưng do một tác giả là nhà Việt Nam học người Pháp thực hiện. Nghiên cứu được viết bằng tiếng Pháp, được công bố lần đầu vào năm 1983 trên *Tạp san Địa lý lịch sử* với dung lượng 138 trang và đến năm 2024 mới được nhà nghiên cứu

Nguyễn Văn Trường - nguyên là cán bộ công tác tại Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội dịch và xuất bản.

Nội dung cuốn sách được chia làm hai phần chính: Phần 1: phần *Lịch sử*, là những ghi chép về lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước Đại Cồ Việt từ sự kiện loạn 12 sứ quân, cuộc khởi nghĩa của Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân và thành lập nhà nước Đại Cồ Việt - mở đầu cho chế độ quân chủ phong kiến trung ương tập quyền của An Nam và kinh đô Hoa Lư thời Tiền Lê, đến triều đại nhà Lý và sự kiện vua Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Phần thứ hai là phần *Tài liệu khảo cổ học*, nội dung trong đó cũng được chia làm hai phần, nội dung thứ nhất là những ghi chép, mô tả khái quát về các di tích lịch sử ở Cổ đô Hoa Lư xưa như đình, đền, miếu, phủ; nội dung thứ hai là lược dịch nội dung tám bia chính ở đền thờ Đinh Tiên Hoàng và lược dịch văn khắc trên tám bia cổ nhất đặt ở đền vua Lê Đại Hành. Các nội dung vừa nêu trên của cuốn sách là phần được viết bằng tiếng Pháp. Ngoài ra, trong sách còn có phần chữ Hán 4 tấm bia. Trong đó, hai tấm bia ở đền vua Đinh là (1) “Tiền triều Đinh Tiên Hoàng đế miếu Công đức bi kí tính minh (Bài kí và bài minh trên bia công đức miếu thờ vua Đinh triều trước) và (2) Tiền triều Đinh Tiên Hoàng đế công đức tăng tu điện miếu bi kí (Bia ghi việc công đức, tu sửa điện miếu Đinh Tiên Hoàng đế triều trước). Hai tấm bia ở đền vua Lê Đại Hành là (1) Tiền triều Lê Đại Hành Hoàng Đế miếu công đức bi kí tính minh (Bài kí và bài minh trên bia công đức miếu Lê Đại Hành triều trước), (2) Trùng tu tạo tác Thánh tượng tiền triều Lê Đại Hành Hoàng đế bi kí tính minh (Bài kí và bài minh ghi việc trùng tu tạo tác tượng thánh Lê Đại Hành Hoàng đế triều trước). Và phần phụng sao câu đối và hoành biển miếu Hoàng đế triều Lê.

Kết quả nghiên cứu của tác giả dựa trên việc nghiên cứu các tư liệu lịch sử, tư liệu truyền thuyết và những khảo cứu thực tế tại địa bàn Cổ đô Hoa Lư xưa của tác giả. Tác giả đã giúp người đọc hình dung cơ bản về sự hình thành nhà nước phong kiến độc lập tự chủ, chế độ chính trị, quân sự, ngoại giao của nhà nước Đại Cồ Việt dưới hai triều đại Đinh và Tiền Lê. Tuy nhiên, có một số chi tiết chưa thực sự chính xác, nhưng dưới góc độ nghiên cứu lịch sử của một người ngoại quốc, điều này cũng có thể thông cảm. Những khảo cứu thực tế tại Cổ đô Hoa Lư vào thời điểm cuối thế kỷ XIX của tác giả đã cung cấp nhiều thông tin rất quý giá, lúc bấy giờ khung cảnh kinh đô Hoa Lư là một nơi “bị bỏ hoang”, “hoang tàn” “cỏ, cây

mọc thành bụi rậm”, dân cư xung quanh thì thưa thớt. Có thể thấy, trải qua gần một thế kỷ, trước những thăng trầm của lịch sử, đặc biệt những biến cố của dân tộc cuối thế kỷ XIX đã khiến cho kinh đô xưa cũng chịu chung số phận. Hệ thống di tích LS-VH được lưu truyền cho đến ngày nay ở Cố đô Hoa Lư thể hiện sự nỗ lực bảo tồn, tôn tạo, quyết tâm giữ gìn di sản của cha ông của biết bao thế hệ người Việt để lịch sử, truyền thống và niềm tự hào dân tộc như một mạch nguồn chảy mãi trong tâm thức người Việt đến muôn đời.

** Các nghiên cứu về thực tiễn bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển kinh tế - xã hội*

Nghiên cứu *Phát huy giá trị di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư và khu du lịch sinh thái Tràng An trong hoạt động du lịch* [8] của tác giả Vũ Thế Bình đã đánh giá thực trạng khai thác, phát huy giá trị của DSVH Cố đô Hoa Lư và khu du lịch sinh thái Tràng An trong phát triển du lịch, mặc dù đã đạt được một số kết quả bước đầu, tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều hạn chế như lượng khách du lịch còn hạn chế; sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu; cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn thiếu và yếu, trình độ đội ngũ quản lý, đội ngũ nhân lực phục vụ phát triển du lịch còn hạn chế về trình độ chuyên môn và ngoại ngữ... hiệu quả KT-XH từ du lịch còn thấp... Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư và khu du lịch sinh thái Tràng An trong hoạt động du lịch xây dựng Ninh Bình trở thành điểm du lịch hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế như là: (1) Cần xem lại quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình nói chung và Cố đô Hoa Lư, khu du lịch sinh thái Tràng An nói riêng; (2) Tập trung nâng cấp các cơ sở lưu trú trên địa bàn đáp ứng như cầu ngày càng cao của du khách; (3) Tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch mang đặc thù của địa phương; (4) Nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch như chất lượng phục vụ của các cơ sở lưu trú, chất lượng hướng dẫn, thuyết minh viên... và (5) tăng cường công tác quảng bá xúc tiến du lịch để giới thiệu hình ảnh du lịch Ninh Bình đến đông đảo du khách trong nước và quốc tế. Nghiên cứu cho thấy từ rất sớm, tỉnh Ninh Bình đã thấy được tiềm năng to lớn của DSVH nói chung và DSVH Cố đô Hoa Lư nói riêng có thể khai thác, phát huy trong phát triển du lịch đem lại lợi ích KT-XH cho địa phương và nhân dân. Nếu như, năm nghiên cứu được xuất bản (năm 2008), việc khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, thì những hạn chế này hiện nay đã được Ninh Bình giải

quyết, khắc phục rất nhiều, Ninh Bình đã tận dụng được lợi thế về DSVH trong phát triển KT-XH, đưa ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch trở thành những ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Trong hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư, lễ hội Hoa Lư là DSVH phi vật thể tiêu biểu nhất. Lễ hội được diễn ra vào khoảng từ 8-10/3 (âm lịch) hàng năm để tưởng nhớ công lao của vua Đinh Tiên Hoàng đã dẹp loạn 12 sứ quân lập nên nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên của Việt Nam, đặt kinh đô ở Hoa Lư. Bài viết *Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, lễ hội Hoa Lư* [106, tr.100-114], dưới góc nhìn của các nhà lãnh đạo, quản lý đã tái hiện quy trình thực hành lễ hội truyền thống với các nghi lễ, nghi thức, trò chơi diễn ra trong lễ hội gắn liền với cuộc đời, từ thơ bé, đến quá trình gây dựng lực lượng, đấu tranh lập nên nước Đại Cồ Việt của vua Đinh Tiên Hoàng như: lễ mở cửa đền, lễ rước nước, lễ mộc dục, lễ dâng hương, tế ca cửu khúc, tế nữ quan, lễ rước lửa, cờ lau tập trận, kéo chữ thái bình, tục đánh tượng Đỗ Thích, Thi bơi chải và thực trạng tổ chức lễ hội Hoa Lư hiện nay. Qua đó, nghiên cứu cho thấy cách thức tổ chức lễ hội hiện nay đã có nhiều đổi mới, nhiều nghi lễ truyền thống không còn được thực hiện, có những nghi lễ bị mai một, đòi hỏi phải được phục dựng lại. Bên cạnh đó, lễ hội Hoa Lư hiện nay được bổ sung khá nhiều hoạt động phần Hội phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân và phát triển du lịch. Lễ hội Hoa Lư chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc. Trong thời gian qua, tỉnh Ninh Bình đã phát huy giá trị của lễ hội Hoa Lư trong phát triển du lịch, lễ hội hàng năm thu hút hàng vạn khách du lịch trong nước và quốc tế đến với tỉnh Ninh Bình, đóng góp to lớn vào phát triển KT-XH của địa phương. Để phát huy giá trị của Lễ hội trong phát triển KT-XH gắn với bảo tồn, giữ gìn lễ hội, dưới góc độ quản lý nhà nước, nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống giải pháp khá hoàn thiện từ vấn đề nhận thức đến công tác cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường nguồn lực tài chính và các biện pháp quản lý hành chính nhà nước.

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Quế Hương và Nguyễn Ngọc Quỳnh trong nghiên cứu *Bảo tồn không gian thiêng của vùng đất Cố đô Hoa Lư trong phát triển du lịch hướng đến mục tiêu kinh tế - xã hội bền vững* [100, tr.561-573] đã quan niệm hệ thống di tích LS-VH trong quần thể di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư là những không gian thiêng - nơi chứa các vật thể thiêng, các yếu tố niềm tin và thực hành nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo. Tác giả đã khái quát hệ thống di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư còn lại hiện nay khoảng hơn 30 di tích, tiêu biểu nhất là Đền vua Đinh và đền

vua Lê. Bên cạnh đó, còn có lễ hội Hoa Lư (DSVH phi vật thể cấp quốc gia). Hệ thống di sản này chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, tôn giáo, tín ngưỡng... Đây chính là lợi thế, là cơ hội để Ninh Bình khai thác phát triển du lịch nhất là du lịch văn hóa, du lịch tâm linh. Tuy nhiên, vấn đề bảo tồn, giữ gìn hệ thống DSVH này cũng là những thách thức không nhỏ. Trên cơ sở khái quát thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư của tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua, tác giả đã khuyến nghị một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Hoa Lư trong phát triển du lịch bền vững, đó là: cần triển khai ngay Quyết định số 56/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân dân và cán bộ, viên chức người lao động về giá trị của di sản và vai trò của di sản trong phát triển KT-XH địa phương; Huy động nhiều nguồn lực trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH; phối hợp chặt chẽ nhiều cơ quan, ban ngành để nghiên cứu đánh giá giá trị, vai trò của DSVH Cố đô Hoa Lư và nâng cấp lễ hội Hoa Lư tổ chức theo nghi thức quốc gia để ngang tầm với vị trí, vai trò của kinh đô Hoa Lư trong lịch sử dân tộc.

1.1.4. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

** Nhận xét tình hình nghiên cứu*

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, NCS rút ra một số nhận xét như sau:

- Các nghiên cứu đã góp phần làm sáng rõ những vấn đề lý luận về DSVH như khái niệm, phân loại, giá trị DSVH, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; đồng thời bước đầu làm rõ vai trò của DSVH đối với phát triển KT-XH và mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để luận án kế thừa, vận dụng trong xây dựng cơ sở lý luận và khung phân tích nghiên cứu của luận án.

- Các nghiên cứu đã phản ánh thực tiễn bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH, đặc biệt thông qua phát triển du lịch, dịch vụ và phát triển bền vững; đồng thời chỉ ra những vấn đề đặt ra như thương mại hóa di sản, xung đột giữa bảo tồn và phát triển, áp lực của du lịch đối với di sản. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tiếp cận theo từng lĩnh vực riêng lẻ, dưới góc độ quản lý di sản, du lịch, kinh tế; chưa lý giải được một cách hệ thống cơ chế mà qua đó DSVH được chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ phát triển KT-XH.

- Đối với Ninh Bình và DSVH Cổ đô Hoa Lư, các nghiên cứu đã nhận diện khá đầy đủ hệ thống DSVH, làm rõ giá trị lịch sử, văn hóa và tiềm năng khai thác phục vụ phát triển địa phương. Một số công trình đã đề cập đến việc phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch và phát triển bền vững. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu hệ thống, toàn diện mối quan hệ giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình dưới góc độ văn hóa học, đồng thời cũng chưa vận dụng lý thuyết vốn và sự chuyển hóa vốn của Pierre Bourdieu để xây dựng khung phân tích lý giải cơ chế chuyển hóa giá trị DSVH thành nguồn lực phát triển và sự tác động trở lại của phát triển KT-XH đối với DSVH.

** Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu*

Từ những khoảng trống nghiên cứu trên, luận án tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Luận án xây dựng một khung phân tích nghiên cứu mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH trên cơ sở vận dụng lý thuyết các loại vốn và sự chuyển hóa các loại vốn của Pierre Bourdieu.

- Luận án hệ thống hóa các loại DSVH Cổ đô Hoa Lư và làm rõ những giá trị nổi bật của chúng và khả năng khai thác, phát huy phục vụ phát triển KT-XH địa phương.

- Luận án nhận diện, phân tích, đánh giá mối quan hệ hai chiều giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình thông qua khảo sát thực trạng hoạt động bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản và quá trình tái đầu tư các nguồn lực KT-XH cho DSVH.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án bàn luận các vấn đề đặt ra và đề xuất một số khuyến nghị nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH trong bối cảnh hiện nay.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.2.1. Một số vấn đề lý luận về di sản văn hóa

1.2.1.1. Khái niệm di sản văn hóa và giá trị di sản văn hóa

** Khái niệm di sản văn hóa*

DSVH là bộ phận cốt lõi của văn hóa, cũng giống như văn hóa, quan niệm về DSVH cũng thu hút được sự quan tâm bàn luận của đông đảo nhà khoa học và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:

Tác giả Hoàng Vinh quan niệm, “*DSVH là tổng thể những tài sản văn hóa truyền thống trong hệ thống giá trị của nó, được chủ thể nhận biết và đưa vào sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của hiện tại*”[175; tr.8].

Có quan điểm khá tương đồng với Hoàng Vinh, tác giả Gaetano M. Golinelli đã quan niệm: DSVH là một hệ thống bao gồm các yếu tố vật thể và phi vật thể, tồn tại trong các mối quan hệ với con người, không gian, thời gian, bối cảnh KT-XH. Giá trị của di sản không chỉ là giá trị nội tại, mà là “giá trị sử dụng” được hình thành thông qua mối quan hệ giữa con người với di sản, được con người thừa nhận, tạo ra lợi ích KT-XH cho con người [184, tr.i-xi].

UNESCO (Tổ chức Giáo dục- Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc) ngay từ thời gian đầu hoạt động đã rất chú trọng đến vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của nhân loại và vấn đề bảo vệ, giữ gìn DSVH. Giai đoạn đầu, UNESCO chưa đưa ra quan niệm chính thức về DSVH, nhưng theo *Công ước về Bảo vệ các tài sản văn hóa trong các sự kiện xung đột vũ trang* (1954), UNESCO đã khẳng định DSVH là những *tài sản văn hóa* quý giá, là kết quả sáng tạo của con người trong hoạt động tư duy khoa học và nghệ thuật; DSVH cần phải được bảo vệ và trao truyền cho các thế hệ tiếp theo. Theo Công ước, các DSVH bao gồm: các di tích kiến trúc, nghệ thuật hay lịch sử, di chỉ khảo cổ, nhóm công trình, tác phẩm nghệ thuật, các hiện vật khác có tầm quan trọng xét trên quan điểm nghệ thuật, lịch sử hay khoa học[165]. Từ đây, nội hàm và quan niệm về DSVH không ngừng được UNESCO bổ sung, phát triển. Đến *Công ước về việc bảo vệ DSVH và tự nhiên của thế giới* (1972), UNESCO quan niệm DSVH là các di sản vật thể, bao gồm các di tích khảo cổ, các quần thể công trình kiến trúc, điêu khắc, các thắng cảnh kết hợp giữa yếu tố tự nhiên và sáng tạo của con người... “có giá trị nổi bật toàn cầu” [166]. Đến năm 1982, tại *Hội nghị thế giới về các chính sách văn hóa* được tổ chức tại Mexico, UNESCO đã đưa ra quan niệm DSVH bao gồm cả DSVH vật thể (hữu hình) và DSVH phi vật thể (vô hình) là kết quả sáng tạo của con người trong nhiều lĩnh vực: “DSVH của một dân tộc bao gồm tác phẩm của các nghệ sĩ, kiến trúc sư, nhạc sĩ, nhà văn, nhà khoa học và cả tác phẩm của các nghệ sĩ vô danh, những biểu hiện của tâm linh dân tộc và tập hợp những giá trị mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Nó bao gồm cả tác phẩm hữu hình và vô hình mà qua đó sức sáng tạo của con người được thể hiện: ngôn ngữ, nghi lễ, tín ngưỡng, các địa điểm lịch sử và công trình kỷ niệm, tác phẩm văn học, nghệ thuật, bảo tàng và thư viện” [167; tr.41].

Năm 2003, tại *Công ước bảo vệ DSVH phi vật thể* (2003), UNESCO đã cụ thể hóa quan niệm về DSVH phi vật thể, theo đó DSVH phi vật thể “được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần DSVH của họ”[169]. DSVH phi vật thể theo Công ước được thể hiện dưới các hình thức như: Các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của DSVH phi vật thể; nghệ thuật trình diễn; tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội; tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; nghề thủ công truyền thống. Công ước đề cao vai trò của cộng đồng với tư cách là chủ thể sáng tạo, công nhận giá trị của di sản và không ngừng tái tạo, lưu truyền di sản thông qua thực hành văn hóa. Như vậy, quan niệm về DSVH của UNESCO ngày càng hoàn thiện, theo đó, DSVH bao gồm cả DSVH vật thể và phi vật thể có giá trị, được bảo vệ, bảo tồn, tái tạo và phát triển, truyền lại qua các thế hệ. Bảo vệ DSVH là bảo vệ truyền thống và sự cố kết của cộng đồng để không bị đứt gãy, là bảo vệ sự đa dạng văn hóa của nhân loại, đồng thời tạo nền tảng, cơ sở cho sự phát triển của các thế hệ tương lai.

Để phục vụ công tác quản lý nhà nước về DSVH, *Luật DSVH* (văn bản hợp nhất năm 2013) quy định cách hiểu, “*Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”[81]. Ngày 23/11/2024, Quốc hội ban hành *Luật DSVH* số 45/2024/QH15, trong đó, quy định “*DSVH bao gồm DSVH phi vật thể, DSVH vật thể được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”[83]. *Luật DSVH* (2024) đã kế thừa cách phân loại DSVH thành DSVH vật thể và phi vật thể, đồng thời tiếp tục khẳng định tính kế thừa, lưu truyền qua các thế hệ. Tuy nhiên, Luật mới chuyển cách tiếp cận mang tính định nghĩa bản chất gắn với các tiêu chí “sản phẩm tinh thần, vật chất” và “có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học” sang cách tiếp cận mở, nhấn mạnh vai trò của cộng đồng chủ thể trong việc xác nhận, bảo tồn, giữ gìn, lưu truyền giá trị của DSVH, đặt DSVH trong mối quan hệ với cộng đồng chủ thể sở hữu DSVH. Đây là bước phát triển phù hợp với xu hướng quản trị di sản hiện đại.

Dưới góc độ nghiên cứu khoa học, tác giả Dương Văn Sáu đã đưa ra cách hiểu về DSVH: “*DSVH là sự chung đúc và kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần của các thế hệ đi trước; trở thành tài sản của cả cộng đồng; được cộng đồng thừa nhận, tuân thủ; bảo tồn, phát triển và truyền trao cho các thế hệ kế tiếp*”[56, tr.25]. Định nghĩa của Dương Văn Sáu không chỉ khẳng định giá trị xuyên thời gian và vượt không gian của DSVH, mà còn nhấn mạnh vai trò tích cực, chủ động của các chủ thể, chủ nhân của DSVH trong việc bảo tồn, giữ gìn, trao truyền DSVH qua các thế hệ.

Tác giả Đặng Văn Bài quan niệm về di sản nhân mạnh tính tính chọn và kế thừa, khẳng định di sản là bộ phận tinh hoa, tiêu biểu nhất của nền văn hóa dân tộc, theo đó, ông cho rằng: “*DSVH là sản phẩm sáng tạo của con người, được lưu truyền - chọn lọc - tích hợp - “chưng cất” qua nhiều thế hệ để trở thành tinh hoa văn hóa của các quốc gia - dân tộc*”[71; tr.9].

Điểm chung trong các quan niệm về DSVH là đều cho rằng DSVH là bộ phận cốt lõi của văn hóa, là tinh hoa văn hóa của dân tộc, đó là những sản phẩm vật thể và phi vật thể có giá trị không chỉ đối với thế hệ người sáng tạo ra nó, mà còn có giá trị với các thế hệ tiếp sau, được các chủ thể thừa nhận là tài sản chung của cộng đồng, nên được giữ gìn, lưu truyền và không ngừng tái tạo qua nhiều thế hệ.

Kế thừa các quan điểm của các nhà nghiên cứu, trong khuôn khổ của luận án, theo NCS, *DSVH là sản phẩm do con người sáng tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển; chứa đựng các giá trị vật chất và tinh thần quý báu được các chủ thể thừa nhận, giữ gìn, tái tạo, phát triển và trao truyền qua nhiều thế hệ trở thành tinh hoa văn hóa dân tộc*.

***Khái niệm “giá trị”**

Đại từ điển tiếng Việt định nghĩa, “*giá trị là cái được xác định có ích, có hiệu quả trong cuộc sống vật chất và tinh thần*”[177; tr.725].

Với tư cách là một thuật ngữ khoa học, khái niệm giá trị được sử dụng trong nhiều ngành khoa học như xã hội học, toán học, kinh tế học, triết học, văn hóa học, tâm lý học, nghệ thuật học... và xuất hiện nhiều quan điểm khác nhau của các nhà khoa học về *giá trị*.

Theo Clyde Kluckhohn - nhà nhân chủng học văn hóa người Mỹ, “*Giá trị là những quan niệm thâm kín hay bộc lộ về các điều ao ước riêng của cá nhân hay nhóm. Những quan niệm ấy chi phối sự lựa chọn các phương thức, phương tiện và mục tiêu của hành động*”[42, tr.156].

Còn trong cuốn *Từ điển Triết học* của M. Rôdenta và P.Iudin (chủ biên), các tác giả cho rằng, mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan đều tồn tại hai mặt cả tích cực và tiêu cực, cả hai mặt này đều được coi là *giá trị*. Theo đó, giá trị được xem là “những khẳng định xã hội đặc biệt về những đối tượng của thế giới bao quanh, biểu hiện các ý nghĩa tích cực hay tiêu cực của những đối tượng ấy đối với con người và xã hội (hạnh phúc, lương thiện và cái ác, cái đẹp và cái xấu, thể hiện ra trong các hiện tượng của đời sống xã hội hoặc của thiên nhiên”[85, tr.463]. Cũng tương đồng với quan điểm này, Richard T.Schaefer - nhà xã hội học người Anh cho rằng: “Các giá trị là những quan niệm tập thể về những gì được xem là tốt, đáng mơ ước và đúng - hay những gì được xem là xấu, không nên có và sai - trong một nền văn hóa”[89].

Nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm, với cách tiếp cận tổng thể (kết hợp cả chủ thể, khách thể và các mối quan hệ mà chúng tham gia) đã đưa ra định nghĩa: “Giá trị là tính chất của khách thể, được chủ thể đánh giá là tích cực xét trong so sánh với các khách thể khác cùng loại trong một bối cảnh không gian- thời gian cụ thể” [112; tr41].

Với cách tiếp cận văn hóa học, nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh đã định nghĩa về *giá trị*: “là những đánh giá của con người về các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng những cái đó là cần, là *tốt*, là *hay*, là *đẹp*, hay đó chính là những cái được con người cho là *chân*, *thiện*, *mỹ*, giúp khẳng định và nâng cao bản chất người. Một khi những nhận thức giá trị ấy đã hình thành và định hình thì nó chi phối cách suy nghĩ, niềm tin, hành vi, tình cảm của con người”[116, tr.22]. Quan niệm này đã chứa đựng những quan niệm chung của các nhà khoa học về *giá trị*, nhưng cũng khẳng định *giá trị* ở đây chỉ bao hàm những gì được cho là tốt, là đẹp, là tích cực còn những cái xấu, cái sai, cái không tốt, cái tiêu cực... được coi là *phản giá trị*, là *phi giá trị*, chứ không có *giá trị tích cực* và *giá trị tiêu cực* như quan điểm của một số nhà khoa học.

Kế thừa quan điểm của các nhà khoa học, NCS hiểu *giá trị* là *những phẩm chất tích cực, là những cái đẹp, cái đúng, cái tốt, cái hay của các sự vật, hiện tượng được các chủ thể đánh giá, thừa nhận và nó có tác động chi phối nhận thức, hành vi của họ hướng họ phát triển theo hướng chân, thiện, mỹ. Giá trị mang tính lịch sử, nó tồn tại trong những không gian và thời gian, trong mối quan hệ với những chủ thể xác định.*

****Khái niệm giá trị di sản văn hóa***

DSVH là bộ phận cốt lõi của văn hóa là phương tiện biểu hiện các giá trị văn hóa truyền thống của một dân tộc và những giá trị ấy trong xã hội hiện nay vẫn được thừa nhận, bảo tồn và phát triển.

Từ khái niệm giá trị và khái niệm DSVH, luận án quan niệm: *Giá trị DSVH được hiểu là những cái tích cực, cái hay, cái đẹp, cái tốt được kết tinh trong hệ thống DSVH của một nền văn hóa, là kết quả sáng tạo của cộng đồng trong quá khứ nhằm đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu tồn tại, phát triển hướng đến chân - thiện - mỹ. Những giá trị ấy được chọn lọc, giữ gìn, phát triển và lưu truyền qua nhiều thế hệ, trở thành truyền thống của dân tộc.*

Các giá trị nói chung và giá trị DSVH nói riêng không tồn tại một cách đơn nhất mà bao giờ cũng tạo thành một hệ thống, có nghĩa là chúng tồn tại trong mối liên hệ, tác động hữu cơ với nhau. Vì vậy, cấu trúc giá trị là một hệ thống vô cùng rộng lớn. Các nhà khoa học trong và ngoài nước đã phân chia cấu trúc giá trị theo nhiều cách khác nhau: có thể phân chia theo lĩnh vực của đời sống như lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội, con người... Có thể phân chia theo các cấp độ bao gồm *hệ thống giá trị tổng quát* là tập hợp gồm có những giá trị mang tính chung nhất, phổ quát nhất có vai trò định hướng tư duy, hành động cho cả cộng đồng và *hệ thống giá trị bộ phận* gồm những giá trị có vai trò định hướng tư duy, hành động của con người trong từng lĩnh vực hoạt động[116, tr.25]. Hoặc có thể phân chia cấu trúc giá trị bao gồm *hệ giá trị gốc* và *hệ giá trị phái sinh*. Trong đó, hệ giá trị gốc gồm những giá trị ở cấp độ đầu tiên, có vai trò chi phối và phái sinh ra các giá trị còn lại ở nằm ở cấp độ thấp hơn - là những giá trị cụ thể hơn, sát hợp với từng đối tượng, thành phần và lĩnh vực của đời sống xã hội [112, tr.116].

Cũng giống như cấu trúc giá trị, cấu trúc giá trị DSVH cũng rất rộng lớn, phong phú, đa dạng. Nó là hệ thống hữu cơ các giá trị truyền thống của một cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Cách phân loại giá trị DSVH phổ quát nhất chính là phân chia thành hệ thống giá trị vật chất bao gồm những giá trị đáp ứng nhu cầu vật chất của con người như ăn, mặc, ở, đi lại và hệ thống giá trị tinh thần gồm những giá trị đáp ứng nhu cầu tinh thần như giá trị nhận thức, giá trị giáo dục, giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ, giá trị tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, giá trị chính trị... Để xem xét giá trị của một DSVH cần đặt nó trong mối quan hệ với con người - cộng đồng chủ thể sáng tạo, bảo tồn, “sử dụng” - khai thác, phát triển DSVH, như quan điểm của tác

giả Hoàng Vinh trong nghiên cứu *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc* [175; tr 8] và tác giả Gaetano M. Golinelli trong nghiên cứu *Cultural Heritage and Value Creation: Towards New Pathways*[184; tr.i-x].

Nói về giá trị của DSVH, UNESCO cũng không đưa ra một cấu trúc giá trị cố định, với các DSVH vật thể được công nhận là DSVH thế giới, UNESCO cho rằng đây là những di sản có giá trị “nổi bật toàn cầu” về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học; với các DSVH là các thắng cảnh có các giá trị “nổi bật toàn cầu” về phương diện lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học[166]. Còn đối với các DSVH phi vật thể của thế giới, thì UNESCO lại nhấn mạnh những “giá trị liên quan đến cộng đồng”, được cộng đồng “công nhận”, cấu trúc giá trị của di sản lúc này phụ thuộc vào sự công nhận của cộng đồng chủ thể.

Khi nói về hệ thống giá trị DSVH, quy định của Luật Di sản cũng đã có những đổi mới, *Luật DSVH 2013* (văn bản hợp nhất năm 2013) quy định hệ thống giá trị của DSVH bao gồm các giá trị “lịch sử, văn hóa và khoa học”. *Luật DSVH* (2024) không còn quy định chung như trước đó, mà đã xác định hệ thống giá trị của từng loại di sản, DSVH vật thể “có một, một số hoặc tất cả các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ”; DSVH phi vật thể được xác định có các giá trị “lịch sử, văn hóa và khoa học.”

Như đã nói phía trên, nhiều nhà khoa học như Gaetano M. Golinelli, Hoàng Vinh, Dương Văn Sáu... cũng đã khẳng định giá trị của di sản không chỉ là giá trị nội tại tồn tại trong bản thân di sản mà còn bao gồm các giá trị sử dụng, giá trị xã hội được tạo ra trong quá trình cộng đồng chủ thể sử dụng, tái tạo, khai thác, phát huy giá trị di sản trong đời sống hiện tại. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1998) cũng đã khẳng định: DSVH là ”cơ sở đề sáng tạo giá trị văn hóa mới”[25, tr.63].

Theo đó, cấu trúc hệ thống giá trị DSVH là không cố định, bên cạnh những giá trị cốt lõi, những giá trị phổ quát, những giá trị gốc của DSVH như giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, trong đó còn bao chứa cả hệ thống giá trị cụ thể, bộ phận, giá trị phái sinh thuộc nhiều lĩnh vực phương diện của đời sống cộng đồng xã hội, do các chủ thể văn hóa tiếp tục tái tạo và phát triển DSVH tạo ra. DSVH bao gồm hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng thuộc mọi lĩnh vực của đời sống, nhằm thỏa mãn và đáp ứng mọi nhu cầu tồn tại và phát triển của con người; mỗi một loại hình di sản lại kết tinh và chứa đựng những giá trị khác nhau: ví dụ,

các di tích lịch sử, các công trình kiến trúc hàm chứa giá trị khác nhau như giá trị lịch sử, giá trị thẩm mỹ, giá trị giáo dục...; các phương thuốc dân gian lại hàm chứa các giá trị lịch sử, khoa học, giá trị văn hóa...; các nghi lễ, phong tục dân gian lại hàm chứa giá trị văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo; các danh lam thắng cảnh lại kết tinh giá trị về thẩm mỹ, giá trị cảnh quan, giá trị địa chất, địa mạo... Ngày nay, các giá trị đó có thể được khai thác và phát huy tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, các ngành ngành kinh tế mang đặc trưng của kinh tế di sản. Các giá trị ban đầu của DSVH đã được chuyển hóa thành “giá trị sử dụng” - “giá trị kinh tế”, “giá trị xã hội” của DSVH gắn với các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Vì vậy, để nhận diện và đánh giá giá trị của hệ thống DSVH vật thể và DSVH phi vật thể của Cố đô Hoa Lư, luận án sẽ đi từ hệ thống các giá trị cơ bản, phổ quát của DSVH bao gồm: giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, giá trị khoa học và nhận diện các giá trị cụ thể, giá trị bộ phận và giá trị phái sinh như giá trị thẩm mỹ, giá trị giáo dục, giá trị tâm linh, tín ngưỡng, giá trị kinh tế... qua những trường hợp DSVH cụ thể ở Cố đô Hoa Lư.

1.2.1.2. Phân loại di sản văn hóa

Văn hóa được phân chia theo nhiều cách khác nhau như phân chia theo mục đích sử dụng hay nhu cầu của con người có văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần; phân chia theo lĩnh vực hoạt động của con người có văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội, văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống như cách phân chia của nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm [111; tr.29]...

Có bao nhiêu cách phân chia cấu trúc của văn hóa thì cũng có bấy nhiêu tiêu chí để phân chia DSVH. Tuy nhiên, cách phân loại DSVH phổ biến hiện nay được sử dụng trong cả công tác quản lý nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và trong các nghiên cứu khoa học về DSVH, đó là phân loại DSVH thành hai loại DSVH vật thể và DSVH phi vật thể (*Tangible and Intangible Cultural heritage*). Đây là cách phân loại dựa trên hình thái biểu hiện của DSVH. DSVH vật thể là những DSVH tồn tại dưới dạng vật thể hữu hình có thể nhận biết bằng các giác quan như: các di tích, công trình lịch sử như: đền, chùa, cung điện, lăng, miếu, các di vật, cổ vật... DSVH phi vật thể là những DSVH không tồn tại dưới dạng cụ thể, hữu hình, không thể nhận biết bằng xúc giác, mà thường tồn tại trong ký ức, trí nhớ của cộng đồng, của các nghệ nhân dân gian như: lễ hội, nghi lễ, phong tục, tập

quán, tri thức dân gian, diễn xướng dân gian, văn học dân gian, các bí kíp nghề truyền thống, tri thức y học dân gian...

UNESCO dựa trên tính xác thực và giá trị của DSVH đã phân loại DSVH thành DSVH vật thể và DSVH phi vật thể. Theo Công ước (1972), DSVH vật thể gồm các di tích, quần thể di tích, các công trình kiến trúc, điêu khắc hội họa, các yếu tố hay kết cấu có tính chất khảo cổ, các văn bản, các hang động, các thắng cảnh và nhóm các yếu tố có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật, hay khoa học [166]. Và các DSVH phi vật thể là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan được cộng đồng, nhóm người và cá nhân công nhận là một phần DSVH của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, DSVH phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người”[169].

Luật DSVH (2024) cũng phân chia DSVH thành hai loại là DSVH vật thể và DSVH phi vật thể. Theo đó, “DSVH phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”[83]. Và “DSVH vật thể là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích LS-VH, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”[85].

Việc phân chia DSVH thành các loại hình chỉ mang tính tương đối. Để thuận tiện cho việc nghiên cứu đề tài “*DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh hiện nay*”, NCS cũng sử dụng cách phân chia DSVH bao gồm hai hình thái biểu hiện là DSVH vật thể và DSVH phi vật thể.

1.2.2. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội

1.2.2.1. Di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, ở các nước phương Tây, kinh tế thì tăng trưởng nhanh, nhưng hàng loạt các vấn đề tiêu cực xuất hiện trong xã hội như ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tệ nạn xã hội, chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội nói rộng khoảng cách, bất bình đẳng xã hội sâu sắc, đời sống tinh

thần của người dân nghèo nàn, nhiều giá trị xã hội xuống cấp nghiêm trọng... khiến cho nhân loại phải nhận thức lại về bản chất của sự “phát triển” xã hội, sự phát triển xã hội loài người không đơn thuần chỉ là sự tăng trưởng về kinh tế, mà còn cần đảm bảo sự bền vững về môi trường, sự ổn định về chính trị và công bằng về xã hội và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Lúc này, vai trò của văn hóa với tư cách là hệ điều tiết, mục tiêu, là động lực của phát triển KT-XH đã bắt đầu được chú trọng nghiên cứu, phát huy.

Giai đoạn 1988-1997, UNESCO đã phát động “Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa” nhằm nâng cao nhận thức của toàn nhân loại về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội loài người. Tổng giám đốc của UNESCO, ông Federico Mayor đã đúc kết kinh nghiệm: “Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa, thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa, và tiềm năng sáng tạo của nước đó sẽ bị suy yếu rất nhiều. Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân lực và vật lực của mỗi cộng đồng. Vì vậy, phân tích đến cùng, các trọng tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển phải được tìm trong văn hóa. Nhưng điều đó cho đến nay vẫn thiếu. Từ nay trở đi, văn hóa cần coi mình là nguồn cổ súy trực tiếp cho phát triển và ngược lại, phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ vị trí trung tâm, vai trò điều tiết xã hội”[170; tr.23]. Điều đó có nghĩa, văn hóa đã được chứng minh là một trong những trụ cột quan trọng của phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, Hồ Chí Minh - Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta từ rất sớm đã khẳng định văn hóa bao gồm toàn bộ các yếu tố vật chất là tinh thần, là kết quả và phản ánh trình độ sáng tạo của con người. Văn hóa không phải là những gì trừu tượng, mơ hồ mà nó là những yếu tố có giá trị thiết thực với cuộc sống, nó nhằm phục vụ mục đích sống và sinh tồn, phát triển của loài người. Người đã khẳng định: *“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”*[65; tr.458].

Đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng hoàn thiện, lý luận về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển KT-XH ngày càng toàn diện và sâu sắc, theo đó, văn hóa được đánh giá: “là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội”[25, tr.55]. Và Đảng yêu cầu phải đặt văn hóa ngang hàng với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

Các nhà nghiên cứu cũng đánh giá cao vị trí, vai trò của văn hóa với phát triển KT-XH. Theo nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh, giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra, nhưng khi hệ giá trị đã được hình thành thì nó có vai trò định hướng cho các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong các xã hội ấy. Nó chính là một thứ vốn xã hội (Social Capital) mà trong các chương trình phát triển KT-XH, chúng ta có thể khai thác nó như một nguồn lực[115].

DSVH là bộ phận cốt lõi, là bộ phận tinh hoa nhất của một nền văn hóa của cộng đồng, dân tộc, vì vậy, DSVH mang đầy đủ những đặc trưng, vị trí, vai trò của văn hóa. Cũng giống như văn hóa nói chung, DSVH ngày càng đóng vai trò quan trọng và có tác động to lớn đến sự phát triển KT-XH của địa phương, đất nước. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã khẳng định: “DSVH là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo các giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa”[25, tr.63]. DSVH được xác định là “tài sản vô giá”, nó không chỉ là bộ phận quan trọng nhất của nền văn hóa dân tộc, nơi lưu giữ “hồn cốt”, biểu hiện tập trung bản sắc văn hóa dân tộc, nơi quy tụ và gắn kết cộng đồng, là phương tiện giao lưu và hội nhập quốc tế, mà DSVH còn được xác định là nguồn lực, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển KT-XH.

Từ quan điểm của UNESCO, Đảng Cộng sản Việt Nam và các nhà nghiên cứu, có thể thấy, văn hóa nói chung và DSVH nói riêng ngày càng được khẳng định như một thành tố quan trọng của phát triển bền vững, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển KT-XH.

Tiếp cận từ góc độ lý thuyết, Pierre Bourdieu cho rằng, trong các không gian xã hội cụ thể, các chủ thể có thể sở hữu nhiều dạng vốn khác nhau như vốn văn hóa, vốn kinh tế, vốn xã hội và vốn biểu tượng. Các dạng vốn này luôn tồn tại trong mối quan hệ tương tác, chuyển hóa lẫn nhau trong các không gian xã hội, nơi các chủ

thể huy động, cạnh tranh, tích lũy các nguồn vốn nhằm tạo ra lợi ích, vị thế và ảnh hưởng xã hội. Quá trình chuyển hóa này diễn ra thông qua hoạt động của các chủ thể trong những điều kiện thể chế, chính sách và môi trường xã hội cụ thể [178, 179, 180]. Vận dụng quan điểm này, luận án tiếp cận DSVH như một dạng vốn văn hóa đặc thù, có khả năng được chuyển hóa thành các loại vốn kinh tế, xã hội, biểu tượng tạo ra các tác động đến phát triển KT-XH trên một số phương diện chính bao gồm: phát triển kinh tế, phát triển xã hội, phát triển văn hóa và nâng cao hình ảnh, vị thế địa phương trong giao lưu và hội nhập, cụ thể như sau:

(1) Di sản văn hóa với phát triển kinh tế

Một là, DSVH tạo nguồn lực phát triển du lịch và dịch vụ

Du lịch văn hóa là một trong 10 ngành CNVH được Chính phủ Việt Nam ưu tiên phát triển dựa trên tiềm năng, lợi thế về nguồn vốn văn hóa và năng lực sáng tạo của Việt Nam. Một trong những cơ sở cần thiết, cốt lõi để phát triển du lịch văn hóa nói riêng và các ngành CNVH nói chung đó là cần có nguồn nguyên liệu đầu vào là “năng lực sáng tạo của con người” - là nguồn vốn văn hóa. Trong đó, hệ thống giá trị văn hóa truyền thống kết tinh trong kho tàng DSVH của dân tộc chính là một nguồn “nguyên liệu đầu vào” quý giá, là cơ sở khơi nguồn sáng tạo để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hấp dẫn đưa ra thị trường đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân đồng thời mang lại nguồn lợi kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và đóng góp vào tăng trưởng GDP của đất nước, thúc đẩy hội nhập, giao lưu kinh tế quốc tế.

Nhiều DSVH là những di tích LS-VH, các công trình kiến trúc, các danh lam thắng cảnh, các làng nghề truyền thống... đã trở thành những địa điểm du lịch hấp dẫn đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế. Đến với những DSVH này, khách du lịch không chỉ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp cảnh quan, vẻ đẹp các công trình di tích, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, được thưởng thức và trải nghiệm những tiết mục trình diễn của các nghệ nhân dân gian... mà còn được tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của di sản và những giá trị tinh thần kết tinh trong di sản. Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể là cơ sở để các đơn vị lữ hành xây dựng các tour - tuyến du lịch và các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch làng nghề, du lịch di sản... Ở Việt Nam, chúng ta biết đến những địa phương có DSVH được khai thác phát triển du lịch rất thành công như: Tràng An (Ninh Bình); Hội An (Quảng Nam); cố đô Huế (Huế); Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng Thành

Thăng Long (thành phố Hà Nội)... nhiều DSVH phi vật thể cũng thu hút được số lượng lớn người tham dự và trải nghiệm (lễ hội Hoa Lư, hội Gióng, lễ hội chùa Hương, các loại hình diễn xướng dân gian như: dân ca Quan họ Bắc Ninh, đờn ca tài tử, chèo, tuồng... các nghi lễ dân gian như nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương,...) Nhiều sản phẩm làng nghề truyền thống khẳng định được thương hiệu, sản xuất với số lượng lớn không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước và còn xuất khẩu ra nước ngoài như: gốm Bát Tràng (Hà Nội); gốm chu Đậu (Hải Dương); lụa Vạn Phúc (Hà Nội)... Nhiều bảo tàng lưu giữ và các buổi triển lãm các DSVH vật thể thu hút được đông đảo khách thăm quan như Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế...

Khi du lịch văn hóa phát triển lại kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ liên quan như dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí, vận chuyển, hướng dẫn viên, bán đồ lưu niệm, truyền thông, sáng tạo nội dung... Từ đó, giúp tăng doanh thu du lịch, tạo việc làm, mở rộng thị trường dịch vụ của địa phương.

Hai là, DSVH thúc đẩy hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa

Đề đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đáp ứng nhu cầu, hấp dẫn du khách, nhiều không gian di tích LS-VH, không gian lễ hội văn hóa... có thể trở thành nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, các buổi biểu diễn nghệ thuật, các phim trường điện ảnh... thúc đẩy phát triển các ngành CNVH như nghệ thuật biểu diễn, công nghiệp điện ảnh, công nghiệp giải trí... các không gian ấy còn trở thành nơi bày bán, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa, đồ lưu niệm là những đặc sản ẩm thực, đồ thủ công mỹ nghệ của các làng nghề truyền thống của địa phương và khắp mọi miền đất nước. Mỗi sự kiện thu hút hàng nghìn người, có sự kiện thu vé, có sự kiện miễn phí, nhưng du khách đến đây bên cạnh được thưởng thức nghệ thuật biểu diễn, còn được thăm quan, mua sắm, sử dụng nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa khác, đem lại nguồn thu cho các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp, công ty... đóng góp phát triển kinh tế địa phương và đất nước, thúc đẩy phát triển thị trường giao lưu, trao đổi, buôn bán các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Ba là, DSVH tạo giá trị kinh tế thông qua hoạt động thương mại và dịch vụ của các cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng nhằm thu hút khách tạo ra nhiều lợi nhuận: ví dụ sử dụng các DSVH để trưng bày ở các khu du lịch sinh thái, các resort, các nhà hàng, khách sạn, quán cafe... nhằm tạo phong cách riêng và hấp dẫn khách;

hoặc tổ chức các buổi trình diễn nghệ thuật dân gian ở các nhà hàng, khách sạn, các khu du lịch... để phục vụ du khách và khách hàng.

Qua quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển ngành du lịch nói riêng, phát triển kinh tế nói chung, DSVH văn hóa đã trở thành nguồn lực, động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và sự phát triển các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương và của quốc gia theo hướng hài hòa và bền vững.

(2) Di sản văn hóa với phát triển văn hóa, nâng cao hình ảnh, vị thế, uy tín địa phương trong giao lưu, hội nhập

Một là, DSVH đáp ứng nhu cầu và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của xã hội

Như chúng ta đã biết DSVH bao gồm hệ thống DSVH vật thể: các công trình di tích LS-VH như các cung điện, đền, chùa, lăng, miếu, phủ, nhà thờ... và hệ thống DSVH phi vật thể như: các loại hình văn học, văn hóa, văn nghệ dân gian, các tín ngưỡng dân gian, các lễ hội... ngoài việc kết tinh những giá trị quý báu, thì những loại hình di sản này còn có khả năng đáp ứng nhu cầu giải trí, nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân. Khi đời sống vật chất của người dân ngày càng được cải thiện, con người không còn phải vật lộn với cơm áo, gạo tiền, nhu cầu hưởng thụ tinh thần của họ càng lớn. Nhiều người đã tìm đến các DSVH để thăm quan, chiêm ngưỡng vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, vẻ đẹp của các kiến trúc cổ, hay để thực hành các tín ngưỡng, tôn giáo và tìm hiểu LS-VH. Hoặc nhiều người đi xem các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian, tham gia các lễ hội truyền thống, cũng như các sinh hoạt văn hóa diễn ra trong không gian di sản như các buổi triển lãm, ngày hội sách, các buổi lễ tôn vinh... Nhiều DSVH đã trở thành những không gian sinh hoạt văn hóa cho cộng đồng người dân và du khách như: Văn miếu Quốc Tử Giám; Cố đô Huế, Đền Hùng... vì vậy, chúng ta thường thấy, các lễ hội, đền, chùa... vào những dịp đầu năm thường thu hút được đông đảo người dân và du khách đến thăm quan, trải nghiệm. Những sinh hoạt văn hóa trong không gian di sản và những loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống có tác động trực tiếp có thể nhận thấy rõ ràng, đó là đã đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ tinh thần của người dân, giúp họ thư giãn, thoải mái, an yên hơn sau những ngày làm việc mệt nhọc, nhiều lo toan, khỏa lấp những khoảng trống mà những phương tiện truyền thông, các loại hình giải trí hiện đại không làm được.

Nhưng tác động to lớn đằng sau những sinh hoạt tinh thần đó là, đã đưa người dân trở về với truyền thống, hiểu hơn về lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc, khơi dậy ý thức truyền thống, làm cho các giá trị tốt đẹp của dân tộc lan tỏa và thấm sâu vào tâm hồn của mỗi người dân.

Hai là, DSVH góp phần định hình và củng cố bản sắc cộng đồng, dân tộc trong giao lưu và hội nhập

DSVH được quan niệm như một “mã di truyền xã hội” (Abraham Moles) hay “một hệ thống các giá trị” (Federico Mayor) thể hiện bản sắc riêng của từng cộng đồng, dân tộc. DSVH chính là những sáng tạo tinh túy nhất, đặc sắc nhất của một nền văn hóa được chọn lọc, lưu giữ, kế thừa và phát triển từ trong quá khứ được truyền đến hiện tại. Đó là những nhân tố phản ánh bản sắc, hồn cốt của cộng đồng, dân tộc. Trong giao lưu và hội nhập trong nước và quốc tế, DSVH là một trong những nhân tố hàng đầu giúp nhận diện một địa phương, một dân tộc, một quốc gia, để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Nhờ đặc trưng bản chất đó, DSVH là cầu nối thúc đẩy giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hóa, vừa giúp giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và sự đa dạng văn hóa nhân loại. Thông qua DSVH, hình ảnh văn hóa, con người của cộng đồng, quốc gia, dân tộc được quảng bá và nhận diện rộng rãi trong nước và quốc tế.

Ba là, DSVH là cơ sở khơi nguồn sáng tạo và tái tạo các giá trị văn hóa của cộng đồng, dân tộc

DSVH đã trở thành chất liệu sáng tạo cho nhiều ngành nghệ thuật như nghệ thuật trình diễn, âm nhạc, mỹ thuật, điện ảnh, thời trang, thiết kế... Từ đó, nhiều sản phẩm văn hóa ra đời có sự kết hợp cả truyền thống và hiện đại. Các giá trị văn hóa truyền thống kết tinh trong di sản đã được duy trì và tái tạo trong không gian xã hội đương đại. Nói như Bourdieu, thông qua trường nghệ thuật, vốn DSVH đã được tái tạo, tiếp tục làm gia tăng nguồn vốn phục vụ phát triển KT-XH.

Bốn là, DSVH nâng cao hình ảnh, uy tín và vị thế của cộng đồng trong giao lưu, hội nhập

DSVH được xem là một dạng vốn văn hóa đã được cộng đồng công nhận giá trị, nhiều di sản đã được Nhà nước xếp hạng các cấp, UNESCO vinh danh là di sản thế giới, DSVH từ vốn văn hóa đã chuyển hóa thành vốn biểu tượng, tạo ra quyền lực biểu tượng [180]. Trong giao lưu và hội nhập trong nước và quốc tế, DSVH chính là “nguồn vốn” ban đầu của các địa phương và quốc gia, là lợi thế so sánh, khẳng định

vị thế, thương hiệu của mình, để thu hút sự quan tâm, giao lưu, đặt quan hệ hợp tác từ các đối tác trong nước và quốc tế. Bởi lẽ, đối với nhiều địa phương và quốc gia trong xã hội hiện đại vẫn chưa tạo dựng được nhiều thành tựu, chưa xác lập được vị thế, thì thông qua kho tàng DSVH chính là cách khẳng định vị thế một cách hùng hồn và thuyết phục, nhất là đối với các DSVH đã được Nhà nước, tổ chức UNESCO công nhận danh hiệu càng giúp gia tăng uy tín và vị thế của chủ sở hữu của nó.

Việt Nam chính là một minh chứng về một đất nước bước ra khỏi chiến tranh, kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, chưa có vị thế trên bản đồ quốc tế, nhưng nhiều quốc gia trên thế giới vẫn đặt quan hệ ngoại giao, giao lưu kinh tế với Việt Nam, bởi họ bị hấp dẫn bởi các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, một đất nước nhỏ bé, dân số không đông lắm, kinh tế thì nghèo nàn... nhưng lại có thể đánh thắng hai cường quốc hàng đầu trên thế giới. Truyền thống yêu nước, ý chí độc lập tự chủ, đoàn kết cộng đồng... là những giá trị độc đáo làm nên bản sắc của dân tộc Việt Nam, là lợi thế so sánh của Việt Nam trong giao lưu và hội nhập quốc tế. Hay các tỉnh như Ninh Bình muốn được các địa phương biết đến với thương hiệu Cố đô di sản, Đô thị di sản thiên niên kỷ hay Hội An với thương hiệu “thành phố cổ”...

(3) Di sản văn hóa với phát triển xã hội

Một là, DSVH góp phần tạo việc làm, thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và cải thiện kết cấu hạ tầng phát triển

Khi DSVH được khai thác và phát huy hiệu quả trong quá trình phát triển KT-XH, các hoạt động du lịch, thương mại và dịch vụ văn hóa phát triển tạo thêm cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống người dân. Đồng thời nguồn lực kinh tế tạo ra từ di sản còn góp phần thu hút đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng và các điều kiện phục vụ đời sống xã hội. Đây chính là những biểu hiện của quá trình chuyển hóa giá trị DSVH thành các nguồn lực phát triển, qua đó thúc đẩy tiến bộ xã hội và nâng cao phúc lợi cho cộng đồng địa phương.

Hai là, DSVH trở thành điểm tựa tăng cường đoàn kết cộng đồng, tạo môi trường xã hội ổn định để phát triển bền vững

Trong quá khứ, những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam như yêu nước, đoàn kết, anh hùng, dũng cảm, mưu trí... trong những giai đoạn đất nước lâm nguy trước nạn ngoại xâm, hay trong những lúc khó khăn, khủng hoảng, những giá trị ấy đã trở thành những động lực khơi dậy tài năng, trí tuệ, tình

cảm, bản lĩnh trong mỗi con người Việt Nam để cùng hợp sức, đoàn kết thống nhất đưa đất nước vượt qua khó khăn, hiểm nghèo và không ngừng phát triển, nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu đã từng giải thích về sức mạnh kì diệu Việt Nam: Bị đô hộ hàng mười mấy thế kỷ bởi một nước có văn hóa cao hơn nhiều và số dân đông hơn gấp bội, mà sau ngàn năm “ta vẫn là ta”, hẳn không phải vì những mũi tên nhọn hơn, bắp thịt cứng hơn, mà chủ yếu là nhờ vào văn hóa, nhờ đạo lý, nhờ hệ giá trị tinh thần của riêng mình[44; tr.82-84].

Hiện nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập toàn diện với thế giới, hệ giá trị văn hóa truyền thống kết tinh trong hệ thống DSVH là niềm tự hào, là giá trị định hướng, dẫn dắt, thúc đẩy các thế hệ hôm nay nỗ lực vươn lên đạt nhiều thành tựu sánh vai với bạn bè năm châu, xứng đáng với truyền thống của cha anh đi trước đã gây dựng.

DSVH với những sản phẩm vật thể hữu hình và sản phẩm phi vật thể như phong tục, tập quán, tín ngưỡng... và hệ thống giá trị chuẩn mực kết tinh trong nó là một thành tố quan trọng tạo nên môi trường sống của con người. DSVH được coi là tài sản chung của cả cộng đồng, do cộng đồng sáng tạo, công nhận, chọn lọc, giữ gìn và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Những giá trị tồn tại cho đến hiện tại được coi là những giá trị, chuẩn mực tinh hoa nhất, phù hợp nhất. Trong đời sống cộng đồng, những giá trị, chuẩn mực kết tinh trong các DSVH đó đã trở thành những giá trị định hướng nhận thức và hành vi của các cá nhân trong cộng đồng hướng đến những điều chân - thiện - mỹ. Đó là nền tảng “nâng đỡ” sự phát triển cộng đồng theo hướng bền vững.

Ba là, DSVH góp phần tạo lập mạng lưới quan hệ xã hội hợp tác và phát triển

DSVH không chỉ là một dạng vốn văn hóa mà còn có khả năng chuyển hóa thành vốn xã hội khi trở thành nền tảng kết nối các chủ thể như: Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng, các tổ chức, đối tác trong nước và quốc tế... trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH. Thông qua các hoạt động hợp tác, chia sẻ nguồn lực, trao đổi thông tin, phối hợp hành động giữa các chủ thể, các mạng lưới quan hệ xã hội được hình thành và mở rộng, tạo điều kiện huy động thêm nguồn lực cho phát triển địa phương. Nhờ đó, DSVH trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển KT-XH của địa phương, đất nước.

** Một số rào cản, thách thức từ DSVH đối với sự phát triển KT-XH*

DSVH không chỉ là nguồn vốn phát triển mà trong một số trường hợp cũng có thể trở thành rào cản đối với quá trình phát triển KT-XH, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa: Việc bảo tồn các không gian di sản với yêu cầu nghiêm ngặt về tính nguyên gốc và toàn vẹn có thể hạn chế khả năng mở rộng hạ tầng kỹ thuật, phát triển công nghiệp và quy hoạch đô thị hiện đại. Bên cạnh đó, yêu cầu bảo tồn di sản cũng có thể làm chậm quá trình hiện đại hóa đời sống cư dân trong khu vực, dẫn đến những xung đột giữa nhu cầu phát triển và yêu cầu bảo tồn DSVH. Đồng thời, quá trình duy trì và bảo tồn di sản đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn cho trùng tu, tôn tạo, quản lý và kiểm soát môi trường cảnh quan. Khi nguồn lực kinh tế còn hạn chế, chi phí bảo tồn cao có thể tạo áp lực lên ngân sách, làm giảm khả năng đầu tư vào các lĩnh vực phát triển khác. Trong trường hợp này, vốn văn hóa từ di sản chưa được chuyển hóa hiệu quả sang vốn kinh tế và vốn xã hội, thậm chí trở thành yếu tố kìm hãm quá trình tái cấu trúc không gian phát triển.

Bên cạnh đó, việc sử dụng nguồn vốn DSVH trong phát triển KT-XH cũng có thể gây ra nguy cơ gây xung đột và tái sản xuất bất bình đẳng xã hội, khi lợi ích kinh tế và quyền định đoạt di sản phân chia không đồng đều (chủ yếu vào tay doanh nghiệp, chủ đầu tư, chính quyền), khi độc quyền diễn giải di sản bởi nhà nước hoặc giới tinh hoa, còn cộng đồng chủ thể là người dân lại bị gạt ra ngoài quá trình ra quyết định và thụ hưởng... những nguy cơ này đã được cảnh báo trong các nghiên cứu của các tác giả như Dallen J. Timothy, Gyan (2009); Pierre Bourieu (1986).

Những hạn chế, thách thức từ DSVH có thể xảy ra như đã nói ở trên không xuất phát từ bản thân DSVH mà từ sự quản lý và hành động của các chủ thể. Nếu DSVH không được quản lý bằng tư duy phát triển bền vững, lấy cộng đồng làm trung tâm, thì di sản có thể trở thành con dao hai lưỡi vừa là nguồn vốn phát triển, vừa là rào cản đối với phát triển KT-XH.

1.2.2.2. Tác động của phát triển kinh tế - xã hội đối với di sản văn hóa

Mặc dù phần lớn các nghiên cứu về mối quan hệ giữa DSVH với phát triển thường tập trung vào chiều tác động của DSVH đối với phát triển KT-XH, song, nhiều nghiên cứu như: nghiên cứu của Timothy, D. J. và Nyaupane, G. P. [194], Sophia Labadi [188], Arthur Pedersen [74]... đã cho thấy, phát triển KT-XH, đặc biệt thông qua hoạt động du lịch cũng tác động mạnh mẽ đến DSVH theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Vận dụng lý thuyết các loại vốn của Bourdieu [178; 179; 180], vốn DSVH và các loại vốn tồn tại trong mối quan hệ tương tác và chuyển hóa lẫn nhau trong các bối cảnh xã hội cụ thể. Theo đó, sự phát triển KT-XH có thể được xem là quá trình tích lũy vốn, tạo ra các nguồn lực tài chính, nhân lực, hạ tầng, thể chế... tạo điều kiện cho bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và tái sản xuất vốn văn hóa. Tuy nhiên, quá trình này đồng thời chịu sự chi phối của nhiều tác nhân như lợi ích của các chủ thể, cơ chế thị trường, chính sách quản lý và các điều kiện phát triển cụ thể... Trong một số trường hợp, áp lực kinh tế thị trường và mục tiêu khai thác lợi ích kinh tế có thể dẫn đến nguy cơ thương mại hóa, công cụ hóa DSVH hoặc làm biến đổi các giá trị di sản. Vì vậy, tác động của phát triển KT-XH đối với DSVH mang tính hai mặt: vừa tạo điều kiện cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản, vừa tiềm ẩn nguy cơ làm biến đổi hoặc suy giảm các giá trị di sản. Những tác động này được biểu hiện trên các phương diện chủ yếu sau:

(1) Tác động tích cực

Một là, phát triển kinh tế - xã hội tạo nguồn lực vật chất cho bảo tồn và phát huy giá trị DSVH và tái sản xuất vốn văn hóa

DSVH là những sản phẩm được sáng tạo từ quá khứ, có những di sản đã trải qua hàng nghìn năm, để có thể giữ gìn, bảo tồn và truyền lại cho đến ngày nay và tiếp tục lưu truyền cho các thế hệ tương lai thì công tác bảo tồn, tôn tạo DSVH đòi hỏi phải đầu tư nguồn lực tài chính, vật chất rất lớn. KT-XH phát triển sẽ tạo điều kiện, tiền đề vật chất tăng đầu tư cho công tác phục dựng, bảo tồn, tôn tạo di sản; giúp hình thành những thể chế, chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, huy động nhiều nguồn lực phục vụ bảo tồn, phát huy giá trị DSVH như tăng chi ngân sách, thu hút tài trợ quốc tế, các nguồn lực xã hội hóa từ người dân và doanh nghiệp...

Kinh tế phát triển sẽ khuyến khích sự chuyên nghiệp hóa trong khai thác, phát huy giá trị di sản. Các tour, tuyến du lịch, dịch vụ, sản phẩm văn hóa được chuẩn hóa, nâng cao chất lượng. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác, phát huy di sản như giao thông, viễn thông, dịch vụ phát triển, hiện đại, thuận tiện hơn giúp di sản trở nên dễ tiếp cận, tăng tính hấp dẫn với du khách trong nước và quốc tế mang lại nguồn thu bền vững, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương.

Hai là, phát triển KT-XH tạo điều kiện mở rộng không gian phát huy và lan tỏa giá trị DSVH

Phát triển KT-XH giúp khai thác, phát huy, quảng bá, lan tỏa rộng rãi nhiều giá trị DSVH và các thực hành văn hóa truyền thống đến mọi miền đất nước và khắp thế giới thông qua các chương trình, dự án kế hoạch phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, giúp DSVH thực sự được “sống” và “phát triển” trong thế giới đương đại, chẳng hạn các kế hoạch, dự án khai thác DSVH trong phát triển du lịch, phát triển CNVH, phát triển sản phẩm OCOP...

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội nâng cao nhận thức và năng lực xã hội trong bảo tồn DSVH

Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, đi kèm là nâng cao dân trí, ý thức công dân, đặc biệt là nhận thức về bảo tồn DSVH. Cộng đồng cư dân địa phương được đào tạo, tham gia trực tiếp vào các hoạt động khai thác, phát huy giá trị di sản như quản lý, hướng dẫn viên, kinh doanh, buôn bán, cung cấp dịch vụ... được hưởng những lợi ích KT-XH từ di sản, từ đó tăng lòng tự hào và trách nhiệm bảo vệ di sản.

(2) Tác động tiêu cực

Sự phát triển KT-XH và quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH trong các hoạt động KT-XH nếu làm không đúng, không xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát triển DSVH, giữa lợi ích kinh tế và lợi ích văn hóa cũng có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho DSVH như:

- *Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa gây xâm lấn không gian di sản:* một số công trình phát triển kinh tế như nhà máy, xí nghiệp, công ty, khu công nghiệp, nhà hàng, khách sạn... công trình kiến trúc, nhà ở hiện đại được xây dựng xung quanh khu di sản có thể gây ra hiện tượng xâm hại không gian di sản, phá vỡ cảnh quan văn hóa - lịch sử vốn có, làm giảm tính nguyên gốc, giá trị thẩm mỹ của DSVH.

- *Phát triển kinh tế dựa trên khai thác, phát huy giá trị DSVH một cách đại trà, thiếu chọn lọc có thể làm suy giảm tính nguyên gốc của di sản:* Xu hướng “thương mại hóa”, “kinh tế hóa” di sản, không giải quyết hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản, tập trung khai thác quá mức giá trị kinh tế dẫn đến tình trạng xâm hại di sản, làm xói mòn các giá trị tinh thần, khiến di sản bị biến thành “hàng hóa” hơn là “báu vật tinh thần”. Hay tình trạng “làm mới”, phục dựng giả tạo các

DSVH để phục vụ du khách tạo nên hiện tượng di sản bị hư cấu. Điều đó không chỉ làm mất niềm tin của cộng đồng mà còn làm sai lệch lịch sử, biến đổi giá trị nhận thức của thế hệ trẻ. Lúc này, vốn văn hóa được chuyên hóa thành vốn kinh tế nhưng mất đi tính bền vững và chân thực của di sản.

- *Biến đổi sinh kế và lối sống có thể làm mai một thực hành văn hóa truyền thống*: KT-XH phát triển, quá trình hội nhập cùng thế giới khiến cho nhiều trào lưu, xu hướng văn hóa, giải trí mới xuất hiện làm cho nhiều loại hình DSVH và các giá trị truyền thống có nguy cơ bị mai một, bị lãng quên như: phong tục tập quán bị đứt gãy, nghề truyền thống bị suy giảm, nhiều lễ nghi, sinh hoạt văn hóa bị mai một hoặc biến đổi không giữ được nguyên gốc... Giới trẻ dễ bị cuốn vào lối sống hiện đại, coi nhẹ các tập tục, thực hành văn hóa bản địa.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa DSVH và phát triển KT-XH, gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH là một hướng đi đúng đắn, vừa giúp bảo tồn, phát triển di sản, để di sản được “sống”, đồng hành cùng sự phát triển, vừa tạo ra lợi ích KT-XH cho cộng đồng. Tuy nhiên, để phát triển bền vững đòi hỏi các quốc gia có phải có cơ chế, chính sách, xây dựng quy hoạch, tạo sự đồng thuận cộng đồng, tôn trọng truyền thống và đảm bảo cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, giữa giữ gìn và khai thác, giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu văn hóa.

1.2.3. Lý thuyết nghiên cứu

1.2.3.1. Lý thuyết các loại vốn của Pierre Bourdieu

Khái niệm “vốn văn hóa” (Cultural capital) được nhà xã hội học người Pháp, Pierre Bourdieu (1930-2002) đề xuất, phát triển và hoàn thiện chủ yếu thông qua các tác phẩm của ông như: *Cultural Reproduction and Social Reproduction (Tái sản xuất văn hóa và tái sản xuất xã hội)* (1973); *Distinction: A social critique of the judgement of taste (Phân biệt: Phê phán xã hội về thị hiếu)* (1984) và “*The Forms of Capital (Các hình thức của vốn)*” (1986) [178] [179] và [180] nhằm mục đích lý giải sự tái sản xuất bất bình đẳng giai cấp không chỉ được thực hiện thông qua nền tảng kinh tế mà còn thông qua việc sử dụng quyền lực văn hóa.

Bourdieu trong nghiên cứu *The Forms of Capital (các hình thức vốn)* (1986) - tác phẩm được coi là hoàn thiện lý thuyết về các loại vốn (Capital) đã xác định ba loại vốn cơ bản mà mọi chủ thể đều sở hữu và sử dụng trong các không gian xã hội khác nhau để đạt được lợi ích, địa vị, ảnh hưởng và quyền lực bao gồm: vốn kinh tế (Economic capital); vốn văn hóa (Cultural capital) và vốn xã hội (Social capital).

Theo ông, *vốn kinh tế* hay nguồn lực tài chính là tất cả các tài sản vật chất hay tài chính có thể chuyển đổi trực tiếp thành tiền bạc. Nó được thể chế hóa dưới dạng quyền sở hữu tài sản và các quyền lợi tài chính. Đây là hình thức vốn phổ biến nhất và là nền tảng của các loại vốn khác[180; p.242]. *Vốn xã hội* là tổng thể các nguồn lực hiện có hoặc tiềm năng gắn với việc sở hữu một mạng lưới các mối quan hệ xã hội bền vững dựa trên sự quen biết và công nhận lẫn nhau. Có thể hiểu, nói đến vốn xã hội là nói đến quy mô và chất lượng các mối quan hệ xã hội mà cá nhân hoặc nhóm có thể huy động được vì lợi ích của mình. Các mối quan hệ như: gia đình, dòng họ, bạn bè, đồng nghiệp, hội nhóm... Nhưng để duy trì được các mối quan hệ này đòi hỏi sự đầu tư liên tục như thông qua giao tiếp, quà tặng, sự giúp đỡ... [180; p.248-249] *Vốn văn hóa* là các nguồn lực phi vật chất, là tập hợp các tri thức, kỹ năng, sự giáo dục, thị hiếu văn hóa... mà một cá nhân sở hữu, giúp họ có được địa vị cao hơn, có nhiều hơn lợi ích và sự công nhận trong xã hội. Vốn văn hóa tồn tại dưới ba trạng thái: (1) “Trạng thái thể hiện” (hiện thân) (Embodied state) còn được gọi là “dạng chủ thể” là các yếu tố văn hóa kết tinh trong chủ thể của nó là con người bao gồm tri thức, năng lực, thói quen, thị hiếu, phong cách sống... Các yếu tố văn hóa trong cơ thể và tâm trí con người không phải tự nhiên mà có mà đòi hỏi được tích lũy, rèn luyện lâu dài qua thời gian. (2) “Trạng thái khách thể” (objectified state) là những yếu tố văn hóa tồn tại khách quan bên ngoài con người dưới dạng các vật phẩm văn hóa vật chất như: các công trình xây dựng nhà cửa, cung điện, lâu đài, sách, tranh, công cụ, nhạc cụ... tuy nhiên để các yếu tố văn hóa này có thể luân chuyển, tạo ra lợi ích và giá trị đòi hỏi người sở hữu và sử dụng nó phải có vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện chẳng hạn như khả năng thưởng thức tranh, có kiến thức hiểu biết về kiến trúc, nghệ thuật...(3) “Trạng thái thể chế hóa” (Institutionalized State) như danh hiệu, bằng cấp, học vị và chứng chỉ học thuật... giúp hợp pháp hóa năng lực, tri thức văn hóa thành các giá trị xã hội[180; p.243-247]. Ngoài ba loại vốn trên, Bourdieu còn đề cập đến loại vốn thứ tư là *vốn biểu tượng* (Symbolic capital). Theo ông, vốn biểu tượng không phải là một loại vốn tách biệt mà là hình thức các loại vốn khác nhau có được khi chúng được nhìn nhận và công nhận là hợp pháp. Điều này có nghĩa là khi vốn kinh tế, văn hóa hay xã hội được thừa nhận là hợp pháp, chính đáng thì nó trở thành vốn biểu tượng. Có thể hiểu vốn biểu tượng là danh dự, uy tín, danh tiếng, là sự công nhận đối với các loại vốn mà chủ thể sở hữu được[180; p.241]. Trong đó, trung tâm lý thuyết vốn của

Bourdieu là khái niệm *vốn văn hóa*. Tất cả các loại vốn, vốn kinh tế hay vốn xã hội đều có chức năng duy trì trật tự giai cấp xã hội, nhưng vốn văn hóa được xem là cơ chế chủ yếu khiến các bất bình đẳng xã hội được duy trì và tái tạo qua các thế hệ mà vẫn có vẻ tự nhiên và chính đáng bằng cách phổ biến và hợp thức hóa văn hóa của giai cấp thống trị như là “văn hóa hợp pháp” (legitimate culture).

Bourdieu cho rằng, các loại vốn là nguồn gốc của mọi hình thức quyền lực trong xã hội, ai tích lũy được nhiều vốn sẽ có khả năng tạo ra nhiều lợi ích, duy trì vị thế và quyền lực của bản thân. Trong đó, vốn kinh tế đóng vai trò là nền tảng và dễ dàng nhất để chuyển đổi thành các loại vốn khác. Tuy nhiên, các loại vốn văn hóa, vốn xã hội cũng có thể chuyển đổi thành vốn kinh tế. Các loại vốn được liên kết và chuyển hóa lẫn nhau tạo nên một quá trình trao đổi xã hội. Sự chuyển hóa giữa các loại vốn không được diễn ra trực tiếp mà thường diễn ra ở những cấu trúc trung gian (intermediary structures) như nhà trường, nhà nước, tôn giáo, gia đình, nghề nghiệp, câu lạc bộ, hiệp hội, mạng lưới xã hội... đóng vai trò là cơ chế trung chuyển, chuyển đổi và hợp pháp hóa các loại vốn, từ đó duy trì trật tự xã hội hiện có và các loại vốn không thể chuyển đổi lẫn nhau một cách tức thời, dễ dàng mà luôn đòi hỏi phải có sức lao động chuyển đổi (conversion labor) được đầu tư lâu dài về thời gian (temporal investment) và có cả chi phí rủi ro. Sự chuyển đổi vốn trong xã hội được thực hiện chủ động, có tính chiến lược, các nhóm xã hội chuyển đổi các loại vốn mà họ dồi dào sang những loại vốn họ đang thiếu nhằm tối đa hóa lợi ích và củng cố vị thế trong các không gian xã hội khác nhau [180; p. 252-254].

Mặc dù, mục đích nghiên cứu lý thuyết về các loại vốn và sự chuyển hóa các loại vốn của Bourdieu là nhằm phơi bày cơ chế tái sản xuất bất bình đẳng xã hội thông qua tái sản xuất các loại vốn, trong đó, tái sản xuất vốn văn hóa thông qua giáo dục và thị hiếu được coi là cơ chế tái sản xuất bất bình đẳng giai cấp diễn ra tự nhiên và chính đáng bằng việc phổ biến và công nhận văn hóa của giai cấp thống trị là hợp pháp, nhưng lý thuyết của ông đã trở thành nền tảng quan trọng để các nhà nghiên cứu kế thừa, phát triển và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là ứng dụng trong nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa và sự phát triển.

1.2.3.2. Vận dụng lý thuyết các loại vốn của Pierre Bourdieu trong nghiên cứu mối quan hệ giữa di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội

Khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu đã được nhiều nhà nghiên cứu quốc tế và Việt Nam kế thừa và phát triển. Robert Putnam [191] và Francis Fukuyama [182]

cho rằng vốn văn hóa bao gồm cả những tài sản văn hóa vật thể và phi vật thể, là nguồn lực được sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo ra của cải vật chất phục vụ sự phát triển của xã hội. Nhưng khác với Bourdieu coi vốn văn hóa là tài sản thuộc sở hữu của cá nhân thì các ông coi vốn văn hóa thuộc sở hữu của cả cá nhân và tập thể. David Throsby trong nghiên cứu “Cultural Capital” [193] đã mở rộng khái niệm vốn văn hóa từ lĩnh vực kinh tế sang lĩnh vực văn hóa. Theo ông, vốn văn hóa cùng với ba loại vốn là vốn tự nhiên, vốn vật chất và vốn con người là những nguồn vốn quan trọng cốt lõi phục vụ sự phát triển. Vốn văn hóa là một tài sản (asset) chứa đựng, lưu giữ hoặc tạo ra các giá trị văn hóa (cultural value) bên cạnh giá trị kinh tế mà nó có thể mang lại. Vốn văn hóa tồn tại dưới hai dạng hữu hình và vô hình. Vốn văn hóa hữu hình như là: các tác phẩm nghệ thuật, những hiện vật, các công trình di sản... vốn văn hóa vô hình như: âm nhạc, văn học, truyền thống, giá trị, niềm tin và mạng lưới quan hệ văn hóa... Theo ông vốn văn hóa có thể tạo ra lợi ích lâu dài thông qua tiêu dùng, sáng tạo và tái sản xuất văn hóa. Nhưng vốn có thể xuống cấp theo thời gian đòi hỏi phải được đầu tư, bảo tồn và tu bổ. Ông cho rằng, khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu sử dụng không có sự tách bạch rõ ràng với các loại vốn khác, Bourdieu cho rằng vốn văn hóa là chỉ năng lực, tri thức hiểu biết và thị hiếu văn hóa của cá nhân, điểm này theo Throsby là một khía cạnh của vốn con người, còn khi Bourdieu nói vốn xã hội là chỉ mạng lưới các mối quan hệ trong cộng đồng thì lại có sự trùng lặp đáng kể với vốn văn hóa vô hình mà ông đã đề cập. Các nhà nghiên cứu Việt Nam, khi kế thừa vận dụng khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu cũng cho rằng cần phải có sự thích nghi với bối cảnh của nền văn hóa Việt Nam- nền văn hóa phương Đông đề cao tính cộng đồng, nhà nghiên cứu Hà Hữu Nga cho rằng: “bên cạnh vốn văn hóa cá nhân phương Tây, chúng ta sẽ bổ sung và tìm cách khai thác thêm di sản “vốn văn hóa” gắn liền với cộng đồng”[67, tr.3]. Nhà nghiên cứu Trần Hữu Dũng [22] đã phân tích khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu, nhưng ông tiếp cận vốn văn hóa bao gồm vốn văn hóa vật thể và phi vật thể. Theo ông, vốn văn hóa là điều kiện và là kết quả được sinh ra từ các hoạt động của con người, sau đó, nó lại ảnh hưởng, tác động đến hoạt động và sự phát triển đời sống của con người. Mặc dù quan điểm của các nhà nghiên cứu về vốn văn hóa không hoàn toàn trùng với khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu nhưng đều thống nhất ở đánh giá vốn văn hóa có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển và có khả năng tác động đến sự phát triển. Và cách phân tích các hình thái biểu hiện của vốn văn hóa của

Bourdieu cũng cung cấp thêm một cách nhận diện vốn văn hóa qua các hình thái biểu hiện bên ngoài của nó.

Vận dụng các luận điểm lý thuyết về các loại vốn của Bourdieu, NCS vận dụng trên tinh thần kế thừa những luận điểm lý thuyết phù hợp mục tiêu nghiên cứu nhằm làm rõ mối quan hệ giữa DSVH với sự phát triển KT-XH.

Thứ nhất, vận dụng khái niệm vốn văn hóa của Bourdieu, DSVH có thể được nhìn nhận là hình thái *vốn văn hóa* không chỉ thuộc sở hữu của cá nhân mà thuộc về cộng đồng, địa phương, quốc gia, dân tộc. DSVH tồn tại cả dưới dạng DSVH phi vật thể như: các tri thức dân gian, văn học, nghệ thuật dân gian, lễ hội truyền thống, bí kíp nghề truyền thống, giá trị truyền thống... và DSVH vật thể như các di tích lịch sử - văn hóa: đền, chùa, đình, miếu...; di vật, cổ vật... DSVH là nguồn vốn được sáng tạo và tích lũy và tái sản xuất qua thời gian trong quá trình tồn tại và hoạt động của con người. DSVH là nguồn vốn văn hóa quan trọng giúp chủ sở hữu của nó có thể thu được các lợi ích, địa vị, quyền lực trong các bối cảnh xã hội cụ thể... thông qua việc chuyển hóa thành các loại vốn kinh tế, vốn xã hội, vốn biểu tượng.

Thứ hai, vận dụng lý thuyết chuyển hóa giữa các loại vốn của Bourdieu cho phép ta tiếp cận DSVH không chỉ là sản phẩm của quá khứ để bảo tồn mà còn như một dạng vốn văn hóa có khả năng tham gia vào quá trình phát triển KT-XH. Đồng thời để thấy được những vấn đề cần lưu ý để quá trình chuyển đổi vốn DSVH diễn ra mang lại lợi ích KT-XH cao nhất cho các chủ thể mà vẫn giữ gìn được giá trị văn hóa - biểu tượng ban đầu của DSVH.

Bourdieu chỉ ra rằng mọi loại vốn đều có tính tương tác và chuyển hóa lẫn nhau, vốn văn hóa không tồn tại tách biệt mà luôn gắn bó với vốn kinh tế, vốn xã hội và vốn biểu tượng. Theo đó, vốn DSVH có thể được chuyển hóa thành vốn kinh tế thông qua hoạt động khai thác và thương mại hóa các giá trị di sản, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch văn hóa và các dịch vụ liên quan góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Đồng thời, di sản cũng đóng vai trò tạo lập và củng cố vốn xã hội khi trở thành nền tảng cho các thực hành văn hóa cộng đồng, các lễ hội và sinh hoạt văn hóa gắn với di sản, từ đó tăng cường mức độ gắn kết xã hội, niềm tin và mạng lưới tương tác giữa các chủ thể trong cộng đồng địa phương. Bên cạnh đó, khi được thừa nhận rộng rãi ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế, DSVH còn có khả năng chuyển hóa thành vốn biểu tượng, góp phần định vị hình ảnh, uy tín và bản sắc của địa phương như một không gian văn hóa đặc thù. Các nguồn vốn này lại có thể được huy động cho các dự án phát triển địa phương khác và lại được tái đầu tư cho

văn hóa, giúp bảo tồn, giữ gìn DSVH, từ đó lại tái sản xuất vốn văn hóa mới và lại tiếp tục một chu trình chuyển hóa vốn mới.

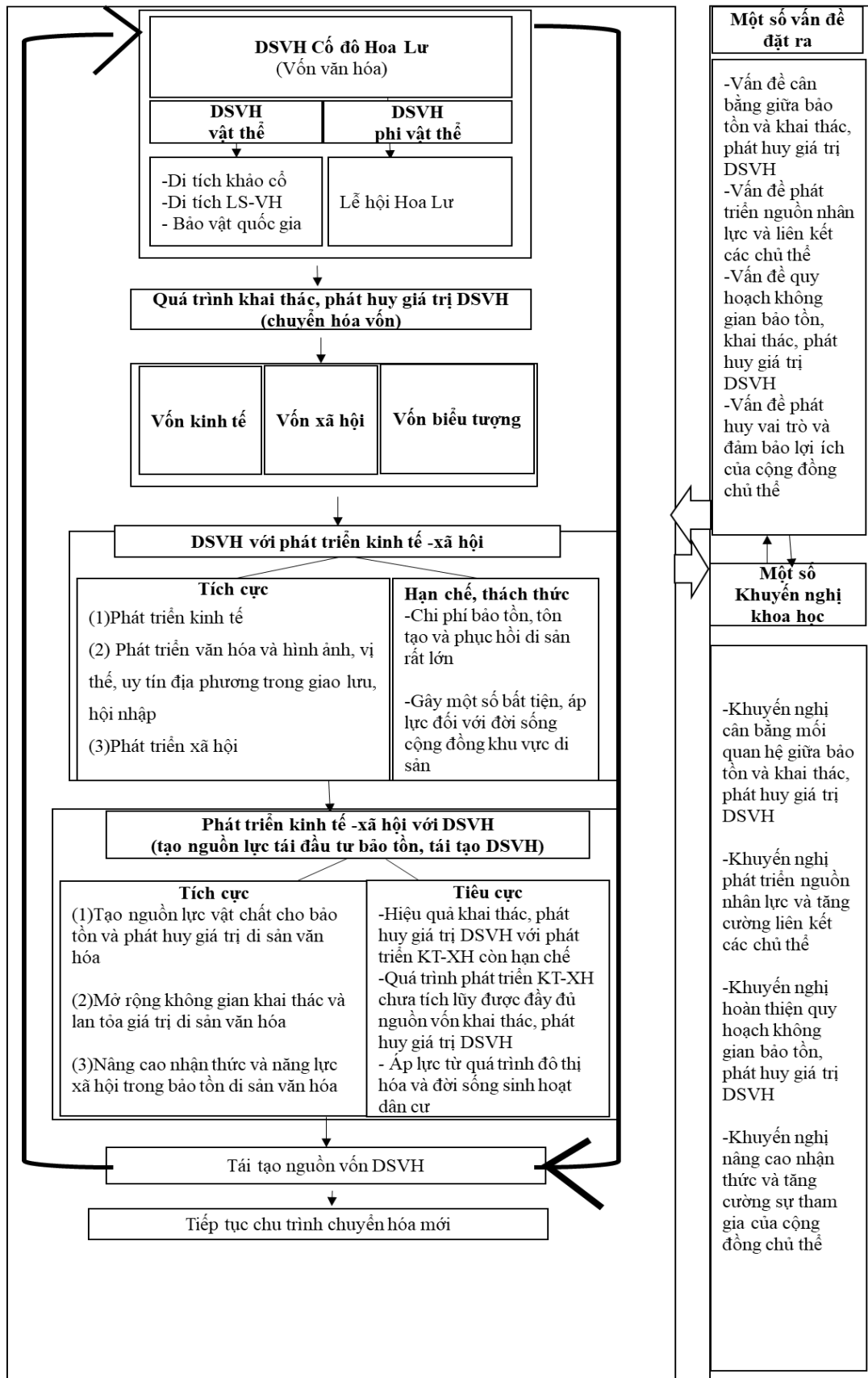
Theo cách tiếp cận của Bourdieu, sự chuyển hóa giữa các loại vốn không diễn ra một cách tự động mà luôn phụ thuộc vào cấu trúc của các không gian xã hội cụ thể, nơi các chủ thể với nguồn vốn và vị thế khác nhau tương tác, cạnh tranh hoặc hợp tác với nhau để trao đổi vốn, lợi ích, quyền lực. Điều này giúp chúng ta hiểu, để các loại vốn có thể chuyển hóa lẫn nhau, để vốn DSVH có thể chuyển hóa thành vốn kinh tế, xã hội, biểu tượng thì cần sự tham gia của các chủ thể, sử dụng nhiều công cụ tác động khác nhau, chẳng hạn, trong trường hợp Cố đô Hoa Lư, quá trình chuyển đổi vốn DSVH chịu sự chi phối của nhiều chủ thể Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng địa phương thông qua các công cụ như chủ trương, chính sách, thể chế, nguồn lực tài chính, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, thị trường... Chính trong các tương tác này, giá trị DSVH vừa được gia tăng về mặt KT-XH, vừa có nguy cơ bị tái định nghĩa theo logic thị trường, từ đó đặt ra yêu cầu cân bằng giữa khai thác, phát triển và bảo tồn giá trị biểu tượng gốc của di sản. Vận dụng quan điểm của Bourdieu về sự chuyển hóa vốn này, chúng ta có thể tìm ra những giải pháp, huy động các nguồn lực và các công cụ tác động cần thiết nhằm thúc đẩy chuyển hóa vốn giữa DSVH với các loại vốn khác phục vụ phát triển nhằm hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH.

Bourdieu nhìn quá trình chuyển đổi các loại vốn là quá trình nhằm tái sản xuất bất bình đẳng giai cấp xã hội. Trong đó, tái sản xuất vốn văn hóa được coi là cơ chế tái sản xuất bất bình đẳng xã hội làm cho bất bình đẳng giai cấp được tái tạo một cách tự nhiên, chính đáng. Vận dụng quan điểm của Bourdieu trong khi nghiên cứu quá trình sử dụng vốn DSVH trong phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa..., luận án còn nhằm xem xét liệu quá trình này có làm nảy sinh bất bình đẳng hay không, liệu lợi ích có được chia xứng đáng cho các chủ thể tham gia hay chỉ chảy vào túi một bộ phận chủ thể như nhà đầu tư, doanh nghiệp? liệu cộng đồng người dân địa phương - những chủ thể gắn bó với di sản có bị đẩy ra khỏi khu vực trung tâm khi di sản được khai thác, phát huy trở thành những “hàng hóa” du lịch cao cấp hay không?...

1.2.4. Khung phân tích của luận án

Vận dụng lý thuyết các loại vốn và sự chuyển hóa giữa các loại vốn của Pierre Bourdieu, NCS xây dựng khung phân tích lý giải mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với sự phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình trong mô hình hóa như sau:

MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ -XÃ HỘI



Mô hình trên không phải là tuyến tính mà là một *chu trình khép kín*, trong đó DSVH với tư cách là vốn văn hóa được chuyển hóa thành các loại vốn trong quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH. Ngược lại, sự phát triển KT-XH lại tiếp tục tích lũy vốn và tiếp tục chuyển hóa các loại vốn này thành vốn văn hóa thông qua đầu tư bảo tồn, tái tạo DSVH và tái sản xuất vốn văn hóa, tiếp tục khởi động một chu trình *chuyển hóa mới*. Quá trình này diễn ra liên tục, tạo thành một vòng lặp động của chuyển hóa và tái sản xuất vốn. Đây chính là cơ sở lý luận để luận án nhận diện, phân tích mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình trong thực tiễn.

Đối tượng trung tâm của khung phân tích là DSVH Cố đô Hoa Lư bao gồm cả DSVH vật thể và DSVH phi vật thể với hệ thống các giá trị biểu tượng - lịch sử - căn tính. DSVH Cố đô Hoa Lư được tiếp cận như một dạng vốn văn hóa đặc thù, có khả năng được chuyển hóa thành các loại vốn kinh tế, vốn xã hội và vốn biểu tượng thông qua quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH. Quá trình chuyển hóa này tạo ra những kết quả và tác động trên các phương diện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Ninh Bình như thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ và thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa; đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của xã hội, nâng cao hình ảnh, uy tín và vị thế của địa phương; tạo việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống người dân, tạo mạng lưới xã hội hợp tác, phát triển, tăng cường đoàn kết cộng đồng và huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển. Bên cạnh đó, DSVH cũng đặt ra một số rào cản, thách thức đối với đời sống KT-XH của cộng đồng như: Đòi hỏi chi phí bảo tồn, tôn tạo và phục hồi di sản rất lớn và tạo ra một số bất tiện và rào cản đối với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa trong đời sống người dân.

Đồng thời, khung phân tích cũng xem xét chiều tác động ngược trở lại của quá trình phát triển KT-XH đối với DSVH Cố đô Hoa Lư: Khi KT-XH phát triển, các nguồn lực mới được tạo ra sẽ được tái đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, góp phần làm giàu vốn DSVH và tạo tiền đề cho chu trình chuyển hóa tiếp theo. Ngược lại nếu quá trình khai thác, phát huy giá trị di sản thiếu kiểm soát hoặc phát triển kinh tế đặt mục tiêu lợi ích trước mắt lên trên yêu cầu bảo tồn, DSVH có thể bị suy giảm giá trị, làm hạn chế khả năng chuyển hóa vốn và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương.

Như vậy mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH được nhìn nhận như một quá trình tương tác hai chiều vừa là điều kiện, vừa là kết quả của nhau.

Tiểu kết chương 1

Cũng giống như văn hóa, DSVH và mối quan hệ giữa di sản với phát triển KT-XH là vấn đề thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều ngành khoa học và các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế. Chương đã tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan theo các nhóm vấn đề chủ yếu như: Các nghiên cứu về DSVH với phát triển KT-XH; Các nghiên cứu về DSVH ở Ninh Bình với phát triển KT-XH và các nghiên cứu về DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH. Qua đó cho thấy, dù đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng vẫn còn thiếu các công trình nghiên cứu một cách hệ thống về mối quan hệ biện chứng giữa DSVH với phát triển KT-XH nói chung và DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH địa phương nói riêng.

Dưới nhiều góc độ khác nhau, các nhà nghiên cứu đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan như: khái niệm và phân loại DSVH, khái niệm và phân loại giá trị DSVH. Theo đó, DSVH được hiểu là sản phẩm do con người sáng tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển; chứa đựng các giá trị vật chất và tinh thần quý báu được các chủ thể thừa nhận, giữ gìn, tái tạo, phát triển và trao truyền qua nhiều thế hệ, trở thành tinh hoa văn hóa dân tộc. DSVH kết tinh hệ thống giá trị gắn với cái tốt, cái đẹp, cái tích cực hướng con người tồn tại và phát triển theo hướng chân - thiện - mỹ với như giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học, giá trị giáo dục, giá trị kiến trúc - nghệ thuật, giá trị cảnh quan, giá trị kinh tế...

Đặc biệt, việc vận dụng lý thuyết các loại vốn của Pierre Bourdieu đã cung cấp một khung phân tích quan trọng để lý giải mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH. Theo đó, DSVH có thể được xem như một dạng vốn văn hóa có khả năng chuyển hóa sang các dạng vốn khác thúc đẩy phát triển KT-XH; đồng thời, vốn DSVH cũng được bảo tồn và tái tạo trong chính quá trình phát triển KT-XH. Quá trình chuyển hóa này không diễn ra một cách tự động, mà phụ thuộc vào nhiều điều kiện, thể chế quản lý, nguồn nhân lực và năng lực khai thác của cộng đồng... Nhờ đó, DSVH vừa là nền tảng tạo lập bản sắc, vừa trở thành nguồn lực thúc đẩy phát triển KT-XH bền vững.

Chương 2

DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VÀ BỐI CẢNH BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

2.1. KHÁI QUÁT VỀ DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ

2.1.1. Kinh đô Hoa Lư thế kỷ X - cội nguồn của hệ thống di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư ngày nay

Thế kỷ thứ X là thế kỷ đánh dấu bước chuyển mình vĩ đại của dân tộc ta, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hàng nghìn năm, chuyển sang giai đoạn xây dựng và bảo vệ đất nước, chống nạn xâm lược của phong kiến phương Bắc. Thế kỷ X cũng được biết đến là một thế kỷ đầy biến động, diễn ra nhiều sự kiện giao tranh chính trị, quân sự, với sự luân phiên trị vì của các triều đại: Chính quyền họ Khúc (905-930) mở đầu nền độc lập tự chủ của dân tộc với sự kiện Khúc Thừa Dụ - hào trưởng Hồng Châu lật đổ ách thống trị của nhà Đường (905), tự xưng Tiết độ sứ, trị vì đất nước. Tiếp theo, Dương Đình Nghệ, là một bộ tướng của nhà họ Khúc, và là một hào trưởng có tiếng ở Ái Châu lãnh binh lật đổ nhà Hậu Lương ở Đại La, tự xưng là Tiết độ sứ, tiếp nối sự nghiệp lãnh đạo đất nước (931-937). Đến năm 938, Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, tạo cơ sở cho sự ra đời của vương triều họ Ngô. Đầu năm 939, Ngô Quyền xưng Vương, thiết lập triều đại nhà Ngô, đóng đô ở Cổ Loa - vốn là kinh đô của nhà nước Âu Lạc thời An Dương Vương, với ý nghĩa phục hồi quốc thống. Chiến thắng Bạch Đằng cùng với sự ra đời của vương triều Ngô được đánh giá là một bước ngoặt lịch sử vĩ đại, đánh dấu sự chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn giai đoạn hơn 1.000 năm của dân tộc ta và tạo cơ sở cho việc “phục hồi quốc thống” để các vương triều sau tiếp nối.

Tuy nhiên, sự trị vì của chính quyền nhà Ngô chỉ yên bình trong khoảng 6 năm (939-944), thời gian Ngô Vương cầm quyền. Sau khi Ngô Quyền mất, sự tranh giành quyền lực diễn ra trong triều đình Cổ Loa; Nhiều tướng sĩ triều đình, các thổ hào địa phương, các thế lực vùng bắt đầu li khai với triều đình Ngô, xây dựng lực lượng, tiến hành cát cứ, sẵn sàng nổi dậy khi có điều kiện thuận lợi. Tình hình đó

dần đưa đến sự hình thành của cục diện 12 “sứ quân” nổi lên, cát cứ ở các địa phương, tiến hành đánh chiếm, tranh giành địa bàn của nhau (966-967). Nội chiến xảy ra, đất nước bị chia năm, xẻ bảy, tình hình chính trị - xã hội bất ổn.

Về Đinh Bộ Lĩnh (924-979), sách Đại Việt sử ký toàn thư viết: “Họ Đinh, tên húy là Bộ Lĩnh, người Động Hoa Lư, châu Đại Hoàng”[173, tr.210]. Quê hương của Đinh Bộ Lĩnh là thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, Châu Đại Hoàng, nay là thôn Văn Bông, xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình. Cha của Đinh Bộ Lĩnh là Đinh Công Trứ, là thuộc tướng dưới triều Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền, làm đến chức thứ sử Hoan Châu (Nghệ An) đến khi mất. Đinh Bộ Lĩnh từ nhỏ đã thể hiện tư chất thông minh, lanh lợi, được học hành, giáo dục đầy đủ. Từ nhỏ, ông đã thể hiện là một người hòa đồng, giỏi kết giao bạn hữu, có tư chất thủ lĩnh. Khi đất nước rối ren, loạn lạc, Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp quân sĩ, gây dựng lực lượng ở quê hương Hoa Lư, sau liên kết với sứ quân của Trần Lãm (Thái Bình) - một sứ quân mạnh trong 12 sứ quân, sau khi Trần Lãm mất, Đinh Bộ Lĩnh trở thành người đứng đầu sứ quân này.

Dưới trướng của Đinh Bộ Lĩnh có nhiều tướng tài như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Lê Hoàn... và được nhân dân ủng hộ, cùng với tài năng thao lược, ông đã kết hợp nhiều biện pháp chính trị với quân sự, vừa khéo léo vận động, thuyết phục, liên kết, vừa mạnh mẽ đưa quân đi chinh phạt, cuối năm 967, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp yên được các sứ quân, thống nhất được đất nước. Quân, dân tôn ông là Vạn Thắng Vương.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, định đô ở Hoa Lư (thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt niên hiệu là Thái Bình. Theo Đại Việt sử ký toàn thư: “Vua lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi. Bầy Tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng Đế”[57, tr.211]. Việc thiết lập quốc gia Đại Cồ Việt dưới sự trị vì của Đinh Tiên Hoàng Đế, đặt kinh đô ở Hoa Lư có giá trị to lớn đối lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc ta:

Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, xưng là hoàng đế, đặt quốc hiệu, xây dựng kinh đô Hoa Lư, đặt niên hiệu đã khẳng định nền độc lập tự chủ và vị thế của quốc gia. Bởi, trước đó, nước ta mới được coi như là các chư hầu của Trung Quốc, chứ chưa được coi là một nước “...Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ sách phong của Trung Quốc mới nhận cho đúng riêng là một nước.” [18, tr.186] Sự kiện này là mốc son đánh dấu bước chuyển mình vĩ đại của dân tộc, khẳng định vị thế quốc gia sánh ngang nước đại phong kiến phương Bắc. Công lao dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước của Đinh Tiên Hoàng được so sánh ngang với việc Tần Thủy Hoàng đã thôn tính được sáu nước, thống nhất Trung Quốc vào thời trước công nguyên. Từ đây, đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới, độc lập, tự chủ và thống nhất lâu dài, bắt tay vào xây dựng một chế độ xã hội mới, nối tiếp quốc thống.

Kinh đô Hoa Lư - một quân thành vững chắc bảo vệ nền độc lập, tự chủ và thống nhất của quốc gia Đại Cồ Việt

Theo Đại Nam Nhất thống trí, “Đô cũ của nhà Đinh, nhà Lê ở xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ...”. [77, tr.224] Trường Yên Hạ, và Trường Yên Thượng thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Khu vực xây dựng kinh đô Hoa Lư là một khu vực có diện tích khoảng 300 ha. Đó là một khu vực đồng chiêm trũng, được bao quanh bốn mặt bởi hàng loạt các dãy núi nối tiếp nhau theo hình vòng cung, trong đó có những dãy núi cao đến hơn 200 m. Quang cảnh xung quanh Kinh đô Hoa Lư là một vùng núi non trùng điệp, thiên nhiên hoang sơ, hiểm trở. Vua Đinh Tiên Hoàng đã triệt để tận dụng địa thế tự nhiên của các dãy núi cho xây dựng những bức tường thành nhân tạo nối liền khoảng hở giữa các ngọn núi tạo nên bức tường thành kiên cố bảo vệ Kinh đô. “Nơi đây, bốn mặt đều có núi đá đứng thẳng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người xứ ấy gọi là động Hoa Lư... trong lòng động rộng hai trượng có một cái lạch nước quanh co khuất khúc chảy đến phía nam thành Hoa Lư... họ Đinh nhân thế núi đắp thành ấy, chu vi năm mươi trượng... như thế thì động Hoa Lư là chỗ Đinh Tiên Hoàng khoả binh; thành Hoa Lư ở Trường Yên là nơi đóng đô của họ Đinh”. [78, tr.227-228]

Kinh đô Hoa Lư gồm hai khu vực là khu vực Thành Ngoại và Thành Nội, là hai khu vực cách biệt nhưng nằm gần nhau, được ngăn cách với nhau bằng một lối

đi gọi là Quền (là chỗ núi hạ thấp xuống) Vông. Khu vực thành ngoại rộng khoảng 140ha, là nơi xây dựng cung điện chính, khu vực đền vua Đinh, vua Lê hiện nay đang tọa lạc chính là trung tâm, là nơi vua Đinh cấm cò nước, lấy núi Mã Yên phía trước cung làm án. Thành ngoại ngày nay thuộc các thôn Yên Thượng, Yên Thành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Thành nội rộng khoảng 160 ha, còn có tên gọi là Thụ Nhi xã hay Khố nhi xã, là nơi ở của gia đình các quan lại, nơi đóng quân hoặc xây dựng kho tàng[3, tr.12-13]. Ngày nay, thành Nội thuộc địa phận thôn Chi Phong, xã Trường Yên.

Không giống các vương triều trước chọn nơi đóng đô là các khu vực trung tâm như Đại La (họ Khúc), hay Cổ Loa (họ Ngô)... Đinh Tiên Hoàng chọn nơi lập kinh đô mới là vùng đất Hoa Lư. Theo *Đại Việt Sử ký toàn thư*, ban đầu, Đinh Bộ Lĩnh “chọn được chỗ đất đẹp ở Đàm Thôn¹, vua muốn dựng đô ở đó, nhưng vì thế đất chật hẹp lại không có lợi về việc đặt hiểm nên vẫn đóng đô ở Hoa Lư” [57, tr.211]. Bởi Hoa Lư lúc bấy giờ là vùng đất liền sông, liền biển, có núi non trùng điệp bao quanh, địa hình hiểm trở, không gần biên giới, không lo bị phong kiến phương Bắc đánh úp bất ngờ. Đó là địa bàn rất thuận lợi cho việc phòng vệ. Trong bối cảnh thế kỷ X, mặc dù Đinh Tiên Hoàng đã dẹp được 12 sứ quân thống nhất đất nước, nhưng nguy cơ cát cứ của các thế lực trong nước và nguy cơ xâm lược của phong kiến phương Bắc vẫn còn rất lớn, trong khi chính quyền nhà nước trung ương chưa thực sự vững mạnh. Việc lựa chọn kinh đô thiên về phòng hiểm, lựa chọn đóng đô ở địa bàn như Hoa Lư là việc làm rất đúng đắn của vua Đinh, Lê trong buổi đầu dựng nước. Kinh đô Hoa Lư đã trở thành kinh đô của Đại Cồ Việt 42 năm (968-1010) dưới hai triều đại Đinh, Tiền Lê. Nhờ đó, nhà Đinh, Lê đã bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất đất nước, xây dựng được chính quyền tập trung quyền lực vững mạnh, tạo cơ sở cho sự phát triển của đất nước giai đoạn về sau.

Sự phát triển của nước Đại Cồ Việt và kinh đô Hoa Lư tạo cơ sở cho quá trình phục hưng và phát triển của đất nước sau này

Sau khi thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng bắt đầu ổn định triều chính, ổn định nội cung. Bên cạnh việc xây dựng hệ thống tường thành, cung điện kinh đô,

¹ Đàm Thôn là Diêm xá, nay là xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Vua đã tập trung vào xây dựng hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước, xây dựng chính sách quân sự, ngoại giao, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước. Về tổ chức bộ máy, đứng đầu nhà nước, có vai trò quyết định mọi việc liên quan đến vận mệnh đất nước là vua Đinh Tiên Hoàng. Vua chia triều đình thành hai ban văn, võ, ban tước hiệu, phẩm vị cho bề tôi như: năm 971, Đinh Tiên Hoàng phong cho Nguyễn Bặc chức Định Quốc Công đứng đầu triều, Lưu Cơ được phong là Đô hộ phủ sĩ trông coi việc hình án [57; tr.212], phong Lê Hoàn là Thập đạo tướng quân đứng đầu quân đội... Về quân sự, lực lượng quân đội được chú trọng xây dựng lên đến khoảng 1 triệu người (chiếm 1/3 dân số). Về việc bang giao, năm 969, Đinh Tiên Hoàng phong con trai trưởng là Đinh Liễn là Nam Việt Vương đặc trách việc bang giao, “mùa xuân, tháng giêng... [năm Canh Ngọ, 970] sai sứ sang giao hảo với nhà Tống” [57; tr.212], đặt quan hệ bang giao chính thức giữa hai quốc gia, hai vương triều. Bàn về Triều Đinh và vua Đinh Tiên Hoàng, nhà sử học Lê Văn Hưu viết: “... Vua mở nước dựng đô, đối xung Hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đầy đủ” [106; tr.45-47].

Kế tục sự nghiệp của nhà Đinh, nhà Tiền Lê (mở đầu là Lê Hoàn (941-1005) lên ngôi năm 980), vẫn lựa chọn đóng đô ở kinh đô Hoa Lư, tiếp tục công cuộc xây dựng và bảo vệ nền độc lập, tự chủ, thống nhất của quốc gia Đại Cồ Việt. Đại Hành là hiệu của vua Lê Hoàn được người ta gọi sau khi ông đã mất. Trong quá trình trị vì đất nước, vua Lê Đại Hành đã có nhiều công lao, đóng góp như: đánh tan quân Tống ở phương Bắc; bình Chiêm ở phía Nam (981-982) bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Ông tiếp tục cho xây dựng nhiều công trình cung điện bề thế ở kinh đô Hoa Lư. Về việc trị vì, lãnh đạo đất nước, vua Lê Đại Hành rất chú trọng xây dựng lực lượng quân đội, tiếp tục thực hiện chính sách bang giao với Triều Tống; chú trọng phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng hệ thống thủy lợi dẫn nước, năm 987, vua cày ruộng tịch điền, trở thành vị vua đầu tiên trong lịch sử đi cày ruộng. Vua rất coi trọng Phật giáo, trọng dụng, tham khảo ý kiến các nhà sư trong công việc triều chính, đối nội, đối ngoại của quốc gia như Thiền sư Khuông Việt, Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Vạn Hạnh... Dưới sự trị vì của nhà Tiền Lê (chủ yếu dưới đời vua Lê Đại Hành (980-1005), kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt đạt được sự ổn định về chính trị, quân sự, hoạt động kinh tế, văn hóa,

ngoại giao có sự phát triển so với Triều Đinh. Nhận định về công lao của vua Lê Đại Hành, Phan Huy Chú viết trong *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Vua chống quân Tống, bình nước chiêm, chôn Hoa Hạ (nhà Tống) và Man Di đều sợ hãi. Trung Quốc mấy lần sách phong khen ngợi. Tiếng tăm vua lòng lẫy. Nói về trị nước thì vua để ý việc thường dùng của dân, dốc lòng về quốc chính, trọng nông nghiệp, cẩn thận về biên phòng, quy định pháp lệnh, tuyển dân làm lính, đổi đặt châu phủ, chia đặt các phiên trấn, kẻ cũng cố gắng chăm chỉ lắm” [17; tr.192].

Suốt 42 năm (968-1010) dưới hai triều đại nhà Đinh và Tiền Lê, đóng vai trò là kinh đô của quốc gia Đại Cồ Việt, kinh đô Hoa Lư đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang: “là kinh đô đầu tiên của nước ta trong khi kiến quốc” [77; tr.245]. Những thành tựu về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao của Chính quyền Hoa Lư đã củng cố vững chắc độc lập chủ quyền và tăng cường tiềm lực của quốc gia, là cơ sở quan trọng để vua Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư - một kinh đô thiên về quân sự của buổi đầu lập nước chuyển về Đại La - một vùng trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa phát triển rực rỡ trong lịch sử, để đất nước có điều kiện thuận lợi bước vào một giai đoạn phát triển mới rực rỡ và lớn mạnh hơn. Từ đó, kinh đô Hoa Lư trở thành cố đô của nước ta.

2.1.2. Các loại hình di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư - nguồn vốn văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội

DSVH Cố đô Hoa Lư bao gồm hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể được con người sáng tạo, giữ gìn và lưu truyền cho đến ngày nay gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của dân tộc với ba triều đại là nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý và các DSVH vật thể và phi vật thể có liên quan mật thiết đến các sự kiện, các nhân vật lịch sử gắn liền với nhà nước Đại Cồ Việt và Kinh đô Hoa Lư được hình thành sau thế kỷ X, được giữ gìn và lưu truyền qua nhiều thế hệ cho đến ngày nay. Hệ thống DSVH này kết tinh nhiều giá trị đặc sắc biểu hiện bản sắc, căn tính cộng đồng, dân tộc. Nhờ đó, khu di tích Cố đô Hoa Lư được xếp hạng di tích quốc gia từ đợt đầu tiên năm 1962; và được xếp hạng là Khu di tích quốc gia đặc biệt về lịch sử và kiến trúc nghệ thuật năm 2012.

Theo Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về *phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phạm vi không gian di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư được xác định là: không gian hình thành, phát triển Cố đô Lịch sử; không gian cảnh quan, các địa danh, địa điểm, địa giới tự nhiên có quan hệ mật thiết trong quá trình hình thành Nhà nước Đại Cồ Việt và Cố đô Hoa Lư, bao gồm: khu vực Kinh thành, Hoàng Thành, khu vực đồn trú, lăng mộ, đình đền, chùa thuộc địa bàn các huyện: huyện Hoa Lư và thành phố Ninh Bình, Gia Viễn, Nho Quan, Yên Mô, Yên Khánh. Trong đó, hệ thống DSVH tiêu biểu tập trung chủ yếu ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư (nay thuộc Phường Tây Hoa Lư). Quy mô di tích được xác định cụ thể bao gồm các khu vực như: Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư với các di tích như: Đền thờ vua Đinh, vua Lê, chùa và động Am Tiên, chùa Nhất trụ, chùa Ngần, đình Yên Trạch, phủ Đông Vương, phủ Kinh Thiên, đền thờ Thục Tiết công chúa, bia cửa Đông, lăng vua Đinh, lăng vua Lê, núi Mã Yên, hang Muối, hàng Quán. Một số di tích trong khu vực trung tâm Cố đô Hoa Lư thuộc khu vực bảo vệ của Di sản thế giới Quần thể Danh thắng Tràng An và vùng đệm như: Đình Yên Thành, bia Cầu rền, hang Bim, chùa Duyên Ninh, hang Luồn và núi Cái Hạ, chùa Bà Ngô, động Liên Hoa (Thạch Bàn), chùa và động Bàn Long, chùa và động Hoa Sơn, hang Dì, chùa Am, đền Hành Khiển, chùa Bi, chùa Tháp, chùa Tôm, cầu Hội, cầu Ghềnh Tháp, trấn Áng Ngũ, quán Vinh; các khu kinh thành và Hoàng Thành, trấn thành, phủ đệ bao quanh kinh thành theo hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, nền cung điện nằm dưới lòng đất, di chỉ khảo cổ và các di tích có liên quan. Những di tích có liên quan trực tiếp đến sự hình thành và phát triển Cố đô Hoa Lư và Nhà nước Đại Cồ Việt (ngoài khu vực trung tâm, khu vực di sản thế giới quần thể danh thắng Tràng An và vùng đệm) như: Chùa và động Thiên Tôn (huyện Hoa Lư), đền Thánh Nguyễn, lăng Phát Tích và núi Kỳ Lân, Nhà thờ và mộ Định Quốc công Nguyễn Bặc, núi Kiếm Lĩnh và đền Tô Hiến Thành, đền Thung Lau và động Hoa Lư, đền Thung Lá (huyện Gia Viễn), núi Non Nước (thành phố Ninh Bình); và khu bảo tồn cảnh quan sông Hoàng Long, Sào Khê và các cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa có*

liên quan khác... Trong đó, *đối tượng DSVH được xác định cụ thể bao gồm*: các di tích LS-VH, danh lam thắng cảnh Cố đô Hoa Lư; các DSVH phi vật thể, di sản tư liệu, tài liệu, hiện vật qua các thời đại, thời kỳ lịch sử khác nhau; không gian cảnh quan, môi trường xung quanh từng di tích; các di tích, địa điểm khảo cổ đã phát lộ và chưa phát lộ trong lòng đất [127].

2.1.2.1. Hệ thống di sản văn hóa vật thể

DSVH vật thể thuộc Cố đô Hoa Lư khá phong phú, đa dạng. Qua khảo cứu, NCS nhận thấy DSVH vật thể ở Cố đô Hoa Lư gồm những nhóm chính: các di tích khảo cổ học, các di tích LS-VH và các bảo vật quốc gia.

*** Các di tích khảo cổ học**

Sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, chọn Hoa Lư làm nơi đóng đô. Kinh đô Hoa Lư xưa vốn không phải là kinh đô của các triều đại phong kiến trước, cho nên vua Đinh Tiên Hoàng không được thừa hưởng tài sản gì mà phải xây dựng kinh đô mới hoàn toàn, theo Đại Việt Sử ký toàn thư, “Mậu Thìn, năm thứ 1 (968) vua lên ngôi... bắt đầu dựng đô mới, đắp thành, đào hào, xây cung điện”. [57; tr.211]

Với tư cách là kinh đô của một quốc gia, kinh đô Hoa Lư cần phải đảm bảo được các yếu tố về tính an toàn, có khả năng phòng ngự chặt chẽ, dễ dàng tiến đánh kẻ thù tấn công; đảm bảo sự hoành tráng, bề thế và đáp ứng đầy đủ chức năng của một kinh đô quốc gia. Tuy nhiên, buổi đầu dựng nước, đất nước vừa bước ra khỏi nội chiến, kinh tế còn khó khăn, để xây dựng kinh đô, vua Đinh Tiên Hoàng đã tận dụng tối đa lợi thế về vị trí và điều kiện tự nhiên để xây dựng Kinh đô. Vua đã xây dựng thành trì bằng cách xây dựng những đoạn tường thành nhân tạo nối liền những dãy núi tự nhiên chạy theo hình vòng cung tạo thành những bức tường thành kiên cố, vững chắc bao quanh bảo vệ kinh đô. Trong bốn mặt của Kinh đô Hoa Lư, phía Bắc và phía Đông là những bức tường thành kết hợp giữa những đoạn tường nhân tạo và những dãy núi tự nhiên, còn phía Tây và phía Nam tường thành là những bức tường thành tự nhiên được tạo nên bởi những dãy núi cao trùng điệp. Tổng số các đoạn tường thành nhân tạo ở Kinh đô Hoa Lư là 13 đoạn, trong đó có 11 đoạn chạy qua vùng sinh lầy và 02 đoạn ở trên quèn đá vôi cao ráo. Vua đã sử dụng những

hang động trong núi để làm kho tàng và làm ngục thất như kho trữ muối với Hang Muối Cả nằm sát phía Tây sông Sào Khê, Hang Muối Cạn nằm ở phía đông kinh thành Hoa Lư; kho trữ tiền với Hang Tiền nằm ở phía Tây Bắc Kinh đô Hoa Lư; dùng Hang Luồn (Xuyên Thủy Động) làm nơi tập luyện thủy quân; Dùng động trên núi Am Tiên để nhốt những kẻ phạm tội cho hổ, báo ăn thịt, hang trên núi Hang Quàn dùng làm nơi quàn xác chết trước khi chôn cất... xung quanh Kinh đô Hoa Lư, vua cho xây dựng các cửa thành ra vào, và các trạm gác bảo vệ, giao thông theo cả đường bộ, đường thủy rất thuận lợi. Đây chính là một quân thành rộng lớn, bảo vệ vững chắc nền độc lập tự chủ của đất nước Đại Cồ Việt sau hàng nghìn năm Bắc Thuộc [3; tr.7].

Hệ thống cung điện nơi ở của Hoàng thất ở Kinh đô Hoa Lư, theo sử sách thì chủ yếu được xây dựng ở hai đời vua là Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Về số lượng các cung điện ở thời vua Đinh Tiên Hoàng, sử sách không ghi chép rõ, nhưng theo suy luận ước tính số lượng cung điện đáp ứng được các nhu cầu làm nơi vua coi châu, nơi ở của vua, nơi ở của năm vị hoàng hậu, ba hoàng tử, hai công chúa và nơi ở cho cung nữ, người hầu... phải có ít nhất mười lăm cung điện. [3; tr.20]

Đến thời vua Lê Đại Hành, vua cho xây dựng thêm nhiều cung điện nguy nga, hoành tráng, “Lê Đại Hành năm Thiên Phúc thứ 5 (984), dựng điện Bách Tuế Thiên Bảo ở núi Đại Vân, cột điện đều trang sức bằng vàng, bạc, điện này dùng làm nơi thị triều, phía đông gọi là điện Phong Lưu, phía tây gọi là điện Tử Hoa, phía tả gọi là điện Bồng Lai, phía hữu gọi là điện Cực Lạc, lại dựng lầu Đại Vân liền với điện Trường Xuân làm nơi ngự tắm, bên cạnh Điện Trường Xuân lại dựng đền Long Lộc lợp ngói bằng bạc, lại dựng điện Kiền Nguyên để vua ra chơi xem đèn”. [77; tr.264]

Với hệ thống thành trì kiên cố kết hợp giữa sự kiến tạo tự nhiên và năng lực sáng tạo của con người và những cung điện với những “cột dát vàng, bạc”, “mái lợp ngói bạc”..., chúng ta có thể nhận thấy Kinh đô Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt là một công trình kiến trúc có tầm vóc lớn, nguy nga, bề thế. Nó cũng cho thấy sự phát triển ngày càng giàu có, thịnh vượng của vương triều Đại Cồ Việt dưới thời Đinh và Tiền Lê.

Trải qua hơn một nghìn năm, trước những biến thiên của lịch sử, xã hội, Kinh đô Hoa Lư xưa không còn nữa, nhưng những dấu tích của nó vẫn còn tồn tại, như

minh chứng cho một thời kỳ lịch sử rực rỡ của dân tộc. Dấu vết về 13 đoạn tường thành nhân tạo cũng vẫn còn, qua các đợt khai quật khảo cổ học, người ta phát hiện móng của tường thành nhân tạo Ngòi Chèm là những cây gỗ lim xếp liền sát nhau theo chiều bắc nam, hết cây này đến cây khác, ngoài ra còn phát hiện được một đoạn tường gạch xây móng; đoạn tường thành Dền che chắn mặt bắc của Thành Nội (nằm ở phía bắc thôn Chi Phong) có chiều dài 500m, nối từ núi Cánh Hàn sang núi Sau Cái, hiện vẫn còn thấy đất nổi cao hơn mặt ruộng. Dấu tích về cung điện xưa cũng được phát hiện, thông qua các đợt khảo cổ, người ta phát hiện được hai mảnh sân gạch hoa có trang trí hoa sen và đôi phượng vờn nhau, và tìm được nhiều mảnh đồ gốm có niên đại cuối thế kỷ IX, đầu thế thứ X và loại gạch “Đại việt quốc quân thành chuyên” sản xuất vào thời Đinh và Tiền Lê [3; tr.40-42].

** Các di tích lịch sử - văn hóa*

Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa trong khu di tích khá đa dạng các loại hình di tích như đền, chùa, đình, miếu, phủ, lăng mộ, nhà thờ, từ đường cùng hệ thống cảnh quan thiên nhiên mang đậm giá trị lịch sử - văn hóa. Đây là những công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo gắn với việc thờ Phật và thờ các nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc thời Đinh - Tiền Lê. Các công trình được quy hoạch, xây dựng hài hòa với không gian tự nhiên, tạo nên quần thể di tích LS-VH tiêu biểu cho loại hình kiến trúc phong cảnh cổ truyền của người Việt. Trong khu di tích, hiện có trên 50 di tích đã được kiểm kê, trong đó 14 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 8 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Có thể kể đến một số di tích LS-VH tiêu biểu, thể hiện bản sắc Cổ đô như là:

Một là, Đền vua Đinh, Đền vua Lê

Đền vua Đinh và đền vua Lê là hai công trình kiến trúc được xây dựng vào thời nhà Lý (1010-1225) sau khi vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư ra Đại La nhằm tưởng nhớ công ơn của hai vua. Đền được xây dựng trên nền cung điện chính của Kinh đô Hoa Lư xưa. Với truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc, triều đại nào, chính quyền quốc gia nào cũng luôn chú trọng việc giữ gìn, bảo vệ hai ngôi đền. Tuy nhiên, dưới tác động của thời gian, của biến động xã hội, hai ngôi đền cũng bị hư hỏng, cũng phải trải qua nhiều lần tu sửa, đáng chú ý là lần tu sửa lớn vào thời Hậu Lê (1583-1788), lần này đã tiến hành xoay hướng của hai ngôi đền từ

hướng ban đầu là hướng Bắc, sang hướng Đông. Vì vậy, kiến trúc hai ngôi đền hiện nay còn mang đậm kiến trúc và nghệ thuật chạm khắc thời Hậu Lê.

Đền vua Đinh xưa kia tọa lạc ở làng Trường Yên Thượng (xã Trường Yên) nên gọi là đền Thượng. Đền vua Lê tọa lạc ở làng Trường Yên Hạ nên gọi là đền Hạ. Hai ngôi đền đều gồm ba tòa là Bái đường, Thiêu hương và Chính cung. Chính cung chính là nơi đặt tượng thờ và bài vị của vua và những người thân cận. Chính cung Đền vua Đinh, gian chính giữa thờ tượng vua Đinh Tiên Hoàng - tượng bằng đồng được sơn son thếp vàng; gian bên phải tượng vua, thờ tượng Đinh Hạng Lang (bên ngoài), Đinh Toàn (bên trong); gian bên trái thờ tượng Đinh Liễn - các tượng này được tạc bằng gỗ mít, được sơn son thếp vàng, được đặt trên đá xanh nguyên khối. Chính cung Đền vua Lê, gian chính giữa thờ tượng vua Lê Đại Hành; gian bên trái tượng Vua thờ tượng Dương Hậu; gian bên phải thờ tượng vua Lê Long Đĩnh. Tất cả các tượng đều được tạc bằng gỗ mít, được sơn son thếp vàng.

Việc xây dựng, giữ gìn, trùng tu, bảo tồn hai ngôi đền suốt chiều dài lịch sử của dân tộc cho đến ngày nay đã cho thấy sự tôn kính và biết ơn của cả dân tộc đối với công lao to lớn của của hai vua và khẳng định vị thế quan trọng của Kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt thế kỷ X trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt.

Hai là, hệ thống chùa và đền thờ, miếu, phủ

Trong không gian Cổ đô Hoa Lư xưa, hiện nay còn tồn tại hàng trăm ngôi chùa, đền, miếu, phủ. Đó là những công trình tín ngưỡng, tôn giáo, thường nằm trên những ngọn núi, hoặc trong các hang động, có kiến trúc hòa hợp với thiên nhiên, được xây dựng vào nhiều thời điểm khác nhau trong lịch sử, có công trình tồn tại cũng gần một thế kỷ, còn đa phần cũng tồn tại vài trăm năm. Các công trình này đa phần đều đã được xếp hạng di tích LS-VH các cấp.

Ở nhà nước Đại Cồ Việt, dưới các triều đại nhà Đinh, Tiền Lê, đầu nhà Lý, các tôn giáo nhất là Phật giáo rất được coi trọng, nhiều nhà sư được trọng dụng làm cố vấn cho vua Đinh, vua Lê trong việc quản trị đất nước như Thiền sư Khuông Việt, Thiền sư Vạn Hạnh, Thiền sư Pháp Thuận... Cũng ở thời kỳ này, ở Cổ đô Hoa Lư, nhiều ngôi chùa đã được xây dựng, tiêu biểu như các chùa: Chùa Nhất trụ được xây dựng từ thời Tiền Lê, nằm trong kinh thành của Kinh đô Hoa Lư xưa, hiện nay chùa

thuộc thôn Nam, xã Trường Yên, nằm cách đền vua Lê Đại Hành khoảng 100 m về phía Bắc với điểm nhấn là cột Kinh phật cao hơn 4m bằng đá phía trước chùa; chùa Am - ngôi chùa được xây dựng trong hang động trên núi vốn được xây dựng từ thời nhà Đinh, được xây dựng lại vào năm 2003, hiện thuộc xóm Thông Bái, thôn Yên Trung, xã Trường Yên; chùa Tháp, chùa Bà Ngô hay còn gọi là Bà Sa Tự được xây dựng vào thời nhà Đinh, hiện nay thuộc thôn Trường Xuân, xã Trường Yên, chùa còn lưu giữ tấm bia đá cổ được làm từ thời vua Tự Đức năm thứ 30 (1877)... chùa Ngần hay còn gọi là chùa Kim ngân (chùa vàng), chùa được xây dựng từ thời Tiền Lê, cũng trải qua nhiều lần tu sửa, hiện nay, chùa nằm trên địa phận thôn Chi Phong, xã Trường Yên, cách Đền vua Đinh Tiên Hoàng 600m về phía Nam...

Các đền, miếu, phủ ở Cổ đô Hoa Lư là các công trình được xây dựng để thờ các vị Hoàng thân và các danh nhân có công với đất nước thuộc hai triều đại Đinh và Tiền Lê, các công trình tiêu biểu như: Đền thờ Thục Tiết công chúa (đền Phất Kim, phủ Bà Chúa) ở thôn Yên Thành, xã Trường Yên, được xây dựng từ thời nhà Đinh để thờ công chúa Phất Kim con gái của vua Đinh Tiên Hoàng; Phủ Kinh Thiên (Phủ vườn Thiên) thuộc thôn Đông, xã Trường Yên, thờ Hoàng Tử thứ nhất của vua Lê Đại Hành là Lê Long Thau, phủ được xây dựng sau khi ông mất (năm 1000); phủ Đông Vương thờ Hoàng tử thứ hai của vua Lê Đại Hành tên là Lê Ngân Tích (Long Tích) ở thôn Vàng Ngọc, xã Trường Yên; đền Hành khiển (Phủ Thành Hoàng) thuộc thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư thờ Định quốc công Nguyễn Bặc ...

Ngoài ra, hiện nay, ở Cổ đô Hoa Lư, nhiều hang động tự nhiên được khai phá và sử dụng ở thời Đinh - Tiền Lê vẫn còn tồn tại và được dùng làm nơi thờ tự như: Động Hoa Sơn trên núi Chùa (thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa) được sử dụng như một ngôi chùa thờ Phật; Động Thiên Tôn nằm ở chân núi Dũng Đương (Thị Trấn Thiên Tôn) được sử dụng vừa là đền, vừa là chúa, thờ cả Tiên và Phật, động được công nhận là di tích lịch sử và danh thắng cấp quốc gia...

** Các bảo vật quốc gia*

Trong số các DSVH vật thể ở Cổ đô Hoa Lư, một số di vật tiêu biểu được công nhận là bảo vật quốc gia như là:

Một là, cặp Long sàng (sập đá) ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng, một Long sàng đặt ở sân rồng (trước tòa Bái đường) và một chiếc đặt ở trước nghi môn ngoại. Đây

là hai Long sàng được chạm khắc bằng đá xanh nguyên khối vào thời Hậu Lê (thế kỷ XVII). Long sàng dài gần 2m, rộng gần 1.5m, dày gần 20cm, nặng khoảng 2 tấn. Đây được coi là hai kiệt tác nghệ thuật chạm khắc đá sập thờ - mỹ thuật truyền thống của Việt Nam, năm 2017, cặp Long Sàng này được công nhận là bảo vật quốc gia.

Hai là, bộ Phủ Việt ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và bộ Phủ Việt ở đền thờ vua Lê Đại Hành, được công nhận là Bảo vật quốc gia năm 2019. Bộ Phủ Việt được làm bằng gỗ, sơn son thếp vàng, vào thời Hậu Lê thế kỷ XVII. Bộ Phủ Việt gồm một Phủ Việt bên trái và một Phủ Việt bên phải ban thờ vua Đinh Tiên Hoàng, hai Phủ Việt có hình dáng giống nhau đặt đối xứng. Phủ Việt ở đền thờ Đinh Tiên Hoàng được chế tác dựa trên hình ảnh của lưới riu kết hợp với đỉnh ba. Mặc dù cũng là một trong những đồ tế khí thường được dùng trong các không gian thờ cúng của người Việt như các đình, đền, miếu, đền thờ các vị anh hùng dân tộc, nhưng bộ Phủ Việt ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành là độc bản với kỹ thuật chế tạo cầu kỳ, tinh xảo, độc đáo, riêng biệt, khác xa những bộ phủ việt thông thường.

Ba là, bộ sưu tập cột kinh Phật hàng nghìn năm tuổi ở Cố đô Hoa Lư. Bộ sưu tập đó bao gồm có 49 đơn vị hiện vật với 29 số kiểm kê gồm những cột kinh Phật và những bộ phận cột kinh. Các cuộc khai quật khảo cổ học đã phát hiện các kinh Phật này lần đầu vào năm 1963, ở ven bờ phía bên phải sông Hoàng Long và ở khu vực ngoại thành Kinh đô Hoa Lư xưa. Đây là các cột kinh Phật được Nam Việt Vương - Đinh Khuông Liễn (Hoàng tử đầu của vua Đinh Tiên Hoàng) cho làm trong khoảng thời gian từ năm 973 đến năm 979. Các cột kinh Phật được làm bằng đá, trên bề mặt thân cột có khắc văn tự chữ Hán - là những bản văn tự cổ và duy nhất từ triều đại nhà Đinh truyền lại đến ngày nay. Các cột kinh Phật gồm có sáu bộ phận với những chức năng riêng biệt, được liên kết với nhau bằng hệ thống mộng ngỗng mà không cần chất liệu kết dính hay chằng buộc, thể hiện kỹ thuật ở trình độ cao và tư duy, thẩm mỹ và bàn tay khéo léo của người thợ. Bộ sưu tập cột kinh Phật này hiện đang được lưu giữ và bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình. Năm 995, vua Lê Đại Hành cũng cho làm một cột kinh Phật ở chùa Nhất trụ. Cột kinh này có chiều cao 4.16m, có cấu tạo và cách thức chế tác tương tự các cột kinh thời Đinh,

nhưng kích thước cao và nặng hơn. Các kinh Phật này chính là minh chứng cho sức ảnh hưởng của Phật giáo vào thời Đinh, Tiền Lê. Năm 2015, các cột kinh Phật ở Cổ đô Hoa Lư được công nhận là bảo vật quốc gia.

Các di vật ở Cổ đô Hoa Lư được công nhận là bảo vật quốc gia chính là những kiệt tác nghệ thuật, độc đáo, là những hiện vật gốc, không lặp lại, thể hiện tư duy, tài năng sáng tạo, kỹ thuật cao và bàn tay khéo léo của các nghệ nhân Việt từ xa xưa. Đồng thời, các di vật đó còn chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc. Ngoài ra, trong các di tích chùa, đền, miếu, phủ... ở khu di tích Cổ đô hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật quý giá khác như hệ thống bia đá, sắc phong, đề thờ tự, tế khí... thuộc nhiều niên đại khác nhau chứa đựng nhiều giá trị gắn liền với các sự kiện, nhân vật lịch sử của triều đại Đinh - Tiền Lê - Lý.

2.1.2.2. Di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu: Lễ hội Hoa Lư

Kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt thế kỷ X đã đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc ta - mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ và thống nhất của dân tộc sau nghìn năm Bắc thuộc. Di sản của Kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt để lại không chỉ có những dấu ấn vật chất mà còn bao gồm đa dạng những DSVH phi vật thể quý báu, đó là những kinh nghiệm trong xây dựng và vận hành bộ máy chính quyền phong kiến trung ương tập quyền, kinh nghiệm chống giặc ngoại xâm bảo vệ bờ cõi đất nước, kinh nghiệm ngoại giao, kinh nghiệm phát triển kinh tế, là những câu chuyện truyền thuyết, giai thoại dân gian về các nhân vật, sự kiện lịch sử thế kỷ X và những loại hình nghệ thuật và lễ hội dân gian... Nhằm mục đích làm rõ những tác động của DSVH Cổ đô Hoa Lư đối với sự phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình hiện nay, luận án chỉ nghiên cứu DSVH phi vật thể là Lễ hội Hoa Lư cùng các nghi lễ và trò chơi dân gian được diễn ra trong Lễ hội.

Lễ hội Hoa Lư còn được gọi với các tên gọi như Lễ hội Đinh Lê, Lễ hội Trường Yên. Lễ hội được diễn ra trong không gian của đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành, là khu vực trung tâm của Cổ đô Hoa Lư (thuộc xã Trường Yên). Năm 2014, Lễ hội Trường Yên được Nhà nước công nhận là DSVH phi vật thể quốc gia. Ngày 21/11/2016, Lễ hội Trường Yên được đổi tên thành Lễ hội Hoa Lư theo Quyết định số 4037/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa - Thể Thao và Du lịch.

Sử sách không ghi chép rõ, Lễ hội Hoa Lư được tổ chức lần đầu vào năm nào, nhưng đa số ý kiến cho rằng, sau khi vua Lý Thái Tổ dời kinh đô về Thăng Long, nhân dân xây dựng đền thờ hai vua trên nền cung điện cũ và tổ chức tế lễ để tưởng nhớ công lao của hai ông, lễ hội Hoa Lư cũng được hình thành từ đó và trở thành lễ hội truyền thống hàng năm của cư dân xã Trường Yên. Trong lịch sử, Lễ hội Hoa Lư được tổ chức vào nhiều thời điểm khác nhau, như ở Triều đại Lý, Trần, Lê, Mạc, Nguyễn, Lễ hội được tổ chức vào ngày 16/8 (âm lịch) - ngày kỵ của vua Đinh Tiên Hoàng. Thời vua Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), lễ hội được tổ chức vào tháng 5 (âm lịch). Thời vua Khải Định (1916 -1925) tổ chức Lễ hội vào ngày 10/3 (âm lịch) - ngày Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế. Theo ghi chép của cuốn sách viết bằng tiếng Pháp với tên gọi *Lễ hội Trường Yên*, năm 1940, Lễ hội được tổ chức vào ngày 15/2 (âm lịch), cho rằng đó là ngày sinh của vua Đinh Tiên Hoàng. Ban đầu, thời gian được tổ chức lễ hội chỉ được tổ chức trong một ngày và là những mốc thời gian liên quan đến vua Đinh Tiên Hoàng. Trong Lễ hội cũng thường tổ chức các nghi lễ, các trò chơi dân gian tái hiện lại cuộc đời, sự nghiệp của vua Đinh Tiên Hoàng, vì theo quan niệm phong kiến, vua Lê chỉ là tông tự, có nghĩa là được tế lễ theo mà thôi. Nhưng dần dần, vị trí, vai trò và công lao của vua Lê Đại Hành đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nền độc lập, tự chủ của đất nước ngày càng được đánh giá cao và được ghi nhận xứng đáng. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, năm Minh Mạng thứ 4 (1823), vua Lê Đại Hành đã được liệt vào miếu Lịch đại đế vương - là miếu thờ chung các vị vua của các triều đại khác nhau ở kinh thành Huế và cấp sắc phong cho nhân dân thờ phụng ở Trường Yên. Sau này, ngày diễn ra Lễ hội Hoa Lư được lựa chọn tổ chức trong ba ngày từ 8-10/3 (âm lịch). Trong đó, ngày 8/3 (âm lịch) là ngày kỵ của vua Lê Đại Hành và ngày 10/3 (âm lịch) là ngày vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi Hoàng đế. Những năm gần đây lễ hội Hoa Lư thường được tổ chức trong khoảng thời gian từ 9-11/3 (âm lịch). Trong suốt quá trình hình thành và thực hành lễ hội, do ảnh hưởng của điều kiện lịch sử, xã hội, có những giai đoạn, Lễ hội bị tổ chức gián đoạn, không được thường niên, nhưng sau năm 1975, đất nước thống nhất sau hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống xâm lược, Lễ hội được tổ chức thường xuyên, quy mô ngày càng lớn hơn, từ lễ hội mang tính chất địa phương của cư dân hai làng Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ, dần dần đã trở thành lễ

hội chung của xã, huyện, cả tỉnh Ninh Bình và trở thành DSVH phi vật thể quốc gia và hiện nay đang được đề nghị được tổ chức với nghi thức quốc gia. Thời gian tổ chức lễ hội cũng được cố định hàng năm, quy mô lễ hội cũng được điều chỉnh cho phù hợp với từng năm gắn với các sự kiện trọng đại gắn liền với các sự kiện và nhân vật lịch sử của Cố đô Hoa Lư và Nhà nước Đại Cồ Việt thế kỷ X.

Cũng như các lễ hội dân gian khác, Lễ hội Hoa Lư cũng gồm có hai phần là phần lễ và phần hội. *Phần lễ* gồm nhiều nghi lễ trang nghiêm, linh thiêng, giàu giá trị tâm linh tín ngưỡng như: Lễ mở cửa đền, lễ rước nước, lễ dâng hương, lễ mộc dục, lễ tế cử khúc, lễ rước kiệu, lễ rước lửa, lễ tế cổ truyền, lễ tạ... Trước ngày diễn ra lễ hội, ngày 7/3 (âm lịch), nhân dân tổ chức lễ mở cửa đền để cúng tế thần linh và hai vua để xin phép tổ chức lễ hội và cầu xin các ngài phù hộ cho lễ hội được tổ chức thuận lợi, thành công. Lễ tế cử khúc (9 bài ca) là phần lễ ca 9 bài ca nghi lễ theo hình thức diễn xướng dân gian, giống như đọc văn tế, để ca ngợi công đức của hai vị vua Đinh và vua Lê đối với đất nước. Lễ tế cử khúc có một thời gian không được thực hiện, những năm gần đây, nghi lễ này được phục dựng lại và đưa vào quy trình lễ hội. Hiện nay, Lễ hội còn được bổ sung một số nghi lễ như lễ hội hoa đăng, lễ cầu siêu, lễ cầu quốc thái dân an... Các nghi lễ trên có thể không được tổ chức trong Lễ hội tùy vào từng năm, nhưng lễ mở cửa đền, lễ dâng hương và lễ rước nước, lễ tạ thì năm nào cũng được tổ chức. *Phần hội* thường tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, các cuộc thi hay các trò chơi mang đậm chất dân gian như: tổ chức các hoạt động diễn xướng dân gian gắn liền với cuộc đời vua Đinh Tiên Hoàng như *Cờ lau tập trận* gợi nhớ về thời niên thiếu của vua Đinh; *kéo chữ Thái Bình* là niên hiệu nước thời vua Đinh Tiên Hoàng và các cuộc thi bơi thuyền chải, thi và trưng bày mâm ngũ quả; tổ chức các trò chơi dân gian như: chơi gà, cờ tướng, tổ tôm điểm, bắn cung, bắn nỏ... Bên cạnh đó, Lễ hội Hoa Lư những năm gần đây còn được bổ sung nhiều hoạt động biểu diễn văn hóa, văn nghệ quần chúng, hay các chương trình nghệ thuật chuyên nghiệp, các hoạt động thể thao như thi đấu bóng chuyền, đấu vật... tổ chức hội trại thanh niên... Trải qua hàng nghìn năm, Lễ hội Trường Yên - Hoa Lư vẫn gìn giữ được những giá trị truyền thống bản sắc kinh đô của Nhà nước Đại Cồ Việt, vừa cập nhật những giá trị mới của thời đại.

2.1.3. Các giá trị của di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư

DSVH vật thể hay DSVH phi vật thể chỉ là cái hình thức biểu hiện bên ngoài, cái cốt lõi, cái làm nên giá trị của DSVH chính là hệ thống giá trị kết tinh và chứa đựng trong nó, là những giá trị định hướng con người, xã hội phát triển theo hướng chân - thiện - mỹ. Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể ở Cố đô Hoa Lư gắn liền với lịch sử hình thành, phát triển và các sự kiện, nhân vật lịch sử của kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt thế kỷ X được giữ gìn, bảo tồn và phát huy đến ngày nay, là những DSVH chứa đựng nhiều giá trị quý báu và có tác động tích cực đến quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người, địa phương, đất nước trong suốt quá trình lịch sử từ đó đến nay. Đó là một hệ thống giá trị bao gồm các giá trị như sau:

2.1.3.1. Giá trị lịch sử

DSVH là những sản phẩm vật thể và phi vật thể được con người sáng tạo ra trong quá khứ, được sàng lọc, lựa chọn và lưu truyền qua nhiều thế hệ cho đến ngày nay, chính vì vậy, DSVH trở thành những bằng chứng lịch sử biểu hiện và gợi nhắc về các sự kiện, nhân vật lịch sử trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Hệ thống DSVH chính là nguồn sử liệu vô cùng quý giá tạo cơ sở thực tiễn giúp các nhà sử học tái hiện lại diện mạo tiến trình lịch sử của dân tộc.

Không gian di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư là minh chứng cho sự tồn tại và phát triển của kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt, gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử như Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân và lên ngôi Hoàng đế, đặt đô ở Hoa Lư và xây dựng kinh đô Hoa Lư trở thành kinh đô đầu tiên của đất nước độc lập, tự chủ sau nghìn năm Bắc thuộc (968); Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế (980), tiếp tục xây dựng nhiều cung điện của Kinh đô và lãnh đạo xây dựng đất nước phong kiến trung ương tập quyền và chống xâm lược giữ vững độc lập, tự chủ như sự kiện đánh Tống (981), bình Chiêm Thành (982) và sự kiện Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế, Kinh đô Hoa Lư trở thành chứng nhân lịch sử nơi diễn ra sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử dân tộc, đó là sự kiện vua Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (1010)... Nhờ những dấu vết, những di vật khai quật được trong lòng đất, các nhà sử học đã tái hiện được cấu trúc của kinh thành Hoa Lư xưa gồm có hai khu vực là Thành Ngoại ở phía Đông và Thành Nội ở phía Tây, thuộc địa phận xã Trường Yên. Những bức tường thành kiên cố bảo vệ Kinh đô được xây

dựng là sự kết hợp những dãy núi tự nhiên cao sừng sững và những bức tường nhân tạo, đã tạo nên một kiến trúc tường thành độc đáo có một không hai từ xưa đến nay. Những cột kinh Phật khai quật được ở ven bờ bên phải sông Hoàng Long và ở khu vực ngoại thành kinh đô Hoa Lư, với mẫu văn tự và đặc trưng trên cột, các nhà sử học đã xác định được niên đại của Cột được làm vào đời nhà Đinh, do Nam Việt vương Đinh Khuông Liễn (Hoàng tử đầu của vua Đinh Tiên Hoàng) cho dựng. Còn cột kinh Phật ở chùa Nhất trụ mặc dù có cách thức cấu tạo tương tự các cột kinh Phật thời Đinh, nhưng qua nghiên cứu, các nhà nghiên cứu cho rằng cột kinh Phật này được làm vào thời Tiền Lê, do vua Lê Đại Hành cho dựng vào năm 995, cột có kích thước to hơn các cột kinh Phật thời Đinh... những di tích còn sót lại, những di vật khai quật được trong lòng đất chỉ là một phần rất nhỏ nhưng đã góp phần cùng với những ghi chép trong sử sách tái hiện diện mạo của Kinh đô Hoa Lư xưa và giai đoạn lịch sử vẻ vang của nhà nước Đại Cồ Việt dưới Triều đại nhà Đinh - Tiền Lê và đầu nhà Lý. Hệ thống DSVH Cổ đô Hoa Lư đã trở thành nguồn sử liệu quý giá phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập và tuyên truyền về những trang sử vang của dân tộc ta.

2.1.3.2. Giá trị văn hóa

Các sản phẩm vật thể và phi vật thể do con người sáng tạo ra được chọn lọc, gìn giữ và lưu truyền qua nhiều thế hệ trở thành DSVH là bởi chúng hàm chứa những giá trị văn hóa được cả cộng đồng thừa nhận, trân trọng và tuân thủ, coi đó là những tiêu chuẩn, những định hướng nhận thức và hành động thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và cộng đồng theo hướng chân - thiện - mỹ. Những giá trị đó thể hiện bản sắc, truyền thống tốt đẹp của cả cộng đồng. Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể Cổ đô Hoa Lư hàm chứa nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc của dân tộc Việt Nam, tiêu biểu như: là biểu tượng của tinh thần yêu nước, ý thức về độc lập, chủ quyền dân tộc; thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, sống trọng tình nghĩa, đạo lý; đó là kết quả của lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc...

Kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt là biểu tượng của tinh thần yêu nước, ý thức độc lập, tự chủ, chủ quyền dân tộc, không chịu khuất phục, không chịu làm nô lệ. Từ thời các vua Hùng dựng nước, đất nước trải qua nhiều thăng trầm, biến động, phải trải qua cả nghìn năm nằm dưới ách đô hộ, thống trị của phong kiến phương Bắc, nhưng ngay chính trong cái đêm trường tối tăm đó, tinh thần yêu

nước, ý thức về độc lập, chủ quyền dân tộc vẫn luôn được nuôi dưỡng, nung nấu, và thường xuyên nổ ra các cuộc đấu tranh giành độc lập, chủ quyền dân tộc. Thế kỷ X đánh dấu bước chuyển mình vĩ đại của dân tộc, sự kiện Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938) đã chấm dứt hàng nghìn năm Bắc thuộc của dân tộc. Nhưng phải đến khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, lên ngôi, xưng là Hoàng đế, xây dựng kinh đô Hoa Lư, đặt quốc hiệu và niên hiệu của nước mới mở ra một giai đoạn phát triển mới của dân tộc - đất nước độc lập, tự chủ và thống nhất, nhà nước Đại Cồ Việt trở thành nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước ta, nước Đại Cồ Việt sánh ngang triều đại nhà Tống ở phương Bắc, kinh đô Hoa Lư sánh ngang kinh đô Trường An. Hiện nay, chính gian giữa tòa Bái đường ở Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng có tấm biển lớn được sơn son thếp vàng đề ba chữ “Chính thống thủy” (có nghĩa là mở nền chính thống) và hai bên cột phía dưới đề hai câu đối thể hiện tầm vóc của Kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt so với kinh đô Trường An và nhà Tống ở Trung Quốc:

“Cồ Việt đương Tống khai bảo

Hoa Lư đô thị Hán Trường An”

Sự hình thành nhà nước Đại Cồ Việt và Kinh đô Hoa Lư đã khẳng định sự chiến thắng của tinh thần độc lập, tự chủ, ý thức tự cường dân tộc, là sự nối tiếp truyền thống của cha ông, và cũng trở thành niềm tự hào, là động lực, sức mạnh trao truyền cho các thế hệ tiếp theo để giữ vững nền độc lập, chủ quyền của dân tộc.

DSVH Cố đô Hoa Lư còn là biểu tượng của truyền thống đạo lý, uống nước nhớ nguồn của dân tộc. Những DSVH vật thể như Đền, lăng vua Đinh, vua Lê, nhiều đền thờ các nhân vật lịch sử triều đại Đinh, Lê... là những công trình được nhân dân đóng góp tiền của, công sức xây dựng, nắn, nhang thờ phụng để tưởng nhớ công lao của các vị đối với dân tộc và nhân dân. Hàng năm, nhân dân tổ chức lễ hội Hoa Lư với nhiều lễ nghi truyền thống gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp và công lao của vua Đinh và vua Lê. Lễ hội là một sự kiện trọng đại, được tổ chức theo nghi thức cấp tỉnh và đang được đề nghị tổ chức theo nghi lễ cấp quốc gia, đã thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, sống trọng tình, trọng đạo nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Đất nước giành được độc lập, tự chủ, nhưng vừa trải qua giai đoạn nghìn năm Bắc thuộc, vừa trải qua cuộc nội chiến tranh giành của các phe phái trong nước, đất

nước trong tình trạng kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, việc lựa chọn vị trí đóng đô là Hoa Lư, và xây dựng thành lũy trên cơ sở tận dụng tối đa địa hình các dãy núi tự nhiên kết hợp với những bức tường nhân tạo tạo nên hệ thống tường thành vững chắc bảo vệ an toàn cho Kinh đô, mà lại tiết kiệm được tiền bạc và công sức của nhân dân. Việc làm đó đã thể hiện tinh thần sáng tạo, thích nghi và vượt lên trên hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam thế kỷ X, đồng thời cũng giá trị truyền thống của báu của dân tộc Việt Nam được trao truyền qua các thế hệ.

2.1.3.3. Giá trị về cảnh quan thiên nhiên

DSVH Cố đô Hoa Lư còn được biết đến với những danh lam thắng cảnh nổi tiếng, đó chính là cái không gian vật chất tự nhiên, là môi trường kiến tạo, dung chứa và phát triển Kinh đô Hoa Lư xưa. Đó là một vùng đất với đa dạng địa hình có núi non trùng điệp, sông nước chảy quanh, lại xen kẽ trong đó những cánh đồng chiêm trũng, tạo nên một bức tranh thủy mặc nên thơ, trữ tình. Những dãy núi nổi tiếng ở khu vực Cố đô Hoa Lư như là: Núi Cột Cờ - nơi vua Đinh Tiên Hoàng cầm cờ nước; núi Mã Yên nằm trước mặt Đền thờ vua Đinh, tương truyền, vua Đinh dùng núi này làm án để xây dựng Kinh đô; Núi Ghềnh tháp, núi Hang Luồn, núi Am Tiên, Núi Hang Quàn... Trên các dãy núi bao quanh Kinh đô Hoa Lư, thiên nhiên lại tạo ra các hang động gắn liền với lịch sử của hai vương triều Đinh và Tiền Lê với nhiều truyền thuyết, sự tích như: động núi Am Tiên, hang Quàn, động Hoa Sơn, động Thiên Tôn, Xuyên Thủy động... các động này, ngày nay trở thành nơi thờ phật, và các văn thần, võ tướng có công lao lớn ở hai vương triều Đinh và Tiền Lê. Những dòng sông cũng đóng vai trò quan trọng và gắn liền với lịch sử của Kinh đô Hoa Lư và nhà nước Đại Cồ Việt như sông Sào Khê nằm ở trong Thành Ngoại của Kinh đô Hoa Lư xưa; sông Hoàng Long ở phía Bắc kinh đô và các sông như sông Chanh, sông Vân Sàng và các chi lưu của chúng... Trên sông Sào Khê xưa kia, triều đình cho xây dựng những bến đỗ, Bến Chợ, Bến Đền, Bến Lác. Trong đó, Bến Đền (nằm trước cửa Đền vua Đinh, vua Lê hiện nay) là nơi đậu thuyền của các sứ thần Trung Quốc, hay các quan đại thần khi vào yết kiến vua. Đây cũng là nơi, đoàn thuyền của vua Lý Công Uẩn rời Kinh đô Hoa Lư ra thành Thăng Long xưa kia.

Cái địa hình, địa mạo bao quanh Cố đô Hoa Lư đã được thiên nhiên kiến tạo cách đây khoảng 200 triệu năm. Những cảnh quan thiên nhiên đó gắn liền với lịch sử hình thành, phát triển của vương triều Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý, trong đó, còn lưu giữ nhiều di tích LS-VH gắn với các sự kiện, nhân vật lịch sử của các triều

đại, trở thành DSVH quý báu của dân tộc, được các triều đại sau đó và nhà nước cộng hòa, xã hội, chủ nghĩa Việt Nam bảo tồn và giữ gìn để truyền lại đến muôn đời sau, vừa giàu giá trị lịch sử, văn hóa, vừa là những cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, môi trường sinh thái trong lành. Quang cảnh thiên nhiên, núi, sông, cánh đồng trong khu vực Cổ đô Hoa Lư, cùng với danh thắng Tam Cốc - Bích Động và rừng đặc dụng Hoa Lư đã tạo nên một quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 2014, là di sản hỗn hợp duy nhất ở Việt Nam và ở khu vực Đông Nam Á.

2.1.3.4. Giá trị kiến trúc, nghệ thuật

Trải qua thời gian với nhiều biến động như chiến tranh, sự ăn mòn của khí hậu, thời tiết..., hệ thống tường thành, cung điện của Kinh đô Hoa Lư xưa đến nay không còn nữa, nhưng qua các cuộc khai quật khảo cổ học, người ta đã tái hiện được kiến trúc các tòa thành của Kinh đô xưa. Về hình thức, đô thành Hoa Lư xưa cũng được xây dựng theo kiến trúc của các tòa vương thành truyền thống ở phương Đông cũng gồm các tòa thành là Cẩm thành, Hoàng Thành và La Thành. Nhưng các tòa thành điển hình của các nước phong kiến phương Đông được kết cấu theo kiểu đồng tâm (gọi là Tam trùng thành quách) ba vòng thành đồng tâm từ trong ra ngoài gồm có Cẩm thành, Hoàng Thành và La Thành, còn các tòa thành ở kinh đô Hoa Lư là các tòa thành độc lập chia làm hai khu vực là Thành Ngoại rộng 140 ha nằm ở phía Đông và Thành Nội nằm ở phía Tây, rộng 160 ha. Thành Ngoại lại là một tòa thành kép, có một bức tường thành là Ngòi Chèm (được phát hiện qua khai quật khảo cổ học vào năm 1991) chia Thành Ngoại thành hai phần, một phần rộng 100 ha, đóng vai trò là Hoàng Thành và một phần rộng 40 ha là khu vực Cẩm Thành; Thành Nội đóng vai trò là Hoàng Thành. Tên gọi các tòa thành ở Kinh đô Hoa Lư là theo vị trí địa lý, kết cấu và chức năng của các tòa thành không được chặt chẽ và thống nhất như các tòa thành đế vương truyền thống. Điểm đặc biệt, nét độc đáo riêng của các tòa thành ở Kinh đô Hoa Lư là đã khai thác triệt để lợi thế về địa hình tự nhiên là núi non hiểm yếu, hệ thống sông ngòi, bến bãi kết hợp với kỹ năng xây dựng của con người để xây dựng một vương thành kiên cố bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự chủ của đất nước. Qua khảo cứu, NCS nhận thấy việc sử dụng các địa thế tự nhiên trong các công trình xây dựng ở thời Đinh, Lê diễn ra khá phổ biến như việc dùng hang động để làm kho tàng, ngục thất, xây chùa, xây miếu...

Hiện nay, ở Cố đô Hoa Lư vẫn còn bảo tồn được một số công trình kiến trúc được xây dựng từ thời Đinh, Lê, đó là các ngôi chùa như: chùa Bà Ngô (được xây dựng từ thời nhà Đinh); Chùa Nhất Trụ (được xây dựng từ thời Tiền Lê), chùa Ngàn (thời Tiền Lê), chùa Am, chùa Dì... .

Bên cạnh các công trình xây dựng mang đặc trưng kiến trúc độc đáo riêng, các cuộc khai quật khảo cổ học còn phát hiện nhiều di vật thể hiện kiến trúc đặc trưng của thời Đinh, Tiền Lê như: phát hiện những viên gạch “Đại Việt quốc quân thành chuyên” là vật liệu kiến trúc mang đặc trưng riêng của Kinh thành thời Đinh, Lê; nghệ thuật chạm khắc đá và dựng cột kinh Phật thời Đinh, Lê thể hiện qua các cột kinh Phật ở chùa Nhất trụ, và các cột kinh Phật trong bộ 100 cột kinh Phật do Hoàng tử Đinh Khuông Liễn cho dựng. Ngoài ra khảo cổ học còn phát hiện nhiều vật liệu kiến trúc, trang trí nghệ thuật mang phong cách Trung Hoa, và nhiều yếu tố biểu hiện sự giao thoa với văn hóa Chăm -Pa thời bấy giờ như: các viên gạch có hoa văn, đầu ngói có trang trí, các bức phù điêu, điêu khắc gỗ, các tượng vẹt dùng trang trí trên mái... .

Trong hệ thống di tích ở Cố đô Hoa Lư hiện nay, một số công trình được xây dựng sau thế kỷ X, tiêu biểu là công trình Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành mang đặc trưng kiến trúc của thế kỷ XVII (thời Hậu Lê). Trong đó, hiện còn lưu giữ được nhiều di vật quý giá, tiêu biểu là các bảo vật quốc gia: cặp long sàng, bộ Phủ Việt ở Đền Vua Đinh. Đó là những kiệt tác nghệ thuật chạm khắc đá và gỗ thời Hậu Lê (Thế kỷ XVII), là những độc bản, có một không hai, khác với những mẫu vật thường thấy.

2.1.3.5. Giá trị tâm linh, tín ngưỡng

Hiện nay, ở Cố đô Hoa Lư có khoảng 50 di tích LS-VH. Trong đó, đa số các di tích trở thành các không gian thờ cúng, thờ Phật, thần, thờ vua, hoàng hậu, các hoàng tử, công chúa, văn thần, võ tướng và những người có công với đất nước... thuộc hai triều đại Đinh và Tiền Lê như: chùa, đền thờ, lăng, miếu, phủ, tiêu biểu như Đền và lăng vua Đinh, Đền và lăng vua Lê, Phủ Đông Vương, Phủ Kinh Thiên, chùa Nhất trụ, chùa Ngàn, chùa Bà Ngô, Đình Yên Trạch... .

Các DSVH ngoài việc thể hiện giá trị truyền thống uống nước nhớ uống, hướng về nguồn cội của dân tộc, thì các DSVH còn có giá trị phản ánh đời sống văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng phong phú của nhân dân. Đó là tín ngưỡng thờ thần, thờ thánh,

thờ thần hoàng làng, thờ anh hùng dân tộc... Việc thờ cúng ngoài việc tỏ lòng biết ơn đến những người anh hùng của dân tộc, thì cũng phản ánh niềm tin của nhân dân vào thế giới siêu nhiên, có khả năng biến dữ hóa lành, mang lại bình an, hạnh phúc cho nhân dân. Xung quanh các nhân vật lịch sử thuộc triều đại Đinh - Lê còn tồn tại rất nhiều các sự tích, các truyền thuyết là sự phản ánh niềm tin này của nhân dân.

Trong thời kỳ nhà Đinh, Tiền Lê, Phật giáo khá được coi trọng, được thể hiện qua việc nhiều ngôi chùa được xây dựng, nhiều nhà sư được vua trọng dụng làm quân sư trong quá trình xây dựng chính quyền và quản lý đất nước. Qua khảo cứu, NCS nhận thấy rằng, Phật giáo được tiếp thu trong giai đoạn Đinh, Lê với tinh thần nhập thế rất cao, mà nổi lên với vai trò của các nhà sư, với tư cách những người có học thức, được trọng dụng như những người thầy, nhà hoạt động chính trị, ngoại giao, những quân sư của đất nước. Thời vua Đinh Tiên Hoàng nổi lên vai trò của Tăng Thống Quốc sư Khuông Việt; thời vua Lê Đại Hành với đóng góp của thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Vạn Hạnh; thời vua Lý Thái Tổ với đóng góp của Thiền sư Vạn Hạnh, Quốc sư Không Lộ. Công lao của các nhà sư với sự nghiệp xây dựng và củng cố nhà nước qua các triều đại phong kiến đã giúp cho Phật giáo ngày càng đi sâu vào đời sống văn hóa, tinh thần của người Việt, trở thành một sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu của một bộ phận lớn nhân dân.

Với những giá trị nổi bật về tâm linh, tín ngưỡng, nhiều DSVH vật thể và phi vật thể ở Cổ đô Hoa Lư có giá trị trở thành không gian văn hóa, nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa, tinh thần của cộng đồng địa phương và nhân dân cả nước.

2.1.3.6. Giá trị kinh tế

Điều kiện KT-XH mới đã mang đến cho văn hóa nói chung, DSVH nói riêng những giá trị mới, đó là giá trị kinh tế. Giá trị kinh tế của DSVH biểu hiện ở những lợi ích có thể thu được từ việc khai thác và phát huy giá trị DVSH thông qua các hoạt động phát triển kinh tế, cụ thể là phát triển các ngành CNVH như du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, triển lãm, nghệ thuật biểu diễn... Trong đó, DSVH được đánh giá là nguồn tài nguyên văn hóa vô tận cho kinh tế du lịch nếu như biết khai thác và phát huy tốt. Những lợi ích kinh tế thu được khi phát huy giá trị của DSVH như là: lợi ích tài chính, cải thiện sinh kế cho nhân dân và thay đổi bộ mặt cộng đồng...

Cũng như DSVH nói chung, hệ thống DSVH ở Cố đô Hoa Lư cũng mang giá trị kinh tế to lớn. Chính những giá trị về lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc, nghệ thuật... đã tạo nên sức hấp dẫn của DSVH Cố đô Hoa Lư và biến DSVH trở thành nguồn tài nguyên nhân văn quan trọng để phát triển du lịch nói chung, du lịch văn hóa nói riêng. DSVH Cố đô Hoa Lư còn có giá trị có thể khai thác phát triển các ngành CNVH như triển lãm, nghệ thuật biểu diễn, và là cơ sở để xây dựng hệ sinh thái và thị trường sản phẩm, dịch vụ hàng hóa các ngành CNVH. Thực tế, thời gian qua, kho tàng DSVH ở Cố đô Hoa Lư đã được khai thác mạnh mẽ để phát triển kinh tế địa phương và mang lại nguồn lợi về kinh tế to lớn, đóng góp quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện bộ mặt hạ tầng xã hội của cộng đồng, địa phương.

Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể ở Cố đô Hoa Lư kết tinh hệ thống giá trị đặc sắc, quý báu, hiện nay không chỉ được tiếp cận như những đối tượng cần bảo tồn mà còn như một dạng vốn văn hóa đặc thù có khả năng chuyển hóa thành các loại vốn tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển KT-XH theo lý thuyết của Pierre Bourdieu.

Sự kết tinh hệ thống giá trị mang tính biểu tượng, căn tính dân tộc và tính chính danh đã tạo nên sức hấp dẫn đặc thù của di sản, làm cơ sở góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương. Tuy nhiên, giá trị của di sản không tự động chuyển hóa thành nguồn lực phát triển, mà phụ thuộc vào cách thức xã hội tổ chức, huy động và tái sản xuất các dạng vốn đó trong những bối cảnh cụ thể. Khi được đặt trong những cơ chế phù hợp, vốn di sản có thể được chuyển hóa thành các nguồn vốn phục vụ phát triển, đồng thời củng cố và tái sinh chính DSVH thông qua các hoạt động bảo tồn, khai thác và sáng tạo. Ngược lại, nếu thiếu những điều kiện chuyển hóa thích hợp, tiềm năng của di sản sẽ bị “đóng băng” trong trạng thái tĩnh, không phát huy được vai trò như một nguồn lực nội sinh cho phát triển. Vì vậy, việc nhận diện hệ thống DSVH không chỉ dừng lại ở giá trị tự thân, mà cần đặt trong động thái vận hành của các loại vốn, qua đó làm rõ hơn vai trò của di sản như một nguồn lực và động lực của phát triển KT-XH địa phương.

2.2. BỐI CẢNH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

2.2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như: Châu Đại Hoàng, châu Trường Yên và đạo Thanh Bình. Địa danh Ninh Bình có từ thời vua

Minh Mạng thứ 3 (1822), đó là đạo Ninh Bình, trấn Ninh Bình vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829) và tỉnh Ninh Bình vào năm Minh Mạng thứ 13 (1831). Ninh Bình có nghĩa là “một vùng đất bình yên và vững chãi”. Trải qua các giai đoạn lịch sử, sau nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, tiêu biểu là hai lần điều chỉnh lớn là năm 1976, sau khi thống nhất đất nước, tỉnh Ninh Bình hợp nhất với tỉnh Nam Hà (gồm tỉnh Nam Định và Hà Nam) thành tỉnh Hà Nam Ninh; và tháng 12 năm 1991, tỉnh Ninh Bình được tách ra khỏi tỉnh Hà Nam Ninh và trở lại với tên gọi cũ là Ninh Bình và giữ nguyên tên gọi cho đến ngày nay.

Tỉnh Ninh Bình nằm ở tọa độ địa lý với vĩ độ $15^{\circ}55'B$ - $20^{\circ}27'B$, kinh độ là $105^{\circ}33'E$, là một tỉnh nằm ở phía Nam đồng bằng Sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội khoảng 90 km về phía Nam; phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam; phía Đông Bắc giáp tỉnh Nam Định; phía Đông Nam giáp với Biển Đông và có đường bờ biển dài khoảng 18 km; phía Tây Bắc giáp tỉnh Hòa Bình và phía Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Thanh Hóa lấy dãy núi Tam Điệp làm ranh giới.

Ninh Bình là một tỉnh có diện tích tự nhiên thuộc nhóm vừa và nhỏ so với các tỉnh đồng bằng Sông Hồng và cả nước, nhưng có đa dạng các loại địa hình, có cả đồng bằng, đồi, núi và sông, biển. Trên cái nền tảng địa hình ấy, thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho nơi đây nhiều tài nguyên thiên nhiên quý giá gồm cả tài nguyên rừng, biển, núi đồi và đồng bằng với những cánh đồng chiêm trũng phì nhiêu, những núi đá vôi có trữ lượng khai thác cả tỉ m^3 , những suối nước nóng, suối khoáng, những khu rừng nguyên sinh đa dạng sinh học, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng... Tài nguyên thiên nhiên cùng với bề dày truyền thống LS-VH hàng nghìn năm của vùng đất đế đô mà dấu tích để lại là kho tàng DSVH giàu có và vị trí địa lý thuận lợi là cửa ngõ, nơi gặp gỡ giao lưu của ba vùng kinh tế là vùng đồng bằng Sông Hồng, khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung, khu vực Tây Bắc (thuộc Trung du và miền núi phía Bắc); Ninh Bình nằm trong hành lang kinh tế quốc gia Bắc - Nam (Bắc Ninh- Hà Nội- Ninh Bình và hành lang kinh tế vịnh Bắc Bộ từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Kim Sơn (Ninh Bình)... đó là những nền tảng, “nguồn vốn” để Ninh Bình khai thác, phát triển một nền kinh tế tổng hợp gồm cả nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, cải thiện hạ tầng KT-XH địa phương và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Tình hình phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua được đánh giá theo hai giai đoạn:

Giai đoạn trước năm 1992, sau khi đất nước thống nhất, tỉnh Ninh Bình hợp nhất với các tỉnh Hà Nam, Nam Định thành tỉnh Hà Nam Ninh. Đất nước vừa ra khỏi chiến tranh, bước vào giai đoạn tái thiết đất nước, nền kinh tế kiệt quệ, điểm xuất phát thấp. Đường lối phát triển KT-XH của đất nước có những hạn chế, sai lầm. Tình hình KT-XH của Ninh Bình nói riêng và tỉnh Hà Nam Ninh cũng như cả nước nói chung ở trong tình trạng chậm phát triển, đời sống KT-XH nghèo nàn, lạc hậu. Sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm xã hội, quy mô phát triển nhỏ, mang nặng tính tự cung, tự cấp; công nghiệp, thủ công nghiệp nhỏ bé, manh mún, phân tán, công nghệ kỹ thuật lạc hậu, hiệu quả thấp; các ngành dịch vụ, xuất khẩu còn khó khăn, chậm phát triển... Lao động thiếu việc làm, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nghèo khó, thiếu thốn, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực hạn chế...

Giai đoạn, từ năm 1992 đến trước ngày 01/7/2025: Từ năm 1992, tỉnh Ninh Bình được tái lập tách ra khỏi tỉnh Hà Nam Ninh. Tỉnh có diện tích gần 1.412 km², dân số khoảng gần 100.8 vạn người [20, tr.16]. Trước năm 2025, tỉnh Ninh Bình gồm có 8 đơn vị hành chính là 2 thành phố trực thuộc tỉnh (thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp) và 6 huyện: Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn và huyện Yên Mô.

Đường lối đổi mới đất nước đã đi sâu vào cuộc sống, đã khẳng định được tính đúng đắn, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, từng bước phát triển và đã đạt được nhiều thành tựu tích cực trên tất cả các lĩnh vực KT-XH. Tỉnh Ninh Bình sau hơn 30 năm tái lập, cùng với những thành tựu đổi mới của đất nước, KT-XH của Tỉnh cũng đạt được nhiều kết quả tích cực: tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng liên tục qua các năm và có tốc độ tăng cao hơn mức trung bình của cả nước. Giá trị GRDP năm 2021 (giá hiện hành) ước đạt 72.035,0 tỷ đồng, cao gấp 104,9 lần năm 1992. Tốc độ tăng bình quân thời kỳ 1992-2021 là 18.8%. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng các ngành nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) giảm dần từ 63.0% năm 1992 xuống còn 11,5% (2021); tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 21,6% (1992) lên 47,2% (2021); tỷ trọng các ngành dịch vụ tăng từ 21.6% (1992) lên 47.3% (2021). Giá trị hàng xuất khẩu năm 2021 ước đạt 2.955,4 triệu USD, cao gấp 1.182,2 lần năm 1992. GRDP

bình quân đầu người năm 2021 ước đạt 71,5 triệu đồng, gấp 89,4 lần năm 1992. Tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 1992-2021 đạt 17,9%...[20, tr.34-35]

Từ một tỉnh thuần nông, đến năm 2022, các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ đã chiếm hơn 80% cơ cấu kinh tế của Tỉnh. Tỉnh đã duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao qua các thời kỳ, giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng trưởng đạt 8,9%/năm; năm 2022, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID 19, nhưng Ninh Bình vẫn nằm trong nhóm các tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng dương; năm 2023, tốc độ tăng trưởng GRDP của Tỉnh đạt 7,27%, đứng thứ 12 toàn quốc và đứng thứ 6 ở vùng đồng bằng Sông Hồng. Quy mô nền kinh tế không ngừng mở rộng [100, tr.400]. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Các hoạt động y tế, giáo dục, thể dục, thể thao có nhiều chuyển biến tích cực. An ninh quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo ổn định, vững chắc.

Với nhiều tiềm năng, thế mạnh về danh lam thắng cảnh, di tích LS-VH nổi tiếng, đặc biệt năm 2014, quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là DSVH và thiên nhiên thế giới, tỉnh Ninh Bình đã xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn cần tập trung phát triển nhằm khai thác và phát huy thế mạnh tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn của địa phương. Thực tế, trong thời gian qua, ngành du lịch của tỉnh Ninh Bình đã phát triển rất mạnh mẽ, Ninh Bình đã được xác định là một trong những khu du lịch trọng điểm của quốc gia, là điểm đến hấp dẫn du khách trong nước mà quốc tế, nhiều khu, điểm du lịch đã được xây dựng, các sản phẩm, dịch vụ du lịch ngày càng đa dạng, hấp dẫn, đã thu hút được đa dạng các nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch, hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch được đầu tư xây dựng mở rộng về quy mô và nâng cao chất lượng... Tổng lượt khách du lịch đến các điểm du lịch của Ninh Bình năm 2019 đạt 7.5 triệu lượt khách (trong đó, du khách quốc tế là 915,0 nghìn lượt khách, doanh thu du lịch đạt 3.671 tỷ đồng. Tốc độ tăng số lượt khách đến Ninh Bình giai đoạn 1992-2021 đạt 19,1%, doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân 25.7% [20, tr.35]. Ngành du lịch phát triển đã có những đóng góp tích cực phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình, bên cạnh những đóng góp từ doanh thu trực tiếp, ngành du lịch còn thúc đẩy phát triển các ngành liên quan như thương mại, sản xuất tiêu dùng, giao thông vận tải, xây dựng... tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, cải

thiện hạ tầng xã hội, xây dựng nông mới và các đô thị hiện đại, văn minh... Tuy nhiên, doanh thu từ du lịch vẫn được đánh giá là chưa tương xứng với tiềm năng, thể mạnh và đóng góp còn thấp trong cơ cấu giá trị các ngành dịch vụ, các sản phẩm du lịch chưa phong phú, chưa có các sản phẩm lưu niệm mang đặc trưng riêng; số lượng khách lưu trú còn thấp; chất lượng dịch vụ và nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng về sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cụ thể hóa Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Ninh Bình (cũ) được sáp nhập với hai tỉnh là Hà Nam và Nam Định thành một tỉnh lấy tên là Ninh Bình (mới). Từ đây, tỉnh Ninh Bình có sự mở rộng đáng kể không gian địa lý, quy mô dân số và nguồn lực phát triển. Sự thay đổi này đồng thời tạo ra một không gian văn hóa - di sản rộng lớn hơn, với sự hội tụ của nhiều di sản và trung tâm văn hóa, lịch sử, tâm linh có giá trị của ba địa phương (cũ). Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành các liên kết về không gian, sản phẩm và tuyến du lịch văn hóa, qua đó mở rộng khả năng khai thác và phát huy giá trị các nguồn lực di sản trong phát triển KT-XH địa phương.

Trong không gian phát triển mới đó, DSVH Cố đô Hoa Lư tiếp tục giữ vị trí đặc biệt, không chỉ với tư cách là bộ phận quan trọng cấu thành bản sắc văn hóa Ninh Bình, mà còn là nguồn lực văn hóa có khả năng tham gia sâu hơn vào phát triển du lịch và các ngành CNVH. Việc mở rộng không gian phát triển của tỉnh vì vậy đặt ra yêu cầu tiếp tục nhận diện, bảo tồn và phát huy hiệu quả hơn giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư, gắn bảo tồn di sản với phát triển KT-XH theo hướng bền vững.

2.2.2. Các nhân tố tác động đến bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư hiện nay

2.2.2.1. Toàn cầu hóa và đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế

Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra rất mạnh mẽ, thế giới ngày càng trở thành “thế giới phẳng”, biên giới các quốc gia được xóa bỏ các rào cản, ngày càng mở rộng hơn; giao lưu, hợp tác quốc tế trên tất cả các lĩnh vực đang trở thành một xu thế tất yếu khách quan. Trong lĩnh vực văn hóa, bối cảnh toàn cầu hóa và giao lưu, hội nhập quốc tế đang có những tác động mạnh mẽ cả tích cực và tiêu cực,

tạo ra cả thời cơ và thách thức. Toàn cầu hóa và giao lưu, hội nhập quốc tế tạo ra một cơ chế thúc đẩy giao lưu và trao đổi văn hóa: văn hóa Việt Nam nói chung, Ninh Bình nói riêng có điều kiện tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến trên thế giới; đồng thời có cơ hội quảng bá, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của cộng đồng, quốc gia ra thế giới thông qua việc phát triển các ngành kinh tế như du lịch và CNVH. Toàn cầu hóa và giao lưu quốc tế giúp cho việc đi lại giữa các quốc gia trở nên dễ dàng hơn, đã mang đến cho ngành du lịch và CNVH một lượng khách quốc tế và nguồn thu ngoại tệ lớn, đóng góp cho GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Các cộng đồng, dân tộc càng có nguồn vốn văn hóa đặc sắc, có năng lực sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hấp dẫn càng thu hút được đông đảo công chúng thụ hưởng. Tỉnh Ninh Bình hiện nay, hàng năm đón khoảng 1 triệu lượt khách quốc tế, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đạt từ 2.5-3 triệu lượt khách quốc tế [98]. Tuy nhiên, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trước sự du nhập và tác động của nhiều làn sóng văn hóa mới và quá trình thương mại hóa văn hóa. Sự cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch và công nghiệp sáng tạo văn hóa cũng diễn ra gay gắt, quyết liệt. Để bảo tồn và phát huy vai trò của văn hóa nói chung và DSVH đối với sự phát triển KT-XH trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tỉnh Ninh Bình cần tranh thủ thời cơ, có những giải pháp để vượt qua khó khăn, thách thức như Đảng ta đã khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại; từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới” [31; t.1, tr.147].

2.2.2.2. Cách mạng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Hiện nay, khoa học - công nghệ đang phát triển với tốc độ vượt bậc, đặc biệt là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, dữ liệu lớn và thực tế ảo. Công nghệ không chỉ thay đổi cách con người sống, làm việc mà còn tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực, trong đó có văn hóa. Những thành tựu như công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR), công nghệ AI tạo sinh, blockchain hay

các nền tảng số hóa dữ liệu đang mở ra nhiều cơ hội mới cho việc bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hóa.

Khi công nghệ số được ứng dụng vào lĩnh vực văn hóa, nó trở thành công cụ hữu hiệu để bảo tồn và lan tỏa một cách rộng rãi và sâu sắc các giá trị văn hóa, hệ thống DSVH của dân tộc được đưa lên môi trường số, được lưu trữ và tái hiện một cách sống động và truyền lại cho các thế hệ mai sau. Với sự hỗ trợ của các nền tảng số, các thế hệ người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ có thể tiếp cận kho tàng DSVH của dân tộc một cách rất dễ dàng, ấn tượng và sâu sắc ở bất cứ nơi đâu mà không bị giới hạn bởi không gian thực của di sản. Đặc biệt sự hỗ trợ của công nghệ số mở ra những cơ hội rất lớn để phát huy vai trò của văn hóa với sự phát triển KT-XH thông qua phát triển của ngành CNVH nói chung và du lịch văn hóa nói riêng. Công nghệ số có thể hỗ trợ trong tất cả các khâu của ngành CNVH từ đề xuất ý tưởng, sản xuất nội dung đến phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa. CNVH phát triển không chỉ giúp lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc trong nước và quốc tế mà còn đóng góp cho GDP, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định “chuyển đổi số” là một trong bảy định hướng chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia...*

Chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực của đời sống nói chung và trong lĩnh vực văn hóa nói riêng đang trở thành một xu thế tất yếu khách quan ở cả trên thế giới và Việt Nam. Khi khoa học - công nghệ có khả năng mở ra những biên giới mới, Việt Nam nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng cần phải biết nắm bắt thời cơ, nắm bắt và làm chủ các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến nhất để đưa những tinh hoa văn hóa dân tộc lan tỏa, vươn xa khắp toàn cầu, khẳng định và định vị văn hóa Việt Nam trên bản đồ văn hóa toàn cầu. Tuy nhiên để có thể thực hiện chuyển đổi số thành công, Việt Nam nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng phải đối mặt với nhiều thách thức lớn cần vượt qua như cần xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, đào tạo nguồn nhân lực số, bảo vệ sở hữu trí tuệ cho các sáng tạo trên môi trường số... và sự cạnh tranh văn hóa trong kỷ nguyên số sẽ diễn ra mạnh mẽ và khốc liệt hơn nhiều.

2.2.2.3. Phát triển kinh tế tri thức và công nghiệp văn hóa sáng tạo

Khi mà các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nhiều vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng xảy ra, động lực của sự phát triển được tìm trong văn hóa, văn hóa được xem là “nguồn vốn”, “tài nguyên nhân văn” được chú trọng, khai thác, phát huy trong phát triển KT-XH. Trên thế giới, phát triển các ngành CNVH (“những ngành tạo ra các sản phẩm kết hợp yếu tố văn hóa, sáng tạo, công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ văn hóa của người dân và phù hợp với mục tiêu hội nhập quốc tế, phát triển bền vững đất nước.” [132]) đang là một xu thế diễn ra rất mạnh mẽ, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển KT-XH của các quốc gia. Các quốc gia có ngành CNVH rất phát triển, đóng góp lớn cho nền kinh tế tiêu biểu như: Nước Mỹ, năm 2022, ngành CNVH đóng góp khoảng 877 tỷ USD, chiếm khoảng 4,2% GDP, tạo ra hơn 5 triệu việc làm; Năm 2020, ở nước Anh, ngành CNVH đóng góp khoảng 116 tỷ bảng Anh, tương đương 6% GDP, tạo việc làm cho khoảng 2,3 triệu lao động; các nước châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản... cũng có ngành CNVH rất phát triển đóng góp lớn vào sự phát triển KT-XH của đất nước.

Việt Nam là quốc gia được đánh giá là có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành CNVH. Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng rất chú trọng khai thác, phát huy nguồn vốn văn hóa của dân tộc để phát triển các ngành CNVH thể hiện qua nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trong *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Chính phủ đã khẳng định: “Các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút tối đa nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa”[124]. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng đề ra nhiệm vụ: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hoá Việt Nam”[31; t1, tr.145-146]. Tiếp theo, ngày 29/8/2024, Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 30/CT-TTg Chỉ thị về *phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam*. Chỉ thị đã đưa ra những chỉ đạo rất cụ thể đối với các bộ, ban, ngành, chính quyền các tỉnh cần thực hiện để thúc đẩy phát triển các ngành CNVH. Phát triển CNVH ở Việt Nam cũng đạt được những kết quả tích cực: Năm

2015, các ngành CNVH đóng góp vào GDP là 2.68%; đến năm 2018, đóng góp khoảng 3.61%. Giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất của các ngành CNVH của Việt Nam đóng góp ước đạt 1.059 triệu tỷ đồng (44 tỷ USD). Năm 2022, các cơ sở hoạt động liên quan đến các ngành CNVH đã giải quyết việc làm cho khoảng 1.7-2.3 triệu người lao động [200]. Mới đây, ngày 14/11/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 2486/QĐ/TTg *Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, với mục tiêu đề ra: Phát triển các ngành CNVH trở thành các ngành kinh tế quan trọng; phần đầu đến năm 2030, các ngành CNVH đóng góp 7% GDP của đất nước, lực lượng lao động trong các ngành CNVH chiếm tỷ trọng 6% tổng lực lượng lao động trong nền kinh tế.[132] Và Nghị quyết số 80 -NQ/TW ngày 09/01/2026 của Bộ Chính trị về *phát triển văn hóa Việt Nam* tiếp tục khẳng định mục tiêu phát triển các ngành CNVH như trên. Đồng thời, Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu: “Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hoá; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp công nghiệp văn hoá, nghệ thuật sáng tạo. Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới.” “hình thành từ 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hoá trong các lĩnh vực có tiềm năng”[11]. Nghị quyết đã khẳng định mục tiêu phát triển ngành CNVH Việt Nam hiện đại dựa trên sáng tạo và công nghệ, hoạt động chuyên nghiệp hiện đại, mang bản sắc riêng, chủ động hội nhập, “định vị” thương hiệu và có năng lực cạnh tranh quốc tế với nội dung cốt lõi là xây dựng “hệ sinh thái hoàn chỉnh”: từ khởi nghiệp, doanh nghiệp đến các cụm/khu công nghiệp sáng tạo và hình thành các tập đoàn CNVH quy mô lớn cho thấy tư duy tiếp cận theo chuỗi giá trị thay vì hoạt động rời rạc. Đồng thời, trong mục tiêu phát triển văn hóa Việt Nam, Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong việc “Thực hiện chủ trương xã hội hoá văn hoá đúng hướng, hiệu quả; đấu tranh khắc phục khuynh hướng "thương mại hoá", chỉ coi trọng, đề cao một chiều lợi ích kinh tế trong hoạt động văn hoá, coi nhẹ lợi ích xã hội, nhân văn” [11].

Tỉnh Ninh Bình có kho tàng DSVH giàu có và đặc sắc cùng với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, là địa phương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch và các ngành CNVH. Xu thế phát triển của thế giới và bối cảnh chủ trương, chính sách phát triển CNVH của Việt Nam tạo nhiều thuận lợi để Ninh Bình khai thác, phát huy giá trị văn hóa phát triển các ngành CNVH, thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương. Tuy nhiên, bối cảnh đó cũng đòi hỏi tỉnh Ninh Bình phải nỗ lực phát huy trí tuệ tìm ra các giải pháp hiệu quả để khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh về văn hóa của địa phương để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc sắc, hấp dẫn có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường văn hóa đang ngày càng khắc nghiệt trong nước và quốc tế.

2.2.2.4. Chủ trương, chính sách của tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm coi: “Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Trong đó, DSVH được đánh giá: “là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo các giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa.” Và Đảng yêu cầu phải: “Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể” [25; tr.63]. Cần “Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy DSVH với phát triển kinh tế - xã hội” [29; tr.54]. Tại Đại hội XIII, trong lĩnh vực bảo tồn di sản, Đảng ta tiếp tục yêu cầu: “Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội.” Và để khai thác, phát huy giá trị văn hóa nói chung, DSVH nói riêng trong phát triển kinh tế - xã hội, Đảng đã nhấn mạnh: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”. “[31; t1, tr.145-146].

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa nói chung và DSVH nói riêng, trong thời gian qua, trong chiến lược phát triển KT-XH, tỉnh Ninh Bình đã xác định lấy DSVH làm nền tảng, cơ sở để phát triển du lịch và các ngành CNVH, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch và triển khai nhiều giải pháp nhằm khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch và CNVH như Nghị quyết số 03/TU ngày 18/12/2001 về *phát triển du lịch đến năm 2010* của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/07/2009 về *phát triển du lịch đến năm 2020* của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy Ninh Bình về *bảo tồn và phát huy giá trị DSVH và thiên nhiên thế giới Quần thể Danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020*; Kế hoạch số 42/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 12/4/2017 về *Thực hiện chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, tầm nhìn 2030*; Nghị quyết số 07 - NQ/TU ngày 28/10/2021 của Tỉnh ủy Ninh Bình về *phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2045*; Nghị quyết 22 -NQ/TU ngày 28/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về *phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2050*; Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về *Phê duyệt đề án thực hiện nghị quyết 22-NQ/TU ngày 28/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2050*. Các chủ trương, chính sách trên đều nhấn mạnh quan điểm, định hướng chỉ đạo xuyên suốt là chú trọng công tác bảo tồn, phát huy giá trị LS-VH và truyền thống tốt đẹp của dân tộc để phát triển du lịch, CNVH và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển du lịch trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng thế mạnh về DSVH và tài nguyên thiên nhiên của Tỉnh đặc biệt là giá trị của DSVH Cố đô Hoa Lư và Danh thắng Tràng An.

Đối với riêng hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình cũng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH nói chung và du lịch nói riêng như *Xây dựng Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư*, được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003; Đề xuất *Xây dựng Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030* được phê duyệt theo Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ...

UBND tỉnh đã phê duyệt đề án “*Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH phi vật thể lễ hội Hoa Lư*” năm 2016, và đề án “*Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư, giai đoạn 2021 - 2030*” năm 2021 và đề án *Xây dựng các sản phẩm văn hóa nhằm phát huy giá trị văn hóa, lịch sử Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo*, năm 2021. Các chủ trương, chính sách đó đã chú trọng đến công tác bảo tồn, giữ gìn hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư để lưu giữ những giá trị và truyền thống tốt đẹp về văn hóa, con người vùng đất Cố đô để truyền lại cho các thế hệ tiếp theo; đồng thời xác định các nhiệm vụ, giải pháp khai thác, phát huy giá trị của DSVH trong phát triển KT-XH đặc biệt là phát triển du lịch và các hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hóa để giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá DSVH đến đông đảo người dân và du khách nhằm mang lại những lợi ích thiết thực về KT-XH cho địa phương.

Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 của Thủ tướng chính phủ đã xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2030: CNVH chiếm 10% GRDP và đến 2035, Ninh Bình “*Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo; một trong những trung tâm lớn, có giá trị thương hiệu cao về du lịch, CNVH, kinh tế di sản của cả nước và khu vực châu Á - Thái Bình Dương...*”[129]

Từ ngày 1/7/2025, tỉnh Ninh Bình được mở rộng địa giới hành chính sau khi sáp nhập với tỉnh Hà Nam và Nam Định. Kho tàng DSVH của tỉnh lại được bổ sung thêm giàu có và phong phú hơn, tỉnh cũng có thêm nhiều nguồn lực để khai thác, phát huy giá trị DSVH phục vụ phát triển KT-XH. Sau khi sáp nhập, tỉnh đã tiến hành các hội nghị lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý và nhân dân về điều chỉnh Quy hoạch phát triển tỉnh; góp ý các chủ trương, chính sách về phát triển du lịch và CNVH trở thành cụm ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn năm 2050 và nhiều chủ trương, chính sách

khác về phát triển KT-XH của tỉnh cho phù hợp với không gian phát triển mới. Tuy nhiên, định hướng gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH, xác định du lịch và các ngành CNVH là cụm ngành mũi nhọn vẫn không thay đổi, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt định hướng quá trình xây dựng, chủ trương, chính sách phát triển KT-XH của Tỉnh nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế to lớn về di sản của địa phương.

Những chủ trương, chính sách đó là cơ sở quan trọng cho quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH của tỉnh Ninh Bình nói chung và khu di tích Cố đô Hoa Lư nói riêng, để DSVH được sống mãi và phát huy tác động thúc đẩy KT-XH phát triển, góp phần làm giàu cho quê hương, đất nước và đời sống nhân dân.

2.2.2.5. Định hướng đô thị hóa và xây dựng đô thị di sản

Trước khi sáp nhập 3 tỉnh, tỷ lệ đô thị hóa của các địa phương của tỉnh Ninh Bình khá thấp, năm 2021, tỷ lệ đô thị hóa của Ninh Bình khoảng 21.5%, Hà Nam khoảng 37.5%, Nam Định khoảng 27% (đều thấp hơn trung bình của cả nước với 40.5%)[101]. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ thứ I (2025-2030) đã đặt mục tiêu đến năm 2030, nâng tỷ lệ đô thị hóa lên 60.1%, mục tiêu phát triển đô thị xanh, đậm đà bản sắc gắn kết hài hòa với giá trị di sản, với ba đô thị trung tâm là Phủ Lý- Hoa Lư -Nam Định. Trong đó, Hoa Lư được định hướng nằm trong hành lang kinh tế du lịch bao gồm các điểm Hoa Lư- Bái Đính - Vân Long - Tam Chúc, định hướng xây dựng đô thị di sản gắn với DSVH và thiên nhiên thế giới Cố đô Hoa Lư và Tràng An- Tam Cốc- Bích Động nhằm gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn, giữ gìn di sản với phát triển kinh tế. Định hướng đó giúp cho hệ thống DSVH và thiên nhiên của Ninh Bình nói chung và DSVH Cố đô Hoa Lư nói riêng được bảo tồn, giữ gìn và có điều kiện được phát huy giá trị trong đời sống KT-XH địa phương. Tuy nhiên, để phát triển du lịch và hiện thực hóa mục tiêu đô thị hóa, sẽ kéo theo sự gia tăng dân số, phát triển hạ tầng như nhà ở, trường học, bệnh viện, không gian công cộng, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ du lịch như cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí... sẽ tạo ra sức ép với không gian di sản. Nếu không quản lý tốt sẽ có nguy cơ phá vỡ cảnh quan, xâm hại đến không gian của di sản.

Tiểu kết chương 2

Ninh Bình là một vùng đất giàu truyền thống LS -VH, trong lịch sử phát triển, Tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Những kết quả đó không chỉ dựa trên việc khai thác các nguồn lực tự nhiên, mà còn gắn chặt với việc huy động và phát huy các nguồn lực nhân văn, trong đó nổi bật là hệ thống DSVH của Cố đô Hoa Lư. Với tư cách là kinh đô đầu tiên của nhà nước Đại Cồ Việt, Hoa Lư lưu giữ một cấu trúc di sản đa dạng gồm hệ thống DSVH vật thể như các di tích LS-VH, di tích khảo cổ, bảo vật quốc gia và các thực hành văn hóa phi vật thể tiêu biểu như lễ hội truyền thống. Hệ thống này không chỉ kết tinh các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, cảnh quan và tâm linh, tín ngưỡng và giá trị kinh tế mà còn tạo nên một nền tảng biểu tượng và bản sắc có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển KT-XH lâu dài của địa phương. Tuy nhiên, sự phát triển đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, kho tàng tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn nói chung, DSVH Cố đô Hoa Lư nói riêng vẫn còn rất nhiều tiềm năng, dư địa để Ninh Bình tiếp tục khai thác, phát huy trong quá trình phát triển KT-XH hiện nay.

Cùng với nền tảng phát triển KT - XH tỉnh Ninh Bình, bối cảnh hiện nay với những điểm nhấn nổi bật như là: Toàn cầu hóa và đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế; cách mạng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tri thức và các ngành CNVH sáng tạo; chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH và định hướng đô thị hóa, xây dựng đô thị di sản của tỉnh Ninh Bình tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với việc gắn kết DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình.

Chương 3

NHẬN DIỆN MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯU VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

3.1. TÁC ĐỘNG CỦA DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯU ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

3.1.1. Di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư với phát triển kinh tế

3.1.1.1. Di sản văn hóa góp phần tạo nguồn lực phát triển du lịch và dịch vụ

Với hệ thống di tích LS-VH có niên đại hàng nghìn năm, hệ thống đền, chùa, đình, miếu, phủ ken dày, có Lễ hội Hoa Lư - DSVH phi vật thể quốc gia tiêu biểu và nhiều cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp kết tinh các giá trị đặc sắc, hấp dẫn, trong thời gian qua, nguồn vốn DSVH Cổ đô Hoa Lư đã được khai thác để tổ chức, xây dựng điểm du lịch Cổ đô Hoa Lư, với các sản phẩm du lịch văn hóa chính như: sản phẩm du lịch thăm quan, tìm hiểu LS-VH dân tộc gắn liền với quá trình hình thành, phát triển và sự kiện, nhân vật lịch sử của nhà nước Đại Cồ Việt và kinh đô Hoa Lư trong thế kỷ X; sản phẩm du lịch lễ hội gắn với Lễ hội Hoa Lư - DSVH phi vật thể quốc gia; du lịch tâm linh, tín ngưỡng gắn với việc thực hành các nghi lễ tâm linh, tín ngưỡng ở đền vua Đinh, vua Lê và hệ thống đình, chùa, miếu, phủ, đền thờ ở Cổ đô; và sản phẩm du lịch thăm quan danh lam - thắng cảnh, thẩm thú thưởng ngoạn vẻ đẹp của các di sản thiên nhiên núi non, sông nước và khám phá các hang động trong khu di tích. Đánh giá về tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch này, NCS đã khảo sát ý kiến của các du khách, kết quả thu được như sau:

**Bảng 3.1: Đánh giá của du khách về tính hấp dẫn
của các sản phẩm du lịch ở Cổ đô Hoa Lư**

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1. Du lịch lễ hội	2.88	0.3	2
2. Du lịch tâm linh, tín ngưỡng	2.79	0.4	3
3. Du lịch thăm quan, tìm hiểu lịch sử- văn hóa	2.90	0.3	1
4. Du lịch thăm quan danh lam - thắng cảnh	2.70	0.4	4
ĐTB Chung	2.82	0.2	

Thang đo: 1- Không hấp dẫn; 2 - Bình thường; 3 - Hấp dẫn

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Sản phẩm du lịch thăm quan, tìm hiểu LS-VH được đánh giá có mức độ hấp dẫn số 1, xếp ở vị trí thứ 2 là sản phẩm du lịch lễ hội, xếp ở vị trí thứ 3 là sản phẩm du lịch tâm linh, tín ngưỡng và xếp ở vị trí thứ tư là sản phẩm du lịch thăm quan danh lam - thắng cảnh. Ngoài ra, DSVH Cổ đô Hoa Lư còn được khai thác để xây dựng sản phẩm du lịch như du lịch khảo cổ học, tuy nhiên sản phẩm du lịch này chỉ thu hút số ít du khách là các nhà khoa học, những người học tập, nghiên cứu lịch sử, khảo cổ...

Với các sản phẩm du lịch văn hóa trên, du khách đến với Cổ đô Hoa Lư được tham gia, trải nghiệm rất nhiều các hoạt động, sinh hoạt văn hóa như: thăm quan, chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính của các di tích LS-VH trong không gian khu di tích. Du khách tham gia các triển lãm, trưng bày thường xuyên và chuyên đề về các DSVH vật thể gắn liền với các sự kiện, nhân vật lịch sử giai đoạn 42 năm đầu của nhà nước Đại Cồ Việt giúp du khách hình dung được dòng chảy lịch sử của dân tộc. Tại khu di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư, Tỉnh đã xây nhà trưng bày khảo cổ học làm nơi trưng bày, giới thiệu với du khách các di vật khảo cổ khai quật được liên quan đến lịch sử, văn hóa của Kinh đô Hoa Lư xưa và nhà nước Đại Cồ Việt. Nhà trưng bày khảo cổ được mở cửa thường xuyên để phục vụ du khách. Bên cạnh đó, Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư còn thường xuyên phối hợp với Bảo tàng tỉnh Ninh Bình để tổ chức các buổi triển lãm, trưng bày theo chuyên đề như: tổ chức trưng bày chuyên đề “Kinh đô Hoa Lư - Theo dòng lịch sử” để phục vụ Lễ hội Hoa Lư năm 2024. Trong dịp Lễ hội Hoa Lư năm 2025, tại khu di tích đã diễn ra hội thảo và trưng bày, triển lãm “Trang phục và Cổ phục thời Đinh”... Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư đã ứng dụng kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào trong công tác trưng bày, giới thiệu DSVH, năm 2020, dự án “Trưng bày quảng bá DSVH thời Đinh - Tiền Lê” đã chính thức hoàn thành và đưa vào phục vụ du khách. Khu trưng bày kết hợp giữa công nghệ 3D và công nghệ Mapping đã tạo ra xu hướng hiện đại về phong cách trưng bày, mang lại tính hiệu quả, thiết thực cho du khách thăm quan. Sa bàn là mô hình kết hợp với công nghệ trình chiếu, tương tác, được làm bằng công nghệ 3D. Trên mặt Sa bàn được trình chiếu công nghệ Mapping, trên tường trình chiếu Media. Nội dung giới thiệu di tích Cổ đô Hoa Lư trong không gian DSVH Tràng An - Ninh Bình, tạo điểm nhấn hấp dẫn cho du khách. Bên cạnh đó, du khách đến Cổ đô Hoa Lư còn được thực hành các nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng khi tham gia lễ hội Hoa Lư và đi lễ ở các di tích nổi tiếng như đền và lăng vua Đinh, đền và lăng vua Lê, đền thờ công chúa Phát Kim, chùa

Nhất Trụ, chùa Kim Ngân, chùa động Am Tiên, chùa Bà Ngô, phủ Đông vương, phủ Kinh Thiên... Đến với Cố đô Hoa Lư, du khách còn được thưởng thức các buổi biểu diễn nghệ thuật cả nghệ thuật chuyên nghiệp và văn nghệ quần chúng. Hiện nay, xã Trường Yên, đã thành lập được các đội nghệ quần chúng biểu diễn các loại hình nghệ thuật dân gian như chèo, hát xẩm, các thể loại dân ca, dân vũ... để phục vụ khách du lịch. Nhiều du khách đã lựa chọn thời điểm thăm quan, du lịch ở Cố đô Hoa Lư vào thời điểm diễn ra lễ hội Hoa Lư, vì vậy, dịp lễ hội số lượng du khách tham gia rất đông đảo lên đến vài chục nghìn người. Đây là thời điểm, ở Cố đô diễn ra nhiều nhất các sinh hoạt văn hóa đặc sắc, ngoài các nghi lễ truyền thống như: Lễ mở cửa đền; Lễ rước nước; Lễ mộc dục; Lễ dâng hương; Lễ tiến phẩm; Lễ rước kiệu; Tế Cờ khúc; Tế lễ cổ truyền (các đoàn tế lão quan, tế đồng quan và tế hội đồng); Lễ Cầu quốc thái dân an và Lễ hội hoa đăng; Lễ tạ; phần Hội diễn ra rất nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, trò chơi dân gian truyền thống và hiện đại như cờ người, chọi gà, tổ tôm điếm, bắn cung, bắn nỏ... các hoạt động trưng bày, triển lãm, hội trại, chiếu phim, biểu diễn chèo, múa rối nước... các cuộc thi như thi chèo thuyền khéo, thi “kéo chữ thái Bình”, thi diễn tích “Cờ lau tập trận”, thi thư pháp, thi bày mâm ngũ quả... Luận án đã thực hiện khảo sát các hoạt động, sinh hoạt văn hóa chính mà du khách tham gia khi thăm quan, du lịch ở Cố đô Hoa Lư, kết quả thu được như sau:

Bảng 3.2: Một số hoạt động du khách tham gia khi thăm quan, du lịch ở Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: người; %

Hoạt động	Lựa chọn	%
1. Thăm quan các di tích lịch sử - văn hóa ở Cố đô Hoa Lư	192	96.0
2. Tham gia lễ hội Hoa Lư	124	62.0
3. Đi lễ phủ, đền, chùa...	157	78.5
4. Tham gia buổi triển lãm, trưng bày	150	75.0
5. Chụp ảnh lưu niệm	150	75.0
6. Thưởng thức ẩm thực vùng miền	99	49.5
7. Thưởng thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật	168	84.0
8. Xin chữ	70	35.0
Khác: tham gia trò chơi dân gian, xem đua thuyền, cắm trại, thưởng thức múa rối nước, các sinh hoạt văn hóa tập thể với người dân địa phương...		

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả cho thấy hoạt động được du khách tham gia nhiều nhất là hoạt động “Thăm quan các di tích LS-VH ở Cố đô Hoa Lư” với 192 người lựa chọn (chiếm

96.0%); hoạt động có số lượng du khách tham gia đông thứ 2 là “Thưởng thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật” với 168 người lựa chọn (chiếm 84.0%); hoạt động có số lượng du khách tham gia đông xếp ở vị trí thứ 3 là hoạt động “Đi lễ phủ, đền, chùa...” với 157 người lựa chọn (chiếm 78.5%). Hoạt động có số người lựa chọn ít nhất là “Xin chữ” với 70 người (chiếm 35.0%), điều này cũng dễ hiểu, vì hoạt động thư pháp, cho chữ chỉ diễn ra một số dịp như dịp lễ hội, dịp tết và một số dịp đặc biệt khác. Hoạt động có số người tham gia ít xếp ở vị trí thứ 2 là hoạt động “Thưởng thức ẩm thực vùng miền” với 99 người lựa chọn (chiếm 49.5%). Ngoài ra, một số du khách có trả lời thêm, khi thăm quan, du lịch ở Cổ đô Hoa Lư, họ còn được tham gia các sinh hoạt văn hóa tập thể với người dân địa phương như nhảy sạp, múa hát tập thể... Phỏng vấn du khách là các học sinh, các em còn cho biết, khi thăm quan ở Cổ đô Hoa Lư các em đi cùng đoàn học sinh của lớp, của trường, ngoài các hoạt động trên, các em còn được thầy cô, đơn vị tổ chức tour tổ chức cho cắm trại, tổ chức các sinh hoạt tập thể của học sinh trong khuôn viên của khu di tích.

Để nâng cao hiệu quả khai thác, phát huy giá trị DSVH, giúp DSVH Cổ đô Hoa Lư thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển du lịch và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách thăm quan, du lịch ở khu di tích, Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư - đơn vị quản lý trực tiếp đã triển khai các dịch vụ như: thuyết minh, hướng dẫn; tổ chức biểu diễn nghệ thuật; hoạt động thư pháp, xin chữ; bán đồ lưu niệm; bán các sản vật, ẩm thực địa phương; cung cấp dịch vụ trông xe, chụp ảnh và bán hàng. Bên cạnh đó là các cơ sở kinh doanh, dịch vụ của người dân xung quanh khu di tích.

Bảng 3.3: Đánh giá của du khách về các sản phẩm, dịch vụ phụ trợ ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1. Đồ lưu niệm	2.36	0.4	4
2. Thuyết minh, hướng dẫn du lịch	2.82	0.4	2
3. Biểu diễn nghệ thuật	2.92	0.2	1
4. Hoạt động thư pháp, xin chữ	2.54	0.5	3
5. Dịch vụ chụp ảnh	1.92	0.6	7
6. Kinh doanh sản vật địa phương: Dược liệu, đồ ăn	2.25	0.4	5
7. Các dịch vụ khác: bán hàng, trông xe, bảo vệ, xe ôm,...	2.22	0.4	6
ĐTB Chung	2.43	0.2	

Thang đo: 1- Không hấp dẫn; 2 - Bình thường; 3 - Hấp dẫn

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát cho thấy, hoạt động biểu diễn nghệ thuật được du khách lựa chọn nhiều nhất, đánh giá là hấp dẫn nhất với ĐTB 2.92. Ngoài các chương trình biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được dàn dựng công phu, mời các nghệ sĩ chuyên nghiệp, danh tiếng biểu diễn như các buổi biểu diễn nghệ thuật khai mạc Lễ hội Hoa Lư, Festival Ninh Bình, ở khu di tích duy trì các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian như múa rối nước, hát chèo, hát xẩm... do các nghệ nhân và đội văn nghệ quần chúng thực hiện. Nghệ thuật dân gian Việt Nam rất phong phú, đặc sắc, hấp dẫn, việc tổ chức biểu diễn ở khu di tích đã đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu LS-VH dân tộc của du khách, làm cho chuyến du lịch văn hóa của du khách thêm sinh động và hấp dẫn, cho nên du khách đánh giá cao nhất hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật. NCS đã phỏng vấn du khách người Việt Nam (mã DL01, nam, 38 tuổi, đến từ Bình Dương) với câu hỏi: “Ông cho biết các sản phẩm, dịch vụ văn hóa nào trong khu di tích hấp dẫn và thu hút khách du lịch”? Ông cho rằng, “cần tổ chức thường xuyên hơn các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian để phục vụ du khách, nhất là các loại hình nghệ thuật mang đặc trưng riêng của vùng đất Ninh Bình như hát xẩm, hát chèo...” [Phỏng vấn sâu, DL01, tháng 3/2025]. Có thể thấy, việc sáng tạo các sản phẩm nghệ thuật biểu diễn trên cơ sở nguồn vốn DSVH để phục vụ du khách là một biện pháp hiệu quả khai thác, phát huy giá trị DSVH và đã “đánh trúng” nhu cầu, thị hiếu của du khách. Tuy nhiên, trong bối cảnh Cố đô Hoa Lư, các sản phẩm văn hóa này cần chú trọng khai thác, phát huy nguồn vốn DSVH mang bản sắc riêng của Ninh Bình, để tránh trùng lặp với các điểm đến khác và đạt hiệu quả cao hơn trong bảo tồn, quảng bá DSVH, đồng thời sẽ hấp dẫn và thu hút du khách hơn nữa.

Dịch vụ được nhiều lựa chọn, đánh giá hấp dẫn xếp ở vị trí thứ 2 là dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch ở khu di tích với ĐTB 2.82. Du khách đến thăm quan ở khu di tích Cố đô Hoa Lư, khu vực đền vua Đinh và vua Lê, ngoài việc chiêm ngắm, cảm nhận trực quan vẻ đẹp cảnh quan và kiến trúc của các di tích, còn có thể tìm hiểu về giá trị của các DSVH thông qua nghe thuyết minh, hướng dẫn của các thuyết minh viên của Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư. Hiện nay, Trung tâm có 12 thuyết minh viên, trong đó, có 4 thuyết minh viên bằng tiếng Anh để phục vụ du khách quốc tế. Dịch vụ thuyết minh viên tại khu di tích không thu phí, thường phục vụ cho các đoàn khách số lượng đông. Để phục được đông

đạo du khách, giúp du khách dễ dàng tra cứu thông tin, tìm hiểu về giá trị DSVH vật thể và phi vật thể ở khu di tích, Trung tâm đã đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong công tác quảng bá, giới thiệu, ngày 22/7/2023, Trung tâm đã ra mắt phục vụ du khách sản phẩm quét mã QR thuyết minh tự động bằng 4 ngôn ngữ. Toàn bộ thông tin dạng chữ viết, âm thanh, hình ảnh của di tích Cố đô Hoa Lư được đưa lên ứng dụng vừa hiện đại, vừa trực quan, sinh động... dễ ghi nhớ giúp du khách dễ dàng tìm hiểu nhiều giá trị, thông tin về di tích và đem lại cảm xúc ấn tượng cho khách thăm quan.

Mặc dù là một hoạt động không được tổ chức thường xuyên, nhưng hoạt động thư pháp, xin chữ được du khách đánh giá hấp dẫn ở vị trí thứ 3 với ĐTB lựa chọn là 2.54. Bởi lẽ, khu di tích Cố đô Hoa Lư, ngoài giá trị về LS-VH, thì một giá trị rất tiêu biểu là giá trị tâm linh - tín ngưỡng. Du khách đến với Cố đô Hoa Lư không chỉ để thăm quan văn cảnh, tìm hiểu giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, mà còn mang theo sự thành kính, trở về cội nguồn dân tộc, dâng hương lễ tạ, tỏ lòng biết ơn đến các anh hùng dân tộc đã có công dựng nước, bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc. Đồng thời, cũng mang theo ước nguyện cầu mong bình an, may mắn, thành công, hạnh phúc cho bản thân và gia đình, cho nên nhiều du khách ngoài thực hành các nghi lễ tín ngưỡng, đi lễ đền, chùa, phủ... còn muốn xin các chữ cầu tài, cầu lộc, cầu bình an để mang về treo trong nhà. Thời gian tới, Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư cần triển khai thường xuyên hơn hoạt động thư pháp trong khuôn viên di tích, nhất là các dịp lễ hội, tết... vừa tuyên truyền, quảng bá một nét đẹp văn hóa của dân tộc vừa đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người dân và du khách.

Tiếp theo, các dịch vụ kinh doanh sản vật địa phương, dịch vụ chụp ảnh và một số dịch vụ khác, trông xe, bảo vệ, xe ôm... được đánh giá ở mức độ “Bình thường”. Dịch vụ bán đồ lưu niệm được du khách đánh giá hấp dẫn ở vị trí thứ 4 với ĐTB là 2.36 không được cao so với ĐTB chung. Một lãnh đạo Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư (mã CBQL01, nữ, 50 tuổi, Ninh Bình) cho biết, “việc kinh doanh đồ lưu niệm và các sản vật địa phương chưa được chú trọng, chỉ là hoạt động phụ trợ ở khu di tích Cố đô Hoa Lư” [Phỏng vấn sâu, CBQL01, tháng 3/2025]. Hiện nay, đồ lưu niệm được bày bán ở khu di tích chưa mang đặc trưng

riêng, các sản phẩm được bày bán như đĩa kim giao, lá bồ đề, nón lá, 12 con giáp... về đặc sản địa phương được bày bán thì chưa nhiều, chỉ gồm một số loại như: một số dược liệu thông dụng như muối ngâm chân thảo dược, dầu gội thảo dược, tinh dầu...; đặc sản ẩm thực như: cơm cháy, ruốc cá rô, mắm tép Gia Viễn, rượu Kim Sơn, nem chua Yên Mạc... Vì vậy, số lượng du khách mua sắm đồ lưu niệm, đặc sản địa phương chiếm tỷ lệ nhỏ trong số các du khách được khảo sát.

Bảng 3.4: Hoạt động mua sắm của du khách khi thăm quan, du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: người; %

Nội dung	Số lượng	%
1. Đồ lưu niệm	60	30.0
2. Đặc sản ẩm thực	43	21.5
3. Không mua sắm	97	48.5
Tổng	200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát cho thấy, có 60 du khách/200 du khách được khảo sát (chiếm 30%) mua đồ lưu niệm, 43 du khách (chiếm 21.5%) mua đặc sản ẩm thực địa phương và 97/200 du khách (chiếm 48.5%) không mua sắm khi thăm quan khu di tích Cố đô Hoa Lư. Năm 2021, UBND tỉnh Ninh Bình đã xây dựng và thực hiện đề án “Xây dựng các sản phẩm văn hóa nhằm phát huy giá trị văn hóa, lịch sử Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển du lịch giai đoạn 2025 và những năm tiếp theo”. Trong đó, có nội dung “xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch Ninh Bình và thiết kế mẫu, sản xuất các sản phẩm lưu niệm quà tặng” với các sản phẩm lưu niệm mang đặc trưng, bản sắc riêng của Cố đô Hoa Lư như các mô hình bảo vật quốc gia, các DSVH nổi tiếng; các sản phẩm chạm khắc trên đá với những họa tiết tiêu biểu mang đặc trưng riêng... Theo Đề án này, hiện nay khu di tích mới đi vào hoạt động trải nghiệm in rập tranh các hình ảnh liên quan đến các DSVH của triều đại Đinh và Tiền Lê. Hi vọng, khi đề án hoàn thành các giai đoạn, đưa vào thực tiễn sẽ cải thiện thị trường, sản phẩm hàng hóa văn hóa ở khu di tích Cố đô Hoa Lư.

Các dịch vụ khác như: bán hàng, trông xe, bảo vệ, xe ôm... ở khu di tích Cố đô được đánh giá ở mức bình thường với ĐTB là 2.22. Du khách (mã DL02, nữ, 35

tuổi, Phú Thọ) cho rằng, “Tôi thấy xung quanh khu di tích còn ít các cửa hàng buôn bán phục vụ nhu cầu của du khách; còn tình trạng người bán hàng rong chạy theo chèo kéo du khách mua hàng; bãi trông xe vẫn còn tình trạng để xe lộn xộn”. [Phỏng vấn sâu DL02, tháng 3/2025] Đây là những vấn đề cần giải quyết để phát triển du lịch ở khu di tích bãi bản, chuyên nghiệp, xây dựng hình ảnh đẹp trong lòng du khách. Dịch vụ chụp ảnh được đánh giá là không hấp dẫn với ĐTB 1.92. Hiện nay, trong khuôn viên khu di tích vẫn có một số cá nhân kinh doanh dịch vụ chụp ảnh, nhưng không thu hút được nhiều du khách. Điều này cũng dễ hiểu, với sự phát triển của khoa học công nghệ, hầu như mỗi người đều sở hữu smart phone với tính năng chụp và chỉnh sửa ảnh rất tiện lợi, nên việc du khách không sử dụng dịch vụ chụp ảnh là điều bình thường.

3.1.1.2. Di sản văn hóa góp phần thúc đẩy hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa

Trong thời gian qua, hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư không chỉ đóng vai trò là nguồn lực trực tiếp được khai thác, phát huy trong phát triển du lịch văn hóa, mà không gian DSVH Cố đô Hoa Lư còn được khai thác trở thành không gian văn hóa sáng tạo kết nối giữa những nhà sáng tạo, các doanh nghiệp, người kinh doanh với người tiêu dùng, công chúng hưởng thụ văn hóa, góp phần xây dựng hệ sinh thái sáng tạo cho CNVH, thúc đẩy phát triển các ngành CNVH như: du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, điện ảnh, công nghiệp giải trí... phát triển.

Hoạt động chính của khu di tích Cố đô Hoa Lư là mở cửa cho người dân và du khách thăm quan, tìm hiểu di tích, lịch sử văn hóa. Tuy nhiên, trong không gian di tích còn có một sân lễ hội rộng hàng nghìn mét, có sức chứa mấy chục nghìn người, nơi đây được sử dụng làm không gian tổ chức các sự kiện văn hóa lớn như Lễ hội Hoa Lư, các buổi biểu diễn nghệ thuật. Năm 2023, sân lễ hội Hoa Lư là nơi diễn ra Concert ca nhạc “Chân trời rực rỡ” của ca sĩ Hà Anh Tuấn. Sự kiện thu hút khoảng 20.000 khán giả, 500 nhân viên an ninh được huy động để bảo vệ cho sự kiện. Sự kiện này đã mang lại những hiệu ứng lớn, giúp quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Ninh Bình, tác động to lớn thúc đẩy du lịch Ninh Bình phát triển. Chỉ trong hai ngày diễn ra sự kiện, các điểm du lịch ở Ninh Bình đã ghi nhận số lượng khách tăng đột biến, trung bình cơ sở lưu trú đạt công suất trên 95%, nhiều khách sạn,

homestay đạt 100%. Sự kiện mở ra một hướng đi mới cho du lịch và CNVH Ninh Bình, đó là phát triển sản phẩm “du lịch âm nhạc”. Không gian văn hóa khu di tích đã đóng vai trò như một không gian sáng tạo kết nối doanh nghiệp, nghệ sĩ với những người thương thức nghệ thuật, là cơ hội để Ninh Bình và các doanh nghiệp thử hành quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, không gian khu di tích Cố đô Hoa Lư còn là nơi tổ chức các sự kiện lớn như Kỷ niệm 1.000 năm ngày sinh của vua Đinh Tiên Hoàng, Lễ hội Hoa Lư - lễ hội lớn nhất của tỉnh Ninh Bình, đang được đề nghị tổ chức theo nghi thức quốc gia. Trong không gian lễ hội Hoa Lư, bên cạnh diễn ra các nghi lễ truyền thống của lễ hội, các trò chơi dân gian, còn tổ chức nhiều chương trình biểu diễn nghệ thuật cả chuyên nghiệp và nghệ thuật quần chúng, tổ chức triển lãm, trưng bày các hình ảnh, hiện vật về Kinh đô Hoa Lư và các triển lãm nghệ thuật khác; có các gian hàng trưng bày giới thiệu các sản phẩm đặc sản, thủ công mỹ nghệ ở các làng nghề truyền thống trong tỉnh, giới thiệu các sản phẩm OCOP và các hàng hóa, dịch vụ tiêu biểu của các địa phương trong tỉnh; các gian hàng quảng bá xúc tiến phát triển du lịch, giới thiệu việc làm... Lễ hội Hoa Lư cũng giống như một không gian sáng tạo rộng lớn nơi khơi nguồn, lan tỏa sự sáng tạo, kết nối các nghệ sĩ, nhà sáng tạo, các doanh nghiệp, góp phần tạo nên hệ sinh thái sáng tạo cho CNVH.

Ninh Bình với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp hoang sơ, hùng vĩ như Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, rừng Cúc Phương... và nhiều công trình kiến trúc LS-VH cổ kính, giàu giá trị nghệ thuật, tiêu biểu là di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư, năm 2022, Ninh Bình đã lọt vào top 12 địa điểm quay phim đẹp nhất châu Á do Tạp chí Du lịch và giải trí (Mỹ) bình chọn. Khu di tích Cố đô Hoa Lư với khung cảnh kiến trúc cổ kính của đền vua Đinh, vua Lê đã trở thành phim trường của nhiều bộ phim nổi tiếng như: Khát vọng Thăng Long, Thiên mệnh Anh Hùng, Tấm Cám: Chuyện chưa kể... Đặc biệt cuộc đời, hành trạng, sự nghiệp của vua Đinh Tiên Hoàng cùng với hệ thống DSVH văn hóa Cố đô Hoa Lư còn trở thành “chất liệu văn hóa” khơi nguồn cảm hứng sáng tạo cho ngành công nghiệp Điện Ảnh với bộ phim “Hộ Linh tráng sĩ - Bí ẩn mộ Vua Đinh”. Không gian Cố đô cũng chính là một trong những bối cảnh chính được sử dụng để làm trường quay cho bộ phim này. Bộ phim được khởi quay năm 2025 và đã ra rạp trình chiếu vào dịp mừng 2/9/2026.

Khu di tích Cố đô Hoa Lư không chỉ là một điểm thăm quan, du lịch văn hóa đầy sức hấp dẫn, mà hoạt động của khu di tích còn có tác động lan tỏa, góp phần tạo nên sức hấp dẫn cho cả vùng đất Cố đô, có tác động to lớn thúc đẩy phát triển các ngành CNVH như du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật trình diễn, triển lãm, trưng bày... Tuy nhiên, vai trò là môi trường góp phần thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa và hệ sinh thái sáng tạo cho CNVH của khu di tích Cố đô Hoa Lư vẫn ở dạng tiềm năng chưa được khai phá nhiều. Qua khảo sát của NCS, số lượng các buổi biểu diễn nghệ thuật diễn ra trong không gian khu di tích Cố đô chưa nhiều; số lượng du khách mua sắm đồ lưu niệm, đặc sản địa phương sau khi thăm quan DSVH chưa lớn và vẫn chưa có nhiều bộ phim điện ảnh lấy bối cảnh quay ở đây... Vì vậy, trong thời gian tới, Tỉnh Ninh Bình cần có các kế hoạch, giải pháp để khai thác và phát huy hơn nữa nguồn vốn DSVH Cố đô Hoa Lư, để khu di tích không chỉ là một không gian văn hóa sáng tạo mà còn là một Trung tâm sáng tạo của Tỉnh, nơi khơi nguồn, kết nối, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh văn hóa và các ngành CNVH phát triển.

3.1.1.3. Di sản văn hóa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương

Mặc dù vẫn còn nhiều nội dung cần điều chỉnh, cải thiện, nhưng những kết quả khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư trong phát triển du lịch, dịch vụ bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực, Cố đô Hoa Lư đã trở thành một điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế, góp phần tạo nên sức hấp dẫn, lôi cuốn du khách đến với quần thể Danh thắng Tràng An và đến với du lịch Ninh Bình. Số lượng du khách, doanh thu du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư, trừ năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Co - vid 19 bị giảm, còn lại đều tăng qua các năm.

Bảng 3.5: Kết quả đón khách và doanh thu từ hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư từ năm 2014 đến năm 2024

TT	Nội dung	2014	2016	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Tổng lượt khách	222.196	235.054	339.497	352.944	119.061	69.994	226.086	460.336	780.704
2	Quốc Tế	77.856	117.615	167.045	208.932	41.221	372	44.798	203.136	417.832
3	Việt Nam	144.340	117.439	172.452	144.012	77.840	69.622	181.288	257.200	363.822
4	Doanh Thu (Tỷ đồng)	2.218	4.381	6.202	6.549	2.215	1.152	3.886	8.201	14.142

Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động du lịch từ năm 2014 đến 2024 của Trung tâm bảo tồn di tích Lịch sử - Văn hóa Cố đô Hoa Lư [140]

Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn du lịch cho quần thể danh thắng Tràng An, cũng như du lịch tỉnh Ninh Bình, góp phần thúc đẩy du lịch của tỉnh phát triển mạnh mẽ, đồng bộ, hiện đại, trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế. Du lịch Ninh Bình đã trở thành một điểm sáng trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế; được các tạp chí, chuyên trang du lịch quốc tế bình chọn là một trong những điểm đến hấp dẫn hàng đầu Việt Nam và được du khách bình chọn là top 10 điểm đến thân thiện nhất thế giới năm 2023...; góp phần thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh.

**Bảng 3.6: Kết quả kinh doanh du lịch tỉnh Ninh Bình
giai đoạn 2019 - 3 tháng đầu năm 2024**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	3 tháng đầu năm 2024
I	Khách du lịch							
	Tổng số lượt khách	Lượt khách	7,650,000	2,625,354	1,023,985	3,715,298	6,598,338	3,897,876
	Khách trong nước		6,735,000	2,429,360	1,007,502	3,613,955	6,141,602	3,558,949
	Khách quốc tế		915,000	195,994	13,483	101,334	456,736	338,927
II	Doanh thu	Triệu đồng	3,671,051	1,583,275	681,988	3,207,591	6,516,289	3,660,075
	Khách trong nước		2,915,629	1,357,436	642,488	2,928,389	5,728,664	3,175,833
	Khách quốc tế		755,422	207,839	39,500	279,202	787,625	484,242
	Tổng doanh thu chia ra							
	Lưu trú, khách sạn, nhà nghỉ	Triệu đồng	666,509	320,964	153,413	520,457	704,134	231,275
	Nhà hàng ăn uống		1,378,047	605,823	256,461	1,408,300	3,143,627	1,729,739
	Vận chuyển		519,455	217,791	93,395	421,398	992,442	445,592
	Vé thăm quan		240,302	104,879	42,709	195,845	438,206	257,248
	Bán hàng lưu niệm		548,847	187,628	73,251	337,355	544,220	480,368
	Các dịch vụ khác		317,891	146,184	62,769	324,236	693,660	515,493

Nguồn: Báo cáo của Sở du lịch tỉnh Ninh Bình về tình hình khách du lịch [97]

Giai đoạn năm 2020-2021, do ảnh hưởng của đại dịch Co - vid 19, lượng khách và doanh thu từ hoạt động du lịch của tỉnh Ninh Bình giảm, từ năm 2022, hoạt động du lịch được phục hồi, lượng khách và doanh thu từ du lịch đều tăng mạnh. Số lượng du khách đến các điểm thăm quan tăng nhanh, bình quân đạt 5,8 triệu lượt khách, tăng 28,2%/năm. Tổng kết năm 2024, tổng lượng khách đến Ninh Bình đạt 8,7 triệu lượt khách, doanh thu ước đạt 8,9 nghìn tỷ đồng. Doanh thu du lịch từ hoạt động du lịch

giai đoạn 2020-2025 tăng mạnh ước đạt 29.598 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đạt 5.919,6 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 44,6%/năm [98]. Dịp diễn ra Lễ hội Hoa Lư năm 2025 (từ ngày 6/4 đến ngày 8/4/2025 (từ 9-11/3 âm lịch)), theo Sở du lịch, toàn tỉnh Ninh Bình đã đón hơn 164.270 lượt khách du lịch, bao gồm hơn 52.700 lượt khách quốc tế và 111.570 lượt khách nội địa với doanh thu ước đạt 300 tỷ đồng [204].

Du lịch di sản phát triển đã kéo theo sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác như kinh doanh, buôn bán, dịch vụ, góp phần thúc đẩy các ngành thủ công truyền thống, nông nghiệp, chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng tích cực. Cơ cấu giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) giai đoạn 2015-2020 của huyện Hoa Lư là: công nghiệp, thủ công nghiệp xây dựng chiếm 72%, nông - lâm - thủy sản chiếm 5.3%, dịch vụ chiếm 22.3%; cơ cấu giai đoạn 2020-2025 là: Công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng chiếm 70.2%, nông - lâm - thủy sản chiếm 4.1%, dịch vụ 25.7% [163]. Cơ cấu kinh tế tỉnh Ninh Bình tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2025, dự kiến tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng là 43%; nông, lâm nghiệp, thủy sản là 9,2%, dịch vụ là 47,8%. Trong đó, hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trở thành điểm sáng, đạt mức tăng trưởng cao, đóng góp tích cực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2025 ước đạt 11,26% (giai đoạn 2016-2020 chỉ đạt 6,7%)... [160].

Xã Trường Yên - nơi tập trung chủ yếu những DSVH vật thể và phi vật thể của Cố đô Hoa Lư, vốn được coi là một xã miền núi nghèo của huyện Hoa Lư, trước kia, khi vai trò của DSVH với sự phát triển KT-XH chưa được đánh giá đúng mức, tỉnh và địa phương chưa chú trọng khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch, nền kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi quy mô nhỏ, các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán, kinh doanh, dịch vụ còn chưa phát triển. Cùng với chủ trương phát triển du lịch của Tỉnh, với sức hút của DSVH Cố đô Hoa Lư nói riêng và quần thể danh thắng Tràng An nói chung, du lịch trên địa bàn xã đã phát triển mạnh mẽ góp phần thúc đẩy cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỉ trọng các ngành nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, tăng tỉ trọng các ngành thủ công nghiệp, kinh doanh, buôn bán, dịch vụ, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của huyện Hoa Lư và tỉnh Ninh Bình, đến cuối năm 2024, cơ cấu các ngành thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch chiếm 87%, trong khi cơ cấu kinh tế nông nghiệp chỉ chiếm 13% [164].

3.1.2. Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư với phát triển văn hóa, nâng cao hình ảnh, vị thế, uy tín địa phương trong giao lưu, hội nhập

3.1.2.1. Di sản văn hóa góp phần đáp ứng nhu cầu và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của xã hội

DSVH Cố đô Hoa Lư đã được khai thác, phát huy trở thành không gian sinh hoạt văn hóa của cộng đồng người dân địa phương và điểm đến trải nghiệm văn hóa của du khách. Qua đó đã góp phần đáp ứng và thỏa mãn nhiều nhu cầu trong đời sống văn hóa xã hội của họ.

Ngoài các DSVH phi vật thể, khu di tích Cố đô Hoa Lư có khoảng hơn 30 di tích LS -VH. Các di tích này nằm phân bố rải rác, xen kẽ ở địa bàn dân cư các thôn chủ yếu ở xã Trường Yên. Các di tích không chỉ là những minh chứng cho thời kỳ lịch sử hào hùng của dân tộc gắn liền với các câu chuyện, nhân vật, sự kiện lịch sử trong thế kỷ X; là nơi lưu giữ và trao truyền những các giá trị truyền thống quý báu và là niềm tự hào của cộng đồng, mà vai trò của DSVH ngày càng được năng động hóa, DSVH được khai thác để phục vụ cuộc sống hàng ngày của người dân, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân. Nhiều DSVH ở Cố đô Hoa Lư đã được khai thác trở thành nơi diễn ra các lễ hội, nơi thực hành các nghi lễ, tập tục, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng. Đây là nơi con người gặp gỡ, giao lưu, thực hành, duy trì và phát triển các giá trị truyền thống của cộng đồng dân cư địa phương và du khách thập phương. NCS đã khảo sát ý kiến của người dân địa phương về một số sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường xuyên diễn ra trong không gian của các di tích LS-VH ở Cố đô Hoa Lư.

Bảng 3.7: Các sinh hoạt văn hóa được tổ chức trong không gian các di tích - lịch sử văn hóa ở Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1. Lễ hội Hoa Lư	2.94	0.2	1
2. Đi lễ phủ, đền, chùa...	2.93	0.2	2
3. Triển lãm, trưng bày	2.92	0.2	3
4. Thư pháp, xin chữ	2.90	0.3	5
5. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật	2.91	0.2	4
6. Hội họp	1.47	0.8	6
ĐTB Chung	2.71	0.2	

Thang đo: 1- Không bao giờ; 2 - Thỉnh thoảng; 3 - Thường xuyên.

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát cho thấy, lễ hội Hoa Lư là sinh hoạt văn hóa được tổ chức thường xuyên nhất với ĐTB lựa chọn là 2.94; sinh hoạt văn hóa diễn ra thường xuyên xếp ở vị trí thứ 2 là hoạt động đi lễ phủ, đền, chùa... với ĐTB lựa chọn là 2.93. Điều này có thể được lý giải bởi, hầu hết các di tích LS-VH ở Cố đô Hoa Lư là những công trình được xây dựng trong thế kỷ X, hoặc thời gian sau đó đều gắn liền với các nhân vật, sự kiện lịch sử thế kỷ X, hiện nay các di tích đó trở thành nơi thờ tự, thờ Phật, thờ thành hoàng và các anh hùng, người có công với đất nước thuộc các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý. Đó là các công trình chùa, đền thờ, lăng, miếu, phủ, đình... Trong đó, di tích tiêu biểu nhất là Đền vua Đinh, đền vua Lê (thuộc địa phận thôn Tây, xã Trường Yên). Đây là nơi thờ vua Đinh, vua Lê, thái hậu Dương Vân Nga và các hoàng tử. Ở đền vua Đinh, vua Lê, không chỉ thường xuyên diễn ra các hoạt động chiêm bái, cúng lễ của người dân địa phương và du khách thập phương để tỏ lòng thành kính biết ơn và cầu mong được phù hộ những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Bên cạnh đó, đền vua Đinh, đền vua Lê còn là địa điểm chính để tổ chức Lễ hội Hoa Lư - DSVH phi vật thể quốc gia - Lễ hội quy mô cấp tỉnh với nhiều nghi lễ, tập tục truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Lễ hội Hoa Lư là sinh hoạt văn hóa được tổ chức thường xuyên, hàng năm (hiện nay thường được tổ chức từ ngày 9-11/3 âm lịch). Đây chính là một sinh hoạt văn hóa, món ăn tinh thần không thể thiếu đối với cộng đồng dân cư địa phương, mà còn là một sinh hoạt văn hóa lớn có ý nghĩa với cả dân tộc, thu hút đông đảo du khách thập phương tham gia. Ngoài đền vua Đinh, đền vua Lê, còn nhiều di tích LS-VH là nơi tổ chức các lễ hội truyền thống như lễ hội Phủ Làng Thong được tổ chức vào ngày 02/12 (âm lịch) ở di tích Phủ Làng Thong (thôn Trường Sơn) - nơi thờ Đức Vạn Dân Đại Vương, tức Nguyễn Bô (909-967) - là một vị tướng và khai quốc công thần của triều Đinh. Ông có nhiều công lao giúp Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp loạn 12 sứ quân thế kỷ thứ X. Ông là em trai của Đinh quốc công Nguyễn Bặc. Hay di tích Phủ Chờ (thôn Trung) là nơi diễn ra lễ hội Phủ Chờ để tưởng nhớ công đức của bà tổ nghệ thuật chèo Phạm Thị Trân và Đức ông Ngũ hầu đại vương, người có công trông coi lễ nhạc của triều đình thời nhà Đinh... Còn các di tích là chùa, đền, miếu, phủ... đã đi vào cuộc sống của người dân trở thành những thiết chế văn hóa không thể thiếu, nơi thường xuyên mở cửa để người dân đến thực hành các nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng, dâng hương, bái tế, cúng dường với niềm tin sâu thẳm sẽ được đức Thánh,

Phật, các bậc tiền nhân phù hộ những điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình và quê hương, đất nước... Trong đó, nhiều di tích lịch sử nổi tiếng thu hút không chỉ người dân địa phương mà còn cả du khách thập phương như: Chùa Nhất trụ, chùa Kim Ngân, chùa động Am Tiên, Phủ Vườn Thiên, Đền thờ công chúa Phất Kim, chùa Duyên Ninh...

Các sinh hoạt văn hóa như triển lãm, trưng bày có mức độ thường xuyên tổ chức xếp ở vị trí thứ 3 với ĐTB lựa chọn là 2.92; các chương trình biểu diễn nghệ thuật có mức độ thường xuyên tổ chức xếp ở vị trí thứ 4 với ĐTB 2.91.

NCS nhận thấy, các sinh hoạt văn hóa như Lễ hội Hoa Lư; đi lễ phủ, đền, chùa..., triển lãm, trưng bày, các chương trình biểu diễn nghệ thuật có ĐTB lựa chọn không có sự cách biệt quá lớn. Đây đều là những sinh hoạt văn hóa thường xuyên được tổ chức ở khu di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư. Thứ bậc của các mức độ nó chỉ thể hiện sự khác biệt về ấn tượng của người dân đối với các sinh hoạt văn hóa này mà thôi. Nhắc đến các sinh hoạt văn hóa được tổ chức trong không gian di tích Cố đô Hoa Lư, việc nghĩ đến Lễ hội Hoa Lư ở đền vua Đinh, đền vua Lê đầu tiên là điều dễ hiểu, bởi đây là những DSVH tiêu biểu, bản sắc nhất của khu di tích, đây còn là sinh hoạt văn hóa lớn đã vượt ra ngoài quy mô cấp tỉnh, thu hút được truyền thông cả nước và việc thực hành các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo, đi lễ ở các phủ, đền, đình, chùa, lăng, miếu - các di tích LS-VH trong khu di tích có mức độ thực hiện thường xuyên thứ hai, vì đây chính là sinh hoạt văn hóa gắn liền với cuộc sống thường ngày của người dân không thể không nhận thấy. Thực tế, trong không gian đền thờ vua Đinh, đền vua Lê và một số không gian văn hóa trong khu di tích cả ngày thường và ngày diễn ra lễ hội cùng thường xuyên tổ chức các sinh hoạt văn hóa như triển lãm, trưng bày, biểu diễn nghệ thuật cả quần chúng và chuyên nghiệp.

Sinh hoạt văn hóa hoạt động thư pháp, xin chữ được người dân cho biết thường được tổ chức và dịp Lễ hội Hoa Lư, ngày tết, hoặc một số dịp đặc biệt, ĐTB lựa chọn chức xếp ở vị trí thứ 5 là 2.90. Và sinh hoạt văn hóa “hội họp” - các cuộc họp dân, họp tập thể của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương như: thanh niên, phụ nữ, hội cựu chiến binh... được người dân cho biết là không được tổ chức ở các điểm di tích, có ĐTB lựa chọn là ĐTB 1.47. Điều này cũng dễ hiểu, trước kia khi các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng ở các thôn chưa được xây dựng thì người dân sử dụng không gian của các di tích như sân chùa, sân

đình... làm nơi hội họp người dân, để bàn bạc những vấn đề trọng đại của cộng đồng, địa phương. Trong kháng chiến, nhiều di tích còn trở thành căn cứ địa cách mạng, nơi họp bàn đưa ra những quyết định trọng đại của đất nước... Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn các thôn có di tích được đầu tư xây dựng khá hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân nên người dân các thôn không còn sử dụng không gian các di tích để hội họp như xưa nữa.

Các sinh hoạt văn hóa cộng đồng diễn ra trong các không gian các di tích LS-VH ở Cổ đô Hoa Lư là một phần quan trọng trong đời sống của cộng đồng dân cư địa phương. Qua khảo sát, có 286/350 (chiếm 81.7%) người dân địa phương được khảo sát cho biết, họ thường xuyên tham gia các sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức; có 61 người (chiếm 17.4%) người dân thỉnh thoảng mới tham gia các sinh hoạt văn hóa nói trên; chỉ có 3 người (chiếm 0.9%) người dân cho biết không bao giờ tham gia.

Bảng 3.8: Mức độ tham gia các sinh hoạt văn hóa được tổ chức trong không gian các di tích lịch sử - văn hóa Cổ đô Hoa Lư của người dân địa phương

Đợt vị tính: người; %

Nội dung	Số lượng	%
1. Không bao giờ	3	0.9
2. Thỉnh thoảng	61	17.4
3. Thường xuyên	286	81.7
Tổng	350	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Các sinh hoạt văn hóa được tổ chức ở những điểm di tích LS-VH tiêu biểu, mang bản sắc của vùng Cổ đô như Đền vua Đinh, Đền vua Lê, chùa Nhất trụ, chùa và động Am Tiên... không chỉ thu hút người dân địa phương mà còn thu hút đông đảo du khách thập phương tham gia: có 84.% du khách được khảo sát đã tham gia Thường thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật; 78.5% du khách đi lễ ở phủ, đền, chùa...- các di tích lịch sử - văn hóa ở Cổ đô; 75% du khách đã tham gia các buổi triển lãm, trưng bày; và 62% du khách đã tham gia Lễ hội Hoa Lư [Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025, phụ lục 3.2.]. Trong số các sinh hoạt văn hóa được tổ chức ở khu di tích, Lễ hội

Hoa Lư là sinh hoạt văn hóa có quy mô lớn nhất, thu hút được đông đảo nhất người dân địa phương và du khách thập phương tham gia. Tuy nhiên, Lễ hội chỉ diễn ra trong khoảng thời gian cố định chỉ 3 ngày trong năm, nên nhiều du khách không thể đến thăm quan khu di tích đúng vào dịp lễ hội được, các sinh hoạt văn hóa khác có thể diễn ra vào nhiều khoảng thời gian khác nhau, và được thường xuyên tổ chức nên du khách có thể tham gia các hoạt động ấy nhiều hơn cũng là điều dễ hiểu.

Không giống với các du khách thập phương, chủ yếu tham gia các sinh hoạt văn hóa cộng đồng với tư cách người tham dự, thưởng thức, ít được trải nghiệm trực tiếp, người dân địa phương còn tham gia các sinh hoạt văn hóa với tư cách chủ thể, những người trực tiếp đảm nhận các vai trò khác nhau trong việc tái hiện các sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng.

Nhằm làm rõ mức độ tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động của Lễ hội Hoa Lư - lễ hội có quy mô lớn nhất của tỉnh, NCS tiến hành khảo sát về các hình thức tham gia của cộng đồng trong tổ chức và thực hành lễ hội. Kết quả khảo sát được thể hiện ở Bảng 3.9.

**Bảng 3.9: Mức độ tham gia của người dân địa phương
với các vai trò khác nhau trong Lễ hội Hoa Lư**

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1. Thành viên ban tổ chức lễ hội	1.01	0.6	8
2. Thành viên đội rước	1.27	0.5	2
3. Thành viên đội tế lễ	1.15	0.4	4
4. Thành viên đội kéo chữ “Thái Bình”	1.07	0.1	7
5. Thành viên đội diễn tích “Cờ lau tập trận”	1.19	0.5	3
6. Thành viên thi chèo thuyền	1.11	0.3	6
7. Thành viên đội văn nghệ quần chúng	1.12	0.3	5
8. Đi chơi hội, đi dự hội	1.96	0.5	1
Khác: tham gia thi bày mâm ngũ quả, chơi tổ tôm điểm, chọi gà...			
ĐTB Chung	1.13	0.2	

Thang đo: 1- Không bao giờ; 2 - Thỉnh thoảng; 3 - Thường xuyên

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tham gia của người dân địa phương vào Lễ hội Hoa Lư có sự khác biệt giữa các hình thức tham gia. Trong đó, “đi chơi hội, đi dự hội” có ĐTB 1,96, xếp thứ nhất và thuộc mức “thỉnh thoảng”, cho thấy tham dự lễ hội là hình thức tham gia phổ biến hơn. Trong khi đó, các hình thức tham gia trực tiếp với những vai trò cụ thể như thành viên đội rước (ĐTB 1,27), đội diễn tích “Cờ lau tập trận” (1,19), đội tế lễ (1,15), đội văn nghệ quần chúng (1,12), thi chèo thuyền (1,11), đội kéo chữ “Thái Bình” (1,07) và thành viên ban tổ chức lễ hội (1,01) đều có mức điểm thấp.

Kết quả trên cho thấy người dân địa phương vẫn tham gia vào đời sống lễ hội, nhưng chủ yếu với tư cách người tham dự. Việc trực tiếp tham gia tổ chức và thực hành các hoạt động của lễ hội tập trung ở một bộ phận người dân nhất định và chưa trở thành hình thức tham gia phổ biến trong nhóm được khảo sát. Như vậy, sự tham gia của cộng đồng trong Lễ hội Hoa Lư hiện nay có sự phân hóa giữa tham dự lễ hội và trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức, thực hành các giá trị văn hóa của lễ hội. Theo NCS, trong thời gian tới, chính quyền địa phương các cấp tỉnh Ninh Bình cần tăng cường các hình thức tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia trực tiếp vào tổ chức và thực hành lễ hội nhiều hơn nữa, qua đó phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH.

Người dân Việt Nam nói chung, người dân Cố đô nói riêng có đời sống tinh thần rất phong phú, đa dạng. Trong dân gian còn tồn tại rất nhiều tín ngưỡng như: tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng, tín ngưỡng vạn vật hữu linh, tín ngưỡng thờ Tổ tiên, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc, tín ngưỡng thờ Mẫu... Vào thế kỷ X, dưới triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, ở Cố đô Hoa Lư, Phật giáo đã được lưu truyền rộng rãi và trở thành một tôn giáo rất quan trọng, một bộ phận lớn người dân tin tưởng và trở thành đệ tử của Phật giáo. Chính vì vậy, các DSVH vật thể ở khu di tích Cố đô Hoa Lư đa phần là các ngôi chùa, đền, phủ, lăng, miếu..., là nơi thờ tự, trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo cho người địa phương và du khách. Việc đi lễ bái thể hiện sự sùng kính với các đấng siêu nhiên, đức tin đã chọn trở thành một sinh hoạt thường xuyên của người dân Cố đô Hoa Lư. NCS đã khảo sát mức độ thường xuyên thực hiện sinh hoạt văn hóa “đi lễ” của người dân địa phương xung quanh khu di tích Cố đô Hoa Lư, kết quả thu được như sau:

**Bảng 3.10: Mức độ thực hành sinh hoạt văn hóa đi lễ
của người dân địa phương ở các di tích lịch sử - văn hóa Cổ đô Hoa Lư**

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1. Đi lễ vào ngày thường	2.20	0.7	4
2. Đi lễ vào cuối tuần	2.25	0.66	3
3. Đi lễ vào ngày rằm, mùng 1 đầu tháng (Âm lịch)	2.40	0.7	1
4. Đi lễ vào dịp lễ hội, ngày tết	2.32	0.7	2
ĐTB Chung	2.29	0.6	

Thang đo: 1- Không bao giờ; 2 - Thỉnh thoảng; 3 - Thường xuyên

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả cho thấy, đa số người dân được khảo sát đi lễ vào những ngày rằm, mùng 1 đầu tháng (Âm lịch) với mức độ đánh giá “thường xuyên”, ĐTB lựa chọn là 2.40; người dân đi lễ vào dịp lễ hội, ngày tết có mức độ “thỉnh thoảng” với ĐTB 2.32; người dân đi lễ vào dịp cuối tuần và ngày thường cũng được đánh giá ở mức độ “thỉnh thoảng” với ĐTB lựa chọn là 2.25 và 2.20.

NCS đã có khảo sát thực tiễn về hoạt động “đi lễ của người dân và du khách tại di tích LS-VH cấp quốc gia - chùa Nhất Trụ (thôn Nam, xã Trường Yên) và phỏng vấn người dân địa phương (mã ND01, nữ, 72 tuổi, thôn Nam), Bà cho biết: “Tôi thấy các ngày lễ, tết có khoảng hơn trăm lượt người vào thăm quan, lễ chùa; ngày tuần và ngày tuần tiết có khoảng hơn 60 lượt người; ngày thường, số lượng người vào thăm quan, lễ chùa không nhiều, lác đác, khoảng gần chục người. Tôi thường đi lễ chùa vào các ngày tuần tiết như rằm, mùng 1 (Âm lịch), ngày lễ, tết hoặc khi gia đình có việc trọng đại thì mới đi lễ chùa. Nhà ở cách không xa đền vua Đinh, vua Lê nên tôi không chỉ lễ ở chùa Nhất trụ và còn đi lễ ở đền các vua” [Phỏng vấn sâu, ND01, tháng 4/2025]. Như vậy, có thể thấy, sinh hoạt văn hóa đi lễ chùa, đền, phủ... của người dân địa phương nơi có khu di tích Cổ đô Hoa Lư cũng khá tương đồng với thói quen sinh hoạt văn hóa của người dân Việt Nam. Hoạt động này thường diễn ra nhiều hơn vào các dịp lễ, tết, tuần tiết hoặc khi gia đình có việc trọng đại.

Cổ đô Hoa Lư là một vùng đất khá trù mật về di tích LS-VH, đáp ứng được đa dạng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của người dân địa

phương, nên các sinh hoạt văn hóa của người dân và du khách có thể được thực hành phân tán khắp các di tích và tập trung nhiều nhất ở di tích Đền vua Đinh và Đền vua Lê. Cũng theo lãnh đạo của Trung tâm Bảo tồn di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư (mã CBQL01, nữ, 50 tuổi, Ninh Bình), “Các ngày trong tuần từ thứ 2-6, trung bình mỗi ngày, khu di tích đền vua Đinh, vua Lê đón tiếp khoảng hơn 2.000 lượt khách/ ngày; cuối tuần, số lượng du khách đến thăm quan khu di tích gấp gần 2 lần ngày thường, dịp Lễ hội Hoa Lư diễn ra thì lượng khách lên đến hàng chục nghìn người/ ngày. Số lượng khách không bao gồm người dân địa phương, vì người dân địa phương được miễn phí vé vào cửa nên không thống kê” [Phòng văn sâu, CBQL01, 3/2025].

NCS đã khảo sát ý kiến của du khách thăm quan và người dân địa phương, kết quả cho thấy, đa số người được hỏi cho rằng DSVH Cổ đô Hoa Lư đã đáp ứng, thỏa mãn các nhu cầu văn hóa, tinh thần hơn là nhu cầu vật chất.

Bảng 3.11: DSVH Cổ đô Hoa Lư thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch

Đợt vị tính: người; %

Nội dung	Số lượng	%
1. Nhu cầu tìm hiểu lịch sử- văn hóa truyền thống của dân tộc	192	96.0
2. Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng	160	80.0
3. Nhu cầu kinh tế	21	10.5
4. Nhu cầu học tập	84	42.0
5. Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật	136	68.0
6. Nhu cầu cổ kết cộng đồng	129	64.5
7. Nhu cầu vui chơi, giải trí	139	69.5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát khách du lịch cho thấy, các nhu cầu văn hóa, tinh thần của du khách được thỏa mãn với số lượng người lựa chọn cao nhất là: Xếp ở vị trí thứ nhất là “Nhu cầu tìm hiểu lịch sử - văn hóa truyền thống của dân tộc” với 192 người (chiếm 96.0%); xếp ở vị trí thứ 2 là “Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng” với 160 người lựa chọn (chiếm 80.0%); xếp ở vị trí thứ 3 là “Nhu cầu vui chơi, giải trí” với 139 người (chiếm 69.5%); xếp ở vị trí thứ 5 là “Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật” với 136 người (chiếm 68.0%); xếp ở vị trí thứ 6 là “Nhu cầu cổ kết cộng

đồng” với 129 người (chiếm 64.5%). “Nhu cầu kinh tế” có số người lựa chọn thấp nhất là 21 người (chiếm 10.5%); nhu cầu học tập có số người lựa chọn thấp thứ 2 với 84 người (chiếm 42%). Mục đích của du khách khi tham gia các chuyến du lịch văn hóa, du lịch di sản, du lịch lễ hội... thường là để tìm về cội nguồn, tìm hiểu về lịch sử, truyền thống của dân tộc và cũng để nghỉ ngơi, thư giãn, cho tâm hồn thư thái sau những ngày làm việc mệt nhọc (đó chính là ý nghĩa của việc vui chơi, giải trí mà du khách đề cập chứ không phải vui chơi, giải trí theo nghĩa thông thường). Vì vậy, việc du khách đánh giá DSVH Cổ đô Hoa Lư đã thỏa mãn các nhu cầu văn hóa, tinh thần của họ cao hơn nhu cầu kinh tế và nhu cầu học tập là điều dễ hiểu.

Bảng 3.12: Di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư thỏa mãn các nhu cầu của người dân địa phương

Đợt vị tính: người; %

Nội dung	Số lượng	%
1. Nhu cầu tìm hiểu lịch sử- văn hóa truyền thống của dân tộc	342	97.7
2. Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng	341	97.4
3. Nhu cầu kinh tế	330	94.3
4. Nhu cầu học tập	338	96.6
5. Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật	338	96.6
6. Nhu cầu cổ kết cộng đồng	336	96.0
7. Nhu cầu vui chơi, giải trí	335	95.7

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát người dân địa phương cho thấy, ý kiến cho rằng DSVH Cổ đô Hoa Lư thỏa mãn “nhu cầu tìm hiểu lịch sử - văn hóa truyền thống của dân tộc” có số lượng người lựa chọn đông nhất với 342 người (chiếm 97.7%), xếp ở vị trí thứ hai là “Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng” với số lượng người lựa chọn xấp xỉ vị trí thứ nhất không chênh lệch là bao với 341 người (chiếm 97.4%), cùng xếp ở vị trí thứ ba là “nhu cầu học tập” và nhu cầu “thưởng thức nghệ thuật” với 338 người lựa chọn (chiếm 96.6%), xếp ở vị trí thứ tư là “Nhu cầu cổ kết cộng đồng” với 336 người (chiếm 96.0%). Cũng giống như ý kiến của du khách, người dân địa phương cho rằng DSVH Cổ đô Hoa Lư thỏa mãn nhu cầu kinh tế ở mức độ thấp nhất, số

lượng người lựa chọn ít nhất với 330 người (chiếm 94.3%), thỏa mãn nhu cầu vui chơi, giải trí có số lượng người chọn ít xếp ở vị trí thứ 2 với 335 người (chiếm 95.7%). Như vậy, mức độ DSVH Cổ đô Hoa Lư thỏa mãn các nhu cầu của người dân địa phương cũng khá tương đồng với du khách. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa các lựa chọn không lớn, tỷ lệ lựa chọn trong tổng số người được khảo sát khá cao. Nó cho thấy, người dân địa phương đánh giá cao vai trò của DSVH Cổ đô Hoa Lư trong việc thỏa mãn cả nhu cầu vật chất và văn hóa, tinh thần của người dân. Thông qua việc đáp ứng, thỏa mãn các nhu cầu văn hóa, tinh thần của người dân và du khách, DSVH Cổ đô Hoa Lư đã có tác động khơi dậy niềm tự hào dân tộc; củng cố, đoàn kết cộng đồng chặt chẽ; xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh cho nhân dân; giáo dục, bồi dưỡng nhân cách con người theo hướng chân - thiện - mỹ, cho xứng đáng với truyền thống LS-VH tốt đẹp mà cha ông đã gây dựng và trao truyền cho đến ngày nay.

3.1.2.2. Di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư trở thành biểu tượng góp phần củng cố và lan tỏa bản sắc văn hóa, con người Ninh Bình trong giao lưu, hội nhập

Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể của Cổ đô Hoa Lư chính là cơ sở, chất liệu chính để tạo ra các sản phẩm du lịch văn hóa, sản phẩm đồ lưu niệm và các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hấp dẫn khách du lịch, tạo nên thương hiệu riêng cho du lịch Ninh Bình. Thông qua các sản phẩm, dịch vụ ấy, du khách sẽ được tiếp xúc, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người Việt Nam ở thế kỷ X, đồng thời thông qua đội ngũ thuyết minh viên, hướng dẫn viên du lịch và những người cung cấp các sản phẩm, dịch vụ du lịch và cộng đồng dân cư địa phương nơi có di sản, du khách còn được tiếp xúc trực tiếp và trải nghiệm với văn hóa, con người Ninh Bình trong bối cảnh hiện nay. Từ đó, văn hóa, con người vùng đất Cổ đô và thương hiệu du lịch Ninh Bình được quảng bá rộng rãi với du khách trong nước và quốc tế.

NCS đã khảo sát mức độ hiểu biết của khách du lịch và người dân địa phương về những thông tin cơ bản về DSVH Cổ đô Hoa Lư với 4 nội dung và kết quả thu được tương ứng trong bảng sau:

Bảng 3.13: Mức độ hiểu biết thông tin về di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư của khách du lịch

Đợt vị tính: người; %

Nội dung	Các mức độ					
	Không biết		Biết một phần		Biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Kinh đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỷ X, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt-nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước Việt Nam sau nghìn năm Bắc thuộc	4	2.0	77	38.5	119	59.5
2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm 2012, là đế đô của quốc gia Đại Cồ Việt dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý vào thế kỷ X	2	1.0	77	38.5	121	60.5
3. Các bảo vật quốc gia ở Cố đô Hoa Lư là: Cặp long sàng ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng; Bộ Phủ Việt ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng và ở Đền vua Lê Đại Hành; Bộ sưu tập cột kinh phật ở Cố đô Hoa Lư đang được bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và cột kinh phật ở chùa Nhất trụ.	7	3.5	85	42.5	108	54.0
4. Lễ hội Hoa Lư được công nhận là DSVH phi vật thể quốc gia năm 2014	5	2.5	59	29.5	136	68.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả cho thấy, du khách sau khi thăm quan tìm hiểu, được thuyết minh, giới thiệu về khu di tích đã cơ bản nắm được các thông tin lịch sử văn hóa cốt lõi, tỷ lệ du khách trả lời “biết rõ” thông tin chiếm phần lớn hơn tỷ lệ những người “biết một phần” khá nhiều. Số lượng du khách trả lời “biết rõ” thông tin, Nội dung 4, tỷ lệ du khách “biết rõ” thông tin chiếm tỷ lệ cao nhất là 68,0%, tỷ lệ người “biết một phần” là 29.5%; xếp thứ 2 là Nội dung (2) với 60.5% người “biết rõ”, tỷ lệ người “biết một phần” là 38.5%; xếp vị trí thứ 3 là nội dung (1) với 59.5% người “biết rõ”, tỷ lệ người “biết một phần” là 38.5% và xếp ở vị trí thứ 4 là Nội dung (3) với tỷ lệ du khách “biết rõ” thông tin là 54.0% và tỷ lệ người “biết một phần” là 42.5%. Tỷ lệ du khách không nắm được các thông tin về khu di tích và các DSVH Cố đô Hoa Lư chiếm tỷ lệ rất nhỏ: Nội dung (1) với 2.0%; Nội dung (2) với chỉ 1.0%; Nội dung 3 với 3.5%; Nội dung (4) với 2.5%. Còn lại, đa số du khách không nắm rõ được toàn bộ thông tin nhưng cũng đã biết đến một phần nào đó.

Bảng 3.14: Mức độ hiểu biết thông tin về di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư của người dân địa phương

Đợt vị tính: người; %

Nội dung	Các mức độ					
	Không biết		Biết một phần		Biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Kinh đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỷ X, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước Việt Nam sau nghìn năm Bắc thuộc	10	2.9	236	67.4	104	29.7
2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm 2012, là đế đô của quốc gia Đại Cồ Việt dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý vào thế kỷ X	10	2.9	238	68.0	102	29.1
3. Các bảo vật quốc gia ở Cố đô Hoa Lư là: Cặp long sàng ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng; Bộ Phủ Việt ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng và ở Đền vua Lê Đại Hành; Bộ sưu tập cột kinh phạt ở Cố đô Hoa Lư đang được bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và cột kinh phạt ở chùa Nhất trụ.	11	3.1	226	64.6	113	32.3
4. Lễ hội Hoa Lư được công nhận là DSVH phi vật thể quốc gia năm 2014	10	2.9	225	64.3	115	32.9

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Khác với khách du lịch, tỷ lệ người dân địa phương được khảo sát cho biết “biết một phần” các thông tin được hỏi chiếm số lượng lớn nhất, lớn hơn khá nhiều tỷ lệ người “biết rõ” thông tin. Nội dung (4) có tỷ lệ người “Biết rõ” cao nhất với 32.9%, tỷ lệ người “biết một phần” là 64.3%; Nội dung (3) có tỷ lệ người “biết rõ” cao thứ 2 với 32.3%, tỷ lệ người “biết một phần” là 64.6%; Nội dung (1) có tỷ lệ người “biết rõ” cao thứ 3 với 29.7%, tỷ lệ người “biết một phần” là 67.4%; Nội dung thứ (2) có tỷ lệ người “biết rõ” thấp nhất xếp ở vị trí thứ 4 với 29.1%, tỷ lệ người “biết một phần” là 68%. Tỷ lệ người dân địa phương trả lời là không nắm được thông tin “không biết” chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, tuy nhiên vẫn cao hơn so với du khách. Nội dung (3) có tỷ lệ người “không biết” cao nhất là 3.1%; Nội dung (1), (2) và (4) có tỷ lệ người “không biết” bằng nhau cùng là 2.9%.

Như vậy, tỷ lệ du khách “biết rõ” các thông tin về khu di tích và DSVH Cổ đô Hoa Lư cao hơn so với người dân địa phương. Điều này, có thể do thời điểm du khách được khảo sát là đang hoặc vừa ngay sau khi thăm quan, tìm hiểu về di tích nên ấn tượng vẫn còn rõ nét. Còn với đối với người dân địa phương, mặc dù di tích, DSVH vẫn đang hiện tồn hàng ngày trong cuộc sống của họ, họ biết rõ các di tích thờ ai, liên quan đến các sự kiện, nhân vật lịch sử nào, tuy nhiên lại không nhớ rõ các mốc thời gian, hơn nữa trong số người dân địa phương được khảo sát, tỷ lệ người trẻ tuổi, học sinh, sinh viên khá đông nên nhiều mốc thời gian lịch sử họ cũng không nắm rõ, đây là vấn đề quan trọng mà các cấp địa phương cần chú ý, cần tăng cường công tác tuyên truyền về DSVH đến với nhân dân địa phương. Nội dung (4) Lễ hội Hoa Lư được công nhận là DSVH phi vật thể quốc gia năm 2014 có tỷ lệ người “biết rõ” cao nhất đối với cả người dân và du khách, điều này cũng dễ hiểu vì Lễ hội được tổ chức thường xuyên hàng năm, những năm gần đây, quy mô lễ hội được mở rộng, đã trở thành một sinh hoạt văn hóa hấp dẫn trong cuộc sống người dân, là sản phẩm du lịch văn hóa hấp dẫn với du khách. Đây cũng là một gợi ý cho công tác tuyên truyền quảng bá về DSVH mà các cấp địa phương tỉnh Ninh Bình tham khảo.

Sau khi thăm quan tìm hiểu hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể của Cổ đô Hoa Lư, du khách không chỉ hiểu thêm về lịch sử của dân tộc Việt Nam, mà còn hiểu thêm về vùng đất, văn hóa, con người Cổ đô xưa và nay. Những điều đó trở thành những ấn tượng đẹp, khó phai trong lòng du khách.

Bảng 3.15: Ấn tượng của khách du lịch về vùng đất, văn hóa, con người Ninh Bình sau khi thăm quan di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1. Vùng đất cổ, giàu truyền thống lịch sử- văn hóa	2.93	0.2	2
2. Di sản văn hóa phong phú, đa dạng, đặc sắc	2.95	0.2	1
3. Cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nhiều thắng cảnh nổi tiếng	2.92	0.2	3
4. Con người hiền lành, thân thiện, chăm chỉ, năng động, sáng tạo	2.60	0.4	4
5. Sản vật địa phương đặc sắc, hấp dẫn	2.30	0.5	5
6. Đô thị sầm uất, văn minh, hiện đại	2.00	0.6	6
ĐTB Chung	2.62	0.2	

Thang đo: 1 - Không ấn tượng; 2 - Bình thường; 3 - Ấn tượng

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Qua khảo sát, du khách cho biết điều ấn tượng nhất về vùng đất, văn hóa, con người Ninh Bình, đó là một vùng đất có “DSVH phong phú, đa dạng, đặc sắc” với ĐTB lựa chọn là 2.95; thứ hai, du khách ấn tượng Ninh Bình là “Vùng đất cổ, giàu truyền thống lịch sử- văn hóa” với ĐTB lựa chọn là 2.93; ấn tượng sâu đậm với ĐTB lựa chọn cao thứ ba 2.92, Ninh Bình có “Cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nhiều thắng cảnh nổi tiếng”; đặc điểm về Ninh Bình với “Con người hiền lành, thân thiện, chăm chỉ, năng động, sáng tạo” được cho là ấn tượng với du khách xếp ở vị trí thứ 4 với ĐTB 2.60; “sản vật địa phương” của Ninh Bình được du khách đánh giá chưa đặc sắc, hấp dẫn lắm với mức độ đánh giá “Bình thường”, ĐTB lựa chọn là 2.30. Và du khách cho rằng vùng đất Ninh Bình chưa có dáng dấp của một “đô thị sầm uất, văn minh, hiện đại” với mức độ đánh giá “Không ấn tượng”, ĐTB lựa chọn thấp nhất 2.00, ĐTB cách khá xa các nội dung trên. NCS thấy rằng, nhận định của du khách đã phản ánh khá khách quan, chân thực về vùng đất, văn hóa, con người Ninh Bình. Ninh Bình là vùng đất cổ, nơi phát tích của nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước ta, có truyền thống lịch sử văn hóa hàng nghìn năm, hiện còn lưu giữ được hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng, đặc sắc, bên cạnh đó, Ninh Bình còn được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nhiều cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nhiều thắng cảnh nổi tiếng, cũng trở thành di sản vì gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của kinh đô Hoa Lư xưa. Đó là những hiện thực không phải bàn cãi. Về con người Ninh Bình, điều gây ấn tượng với du khách là những đặc trưng “hiền lành, thân thiện, chăm chỉ, năng động, sáng tạo”. Ấn tượng này được hình thành không chỉ qua sự giao tiếp, ứng xử của người dân với du khách mà còn qua quá trình du khách trực tiếp trải nghiệm các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt văn hóa và các hoạt động cộng đồng tại khu di tích Cố đô Hoa Lư. Những trải nghiệm và tương tác trực tiếp đó góp phần giúp du khách cảm nhận rõ hơn về con người, lối sống và văn hóa ứng xử của cộng đồng địa phương. Trong thời gian tới, chính quyền địa phương cần tiếp tục tổ chức và đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, dịch vụ và sinh hoạt cộng đồng có sự tham gia của người dân, tạo thêm cơ hội giao lưu, tương tác giữa người dân và du khách. Qua đó, vừa nâng cao trải nghiệm của du khách, vừa phát huy hình ảnh và những giá trị văn

hóa tốt đẹp của con người Ninh Bình. Việc du khách không ấn tượng về Ninh Bình là một “đô thị sầm uất, văn minh, hiện đại” đã phản ánh đúng hiện trạng kết cấu hạ tầng KT-XH hiện nay của địa phương. Ninh Bình đang trong quá trình phát triển, hiện thực hóa mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc trung ương, với đặc trưng là đô thị di sản thiên nhiên kỷ, cho nên kết cấu hạ tầng đô thị vẫn đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nên chưa thấy được diện mạo của một đô thị sầm uất, văn minh, hiện đại. Vì vậy, theo NCS, để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển, việc phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH địa phương cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Ninh Bình cần tập trung đầu tư, phát triển trong thời gian tới.

Đối với các du khách nước ngoài, sau khi thăm quan khu di tích, được trải nghiệm các sinh hoạt văn hóa ở Cổ đô Hoa Lư, họ không chỉ ấn tượng về DSVH Cổ đô Hoa Lư và vùng đất, văn hóa, con người Ninh Bình mà qua đó còn hiểu thêm về văn hóa, con người Việt Nam, phỏng vấn một du khách Bỉ thăm quan khu di tích Cổ đô Hoa Lư vào dịp Lễ hội Hoa Lư năm 2024, ông cho rằng, sau khi thăm quan khu di tích và tham gia Lễ hội Hoa Lư, qua sự giới thiệu của hướng dẫn viên, ông đã hiểu thêm về khu di tích, hiểu về lịch sử, văn hóa Việt Nam, ông hiểu vì sao Hoa Lư được lựa chọn là kinh đô của đất nước. Ông thấy, LS-VH của Việt Nam rất hấp dẫn, khiến ông rất ấn tượng và ngưỡng mộ [199].

3.1.2.3. Di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế và uy tín địa phương, thúc đẩy giao lưu, hội nhập

Với những giá trị LS-VH đặc biệt, khu di tích Cổ đô Hoa Lư đã được Nhà nước công nhận là Khu di tích cấp quốc gia ngay trong đợt xếp hạng di tích quốc gia đầu tiên của Việt Nam vào năm 1962 theo *Quyết định số 313-VH/VP ngày 28/4/1962 của Bộ Văn hóa với tên gọi là “Khu vực núi Trường Yên và đền vua Đinh, đền vua Lê”* và năm 2012, khu di tích Cổ đô Hoa Lư được công nhận là *Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt* theo *Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ*. Khu di tích Cổ đô Hoa Lư còn là một trong ba vùng lõi của quần thể danh thắng Tràng An - được UNESCO công nhận là *Di sản hỗn hợp thiên nhiên và văn hóa của thế giới*; tính hết năm 2023, đây là một trong 40 di sản hỗn hợp trong tổng số 1.172 di sản của thế giới và là di sản hỗn hợp duy nhất ở khu vực Đông Nam Á. Trong hệ thống DSVH Cổ đô Hoa Lư,

nhiều DSVH đã được ghi danh, xếp loại với 14 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 8 di tích được xếp hạng cấp tỉnh và nhiều bảo vật quốc gia còn được lưu giữ.

Việc ghi danh DSVH ở các cấp, quốc tế, quốc gia và cấp tỉnh không chỉ là sự ghi nhận giá trị của DSVH Cố đô Hoa Lư mà còn xác lập tính chính danh và sự thừa nhận rộng rãi đối với nguồn vốn văn hóa địa phương. Sự thừa nhận này đã làm gia tăng vốn biểu tượng của di sản, qua đó góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín và vị thế của Ninh Bình trong các hoạt động hợp tác và phát triển KT-XH trong nước và quốc tế đặc biệt trong lĩnh vực phát triển du lịch và CNVH.

Với việc Cố đô Hoa Lư cùng với quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là DSVH và thiên nhiên thế giới (2014), Ninh Bình được ghi nhận là địa phương có hệ thống di sản với giá trị nổi bật toàn cầu đã làm tăng uy tín và sức hấp dẫn của địa phương, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để Ninh Bình thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế và thu hút doanh nghiệp và huy động được nhiều nguồn lực phát triển: Ninh Bình còn trở thành đối tác trong nhiều chương trình hợp tác với UNESCO và các tổ chức bảo tồn, phát huy giá trị di sản quốc tế và trong nước: Tỉnh đã phối hợp với văn phòng UNESCO tại Hà Nội triển khai dự án “Nâng cao chất lượng du lịch di sản ở Tràng An” (2021), tổ chức các khóa tập huấn về kinh doanh du lịch bền vững cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý di sản cho cán bộ địa phương; đồng thời hợp tác với các tổ chức như Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN), Hội đồng quốc tế về di tích và di chỉ (ICOMOS), các chuyên gia thuộc Chương trình du lịch bền vững Thụy sĩ (SSTP), Viện khảo cổ học, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản... và các chuyên gia trong nghiên cứu, bảo tồn và quản lý di sản [93]. Bên cạnh đó, sau khi được UNESCO ghi danh, thương hiệu Tràng An càng được khẳng định trên bản đồ du lịch quốc gia và quốc tế, Ninh Bình thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ ở nhiều điểm đến như khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, Hang Múa, Thung Nham, chùa Bái Đính... tiêu biểu như Doanh nghiệp Xuân Trường - một doanh nghiệp lớn chuyên kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên cơ sở khai thác, phát huy nguồn vốn di sản.

Việc khu di tích Cố đô Hoa Lư cùng với quần thể Danh thắng Tràng An được ghi danh di sản thế giới cũng đã góp phần định vị thương hiệu Cố đô Di sản cho tỉnh Ninh Bình. Đây chính là cơ sở để Ninh Bình được lựa chọn đăng cai nhiều sự kiện văn hóa, chính trị và đối ngoại quy mô quốc gia, quốc tế như: Tuần lễ Du lịch Ninh Bình, Festival Ninh Bình, Festival Tràng An, Hội nghị quốc tế về phát huy giá trị di sản... Các sự kiện này được tổ chức tại Ninh Bình không chỉ xuất phát từ điều kiện hạ tầng mà còn từ uy tín, vị thế mà hệ thống DSVH, đặc biệt là không gian văn hóa Cố đô Hoa Lư và quần thể danh thắng Tràng An đã góp phần tạo dựng. Thông qua các sự kiện đó, hình ảnh Ninh Bình tiếp tục được quảng bá rộng rãi, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp và tổ chức trong nước và quốc tế, đồng thời nâng cao sức hấp dẫn của địa phương trong thu hút đầu tư, phát triển. Những kết quả này cho thấy DSVH Cố đô Hoa Lư không chỉ góp phần tạo dựng vốn biểu tượng cho địa phương mà còn góp phần mở rộng giao lưu, hợp tác và hội nhập, tạo điều kiện thu hút nguồn lực phục vụ phát triển KT-XH.

3.1.3. Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư với phát triển xã hội

Khi DSVH Cố đô Hoa Lư được khai thác, phát huy hiệu quả trong các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, CNVH, nguồn lực kinh tế được tạo ra không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn lan tỏa thành các lợi ích xã hội thông qua cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho người dân địa phương và tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng xã hội. Bên cạnh đó, DSVH Cố đô Hoa Lư còn góp phần mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội, tăng cường đoàn kết cộng đồng và tạo môi trường xã hội ổn định để phát triển KT-XH địa phương. Đây chính là những tác động xã hội quan trọng của quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH thành các nguồn lực phát triển.

3.1.3.1. Di sản văn hóa góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân

DSVH Cố đô Hoa Lư là nguồn tài nguyên nhân văn quý giá được tỉnh Ninh Bình khai thác, phát huy tạo ra các sản phẩm du lịch và CNVH đặc sắc, hấp dẫn, lôi cuốn khách du lịch đến với địa phương, đã góp phần tạo ra cơ hội lớn về việc làm cho người dân. Trước khi du lịch phát triển, người dân các xã trong khu di sản

như Trường Yên chủ yếu sống bằng các nghề nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất nghề thủ công truyền thống. Nhờ khai thác lợi thế về DSVH và thiên nhiên, du lịch phát triển đã tạo ra đa dạng các ngành nghề, việc làm mới cho người dân giúp họ có điều kiện chuyển đổi sinh kế như: chèo đò, trông xe, bảo vệ, vận chuyển khách, kinh doanh, buôn bán hàng hóa, đồ lưu niệm phục vụ du khách; kinh doanh nhà hàng, quán ăn; kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, homestay; chụp ảnh, thuyết minh, hướng dẫn viên du lịch; biểu diễn nghệ thuật dân gian truyền thống phục vụ du khách...

**Bảng 3.16: Cơ cấu nguồn lao động du lịch xã Trường Yên
đến hết tháng 12 năm 2019**

STT	Dịch vụ	Số lượng
1	Kinh doanh lưu trú	50
2	Nhà hàng ăn uống	40
3	Hướng dẫn viên du lịch	15
4	Làm thuê tại các cơ sở du lịch	200
5	Chụp, rửa ảnh	20
6	Bán hàng lưu niệm	19
7	Chèo đò	1.015
8	Bảo vệ, vệ sinh tại các khu, điểm du lịch	220
9	Sắp lễ và viết sớ	5
10	Spa, massage	6
11	Quán bar	8
12	Đại lý lữ hành	5
13	Dịch vụ vận chuyển khách và cho thuê xe	98
	Tổng	1.579

Nguồn: [135; tr.353]

Tính đến hết năm 2019, xã Trường Yên có số lượng lao động du lịch đông thứ 2 trong số các xã nằm trong quần thể Danh thắng Tràng An, xã Ninh Hải xếp ở vị trí thứ nhất với 6.034 người, xã Gia Sinh có 1.475 người, xã Ninh Xuân có 859 người, xã Ninh Thắng 344 người, xã Ninh Hòa có 128 người [135; tr.353].

**Bảng 3.17: Cơ cấu ngành nghề của người dân địa phương
tham gia khảo sát**

Đợt vị tính: người; %

Nghề nghiệp	Số lượng	%
1. Làm nông nghiệp	17	4.9
2. Công chức/viên chức	41	11.7
3. Lao động, buôn bán, kinh doanh, cung cấp các dịch vụ trong các khu du lịch: xe ôm, thợ chụp ảnh, nhà hàng, chèo đò, bảo vệ, phục vụ khách sạn, nhà nghỉ, bàn, bếp...	98	28.0
4. Công nhân	21	6.0
5. Lao động tự do	39	11.1
6. Lực lượng vũ trang	3	.9
7. Nghỉ hưu	28	8.0
8. Học sinh, sinh viên	55	15.7
9. Khác (xin ghi rõ...)	48	13.7
Tổng	350	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Trong số 350 người dân địa phương xã Trường Yên được tác giả luận án khảo sát, không tính số lượng học sinh, sinh viên (55 người) và những người nghỉ hưu (28 người), có 267 người đang trong độ tuổi lao động. Trong đó, số lượng người lao động trong lĩnh vực du lịch chiếm số lượng đông nhất với 98 người chiếm 36.7%, có tỷ lệ cao hơn nhiều so với các ngành nghề khác.

Bên cạnh đó, du lịch phát triển cũng thúc đẩy các ngành nghề truyền thống như trồng trọt, chăn nuôi, làm hàng thủ công cũng có sự chuyển đổi, mở rộng quy mô theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu lớn của du khách. Nhờ vậy, kinh tế của các hộ gia đình được cải thiện, nhiều hộ gia đình trở nên giàu có, có của cải tích lũy, mua sắm được nhiều đồ dùng sinh hoạt gia đình hiện đại, tiện lợi, nâng cao chất lượng sống của người dân. Thu nhập bình quân đầu người của người dân xã Trường Yên - địa bàn trung tâm khu di tích, năm 2024 đạt 84 triệu đồng [164] cao hơn thu nhập bình quân đầu người toàn huyện Hoa Lư (đạt 75 triệu đồng) [162].

3.1.3.2. Di sản văn hóa góp phần cải thiện kết cấu hạ tầng phát triển

Sau khi Cố đô Hoa Lư cùng với quần thể Tràng An được được ghi danh cấp quốc gia và quốc tế và được xây dựng thành khu du lịch trọng điểm, tỉnh Ninh Bình

đã rất chú trọng đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ khai thác, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH, đặc biệt là phát triển du lịch và CNVH. Hệ thống đường giao thông được đầu tư, xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia, đảm bảo đồng bộ, kết nối thông suốt nội tỉnh và liên tỉnh đến các điểm, khu du lịch trọng điểm của Tỉnh như: Khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình, khu di tích Cố đô Hoa Lư, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, chùa Bái Đính, vườn quốc gia Cúc Phương... cùng với hệ thống bến đỗ thuận lợi, giúp cho việc đi lại giữa các vùng, các tỉnh đến Ninh Bình nói chung và Cố đô Hoa Lư nói riêng rất thuận lợi và nhanh chóng với đa dạng phương tiện vận chuyển, di chuyển như: xe máy, taxi, xe khách, tàu hỏa... Ở các điểm, khu du lịch lại có dịch vụ cho thuê xe phục vụ đi lại cho du khách. Chính vì vậy, khi đánh giá về cơ sở vật chất, hạ tầng KT-XH phục vụ giao thông đi lại đến Ninh Bình và các điểm đến du lịch, phương tiện xe cộ phục vụ di chuyển của du khách được đánh giá tốt ở vị trí số 1 với ĐTB 2.86 và hệ thống đường giao thông được đánh giá chất lượng tốt xếp ở vị trí thứ 2 với ĐTB là 2.84.

Bảng 3.18: Đánh giá của du khách về cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: ĐTB; DLC

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Hệ thống đường giao thông	2.84	0.3	2
2. Phương tiện, xe cộ phục vụ di chuyển	2.86	0.3	1
3. Các cơ sở lưu trú, nhà nghỉ, khách sạn	2.74	0.4	3
4. Cơ sở ăn uống	2.67	0.4	4
5. Cơ sở vui chơi giải trí	2.22	0.4	7
6. Công trình vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường	2.55	0.5	6
7. An ninh trật tự xã hội	2.84	0.3	2
8. Hệ thống bản đồ, biển chỉ dẫn	2.64	0.4	5
ĐTB Chung	2.67	0.2	

Thang đo: 1 - Kém; 2 - Bình thường; 3 - Tốt

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả năm 2025

Cùng được đánh giá chất lượng tốt xếp ở vị trí thứ 2 là công tác đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Cơ sở lưu trú, nhà nghỉ, khách sạn được du khách đánh giá chất lượng tốt xếp ở vị trí thứ 3 với ĐTB 2.74. Để đáp ứng nhu cầu của du khách, tỉnh đã quy hoạch xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú, khách sạn, nhà nghỉ, homestay phục vụ nhu cầu của du khách, tính đến 31/12/2024, trên địa bàn toàn tỉnh có 846 cơ sở lưu trú, trên địa bàn huyện Hoa Lư nơi có khu di tích Cố đô Hoa Lư có 318 cơ sở [99]. Du khách thăm quan, du lịch ở cố đô có thể ăn, nghỉ tại các cơ sở trong khu vực quần thể danh thắng Tràng An, Cố đô Hoa Lư hoặc các cơ sở trên địa bàn thành phố Ninh Bình, cách khu di tích chỉ khoảng 10 km. Tuy nhiên, theo khảo sát của TS. Nguyễn Thị Phương Anh và ThS. Min Young Kim, ý kiến đánh giá của du khách Hàn Quốc về chất lượng phục vụ khách sạn ở Ninh Bình, có 29% du khách được khảo sát cho rằng chất lượng phục vụ khách sạn tốt, 21% du khách cho rằng rất tốt; có tới 39% du khách đánh giá mức độ bình thường và 11% du khách cho biết không hài lòng về dịch vụ của khách sạn [100; tr.589]. Du khách Hàn Quốc nói riêng, du khách quốc tế nói chung, khi đi du lịch ở Việt Nam và Ninh Bình thường lựa chọn lưu trú ở những khách sạn lớn, có chất lượng tốt vào hàng đầu của điểm du lịch, yêu cầu của du khách quốc tế cũng cao hơn, mang tiêu chuẩn quốc tế. Đánh giá của du khách Hàn Quốc về chất lượng dịch vụ của khách sạn như trên là thông tin quan trọng, để các nhà lãnh đạo, quản lý phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình tham khảo trong xây dựng, quy hoạch mạng lưới cơ sở lưu trú đạt chất lượng quốc tế, thu hút, phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách lưu trú nói chung và du khách nói riêng, để nâng số ngày lưu trú tại địa phương, góp phần tăng nguồn thu cho các hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác.

Tiếp theo, du khách đánh giá cơ sở ăn uống, nhà hàng, quán ăn có chất lượng tốt xếp ở vị trí thứ 4 với ĐTB 2.67. Theo kết quả khảo sát của tác giả TS. Nguyễn Thị Phương Anh và ThS. Min Young Kim đối với du khách Hàn Quốc khi tham gia du lịch ở quần thể Danh thắng Tràng An, có 50% du khách Hàn Quốc được khảo sát cho rằng, thực phẩm Ninh Bình giá rẻ, 21% cho rằng giá cả bình thường, 10% cho rằng giá cả ở đây rất rẻ và chỉ rất ít người cho rằng giá cả thực phẩm đắt hoặc rất đắt. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho biết nhược điểm, ẩm thực Ninh Bình chưa thực sự hấp dẫn, chưa khiến du khách yên tâm về an toàn thực phẩm [100; tr.587].

Về hạn chế trong vấn đề ẩm thực tại khu du lịch quần thể danh thắng Tràng An, trong đó có khu du lịch Cố đô Hoa Lư nói riêng và du lịch Ninh Bình nói chung qua đánh giá của du khách Hàn Quốc cũng dễ hiểu, vì đối với du khách nước ngoài, thói quen ăn uống, nhu cầu thực phẩm sẽ có sự khác biệt so với du khách trong nước. Đồng thời, theo quan sát của NCS, các cơ sở phục vụ ăn uống cho du khách trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thường phục vụ chủ yếu là món dê - đặc sản của Ninh Bình, nhưng với du khách Hàn Quốc thức ăn phổ biến của họ là các loại thịt lợn, bò, gà, cho nên không thấy hấp dẫn là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách, Ninh Bình cần xây dựng các nhà hàng, quán ăn phục vụ nhu cầu ẩm thực của khách quốc tế, bên cạnh các cơ sở ăn uống phục vụ các đặc sản của Ninh Bình và Việt Nam.

Để du khách thuận tiện, dễ dàng trong hành trình khám phá các điểm du lịch, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói chung, điểm du lịch Cố đô Hoa Lư nói riêng, tỉnh đã lắp đặt hệ thống bản đồ, biển chỉ dẫn rất cụ thể, chi tiết bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, cùng với hệ thống bản đồ online google map, giúp du khách dễ dàng di chuyển đến các khu, điểm du lịch. Vì vậy, hệ thống bản đồ, biển chỉ dẫn du lịch được đánh giá chất lượng tốt xếp ở vị trí thứ 5 với ĐTB 2.64.

Công trình vệ sinh công cộng và bảo vệ môi trường trong khu di tích cũng được du khách đánh giá chất lượng tốt, xếp ở vị trí thứ 6, với ĐTB đánh giá 2.55. Tuy nhiên, qua quan sát của NCS, hiện nay, trong khu di sản vẫn có các hộ dân sinh sống, đường dân sinh chạy qua du di tích, lòng sông Sào Khê có đoạn bị tắc nghẽn do lấn chiếm và xả rác, vì vậy, còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Còn tình trạng du khách khi thăm quan vứt rác bừa bãi, công tác dọn dẹp vệ sinh còn chưa đạt chuẩn... Số lượng nhà vệ sinh công cộng trong khu vực thăm quan Đền vua Đinh, đền vua Lê được xây dựng khang trang, hiện đại, nhưng số lượng còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là những dịp cao điểm khách thăm quan đông, còn tình trạng phải đợi chờ lâu và quá tải gây ô nhiễm, mất vệ sinh.

Cơ sở vui chơi giải trí xung quanh khu du lịch Cố đô Hoa Lư được đánh giá ở mức “Bình thường” với ĐTB thấp nhất là 2.22. Theo quan sát của NCS, trong quần thể danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động - Cố đô Hoa Lư chưa có nhiều cơ sở giải trí phục vụ du khách như các quán bar, quán karaoke, quán cafe, cafe âm

nhạc, các điểm vui chơi đường phố... khiến cho khung cảnh về đêm của khu du lịch khá tĩnh lặng, tẻ nhạt giống như nhiều vùng nông thôn khác của Việt Nam. Đây là một lý do khiến cho thời gian lưu trú của khách du lịch tại khu du lịch Cổ đô Hoa Lư và các điểm du lịch ở Ninh Bình thường ngắn, mức chi tiêu thấp. Theo kết quả khảo sát của tác giả TS. Nguyễn Thị Phương Anh và ThS. Min Young Kim đối với du khách Hàn Quốc khi tham gia du lịch ở Ninh Bình, có đến 72% du khách Hàn Quốc được khảo sát cho biết họ đi về trong ngày chứ không lưu trú qua đêm; 17% du khách chỉ lưu trú 1 đêm; chỉ 9% và 2% du khách ở lại từ 2 -3 đêm [100; tr.588]. Theo khảo sát của NCS, có 50% du khách được hỏi cho rằng, chi phí du lịch ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư rẻ; 50% du khách cho rằng chi phí bình thường; 0 có du khách nào cho rằng chi phí đắt. Mức chi tiêu của du khách khi du lịch ở Cổ đô Hoa Lư, 69.5% du khách chi tiêu dưới 3 triệu; 25.5% du khách chi tiêu từ 3-5 triệu; chỉ 5% du khách chi tiêu trên 5 triệu [Kết quả khảo sát của tác giả luận án; Phụ lục 3.2]. Phỏng vấn nhanh một số du khách, NCS được biết rằng, nếu không lưu trú lại thì chi phí du lịch Cổ đô Hoa Lư - kết hợp với các điểm du lịch Tràng An - Tam Cốc - Bích Động gồm cả chi phí di chuyển - ăn uống - vé thăm quan chỉ hết khoảng 1-2 triệu. Muốn du khách lưu trú qua đêm, chi tiêu nhiều hơn, thì cần phải cung cấp thêm các dịch vụ vui chơi, giải trí về đêm phục vụ nhu cầu của du khách. Đây là vấn đề tỉnh Ninh Bình cần phải quan tâm để xây dựng Ninh Bình trở thành một trung tâm du lịch quốc gia về du lịch và CNVH.

Những dự án đầu tư các tuyến đường giao thông, cùng hệ thống bãi đỗ xe, bến thuyền... cùng với sự mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, homestay, cơ sở vui chơi, giải trí, dịch vụ công cộng... không chỉ phục vụ khai thác, phát huy giá trị di sản trong phát triển du lịch mà còn cải thiện hạ tầng phát triển phục vụ quá trình phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình nói chung và khu vực di sản Cổ đô Hoa Lư nói riêng.

Sự phát triển của du lịch trên cơ sở khai thác, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư không chỉ góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương mà còn góp phần nâng cao sức hấp dẫn, thu hút đầu tư đối với khu vực di sản. Nguồn lực này được chính quyền địa phương và doanh nghiệp tiếp tục đầu tư vào hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển, bao gồm cả hạ tầng du lịch và hạ tầng xã hội. Thực tế

cho thấy, nhiều tuyến giao thông kết nối khu vực di sản với các vùng lân cận, hệ thống điện, nước, viễn thông và xử lý môi trường và nhiều hạ tầng kỹ thuật khác đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ, góp phần cải thiện đáng kể điều kiện đi lại, sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt của người dân. Tại các xã Trường Yên, Ninh Hải và Ninh Xuân - những xã thuộc trung tâm của khu vực DSVH Cố đô Hoa Lư và quần thể danh thắng Tràng An, hệ thống đường liên thôn, liên xã cơ bản đã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, tạo thuận lợi cho giao lưu, trao đổi hàng hóa và phát triển các hoạt động kinh tế và đời sống người dân.

3.1.3.3. Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư góp phần mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội, tăng cường đoàn kết cộng đồng và tạo môi trường xã hội ổn định để phát triển

DSVH Cố đô Hoa Lư không chỉ lưu giữ những giá trị lịch sử, văn hóa của quốc gia mà còn kết tinh hệ giá trị, ký ức lịch sử và bản sắc được cộng đồng địa phương cùng thừa nhận, gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ. Chính sự chia sẻ giá trị chung này đã tạo nên sự đồng thuận, niềm tự hào về quê hương và khơi dậy ý thức trách nhiệm bảo vệ đối với truyền thống và hệ thống DSVH của cộng đồng, đồng thời tăng cường sự gắn bó giữa các thành viên trong cộng đồng.

Yêu cầu của quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH cũng đã thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng các chủ thể trong xã hội như người dân địa phương, cơ quan lãnh đạo, quản lý, doanh nghiệp và nhà khoa học... đã giúp thiết lập một mạng lưới quan hệ xã hội bền chặt trong phát triển KT-XH địa phương: Thực tiễn tại khu vực Cố đô Hoa Lư cho thấy, người dân địa phương đã cùng nhau tham gia các thực hành văn hóa truyền thống như tham gia chuẩn bị lễ hội, tổ chức và thực hành các nghi lễ, biểu diễn nghệ thuật dân gian,... Trong quá trình tham gia các hoạt động du lịch, dịch vụ, cộng đồng cư dân địa phương cũng đã chủ động thiết lập mạng lưới hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau phát triển như thành lập được các hội nghề nghiệp với sự tham gia của nhiều hộ kinh doanh gia đình và doanh nghiệp như: các hộ gia đình và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn đã thành lập *Hội Lưu trú Hoa Lư* thu hút sự tham gia của gần 300 đơn vị kinh doanh lưu trú; Hội Du lịch tỉnh Ninh Bình đã chủ trì liên kết, kết nối, hỗ trợ các đơn vị kinh doanh, dịch vụ du lịch cùng chia

sẽ kinh nghiệm hoạt động hiệu quả... hay thành lập các tổ tự quản bảo vệ an ninh trật tự phục vụ phát triển địa phương, năm 2024, UBND xã Trường yên đã ra Quyết định công nhận *Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở* tại 16 thôn gồm 48 đồng chí và tổ chức Lễ ra mắt Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh ở cơ sở làm điểm của Huyện. NCS đã phỏng vấn chủ một Homestay trên địa bàn (mã DV01, Nam, 54 tuổi, xã Trường Yên) về vai trò của DSVH trong việc hình thành mạng lưới hợp tác kinh doanh, dịch vụ, du lịch, ông cho biết: “nhờ có nhiều di tích LS-VH nổi tiếng như Cổ đô Hoa Lư, Tràng An nên lượng khách du lịch đến địa phương ngày càng tăng, tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát triển. Tôi cũng kinh doanh homestay được khoảng 5 năm nay. Trong xã cũng có nhiều nhà nghỉ, khách sạn, homestay lắm. Trong quá trình kinh doanh, các cơ sở lưu trú như chúng tôi thường liên kết với các hướng dẫn viên, công ty du lịch để có khách và liên kết với các nhà hàng, quán ăn, các cơ sở bán đồ lưu niệm, đặc sản để giới thiệu khách cho nhau và để thuận tiện phục vụ du khách.” Theo ông, các mối quan hệ này được duy trì khá thường xuyên trên cơ sở nhu cầu phục vụ khách thăm quan di sản, qua đó giúp các cơ sở hỗ trợ lẫn nhau trong khai thác nguồn khách và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương và Hội Du lịch tỉnh cũng tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ, góp phần tăng cường sự kết nối giữa các chủ thể kinh doanh dịch vụ, hướng tới khai thác giá trị di sản theo hướng bền vững [phỏng vấn sâu, DV01, tháng 4/2025].

Hệ giá trị truyền thống kết tinh trong DSVH Cổ đô Hoa Lư có tác dụng định hướng người dân trong cộng đồng sống và hoạt động theo những giá trị nhân văn, tốt đẹp; cùng với những lợi ích thiết thực về KT-XH trong quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH như tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân mà di sản mang lại như đã kể trên đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện Hoa Lư (theo tiêu chí đa chiều) từ 1,97% (năm 2021) xuống còn 0,64% (năm 2024); tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 3,57% (năm 2021) xuống còn 1,23% (năm 2024). Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục đạt kết quả tích cực. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong cưới, tang và lễ hội được triển khai hiệu quả; 100% xã, thị trấn đã xây dựng quy ước, hương ước phù hợp phong tục, tập quán và được người dân tự giác chấp hành. Tính đến

hết năm 2024, toàn huyện Hoa Lư có 22.794/24.257 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa (đạt 94%, tăng 1,4% so với năm 2020); 91/91 thôn đạt khu dân cư văn hóa (đạt 100%, tăng 6,6% so với năm 2020); 60/75 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký và đạt danh hiệu văn hóa (80%) [162]. Năm 2022, xã Trường Yên đã được UBND tỉnh trao bằng công nhận công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021”. Đến cuối năm 2024, UBND tỉnh đã công nhận 06 xã của huyện Hoa Lư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 67/85 khu dân cư đạt khu dân cư kiểu mẫu. Huyện cơ bản hoàn thành 9/9 tiêu chí nông thôn mới nâng cao [162]. Theo thống kê của UBND xã Trường Yên, tính đến hết năm 2024, 14/16 thôn được công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu với lĩnh vực nổi trội về văn hóa, sản xuất hàng hóa, dịch vụ, du lịch, môi trường [164]. Những kết quả đó có sự đóng góp không nhỏ từ quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư, đã góp phần không nhỏ tăng cường sự cố kết cộng đồng, xây dựng môi trường xã hội ổn định để phát triển.

NCS đã phỏng vấn một cán bộ xã Trường Yên (CBQL02, nữ, 49 tuổi, Ninh Bình) với câu hỏi: “Bà đánh giá thế nào về tác động của hệ thống DSVH Cổ đô Hoa Lư đến sự đoàn kết cộng đồng người dân trên địa bàn xã?” Bà cho biết: “Tôi thấy hệ thống DSVH Cổ đô Hoa Lư đã góp phần tăng cường rõ rệt sự đoàn kết cộng đồng. Việc cùng nhau tham gia bảo vệ di tích, tổ chức lễ hội, tham gia các sinh hoạt văn hóa truyền thống, làm du lịch và dịch vụ đã tạo sự gắn bó, đồng thuận giữa các hộ dân. Di sản không chỉ mang lại sinh kế mà còn khơi dậy niềm tự hào chung, từ đó củng cố tinh thần trách nhiệm và sự đoàn kết của cộng đồng địa phương. Bà cũng cho biết thêm, trên địa bàn, người dân sống rất hòa đồng, yêu thương, gắn bó giúp đỡ, rất hiếm khi xảy ra các cuộc cãi vã, tranh chấp giữa người dân trên địa bàn” [Phỏng vấn sâu, CBQL02, tháng 4/2025].

Bên cạnh việc góp phần tăng cường đoàn kết trong cộng đồng cư dân địa phương, DSVH Cổ đô Hoa Lư còn là cơ sở để tạo lập mạng lưới các quan hệ xã hội hợp tác và phát triển rộng lớn hơn trong quá trình bảo tồn, khai thác phát huy giá trị di sản với phát triển KT-XH: Thời gian qua, Sở Văn hóa và Thể Thao tỉnh Ninh Bình cùng với Trung tâm Bảo tồn di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư - đơn vị trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị các DSVH thuộc quần thể di

tích Cố đô Hoa Lư đã thường xuyên tham vấn ý kiến các cấp có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn, chuyên gia và nhà khoa học; triển khai các biện pháp bảo vệ, bảo quản khoa học, hiệu quả; đồng thời phối hợp với các đơn vị truyền thông tăng cường quảng bá, giới thiệu giá trị hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh, internet, các nền tảng mạng xã hội và báo chí trong, ngoài tỉnh và ở nước ngoài. Thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học để tham phần ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý trong nước và quốc tế nhằm tiếp tục làm sáng tỏ các giá trị của di sản và xây dựng định hướng, tìm kiếm các giải pháp khả thi nhằm bảo tồn, khai thác, phát huy hiệu quả giá trị DSVH phục vụ phát triển KT-XH địa phương, những hội thảo tiêu biểu trong thời gian gần đây có thể kể đến như: Phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức hội thảo *Văn hóa và con người Ninh Bình trong phát triển bền vững* (2017); phối hợp với Viện Bảo tồn di tích thuộc Bộ Văn hóa - Thể Thao và Du lịch tổ chức hội thảo *Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư* (2022); phối hợp với Tạp chí Cộng sản và nhiều học giả quốc tế tổ chức hội thảo quốc tế *Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn DSVH và phát triển kinh tế - xã hội: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương* (2023); Phối hợp với Hội Quy Hoạch phát triển đô thị Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học *Quản lý và phát triển thành phố di sản Cố đô sở hữu danh hiệu Unesco - nhận thức lý luận, kiến tạo thể chế và hành động địa phương* (2024); Phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học *Đình Tiên Hoàng - Tầm vóc lịch sử và khát vọng dân tộc* (2024)...; tham vấn và phối hợp với các chuyên gia khảo cổ thực hiện nhiều đợt khai quật khảo cổ học phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ giúp tái hiện lại quy mô, diện mạo của kinh thành Hoa Lư xưa. Đồng thời, phối hợp với Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình, Ban Quản lý danh thắng Tràng An và các doanh nghiệp như Doanh nghiệp Xuân Trường thực hiện hoạt động khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch, dịch vụ, nhất là đối với hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể trong khu vực trung tâm Cố đô Hoa Lư thuộc khu vực bảo vệ của Di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An và vùng đệm. Ngoài ra, mạng lưới hợp tác còn được mở rộng ra cả phạm vi quốc tế phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH.

Như vậy, quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH địa phương đã tạo ra những nguồn lực góp phần mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân và cải thiện kết cấu hạ tầng phát triển của địa phương. Đồng thời, DSVH Cố đô Hoa Lư còn là nền tảng quan trọng góp phần củng cố tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận và hợp tác trong cộng đồng xã hội góp phần tạo dựng môi trường xã hội ổn định để phát triển bền vững địa phương.

3.1.4. Một số hạn chế, thách thức từ di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Thực tiễn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình thời gian qua cũng chỉ ra một số rào cản, thách thức của vốn văn hóa khi tham gia vào phát triển KT-XH trên một số khía cạnh sau:

Chi phí bảo tồn, tôn tạo và phục hồi di sản rất lớn: Như chúng ta đã biết quần thể di tích Cố đô Hoa Lư tập trung trên địa bàn huyện Hoa Lư, theo *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hoá Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình* là một khu vực rộng lớn có diện tích gần 1.500 ha chưa kể đến hệ thống di tích LS-VH liên quan trên địa bàn các huyện lân cận. Trong đó, số lượng di tích LS-VH lớn, có lịch sử lâu đời hàng nghìn năm. Trải qua thời gian, trước tác động chiến tranh, khí hậu, nhiều di tích bị xuống cấp nghiêm trọng đã trải qua nhiều lần tôn tạo, tu bổ, một số di tích đã trở thành phế tích chưa được phục dựng như Phủ Vật, chùa Tháp, phủ Tùng Xẻo, phủ Bến Đò... Đặc biệt khu vực kinh thành Hoa Lư xưa đã hoàn toàn bị phá hủy, hầu hết các dấu tích về sự tồn tại của Cố đô đã nằm sâu trong lòng đất chờ được khai quật để làm sáng tỏ diện mạo và quy mô của Cố đô xưa. Năm 2023, Thủ tướng chính phủ đã ban hành *Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2023 về phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050* đã mở rộng hơn nữa phạm vi di tích LS-VH liên quan đến Cố đô Hoa Lư và các nhân vật, sự kiện lịch sử thuộc các triều đại Đinh - Tiền Lê - Lý được bảo tồn, tu bổ, phục hồi. Điều đó đặt ra thách thức rất lớn về chi phí tài chính, nguồn nhân lực phục vụ cho công tác nghiên cứu, bảo tồn, tôn tạo,

phục dựng hệ thống di tích này để cung cấp nguồn vốn văn hóa cho quá trình phát triển KT-XH địa phương một cách bền vững.

DSVH cũng tạo ra một số bất tiện và áp lực đối với đời sống của cộng đồng dân cư khu vực di sản: Quần thể di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư không nằm trong một khu vực riêng biệt mà nằm xen kẽ trong khu dân cư, tập trung nhất trên địa bàn xã Trường Yên. Di sản đã trở thành một phần trong không gian sống của người dân. Thậm chí nhiều khu di tích nằm sâu trong lòng đất, hiện nay người dân đã xây dựng nhà cửa, đang sinh sống ở đó, như khu vực thôn Chi Phong (xã Trường Yên). Khi khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch, số lượng du khách đến thăm quan ngày càng đông, việc đi lại, hoạt động của du khách trong khu dân cư cũng gây ra những xáo trộn và ảnh hưởng đến cuộc sống thường ngày của người dân như thôn Bắc và thôn Nam là hai thôn nằm cạnh đền vua Đinh, vua Lê, có con đường thăm quan du khách đi lại. Chi phí sinh hoạt của người dân cũng bị đẩy lên cao hơn do tác động của chi phí áp dụng cho du khách, bởi không phải người dân nào trong khu vực di sản cũng tham gia kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho khách du lịch. Đây là nguy cơ tạo ra bất bình đẳng xã hội do phân bổ vốn văn hóa không đồng đều mà Bourdieu đã dự báo trong nghiên cứu của mình. Bên cạnh đó, khu vực dân cư thôn Chi Phong với khoảng 350 hộ dân và khoảng 1.200 nhân khẩu sẽ phải di dời đến khu vực tái định cư để trả lại không gian di tích phục vụ cho công tác nghiên cứu, bảo tồn, phục dựng di tích. Điều này không chỉ tạo thách thức về chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư cho người dân mà cũng tạo ra những xáo trộn ban đầu trong cuộc sống người dân, bởi phải rời khỏi nơi mình đã sinh sống đã gần bố, quen thuộc cũng không phải là điều dễ dàng chấp nhận được ngay. Ngoài ra, việc sống trong khu vực di sản cũng gây ra một số hạn chế trong việc người dân cải tạo nhà cửa, lối sống theo hướng hiện đại, vì có thể gây ảnh hưởng đến không gian di sản... NCS đã phỏng vấn một người dân thôn Chi Phong, xã Trường Yên (ND02, nam, 65 tuổi) về tác động của hoạt động du lịch di sản đến cuộc sống người dân và chủ trương di dời phục vụ bảo tồn DSVH Cổ đô Hoa Lư. Ông ND02 cho biết: “Những năm gần đây, nhờ địa phương có nhiều DSVH nổi tiếng đặc biệt là có Cổ đô Hoa Lư, có Tràng An nên khách đến du lịch rất đông. Người dân trong thôn bỏ làm ruộng đi làm du lịch nhiều, người thì chèo đò, người thì làm bảo vệ, buôn

bán... con cháu ông cũng đi làm du lịch hết. Còn ông thì là cán bộ về hưu sống bằng lương thôi. Tôi cũng nghe nói có chủ trương di rời dân làng, cũng không biết di rời hết hay di rời một phần. Nếu chủ trương được thực hiện thì tôi cũng sẽ chấp hành, nhưng nói thật nhiều tâm tư lắm, nhà tôi sống mấy đời ở đây rồi, nhà thờ, hương hỏa, họ hàng ở đây hết mà di rời cũng buồn lắm. Chỉ mong là, Tỉnh có những chính sách tái định cư phù hợp cho người dân cả về mặt vật chất và tinh thần.” [Phỏng vấn sâu, ND02, tháng 4/2025]

Đây là một số rào cản, thách thức đặt ra bên cạnh những tác động tích cực của quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH thành các nguồn lực phục vụ phát triển KT-XH. Mặc dù những rào cản, thách thức này không xuất phát từ bản thân DSVH mà nó nảy sinh do yêu cầu của quá trình bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, nhưng để nâng cao hiệu quả phát huy giá trị DSVH thành các nguồn lực phát triển và đảm bảo lợi ích cộng đồng, đòi hỏi các chủ thể liên quan cần bàn luận, tìm ra những giải pháp, những tác động chính sách để phát huy những tác động tích cực và khắc phục những rào cản, thách thức đặt ra.

3.2. TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ

3.2.1. Tác động tích cực

3.2.1.1. Phát triển kinh tế - xã hội tạo nguồn lực vật chất cho bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư

Hệ thống DSVH Cổ đô Hoa Lư kết tinh những giá trị truyền thống, bản sắc của vùng đất Cổ đô. Trong đời sống đương đại, hệ thống DSVH đó lại trở thành nguồn lực thúc đẩy sự phát triển KT-XH địa phương. Hiệu quả KT-XH của hệ thống DSVH Cổ đô Hoa Lư không chỉ được tính bằng nguồn thu trực tiếp từ khu di tích, mà phải kể vai trò trung gian và những tác động mạnh mẽ trong việc lan tỏa sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch đến với tỉnh Ninh Bình, góp phần thúc đẩy sự phát triển KT-XH của tỉnh. Trong khi đó, khi KT-XH phát triển cũng có sự tác động và đóng góp các nguồn lực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, góp phần tái tạo vốn DSVH. Theo đó, các nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng được huy động và phân bổ cho các hoạt động trùng tu,

tôn tạo di tích, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cũng như tổ chức các hoạt động khai thác và quảng bá di sản.

Để huy động các nguồn lực KT-XH phục vụ cho công tác bảo tồn, giữ gìn DSVH Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án... như là: *Xây dựng Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003; Năm 2004, UBND tỉnh phê duyệt *Quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư*; Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 8/6/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình về điều chỉnh quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư; Năm 2016, Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo và mở rộng phạm vi một số di tích liên quan đến nhà nước Đại Cồ Việt nhằm phát huy giá trị lịch sử, văn hóa Cố đô Hoa Lư; Năm 2021, UBND tỉnh phê duyệt Đề án “*Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư, giai đoạn 2021 - 2030*”; đề án “*Xây dựng các sản phẩm văn hóa nhằm phát huy giá trị văn hóa, lịch sử Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo*”; Xây dựng Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt *Nhiệm vụ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*;...

Giai đoạn 2010-2021, hàng trăm tỷ đồng đã được đầu tư cho công tác trùng tu, tôn tạo hệ thống di tích Cố đô Hoa Lư với hầu hết các hạng mục chính của khu di tích như là: tu bổ, tôn tạo quảng trường sân lễ hội, lăng vua Lê, lăng vua Đinh, các di tích liên quan đến nhà nước Đại Cồ Việt, xây dựng nhà trưng bày khảo cổ... thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ, bảo quản các di vật quý giá, các bảo vật quốc gia như xây nhà mái che, lắp lan can gỗ để bảo vệ cột kinh Phật chùa Nhất Trụ, sử dụng

phương pháp phủ nano đối với hai Long sàng đèn thờ vua Đinh; lắp đặt hệ thống báo động cảm biến, camera an ninh giám sát trong và ngoài di tích, bố trí lực lượng bảo vệ 24/24... Về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH phi vật thể, năm 2016, UBND tỉnh Ninh Bình đã phê duyệt Đề án *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể lễ hội Hoa Lư*; đã xây dựng kịch bản Lễ hội Hoa Lư; năm 2017, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh đã phối hợp với viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia nghiên cứu, phục dựng lại nghi thức Tế Cửu khúc (9 bài ca nghi lễ) đã bị thất truyền [95]. Các thôn trong xã Trương Yên đã thành lập các câu lạc bộ văn nghệ quần chúng để biểu diễn các thể loại nghệ thuật trình diễn dân gian, truyền thống, thành lập các đội thực hiện các nghi lễ tế trong Lễ hội Hoa Lư. Trong các trường học trên địa bàn, thực hiện hướng dẫn, trao truyền cho các em học sinh thực hiện các hoạt động trình diễn dân gian như Cờ Lau tập trận, kéo chữ Thái Bình liên quan đến sự tích về cuộc đời và sự nghiệp của vua Đinh Tiên Hoàng... Nhờ vậy, mà hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể Cố đô Hoa Lư được bảo tồn khá nguyên vẹn và phát huy được vai trò trong cuộc sống người dân. Cả người dân và du khách đều đánh giá tốt về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Cố đô Hoa Lư:

Bảng 3.19: Đánh giá của du khách về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: người; %

Nội dung	Số lượng	%
1. Kém	1	0.5
2. Bình thường	25	12.5
3. Tốt	174	87.0
Tổng	200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Kết quả khảo sát du khách, có 174 người (chiếm 87%) nhận xét công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Cố đô Hoa Lư đạt mức độ “Tốt”, 25 người (chiếm 12.5%) cho rằng mức độ “bình thường” và chỉ có 1 người (0.5%) cho rằng công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở mức độ “kém”.

Bảng 3.20: Đánh giá của người dân địa phương về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: người; %

Nội dung	Số lượng	%
1. Kém	2	0.6
2. Bình thường	48	13.7
3. Tốt	300	85.7
Tổng	350	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Đa số người dân được khảo sát cũng cho rằng công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Cố đô Hoa Lư là “tốt” với 300 người lựa chọn (chiếm 85.7%); 48 người (13.7%) cho rằng “bình thường” và chỉ 2 người (0.6%) cho rằng công tác bảo tồn, tôn tạo di tích là “kém”. Như vậy người dân và du khách có đánh giá về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Cố đô Hoa Lư khá tương đồng nhau.

Sự phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình nói chung và các hoạt động kinh tế, du lịch, dịch vụ tại khu vực di sản Cố đô Hoa Lư nói riêng không chỉ góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế mà còn góp phần hình thành và tích lũy nguồn vốn kinh tế đáng kể cho địa phương. Trên cơ sở đó, chính quyền và các chủ thể liên quan có điều kiện tái đầu tư cho phát triển văn hóa địa phương, trong đó có lĩnh vực di sản như giai đoạn 2015-2020, tỉnh Ninh Bình chi đầu tư cho sự nghiệp văn hóa khoảng 3.37% trong tổng chi ngân sách tỉnh và chi đầu tư có các công trình, dự án văn hóa chiếm khoảng 20% tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, đây là mức đầu tư cao so với cả nước [159; tr.551]. Bên cạnh đó là tiếp tục đầu tư vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội, bao gồm giao thông, cơ sở lưu trú, thiết chế dịch vụ, cũng như các công trình bảo vệ môi trường. Năm 2008, tỉnh Ninh Bình chưa có cơ sở lưu trú nào đạt tiêu chuẩn 3 sao, nhưng đến hết năm 2024, tỉnh đã có 900 cơ sở lưu trú với 12.000 phòng nghỉ với 21 cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng từ 4-5 sao và tương đương, đã đáp

ứng được bước đầu nhu cầu lưu trú, nghỉ dưỡng của du khách và nhiều đối tượng khách hàng khác [98].

Những kết quả này cho thấy, nguồn lực được tạo ra từ quá trình phát triển KT-XH đã được tái đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, qua đó hình thành cơ chế phản hồi tích cực, góp phần tái sản xuất vốn DSVH và duy trì nguồn lực cho các chu trình phát triển tiếp theo.

3.2.1.2. Phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện mở rộng không gian phát huy và lan tỏa giá trị di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư

Quá trình phát triển KT-XH giúp gia tăng các nguồn vốn kinh tế tạo điều kiện đầu tư vào hạ tầng và tổ chức các hoạt động khai thác, phát huy giá trị DSVH, góp phần mở rộng phạm vi khai thác từ cục bộ sang liên vùng. Đồng thời, sự phát triển của vốn xã hội dưới dạng các mạng lưới liên kết thúc đẩy khả năng lan tỏa giá trị di sản thông qua các hoạt động dịch vụ, truyền thông và trải nghiệm.

Trong quá trình phát triển KT-XH, tỉnh Ninh Bình xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, cùng với chú trọng phát triển các ngành CNVH nhằm khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh về di sản của tỉnh. Thực tiễn phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình đã cho thấy, khi KT-XH phát triển, tỉnh Ninh Bình đã có nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng vật chất, kỹ thuật như đường giao thông, phương tiện vận chuyển đồng bộ, thuận tiện; quy hoạch, xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú, ăn uống đáp ứng tốt hơn về số lượng và chất lượng; kinh nghiệm phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa được tích lũy, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp hiện đại hơn, nâng cao khả năng phục vụ du khách, đã tạo điều kiện mở rộng phạm vi khai thác, phát huy giá trị DSVH, thiên nhiên của địa phương, kết nối hoạt động du lịch, dịch vụ của khu di tích Cố đô Hoa Lư với các điểm đến trong vùng và liên vùng với các tuyến du lịch hiện nay đang được khai thác như: tuyến du lịch kết nối các điểm đến trong quần thể danh thắng Tràng An: Cố đô Hoa Lư - Tràng An - Tam Cốc - Bích Động; tuyến du lịch thăm quan văn hóa, tâm linh tìm hiểu về cuộc đời, sự

nghiệp vua Đinh Tiên Hoàng gồm các điểm Đền vua Đinh - Đền vua Lê (xã Trường Yên) - đền thờ vua Đinh (thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn) - Thung Lá - Thung Lau...; du lịch văn hóa, tâm linh kết nối Cố đô Hoa Lư - chùa Bái Đính...; sản phẩm du lịch lễ hội kết hợp Lễ hội Hoa Lư - Lễ hội Tràng An - Lễ hội đền Thái Vi... Từ đó, giúp lan tỏa và mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả khai thác, phát huy giá trị DSVH, đồng thời, phát huy vai trò trung tâm, là hạt nhân lôi cuốn, thu hút khách du lịch của hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư. NCS đã phỏng vấn du khách (mã DL02, nữ, 37 tuổi, Hà Nam) với câu hỏi: “Điều gì hấp dẫn, thu hút khiến bà và gia đình đến thăm quan, du lịch tại tỉnh Ninh Bình?”, bà cho biết: “Tôi nghe về Cố đô Hoa Lư từ lâu rồi, đây là kinh đô đầu tiên của nước ta, chứa đựng nhiều giá trị LS-VH hấp dẫn, nhân chuyến tôi đến thăm quan, tìm hiểu khu di tích và dự lễ hội Hoa Lư cho nên tôi đã tìm hiểu thêm các điểm thăm quan, du lịch ở Ninh Bình để đi kết hợp luôn thành một tour du lịch đến tỉnh Ninh Bình.” [Phỏng vấn sâu, DL02, 37 tuổi, tháng 4/2025].

Giá trị di sản Cố đô Hoa Lư được khai thác, phát huy hiệu quả đã mở ra một hướng đi mới trong phát huy giá trị di sản địa phương. Vì vậy, việc xây dựng các tour, tuyến du lịch kết nối giữa Cố đô Hoa Lư với các điểm di sản, danh lam thắng cảnh trong tỉnh để phát huy sức lan tỏa của DSVH Cố đô Hoa Lư, hội tụ cùng các giá trị văn hóa, thiên nhiên đặc sắc của vùng đất Cố đô tạo nên những sản phẩm du lịch hấp dẫn đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách là một hướng đi quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch và các ngành CNVH tỉnh Ninh Bình. Định hướng này được hiện thực hóa khi sự phát triển KT-XH địa phương đã tích lũy được nguồn vốn kinh tế, xã hội đủ mạnh quay trở lại tái đầu tư cho quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH.

KT-XH phát triển cũng tạo điều kiện để ứng dụng khoa học, công nghệ, các nền tảng mạng xã hội, phương tiện thông tin truyền thông đại chúng và thu hút được nhiều chủ thể như các doanh nghiệp lữ hành, chủ thể kinh doanh, dịch vụ, các đơn vị truyền thông, chuyên trang du lịch và cộng đồng tham gia vào quá

trình tuyên truyền, quảng bá giới thiệu DSVH Cố đô Hoa Lư và xúc tiến du lịch Ninh Bình cả trong nước và nước ngoài. Tỉnh Ninh Bình đã bước đầu xây dựng được bộ nhận diện thương hiệu du lịch Ninh Bình “An toàn - thân thiện - chất lượng - hấp dẫn”, biểu trưng và thông điệp “Tuyệt sắc miền Cố đô”, trong đó hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư đóng vai trò là giá trị trung tâm lan tỏa, kết nối các điểm đến du lịch trong tỉnh. Từ đó, giá trị biểu tượng của Cố đô Hoa Lư và văn hóa, con người Ninh Bình đã được lan tỏa rộng rãi, được định vị và tăng mức độ nhận diện trong cộng đồng du khách trong nước và quốc tế, lôi cuốn, thu hút họ đến thăm quan, tìm hiểu, khám phá về di sản, LS-VH, con người Cố đô. Hiện nay, số lượng du khách quốc tế đến Cố đô Hoa Lư ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số du khách:

Bảng 3.21: Cơ cấu khách du lịch đến Cố đô Hoa Lư phân theo quốc tịch giai đoạn 2014-2024

TT	Nội Dung	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Quốc tế	77.856	87.648	117.615	147.300	167.045	208.932	41.221	372	44.798	203.136	417.832
2	Việt Nam	144.340	137.956	117.439	139.968	172.452	144.012	77.840	69.622	181.288	257.200	363.822

Nguồn: Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử-văn hóa Cố đô Hoa Lư [142]

Những năm 2016, 2017, 2019, 2024, số lượng du khách quốc tế đến khu di tích Cố đô Hoa Lư còn lớn hơn số lượng du khách Việt Nam. Bên cạnh đó, số lượng du khách quốc tế đến Ninh Bình ngày càng mở rộng phạm vi quốc gia và số lượng cũng không ngừng gia tăng với du khách ở các thị trường truyền thống như: châu Á, châu Âu, châu Đại Dương và các thị trường mới, nhiều tiềm năng như: Ấn Độ, Đài Loan, khu vực ASEAN.

Thực tiễn trên đã khẳng định, phát triển KT-XH, đặc biệt là phát triển du lịch và CNVH không chỉ làm gia tăng quy mô khai thác, phát huy giá trị di sản, mà còn góp phần tái cấu trúc không gian xã hội của di sản, mở rộng phạm vi

hiện diện và gia tăng khả năng lan tỏa giá trị, mức độ nhận diện của di sản trên phạm vi cả trong nước và quốc tế.

3.2.1.3. *Phát triển kinh tế - xã hội nâng cao nhận thức và năng lực xã hội trong bảo tồn di sản văn hóa*

Quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư trong phát triển du lịch, CNVH và trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân và du khách đã góp phần mang lại nhiều tác động và lợi ích rất thiết thực trong đời sống KT-XH của nhân dân, nên đã có tác động to lớn, làm thay đổi nhận thức của các chủ thể về giá trị, vai trò quan trọng của DSVH đối với sự phát triển, DSVH không chỉ mang những giá trị tinh thần, mà còn là phương tiện quan trọng để tạo sinh kế cho người dân, giúp phát triển kinh tế cá nhân và địa phương. Từ đó tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và năng lực xã hội của cộng đồng dân cư địa phương tại khu vực Cố đô Hoa Lư trong công tác bảo tồn, giữ gìn, tôn tạo DSVH, hướng đến sự phát triển bền vững của địa phương và đất nước.

Người dân đã có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể của cộng đồng mình trước tác động của thiên nhiên và con người, tích cực tham gia tuyên truyền, quảng bá về DSVH và có ý thức trao truyền cho các thế hệ tiếp theo, tổ chức khai thác, phát huy giá trị của DSVH trong phát triển kinh tế và sinh hoạt tinh thần của người dân một cách hợp lý và có trách nhiệm. Các thôn trong xã Trường Yên đã thành lập được các câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, các đội dâng hương, tế lễ thường xuyên tập luyện các tiết mục nghệ thuật biểu diễn và thực hành các nghi lễ truyền thống để phục vụ các dịp lễ, lễ hội và biểu diễn phục vụ khách du lịch. Xã cũng thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, truyền dạy các thể loại nghệ thuật truyền thống như: hát Chèo, hát Xẩm, hát Văn và hát Then cho các câu lạc bộ văn nghệ trên địa bàn xã. Hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bảo vệ, phát huy các giá trị của di tích đảm bảo các hoạt động theo đúng quy định... Đáng chú ý, từ chỗ là những người sản xuất nông nghiệp thuần túy, nhiều cư dân địa phương đã trở thành những “đại sứ du

lịch” đầy trách nhiệm. Họ vừa trực tiếp tham gia cung ứng dịch vụ như chèo đò, hướng dẫn thăm quan, vừa chủ động giới thiệu với du khách về giá trị DSVH, truyền thống lịch sử, cũng như các sản vật đặc trưng theo mùa của Ninh Bình, qua đó góp phần lan tỏa bản sắc văn hóa địa phương trong giao lưu với du khách trong và ngoài nước.

Người dân đã có ý thức tuân thủ các quy định của Nhà nước nhằm bảo tồn, giữ gìn di sản, quy định về bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch, Luật du lịch, quy định xây dựng kết cấu hạ tầng trong khu vực có di sản, như trước đây, người dân xây nhà không phải xin phép, được xây theo ý muốn, nhưng nay, người dân trong địa phương có di sản, khi xây nhà phải xin phép cơ quan có thẩm quyền, nhà chỉ được xây dựng trên đất thổ cư, xây không quá 3 tầng với chiều cao không quá 12m...

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường ở địa phương khu vực có di sản cũng đặc biệt được chú trọng với sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân. Bên cạnh hoạt động của công ty thu gom rác, các thôn đã tuyên truyền vận động các hộ gia đình nâng cao các tiêu chí nông thôn mới như vệ sinh môi trường, quét dọn đường làng ngõ xóm, trồng cây xanh, mở rộng nâng cấp đường thôn xóm, thường xuyên phát động các cuộc tổng dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm và duy trì tổng dọn vệ sinh môi trường vào ngày mùng 4 hàng tháng. Trong các điểm thăm quan, hệ thống thùng thu gom rác được bố trí ở nhiều điểm, thuận lợi cho du khách bỏ rác... nhờ vậy môi trường sinh thái khu di tích được đảm bảo khá tốt.

Đặc biệt, người dân, các cơ sở lưu trú, nhà hàng và doanh nghiệp du lịch không chỉ tích cực tham gia khai thác du lịch mà còn từng bước chuyển hướng theo mô hình phát triển bền vững, nhiều hộ kinh doanh homestay, nhà hàng đã chủ động áp dụng các mô hình dịch vụ xanh và thân thiện với môi trường, như thay thế đồ nhựa dùng một lần bằng các sản phẩm tự nhiên có khả năng tái sử dụng hoặc tự phân hủy sinh học. Những người làm lao động trong ngành dịch vụ

du lịch cũng đã chủ động thực hành các biện pháp bảo vệ môi trường, tiêu biểu như việc các lái đò tại danh thắng Tràng An đi qua rất nhiều khu vực di sản đã tự trang bị thùng rác mini trên mỗi thuyền để đựng rác và hướng dẫn du khách giữ gìn vệ sinh trong suốt hành trình thăm quan. Việc thực hiện nghiêm túc nội dung này không chỉ xuất phát từ quy định chung, mà nó còn xuất phát từ cái tâm của mỗi người, thực sự mong muốn bảo vệ “tài sản vô giá” của cộng đồng, nó đã dần trở thành thói quen, văn hóa lao động của họ. Điều này cũng dễ hiểu, bởi bảo vệ di sản chính là bảo vệ sinh kế, lợi ích của chính họ. Bên cạnh đó, họ còn tích cực tham gia các hoạt động tập huấn về kỹ năng du lịch, nghiệp vụ phục vụ và bảo tồn, giữ gìn di sản do cơ quan quản lý tổ chức, qua đó từng bước nâng cao năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm xã hội.

Những biểu hiện trên cho thấy, phát triển KT-XH dựa trên di sản không chỉ mang lại lợi ích vật chất mà còn thúc đẩy quá trình “xã hội hóa” hoạt động bảo tồn, làm gia tăng vốn xã hội thông qua sự hình thành các mạng lưới hợp tác, chia sẻ trách nhiệm trong cộng đồng. Nhờ đó, nhận thức, kỹ năng và năng lực tham gia quản lý, bảo vệ di sản của người dân địa phương được nâng cao một cách thực chất, góp phần củng cố nền tảng bền vững cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư trong bối cảnh hiện nay.

3.2.2. Tác động tiêu cực

Theo Bourdieu, các loại vốn có khả năng chuyển hóa lẫn nhau, song quá trình chuyển hóa đó chịu sự chi phối của nhiều tác nhân như vị thế sở hữu vốn, sự tranh giành lợi ích, địa vị giữa các chủ thể. Vận dụng vào nghiên cứu DSVH, có thể thấy quá trình khai thác, phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển KT-XH luôn tiềm ẩn nguy cơ mất cân bằng giữa mục tiêu khai thác, phát huy và mục tiêu bảo tồn di sản. Khi mục tiêu tích lũy vốn kinh tế được đặt lên quá mức, DSVH có thể bị thương mại hóa, khai thác quá mức hoặc làm suy giảm tính xác thực và bản sắc văn hóa. Bên cạnh đó, những biến đổi của đời sống KT-XH cũng có thể làm thay đổi môi trường thực hành và trao truyền di sản. Đặt trong trường hợp DSVH Cố đô Hoa Lư, kết quả nghiên cứu cho thấy chưa ghi nhận những tác động tiêu cực nổi bật như đã kể trên. Tuy nhiên, quá

trình phát triển KT-XH gắn với khai thác, phát huy giá trị DSVH đã bộc lộ một số hạn chế và thách thức như sau:

3.2.2.1. Hiệu quả khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư trong phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế

Mặc dù, tổng lượt khách đến thăm quan khu di tích Cố đô Hoa Lư chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng lượng khách du lịch đến tỉnh Ninh Bình, nhưng doanh thu lại chiếm tỷ lệ không đáng kể so với tổng doanh thu từ du lịch của Tỉnh như năm 2024, số lượng khách đến thăm quan khu di tích là 780.704 lượt khách so với tổng lượt khách đến Ninh Bình là 8,7 triệu lượt khách (chiếm khoảng 9%), doanh thu của khu di tích chỉ đạt 14,142 tỷ đồng, trong khi doanh thu du lịch toàn tỉnh ước đạt 8.9 nghìn tỷ đồng [140, 97]. Doanh thu du lịch của khu di tích hiện nay chủ yếu là từ tiền bán vé thăm quan. Các dịch vụ bán đồ lưu niệm, bán sản vật địa phương và các dịch vụ phục vụ nhu cầu khác nhau của khách thăm quan chưa được chú trọng khai thác, phát huy. Điều này phản ánh việc DSVH chưa được “vốn hóa” một cách hiệu quả thành các sản phẩm, dịch vụ mang giá trị gia tăng cao. Theo cách tiếp cận của Bourdieu, đây là biểu hiện của việc các tác nhân trong “trường du lịch, dịch vụ văn hóa” chưa thiết lập được các chiến lược chuyển đổi vốn phù hợp, dẫn đến chưa khai thác hết được tiềm năng của DSVH.

Việc khai thác, phát huy vai trò của DSVH Cố đô Hoa Lư như một môi trường trung gian, góp phần thúc đẩy hình thành hệ sinh thái sáng tạo phát triển các ngành công nghiệp văn hóa còn mờ nhạt:

Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm làng nghề, hoạt động biểu diễn nghệ thuật và sinh hoạt văn hóa trong không gian di tích còn nghèo nàn, thiếu tính hấp dẫn. Điều này cho thấy vốn văn hóa chưa được tái sản xuất và mở rộng dưới dạng vốn xã hội và vốn biểu tượng. Xét theo Bourdieu, khi vốn văn hóa không được kích hoạt thông qua các thực hành xã hội đa dạng, nó sẽ có nguy cơ “đóng băng”, làm suy giảm khả năng sinh lợi và tái tạo trong dài hạn.

Còn thiếu vắng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa mang tính nhận diện đặc trưng, bản sắc của Cố đô Hoa Lư phản ánh hạn chế trong quá trình chuyển hóa vốn biểu tượng. Mặc dù di sản có bề dày lịch sử hàng nghìn năm, nhưng chưa hình thành được các sản phẩm lưu niệm, thương hiệu văn hóa hay các loại hình biểu diễn đặc sắc mang dấu ấn riêng. Điều này đồng nghĩa với việc giá trị biểu tượng, căn tính - yếu tố quan trọng tạo nên sự khác biệt và sức hấp dẫn của DSVH chưa được tích lũy và khai thác hiệu quả, từ đó làm giảm khả năng cạnh tranh trong bối cảnh phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa hiện nay.

3.2.2.2. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội chưa tích lũy được đầy đủ nguồn vốn để khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa

Hạ tầng dịch vụ và hệ sinh thái kinh doanh, cung cấp dịch vụ xung quanh khu di tích Cố đô Hoa Lư còn thiếu và yếu dẫn đến việc hạn chế khả năng kéo dài chuỗi giá trị kinh tế từ di sản. Sự thiếu hụt các hoạt động kinh doanh, dịch vụ như cửa hàng lưu niệm, ẩm thực, vận chuyển nội khu, các cơ sở vui chơi, giải trí nhất là vui chơi, giải trí về đêm... không chỉ làm giảm trải nghiệm của du khách mà còn hạn chế cơ hội tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình chuyển hóa vốn. Khi các tác nhân (chủ thể) xã hội (đặc biệt là cộng đồng địa phương) không được huy động rộng rãi vào các quá trình phát triển KT-XH, du lịch, CNVH... quá trình tích lũy vốn xã hội sẽ bị suy yếu, kéo theo sự hạn chế trong tái sản xuất vốn văn hóa.

Hạn chế về cơ chế quản lý và chính sách bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản. Các chủ trương, chính sách hiện nay của tỉnh Ninh Bình đối với hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư chủ yếu tập trung vào bảo tồn, tôn tạo di sản, trong khi chưa chú trọng đúng mức đến các giải pháp khai thác, phát huy giá trị di sản trong phát triển KT-XH. Điều này dẫn đến tình trạng vốn DSVH được “bảo tồn tĩnh” mà chưa chú trọng “kích hoạt” yếu tố phát triển, làm giảm hiệu quả chuyển hóa vốn DSVH sang các nguồn vốn phát triển khác. Khu di tích Cố đô Hoa Lư được xây dựng trở thành điểm thăm quan du lịch trọng điểm của Tỉnh. Nhưng, chỉ một phần di sản trong hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư nằm trong khu vực bảo

vệ của di sản thế giới quần thể danh thắng Tràng An là có sự hợp tác với doanh nghiệp trong tổ chức quản lý, khai thác phát triển các hoạt động KT-XH, còn lại là do Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư - đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh trực tiếp quản lý, khai thác. Điều này phần nào hạn chế trong việc huy động đa dạng các nguồn lực xã hội trong khai thác, phát huy giá trị DSVH.

Công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống DSVH trong Khu di tích Cố đô Hoa Lư còn bất cập, chồng chéo. Từ năm 2017, Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư trực thuộc Sở Văn hóa - Thể Thao tỉnh Ninh Bình là đơn vị trực tiếp quản lý và khai thác khu di tích. Tuy nhiên, hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể của khu di tích nằm phân tán, có phần nằm trong vùng lõi Quần thể Danh thắng Tràng An nên còn chịu sự quản lý khai thác của Ban Quản lý quần thể Danh thắng Tràng An; và khu di tích nằm trên địa bàn xã Trường Yên, huyện Hoa Lư nên còn chịu sự quản lý theo phân cấp quản lý nhà nước của UBND xã Trường Yên và UBND huyện Hoa Lư. Việc nhiều chủ thể cùng tham gia quản lý nhưng thiếu sự phối hợp thống nhất đã làm suy giảm hiệu quả điều phối nguồn lực và chiến lược phát triển.

Hạn chế về nguồn lực con người và cơ sở vật chất cũng là yếu tố cản trở quá trình chuyển hóa vốn. Số lượng biên chế của Trung tâm Bảo tồn LS-VH Cố đô Hoa Lư còn thiếu nên gặp khó khăn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Hiện nay, tổng số cán bộ, viên chức, người lao động của Trung tâm là 41 người, chưa đủ số lượng để thành lập đơn vị cấp phòng để đảm bảo chuyên môn hóa, chưa có bộ phận chuyên trách về công tác phát triển du lịch và CNVH ở khu di tích.

Hiện nay, Trung tâm Bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư chưa có trụ sở làm việc, vẫn phải sử dụng nhà Từ Vũ, ở khu đền thờ vua Lê Đại Hành làm nơi làm việc; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác còn nhiều bất cập, gây khó khăn trong công tác quản lý, lưu trữ tài liệu, hiện vật của di tích. Bãi đỗ xe phục vụ du khách còn chưa hoàn thiện, hoạt động chưa ổn định, trật tự, nề nếp. Khu vực nhà vệ sinh công cộng phục vụ du khách còn hạn chế chưa đáp ứng đủ

nhu cầu của du khách, thường xuyên xảy ra hiện tượng quá tải, du khách phải xếp hàng chờ đợi, vệ sinh không đảm bảo...

Việc thiếu nhân lực chuyên môn, đặc biệt là bộ phận chuyên trách về du lịch và công nghiệp văn hóa, cùng với cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ (bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, không gian làm việc, hệ thống lưu trữ...) đã làm giảm năng lực khai thác và phát huy giá trị di sản. Điều này cho thấy vốn kinh tế, xã hội chưa được tích lũy đầy đủ để giúp chuyển hóa và tái sản xuất vốn văn hóa.

3.2.2.3. Những tác động từ quá trình đô thị hóa và đời sống sinh hoạt dân cư trong khu vực di tích cũng đặt ra nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến vốn DSVH. Trong khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện vẫn có đường dân sinh đi qua, gây lộn xộn, mất an ninh trật tự, vệ sinh môi trường; tình trạng đô thị hóa đang diễn ra khá mạnh mẽ ở các khu dân cư trong khu vực di tích, nhà ở của người dân xây dựng thiếu quy hoạch tổng thể, kiến trúc pha tạp, rườm rà, lộn xộn; một số khu vực bên cạnh di tích sông Sào Khê bị lấn chiếm và gây ô nhiễm; nhiều di tích LS-VH quan trọng bị mai một, hư hỏng trở thành phế tích chưa được phục dựng như: chùa Tháp, phủ Bến Đò, Phủ Vật, Phủ Cửa Đền... Hầu hết DSVH vật thể vẫn nằm sâu trong lòng đất chưa được khai quật để làm rõ hơn diện mạo của Kinh đô Hoa Lư xưa. Bên cạnh đó, là tình trạng xây dựng các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng, cơ sở lưu trú trái phép trên đất thuộc khu vực bảo vệ di sản, dù chính quyền phát hiện, xử lý bắt buộc tháo dỡ nhiều công trình, nhưng tình trạng này vẫn thường xuyên xảy ra... Những biểu hiện đó đã phần nào phản ánh áp lực của phát triển KT-XH lên không gian di sản.

Như vậy, dưới góc nhìn của lý thuyết các loại vốn và sự chuyển hóa vốn của Bourdieu, có thể thấy rằng, quá trình phát triển KT -XH gắn với DSVH Cố đô Hoa Lư chưa dẫn đến những biểu hiện tiêu cực như thương mại hóa DSVH cực đoan, nhưng đã xuất hiện một số hạn chế, dẫn đến chưa khai thác, phát huy hiệu quả giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư, chưa thúc đẩy hiệu quả quá trình chuyển hóa vốn DSVH thành các nguồn lực phát triển. Đồng thời chưa huy động được đa dạng nguồn lực phục vụ quá trình bảo tồn, tái tạo DSVH.

Tiểu kết chương 3

DSVH Cố đô Hoa Lư - biểu tượng cho nền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam, là bộ phận cốt lõi, giá trị đặc sắc tiêu biểu của văn hóa, con người vùng đất Cố đô. Nó không chỉ là “báu vật tinh thần” được nâng niu, gìn giữ, mà trong bối cảnh phát triển KT-XH hiện nay, DSVH Cố đô Hoa Lư còn được xem là một dạng vốn văn hóa thông qua quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH có khả năng chuyển hóa thành nguồn lực phát triển, tác động thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương trên các khía cạnh: *1) phát triển kinh tế* thể hiện thông qua việc khai thác, phát huy giá trị DSVH để thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ; thị trường sản phẩm văn hóa, qua đó góp phần tạo nguồn lực, động lực cho tăng trưởng kinh tế và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương; *(2) phát triển văn hóa, nâng cao hình ảnh và vị thế địa phương trong giao lưu, hội nhập*, thể hiện ở việc đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần xã hội; khẳng định bản sắc văn hóa cộng đồng; nâng cao uy tín, vị thế của địa phương góp phần mở rộng giao lưu, hợp tác và hội nhập; *(3) phát triển xã hội* thể hiện qua việc tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống người dân và cải thiện kết cấu hạ tầng phát triển; tăng cường đoàn kết cộng đồng và tạo dựng môi trường xã hội ổn định để phát triển bền vững; tạo lập các mạng lưới và quan hệ xã hội hợp tác và phát triển.

Ngược lại quá trình phát triển KT-XH địa phương cũng đã tích lũy các loại vốn kinh tế, xã hội lại tiếp tục chuyển hóa thành các loại vốn và tái sản xuất vốn văn hóa thông qua các tác động tích cực như: *tạo nguồn lực vật chất cho bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; mở rộng không gian khai thác và lan tỏa giá trị DSVH và nâng cao nhận thức và năng lực xã hội trong bảo tồn DSVH.*

Tuy nhiên mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua cũng bộc lộ những hạn chế, tiêu cực nhất định. *Về phía DSVH*, đó là những thách thức về chi phí bảo tồn, tôn tạo và phục hồi di sản rất lớn và gây ra một số bất tiện trong đời sống của cộng đồng dân cư khu vực di sản. *Về phía phát triển KT-XH*, đó là một số hạn chế như: Hiệu quả khai thác, phát huy giá trị DSVH còn hạn chế; việc khai thác, phát huy vai trò của di sản như một “môi

trường trung gian” góp phần thúc đẩy hình thành hệ sinh thái sáng tạo và các ngành CNVH còn mờ nhạt; còn thiếu vắng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa mang tính nhận diện đặc trưng, bản sắc của Cố đô Hoa Lư; hạ tầng dịch vụ và hệ sinh thái kinh doanh, cung cấp dịch vụ xung quanh khu di tích còn thiếu và yếu; hạn chế về cơ chế quản lý và chính sách bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản; hạn chế về nguồn lực con người và cơ sở vật chất và những tác động tiêu cực từ quá trình đô thị hóa và đời sống sinh hoạt dân cư trong khu vực di tích.

Vì vậy, trong thời gian tới, tỉnh Ninh Bình cần đề ra nhiều chủ trương, chính sách, mô hình, giải pháp giúp chuyển hóa hiệu quả vốn DSVH thành các nguồn vốn tạo nguồn lực phát triển KT-XH, hài hòa mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH của địa phương.

Chương 4

BÀN LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ NHẪM HÀI HÒA MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

4.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

Vận dụng lý thuyết các loại vốn của Pierre Bourdieu, đặc biệt là sự chuyển hóa giữa các loại vốn, luận án nhận diện mối quan hệ giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình như một quá trình tương tác hai chiều, trong đó, DSVH được xem như là một dạng vốn văn hóa tạo nguồn lực để phát triển KT-XH địa phương tạo ra lợi ích nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội và quảng bá hình ảnh, vị thế, uy tín địa phương trong giao lưu và hội nhập trong nước và quốc tế. Ngược lại, quá trình phát triển KT-XH cũng được xem như một quá trình tiếp tục tích lũy các loại vốn, tạo nguồn lực đầu tư cho bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Chính trong quá trình này, nhiều vấn đề đã xuất hiện đòi hỏi phải được nhận diện và bàn luận nhằm làm rõ bản chất và các điều kiện và tiền đề để giải quyết hài hòa giữa khai thác, phát huy giá trị DSVH với bảo tồn, giữ gìn DSVH gắn với quá trình phát triển KT-XH. Trên cơ sở đó, luận án sẽ đề xuất một số khuyến nghị mang tính khoa học như là hệ quả logic rút ra từ kết quả nghiên cứu, nhằm góp phần định hướng việc điều chỉnh mối quan hệ giữa DSVH và phát triển theo hướng hài hòa, bền vững.

4.1.1. Vấn đề cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển KT-XH trên cơ sở khai thác, phát huy nguồn vốn văn hóa nói chung, vốn DSVH nói riêng đang là một xu thế lớn trên thế giới và ở cả Việt Nam hiện nay. DSVH chính là nguồn lực, cơ sở để sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hấp dẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao; kinh tế phát triển sẽ

tăng cường các nguồn lực để bảo tồn, giữ gìn DSVH và các giá trị truyền thống. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy, giữ gìn và khai thác DSVH sẽ đảm bảo vừa giữ gìn, bảo tồn được tài sản DSVH của cộng đồng, dân tộc vừa đảm bảo mang lại những hiệu quả thiết thực về kinh tế và xã hội.

Trong thời gian qua, quá trình gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Ninh Bình là một vùng đất cổ, có kho tàng DSVH giàu có, đặc sắc. Cùng nắm bắt xu thế phát triển của nhân loại, trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Tỉnh đã xác định gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH đặc biệt là phát triển du lịch là một định hướng phát triển quan trọng của Tỉnh. Các chủ trương, chính sách, các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH đều thể hiện mục tiêu đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn, giữ gìn DSVH với phát triển KT-XH. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH là một minh chứng tiêu biểu cho thành công của Ninh Bình trong giải quyết hài hòa mối quan hệ này.

Với quan điểm gắn bảo tồn và phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH của địa phương, trong thời gian qua, tỉnh Ninh Bình đã tiến hành đồng thời cả hai nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo di tích và khai thác, phát huy giá trị của các DSVH Cố đô Hoa Lư trong phát triển KT-XH. Về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích, Tỉnh đã tiến hành kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích; triển khai nhiều hội thảo tham vấn ý kiến các nhà khoa học; đầu tư ngân sách và huy động các nguồn lực trong xã hội để triển khai nhiều dự án trùng tu, tôn tạo các di tích quan trọng và những di tích có nguy cơ bị xuống cấp, hư hỏng, trong đó, tiêu biểu phải kể đến dự án xây dựng quảng trường và sân lễ hội Cố đô Hoa Lư; dự án tu bổ, tôn tạo di tích Đền vua Đinh, Đền vua Lê, Lăng vua Đinh, Lăng vua Lê và các di tích như Đình Yên Trạch, chùa Kim Ngân, chùa Nhất Trụ, Phủ

Đông Vương,... Việc tu bổ, tôn tạo các di tích luôn đảm bảo giữ nguyên các yếu tố gốc của di tích, không làm mới, không làm biến dạng di tích. Bên cạnh, việc tu bổ tôn tạo các di tích, tỉnh Ninh Bình còn chú trọng đến việc tôn tạo, bảo vệ cảnh quan môi trường tự nhiên trong khu di tích, như không để hoạt động buôn bán, sinh sống của dân cư xâm hại đến di tích, chú trọng công tác vệ sinh môi trường, trồng thêm nhiều cây xanh, cây bóng mát, các loài hoa làm đẹp thêm không gian... Sau khi tu bổ, tôn tạo các di tích trở nên vững chãi hơn, có khả năng tồn tại bền bỉ với thời gian, đáp ứng nhu cầu thực hành văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương và du khách thập phương. Về việc phát huy giá trị của DSVH, các DSVH Cố đô Hoa Lư không chỉ được khai thác để giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân dân mà nhiều di tích LS-VH quan trọng trong khu di tích đã được xây dựng thành những điểm thăm quan du lịch văn hóa phục vụ đông đảo nhân dân, du khách trong nước và quốc tế như khu di tích Đền và Lăng vua Đinh, Đền và Lăng vua Lê; chùa Nhất Trụ, chùa Duyên Ninh, chùa động Am Tiên, chùa Kim Ngân, Phủ Đông Vương, đền thờ công chúa Phất Kim... Các bảo vật quốc gia, các di vật, cổ vật khảo cổ học cũng được khai thác, tổ chức trưng bày, triển lãm phục vụ khách thăm quan. DSVH phi vật thể quốc gia Lễ hội Hoa Lư đã trở thành một sự kiện du lịch văn hóa hấp dẫn đông đảo du khách trong nước và quốc tế hàng năm. Công tác phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư đã đem lại những đóng góp tích cực về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường địa phương, đồng thời cũng tác động trở lại góp phần giữ gìn, bảo tồn, tôn tạo các di tích LS-VH cũng như các DSVH phi vật thể ở Cố đô Hoa Lư...

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH, song thực tiễn nghiên cứu cho thấy vẫn còn nổi lên một số vấn đề cần tiếp tục bàn luận nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa hai mục tiêu này. Đó là vấn đề, tiềm năng DSVH của Cố đô Hoa Lư rất phong phú, nhưng việc khai thác, phát huy vẫn chưa tương xứng, khiến

nguồn vốn DSVH chưa được chuyển hóa đầy đủ thành các nguồn lực phục vụ phát triển. Bên cạnh đó, sự xuống cấp và mai một của một số di sản quan trọng đặt ra yêu cầu xem xét đầu tư bảo tồn, phục dựng phù hợp; từ đó làm nảy sinh bài toán cân đối giữa nguồn lực dành cho bảo tồn với hiệu quả thu được từ quá trình phát huy giá trị DSVH trong phát triển KT-XH.

4.1.1.1. Vấn đề khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng của di sản

Khu di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư là một quần thể rộng lớn có diện tích gần 1.500 ha chưa kể các di tích lịch sử văn hóa liên quan đến vua Đinh, vua Lê và các sự kiện, nhân vật lịch sử thuộc triều đại Đinh - Tiền Lê nằm rải rác ở địa phận huyện Gia Viễn, thành phố Ninh Bình. Hệ thống di tích LS-VH thuộc khu vực trung tâm của khu di tích, vùng bảo vệ di sản của quần thể danh thắng Tràng An và vùng đệm có khoảng gần 50 di tích được kiểm kê, trong đó có 14 di tích được xếp hạng cấp quốc gia (có 1 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt), 08 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, với hàng trăm di vật, cổ vật và nhiều DSVH phi vật thể đặc sắc tiêu biểu là DSVH phi vật thể quốc gia - Lễ hội Hoa Lư. Giá trị của hệ thống DSVH ở Cố đô Hoa Lư được đa số người dân và du khách và các nhà khoa học đánh giá là đặc sắc và hấp dẫn. Tuy nhiên, hiện nay việc khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư nhằm phát triển du lịch mới được triển khai ở một số điểm. Các điểm di tích được khai thác, phát huy trong du lịch có thu phí vé thăm quan là khu di tích đền vua Đinh, đền vua Lê - đây là điểm thăm quan, du lịch chính và quan trọng nhất, thu hút đông khách du lịch nhất của khu di tích Cố đô Hoa Lư. Khuôn viên khu di tích cũng là nơi diễn ra Lễ hội Hoa Lư hàng năm và sân lễ hội của khu di tích là nơi diễn ra những sự kiện văn hóa lớn. Điểm thăm quan có thu phí khác trong khu di tích là Chùa động Am Tiên hay còn gọi là Tuyệt Tình Cốc (thôn Nam, xã Trường Yên). Động Am Tiên gắn liền với sự tích vua Đinh nuôi nhốt hổ và thú dữ để trừng trị những kẻ phạm tội, sau được Thiền sư Nguyễn Minh Không

yểm bùa chú, đặt tượng phật để thờ. Thái hậu Dương Vân Nga về già đã xuất gia tu hành ở đây, động Am tiên trở thành chùa Động Am Tiên, nay thờ Phật, thờ Thiền sư Nguyễn Minh Không và Thái hậu Dương Vân Nga. Điều hấp dẫn du khách của điểm DSVH này không chỉ là các giá trị tâm linh, tín ngưỡng mà còn ở khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp, sơn thủy hữu tình, không khí trong lành, mát dịu. Một số điểm di tích thuộc vùng bảo vệ di sản quần thể danh thắng Tràng An, vé thăm quan tính chung vào vé thăm quan của cả Quần thể. Như vậy, so với số lượng di tích LS-VH trong khu di tích Cố đô Hoa Lư, thì số lượng di tích được khai thác trong phát triển kinh tế du lịch là rất hạn chế. Các di tích được khai thác chủ yếu nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa và hưởng thụ văn hóa của người dân chứ chưa chú trọng nhiều đến lợi ích kinh tế, chưa có nhiều sản phẩm, dịch vụ được xây dựng và đưa vào khai thác. Tiềm năng DSVH Cố đô Hoa Lư còn rất lớn để có thể khai thác, phát huy nhằm đem lại lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội cho địa phương và nhân dân. Điều này cho thấy, quá trình chuyển hóa vốn DSVH thành các nguồn lực phát triển còn chưa toàn diện, chưa khai thác hết giá trị đa chiều của di sản. Từ đó đặt ra yêu cầu Đảng ủy, chính quyền các cấp tỉnh Ninh Bình cần chú trọng đổi mới tư duy và phương thức phát huy giá trị DSVH theo hướng đa dạng, bền vững gắn chặt chẽ hơn với các mục tiêu phát triển KT-XH địa phương.

4.1.1.2. Vấn đề cân đối giữa đầu tư bảo tồn và hiệu quả khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa

Nhà nghiên cứu Hoàng Vinh qua quá trình nghiên cứu thực tiễn công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH ở Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm thực tiễn của Nhật Bản, ông đã đưa ra những khuyến nghị về xây dựng chính sách bảo tồn và phát triển DSVH, một trong số đó là khuyến nghị: Phải tính toán cân nhắc đến hiệu quả KT-XH của công việc bảo tồn, phát huy những di sản di tích LS-VH, không nên “làm bằng bất cứ giá nào” với những di sản khó mang lại hiệu quả KT-XH cao và lâu dài; không nên dùng

quá nhiều “công sức và tiền bạc” của Nhà nước và nhân dân vào việc đầu tư phục dựng, tái hiện quy mô của các di tích này mà nên tìm phương pháp bảo tồn, phát huy cho hiệu quả kinh tế cao hơn [175; tr.101]. Đây cũng là vấn đề mà luận án cho rằng, tỉnh Ninh Bình cần bàn luận, cân nhắc trong xây dựng chiến lược, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư.

Phục dựng DSVH là quá trình khôi phục lại cả các giá trị văn hóa vật thể và giá trị văn hóa phi vật thể của di sản sao cho gần đúng với nguyên bản nhất, là sự tái hiện lại cả về hình thức và nội dung của DSVH như nó đã từng tồn tại trong lịch sử. Các DSVH được lựa chọn phục dựng phải là những DSVH độc đáo, đặc sắc và có giá trị quý giá với cộng đồng địa phương, dân tộc, theo dòng chảy của thời gian, vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà biến đổi, biến mất, không còn hiện diện trong cuộc sống hiện tại.

Phục dựng DSVH phải dựa trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học cụ thể, khách quan và đòi hỏi phải đầu tư nhiều nguồn lực. Chính vì vậy, việc phục dựng các DSVH phải được tính toán, cân nhắc và xác định mục tiêu rõ ràng. Mục tiêu chủ yếu khi phục dựng các DSVH là nhằm bảo tồn, lưu truyền cho các thế hệ tiếp theo và nhằm khai thác, phát huy giá trị của DSVH phục vụ phát triển KT-XH của địa phương theo hướng bền vững. Theo nhà nghiên cứu Dương Văn Sáu, quá trình phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của loại hình kinh tế di sản qua con đường phát triển du lịch. Quá trình này phải thực hiện 6 nhiệm vụ: “1. Biến di sản thành tài sản”; “2. Biến văn hóa thành hàng hóa”; “3. Biến tài nguyên thành tài chính”; “4. Biến nguồn lực thành động lực”; “5. Biến môi trường thành thị trường”; “6. Biến giá trị thành giá cả”. Quá trình này phải đảm bảo lợi ích lâu dài của cộng đồng dân cư địa phương - những chủ nhân của DSVH và lợi ích của các cá nhân, tập thể và các bên liên quan trên cơ sở tôn trọng, bảo vệ lợi ích quốc gia [100; tr.520-521]. Có thể tiến hành phục dựng toàn bộ DSVH, hoặc một số bộ phận của di sản.

Khu di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư bao gồm một hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể phong phú, đặc sắc gắn liền với các triều đại Đinh - Tiền Lê ở thế kỷ X. Tuy nhiên, các di tích LS-VH trong khu di tích hầu hết là các công trình được xây dựng muộn hơn giai đoạn Đinh - Lê, để làm nơi thờ cúng, tưởng nhớ và tỏ lòng biết ơn các nhân vật lịch sử nhà Đinh - Lê. Còn kinh thành Hoa Lư xưa - Kinh đô của triều đại Đinh - Lê đã hoàn toàn biến mất trên mặt đất, chỉ còn được bảo lưu dưới lòng đất với các di vật, cổ vật còn sót lại. Một số ghi chép sử liệu cùng các cuộc khai quật khảo cổ học qua nhiều giai đoạn đã giúp giới nghiên cứu hình dung ra những nét cơ bản về kinh thành Hoa Lư xưa, khu vực thành nội, thành ngoại, tường thành, cung điện, đường ra, lối vào... Tuy nhiên, theo chuyên gia nghiên cứu Hoàng Đạo Kính, việc xác định quy mô của Kinh thành Hoa Lư xưa và Khu di tích hiện nay đòi hỏi phải mất thời gian, công sức nghiên cứu, nên coi khu di tích Cố đô Hoa Lư là “khu di tích mở” [94]. Năm 2014, khu di tích Cố đô Hoa Lư cùng với danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động đã được công nhận là di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới. Sự kiện này đã ghi nhận giá trị của các DSVH Cố đô Hoa Lư, đồng thời cũng mở ra nhiều tiềm năng khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển KT-XH. Trong thời gian qua, công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích trong khu di tích được thực hiện tốt, hầu hết các di tích đều được bảo tồn, giữ gìn nguyên vẹn, tương thích, hài hòa với khung cảnh thiên nhiên của khu di tích. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh đã phối hợp Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia phục dựng lại nghi lễ Tế Cửu khúc - một nghi lễ rất quan trọng đã bị thất truyền của Lễ hội Hoa Lư - DSVH phi vật thể quốc gia. Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể trong khu di tích đã được khai thác, phát huy trong phát triển du lịch và CNVH. Mặc dù vậy, bộ phận quan trọng nhất của khu di tích là - kinh thành Hoa Lư và khu vực cung điện xưa vẫn nằm trong lòng đất với những hình dạng phế tích kiến trúc, nếu có thể nghiên cứu, phục dựng để bảo tồn và khai thác, phát huy trong phát triển kinh tế - xã hội sẽ mang lại những lợi ích rất lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tuy nhiên, một phần lớn diện tích khu vực kinh thành của kinh đô Hoa Lư xưa hiện nay đang là nơi sinh sống của 350 hộ dân với khoảng 1.200 nhân khẩu của thôn Chi Phong, chưa nói đến chi phí phục dựng, để phục vụ cho việc nghiên cứu, khai quật khảo cổ học làm rõ diện mạo của kinh đô xưa, chi phí di dời và tái định cư cho 350 hộ dân đó đã là rất lớn. Bên cạnh đó là các chi phí phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu khảo cổ... Vấn đề phục dựng lại kinh thành Hoa Lư xưa là một vấn đề rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi tốn nhiều thời gian, công sức, nguồn lực, chi phí kinh tế là khổng lồ và cần phải có sự phối hợp của nhiều bên liên quan. Có nên phục dựng lại di tích hay không? Mục tiêu phục dựng? Phục dựng như thế nào?... Đây là một vấn đề rất quan trọng, tỉnh Ninh Bình cần chú trọng, xem xét, tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, các bên liên quan để tìm ra những giải pháp hiệu quả để phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư trong phát triển KT-XH. Theo NCS, đối với hệ thống di sản nằm sâu trong lòng đất (khu kinh thành, hoàng thành), Ninh Bình nên tập trung đầu tư vào công tác khai quật khảo cổ học, làm rõ diện mạo, quy mô của Cố đô Hoa Lư, tiến hành khoanh vùng bảo vệ và xây dựng thành công viên lịch sử như đề án của Tỉnh đang xây dựng, trong đó xây dựng các khu trưng bày hiện vật đã khai quật được phục vụ người dân và du khách thăm quan, tìm hiểu. Bên cạnh đó, thay vì phục dựng di tích trên thực địa rất tốn kém nguồn lực và khó khăn trong việc đảm bảo tính xác thực, thì dựa trên kết quả nghiên cứu khảo cổ và tư liệu lịch sử, Ninh Bình có thể thực hiện *phỏng dựng* Cố đô Hoa Lư xưa dựa trên nền tảng công nghệ số vừa bảo tồn, giữ gìn DSVH vừa khai thác, phát huy giá trị KT-XH của di sản. Điều này cũng khá phù hợp với quan điểm của UNESCO về quản trị di sản, không phải mọi di sản đều cần hoặc nên được phục dựng để khai thác, trong nhiều trường hợp, bảo tồn dấu tích khảo cổ, bảo vệ tính xác thực và toàn vẹn của di sản quan trọng hơn việc phục dựng quy mô lớn.

4.1.2. Vấn đề phát triển nguồn nhân lực và liên kết các chủ thể trong bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa

Mặc dù, tỉnh Ninh Bình đã chú trọng phát triển nguồn nhân lực để thúc đẩy quá trình chuyển hóa vốn DSVH Cố đô Hoa Lư thành các nguồn lực phát triển KT-XH nhưng thực tiễn đội ngũ nhân lực này vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định:

Từ khi tái lập tỉnh đến nay, quan điểm phát triển xuyên suốt của tỉnh Ninh Bình là chuyển hướng chiến lược phát triển kinh tế chuyển từ “nâu” sang “xanh” hướng đến sự phát triển bền vững. Vì vậy, việc phát triển kinh tế dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên đã dần chuyển sang khai thác tài nguyên nhân văn - vốn văn hóa - kho tàng DSVH của cộng đồng. Để khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư, tăng cường sự đóng góp của di sản với sự phát triển KT-XH đòi hỏi phải có nhiều giải pháp và đòi hỏi nhiều yếu tố, trong đó, đội ngũ nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng then chốt, chính là lực lượng tạo ra động lực cho sự phát triển KT-XH dựa trên khai thác, phát huy giá trị DSVH.

Nguồn nhân lực chủ yếu tham gia khai thác, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH bao gồm, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý nhà nước về văn hóa, các nhà khoa học, các doanh nghiệp, đội ngũ lao động trong lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ du lịch, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ văn nghệ sĩ, các nhà sáng tạo, nghệ nhân dân gian và cộng đồng dân cư...

Hiện nay, đội ngũ nhân lực chịu trách nhiệm chính trong việc trong quản lý, bảo tồn, tôn tạo, khai thác, phát huy giá trị DSVH ở Khu di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư là đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động thuộc Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư, là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, Trung tâm có tổng 44 cán bộ, viên chức và người lao động. Về chuyên môn, nghiệp vụ, có 05 Thạc sĩ, 31 Cử nhân, 02 trình độ Cao đẳng, 03 người có trình độ Trung cấp và 03 lao động phổ thông,

với các chuyên ngành đào tạo chính: bảo tồn, bảo tàng, ngoại ngữ, văn hóa học, kế toán, du lịch... Nhân lực của Trung tâm được chia thành các tổ chuyên môn như: Tổ thuyết minh, tổ văn phòng, tổ bảo vệ - soát vé, tổ tiếp nhận công đức, tổ bán vé [139].

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư, trong thời gian qua, Trung tâm thực hiện tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao trong công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của khu di tích, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao với một số kết quả tiêu biểu như: Đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn, các tổ chức, cá nhân và các nhà khoa học thực hiện nghiên cứu khoa học về các giá trị của các DSVH ở khu di tích; tổ chức các cuộc khai quật khảo cổ học nhằm phát hiện thêm các dấu tích, các di vật, cổ vật để xác định, làm rõ diện mạo của Kinh đô Hoa Lư xưa; thực hiện kiểm kê, sưu tầm, lưu giữ, bảo quản tư liệu, hiện vật và bảo tồn, tôn tạo các di tích; tuyên truyền, quảng bá về DSVH ở khu di tích trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội và thuyết minh, giới thiệu, đến đông đảo nhân dân và du khách trong nước và quốc tế; thực hiện ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn di tích, di vật, cổ vật và trong công tác thuyết minh, giới thiệu về DSVH...

Từ đó có thể thấy rằng, đội ngũ nhân lực của Trung tâm Bảo tồn di tích - lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư hầu hết đều được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ với trình độ khá cao, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo, khai thác phát huy giá trị DSVH. Hoạt động bảo tồn, tôn tạo, khai thác phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư ngoài nguồn nhân lực của Trung tâm đã huy động được sự tham gia của nhiều nguồn nhân lực trong xã hội như các nhà khoa học, các nhà báo, công nghệ thông tin và truyền thông, các cấp chính

quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương và nhân dân... Bên cạnh đó, còn có đội ngũ nhân lực là lực lượng lao động, kinh doanh, dịch vụ du lịch trong khu vực có DSVH để phục vụ du khách khi thăm quan Khu vực di tích. Lực lượng này khá đông đảo và cũng thường xuyên được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ làm du lịch, là một trong những đội ngũ nhân lực chủ chốt quyết định hiệu quả khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH địa phương.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực thực hiện khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH hiện nay vẫn còn hạn chế. Đội ngũ nhân lực của Trung tâm Bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư còn thiếu về số lượng, số lượng cán bộ, viên chức hiện tại chưa đủ để thành lập các phòng chuyên môn, chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện phát triển du lịch, CNVH trên cơ sở khai thác, phát huy giá trị của di sản như nghiên cứu thị trường, nghiên cứu nhu cầu của khách du lịch để xây dựng các sản phẩm hấp dẫn, thu hút du khách... Hoạt động khai thác, phát huy giá trị của Khu di tích chưa có sự hợp tác khai thác của các doanh nghiệp tư nhân. Chưa phát huy được vai trò nguồn nhân lực sáng tạo như các văn nghệ sĩ, nghệ nhân... trong việc tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên cơ sở nguồn vốn DSVH của Khu di tích. Còn thiếu nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cao để ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Nguồn nhân lực kinh doanh, cung cấp dịch vụ du lịch trên địa bàn vẫn chưa thực sự chuyên nghiệp, vẫn còn những hạn chế về trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, phục vụ du khách... Đây là những vấn đề đặt ra, tỉnh Ninh Bình cần xem xét để khai thác, phát huy hiệu quả nguồn vốn DSVH đặc sắc của Cố đô Hoa Lư, phát huy vai trò của DSVH trong đời sống KT-XH của địa phương.

Như đã phân tích, khu di tích Cố đô Hoa Lư vẫn còn nhiều tiềm năng để khai thác, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển du lịch và CNVH. Gắn bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH đặc biệt là

phát triển du lịch đang là một định hướng chiến lược quan trọng của tỉnh Ninh Bình, công tác này rất cần sự chung tay, góp sức, huy động nhiều nguồn lực trong xã hội. Vì vậy, căn cứ trên tình hình thực tiễn, tỉnh Ninh Bình có thể nghiên cứu hợp tác với các doanh nghiệp tư nhân trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư nhằm phát triển du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch LS-VH, du lịch tâm linh, tín ngưỡng... mang bản sắc riêng, phù hợp với vị thế “đế đô” của khu di sản, quảng bá rộng rãi hình ảnh Cố đô đến du khách trong nước và quốc tế, đồng thời mang lợi ích cho cộng đồng dân cư và doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển KT-XH của Tỉnh theo hướng bền vững. Đồng thời, khu di tích có thể hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, đưa khu di tích vào các tour, tuyến du lịch mà họ đang xây dựng và khai thác.

4.1.3. Vấn đề quy hoạch không gian bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa

Dưới góc nhìn theo lý thuyết của Pierre Bourdieu, hoạt động quy hoạch có thể được xem như một cơ chế thể chế hóa quá trình phân bổ và chuyển hóa các loại vốn trong không gian xã hội. Những hạn chế trong quy hoạch bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản phản ánh sự thiếu đồng bộ trong việc điều phối các dạng vốn, dẫn đến tình trạng hoặc là thiên lệch về khai thác kinh tế hoặc là đóng kín trong bảo tồn. Điều này cho thấy nhu cầu phải nhận diện lại logic vận hành của các không gian cụ thể liên quan đến di sản, nhằm thiết lập một cấu trúc tương tác hài hòa hơn giữa các loại vốn.

Di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư là 1 trong 3 vùng lõi của Di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên Quần thể Danh thắng Tràng An cùng với danh thắng Tràng An và Tam Cốc - Bích Động. Một số di tích LS-VH trong khu vực trung tâm của Cố đô Hoa Lư nằm trong vùng bảo vệ của Di sản thế giới Quần thể Danh thắng Tràng An và vùng đệm. Chính sự kết tinh, hội tụ, hòa quyện của các giá trị văn hóa, vẻ đẹp kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa

mạo đã tạo nên giá trị, sức hấp dẫn, lôi cuốn của quần thể, là căn cứ để UNESCO công nhận, ghi danh quần thể danh thắng Tràng An là di sản thế giới (năm 2014). Từ khi được ghi danh là DSVH và thiên nhiên thế giới, quần thể danh thắng Tràng An đã góp phần quan trọng quảng bá hình ảnh của du lịch Ninh Bình, đưa Ninh Bình vào top các điểm du lịch hấp dẫn, có vị trí nổi bật trên bản đồ du lịch trong nước, khu vực và quốc tế. Hàng năm, số lượng khách du lịch đến Tràng An thường chiếm khoảng từ 80-90% tổng lượng khách du lịch đến Ninh Bình.

Ba vùng lõi của DSVH và thiên nhiên thế giới Tràng An là Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, danh thắng Tràng An và Tam Cốc - Bích Động đều được tỉnh Ninh Bình xây dựng thành các điểm du lịch trọng điểm của tỉnh. Vì cùng nằm trong một quần thể, nên trong quá trình khai thác, phát huy giá trị của các di sản với phát triển du lịch, các điểm di sản này có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, giá trị LS-VH của Cố đô nghìn năm đã tạo nên sức hấp dẫn, lôi cuốn du khách thăm quan không chỉ cho khu di tích Cố đô Hoa Lư mà còn góp phần lôi cuốn, thu hút khách cho cả quần thể Tràng An. Ngược lại, vẻ đẹp thiên nhiên hoang sơ, non nước hữu tình của Tràng An - Tam Cốc - Bích Động cũng đặc biệt hấp dẫn du khách thăm quan, thưởng ngoạn, đồng thời cũng tạo ra cơ hội để du khách kết hợp với tìm hiểu, khám phá những câu chuyện LS-VH, những giai thoại dân gian về các anh hùng, nhân vật lịch sử thời Đinh - Lê gắn với các di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư.

Mặc dù tồn tại trong cùng một quần thể, quy mô, phạm vi của DSVH của khu di tích Cố đô Hoa Lư có điểm đan xen, giao cắt với khu du lịch sinh thái Tràng An và Tam Cốc - Bích Động. Tuy nhiên, NCS nhận thấy, thực tế việc khai thác, phát huy các khu này lại khá độc lập, khu di tích Cố đô Hoa Lư thuộc thẩm quyền quản lý bảo tồn và khai thác của Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa Cố đô Hoa Lư - đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình, còn Tràng An - Tam Cốc - Bích Động thuộc quản lý của Ban

Quản lý quần thể Danh thắng Tràng An - đơn vị trực thuộc Sở Du lịch Ninh Bình. Thực tiễn hoạt động khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch, các điểm du lịch này chưa có nhiều sự liên kết, chưa xây dựng được nhiều sản phẩm, tour du lịch liên kết giữa các điểm du lịch trong Quần thể Di sản. Hợp phần di sản thiên nhiên đang được khai thác, phát huy tốt hơn các hợp phần các DSVH, số lượng du khách đến khu du lịch sinh thái Tràng An, Tam Cốc - Bích Động gấp nhiều lần số lượng du khách đến khu di tích Cố đô Hoa Lư.

**Bảng 4.1: Số lượng du khách đến khu di tích Cố đô Hoa Lư
trong tương quan với Quần thể danh thắng Tràng An**

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tràng An/ lượt khách	3.514.547	5.053.711	5.745.711	6.125.884	6.253.682	6.327.488
Cố đô Hoa Lư/lượt khách	222.196	225.604	235.054	287.268	339.497	352.944

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận án từ số liệu Ban quản lý quần thể danh thắng Tràng An và Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư

Nhà nghiên cứu Đặng Văn Bài (Phó Chủ tịch Hội đồng DSVH Quốc gia) cho rằng, về mặt nhận thức, tỉnh Ninh Bình hình như đang quan niệm khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư có tính độc lập tương đối mà không nhìn nhận khu di tích như là một hợp phần không thể tách rời của Di sản hỗn hợp Quần thể Danh thắng Tràng An. UBND tỉnh cùng một lúc chỉ đạo xây dựng hai quy hoạch bảo vệ và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển du lịch, một quy hoạch cho khu di tích Cố đô Hoa Lư và một cho Di sản hỗn hợp quần thể danh thắng Tràng An với hai đơn vị tư vấn khác nhau. Theo ông, hai quy hoạch này chắc chắn sẽ có sự trùng lặp, chồng lấn, khó khăn cho việc thẩm định và phê duyệt của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Thủ tướng Chính phủ. Theo ông,

vị thế của các dự án thành phần trong cả hai quy hoạch cần có sự cân bằng và tương hỗ lẫn nhau trong một chương trình hành động chung [94].

Để khai thác, phát huy hiệu quả giá trị của DSVH Cố đô Hoa Lư trong phát triển KT-XH nói chung và phát triển du lịch nói riêng, theo NCS, việc thống nhất nhận thức DSVH Cố đô Hoa Lư là một hợp phần không thể tách rời của Quần thể di sản hỗn hợp Tràng An và triển khai những hoạt động kết nối các điểm di sản trong thực tiễn bảo vệ và phát huy giá trị của Quần thể di sản trong phát triển KT-XH và phát triển du lịch là việc cần thiết, quan trọng, Tỉnh Ninh Bình cần chú trọng trong thời gian tới. Bên cạnh đó, tỉnh cũng cần xây dựng các kế hoạch và các hoạt động kết nối giữa điểm đến du lịch Cố đô Hoa Lư với các điểm đến du lịch khác trong tỉnh nhất là trong không gian tỉnh Ninh Bình mới.

4.1.4. Vấn đề phát huy vai trò và bảo đảm lợi ích của cộng đồng chủ thể di sản văn hóa

Nhận thức của cộng đồng về DSVH và quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH chính là một biểu hiện quan trọng cho thấy mức độ tương thích giữa cấu trúc văn hóa của cộng đồng với thực tiễn vận hành của di sản trong bối cảnh phát triển KT-XH. Việc nhận diện vấn đề nhận thức của cộng đồng trong quá trình này có ý nghĩa quan trọng để xác định các biện pháp tác động giúp cộng đồng thích ứng với bối cảnh bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH địa phương hiện nay.

Cộng đồng dân cư địa phương chính là những người chủ sở hữu của tài nguyên DSVH. Họ chính là những người hiểu rõ nhất về DSVH của cộng đồng mình. Thành công của công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH phụ thuộc rất lớn vào nhận thức, thái độ tích cực và sự sẵn sàng hành động của các chủ thể có liên quan. Khi họ nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng của DSVH đối với sự phát triển KT-XH, thấy được những lợi ích thiết thực từ DSVH, các chủ thể sẽ

tích cực, chủ động và tự giác tham gia vào bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị DSVH với phát triển KT-XH.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư nằm trên địa bàn xã Trường Yên (nay thuộc phường Tây Hoa Lư). Tính đến hết năm 2023, tổng dân số trên địa bàn xã là 11.980 người. Hệ thống di tích LS-VH của khu di tích được phân bố khắp địa bàn sinh sống của người dân. Các DSVH đang ngày ngày hiện diện và trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của người dân. Nhận thức và hành vi của người dân sẽ có tác động rất lớn đến việc bảo vệ và phát huy giá trị DSVH.

Để nâng cao nhận thức của người dân về DSVH Cố đô Hoa Lư, trong thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền địa phương, các đoàn thể chính trị - xã hội đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của di sản, quy hoạch bảo tồn, phát huy khu di tích, các chủ trương, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH... Đồng thời, công tác khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư và các di sản trong Quần thể Danh thắng với phát triển KT-XH đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân, nên người dân đã nhận thức được giá trị to lớn của DSVH và nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo vệ giữ gìn và phát huy giá trị di sản.

Mặc dù vậy, nhận thức của một bộ phận cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của kinh đô Hoa Lư trong lịch sử dân tộc, về những giá trị đặc sắc của hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư; về giá trị, vị trí, vai trò của hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư trong di sản hỗn hợp thế giới Quần thể danh thắng Tràng An và đối với sự phát triển KT-XH địa phương vẫn còn hạn chế... dẫn đến việc xây dựng, triển khai chủ trương, chính sách bảo vệ và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH hiệu quả chưa cao. Cuộc sống, sinh hoạt, kinh doanh dịch vụ du lịch của người dân còn tồn tại một số hiện tượng xâm hại di tích, ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái khu vực di sản...

Hiện nay, công tác bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH vẫn còn gặp nhiều khó khăn liên quan đến cộng đồng dân cư địa phương, một số công trình bảo tồn, tôn tạo các di tích chưa thực hiện được do chưa có nguồn kinh phí để giải phóng mặt bằng, đền bù cho người dân như dự án đường giao thông bao hào nước vùng bảo vệ đặc biệt khu di tích Cổ đô Hoa Lư, được phê duyệt từ năm 2006, nhưng hiện mới thi công được một tuyến đường phía Đông, còn tuyến đường phía Tây Nam chưa thực hiện được do chưa bố trí được kế hoạch vốn giải phóng được mặt bằng. Khu vực nội đô của Kinh đô Hoa Lư xưa mới được khoanh vùng bảo vệ di tích một phần, phần còn lại chủ yếu thuộc khu cánh đồng Nội Trong, hiện vẫn là khu vực đất thổ canh, thổ cư, đất nghĩa trang, đất dịch vụ du lịch của người dân xã Trường Yên. Cuộc sống sinh hoạt, các công trình nhà ở, dự án dịch vụ du lịch đang xâm hại mạnh đến các di tích khảo cổ học vẫn còn nằm sâu trong lòng đất... Để bảo tồn, giữ gìn DSVH, chắc chắn thời gian tới, tỉnh Ninh Bình phải rà soát, di dời những khu dân cư, các dự án dịch vụ du lịch ra khỏi khu vực di tích. Tuy nhiên, thực hiện thành công những việc đó đòi hỏi phải nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng dân cư. Chính vì vậy, việc nâng cao nhận thức cho các chủ thể liên quan trong cộng đồng địa phương có DSVH về giá trị của di sản, ý thức, trách nhiệm bảo vệ di sản, làm sao để khai thác, phát huy hợp lý di sản trong phát triển KT-XH của địa phương và cuộc sống sinh hoạt của người dân tránh làm tổn hại di sản; bên cạnh đó, cũng cần đảm bảo lợi ích của người dân là việc làm cần thiết, mà các cấp, ngành địa phương tỉnh Ninh Bình cần tiếp tục chú trọng thực hiện, trong thời gian tới.

4.2. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM HÀI HÒA MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA CỔ ĐÔ HOA LƯ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

Trên cơ sở phân tích mối quan hệ tương tác giữa DSVH Cổ đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình, luận án đã nhận diện, bàn luận một số vấn đề nảy sinh trong quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH với

phát triển KT-XH. Từ đó, luận án đề xuất một số khuyến nghị góp phần vừa phát huy được giá trị DSVH mang lại lợi ích KT-XH cho cộng đồng, địa phương, vừa giúp huy động được các nguồn lực KT-XH để bảo tồn, giữ gìn và tái sản xuất DSVH. Tuy nhiên, những khuyến nghị luận án đề xuất không nhằm xây dựng những giải pháp mang tính điều hành cụ thể mà hướng tới việc định hình các nguyên tắc và cách tiếp cận khoa học góp phần hài hòa mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH địa phương.

4.2.1. Khuyến nghị cân bằng mối quan hệ giữa bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội

4.2.1.1. Nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, đánh giá đúng giá trị của các di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong phát triển kinh tế - xã hội

Các tư liệu, ghi chép lịch sử đã xác định kinh đô Hoa Lư của nhà nước Đại Cồ Việt gồm hai khu vực chính là Thành Nội và Thành Ngoại với diện tích khoảng 300 ha với hệ thống thành quách kiên cố, nhiều cung điện nguy nga tráng lệ. Tuy nhiên, hiện nay các di tích vật chất trên mặt đất, hầu hết đều có niên đại muộn hơn thế kỷ X. Còn kinh thành Hoa Lư xưa đã bị phá hủy hoàn toàn, chỉ còn để lại dấu vết kiến trúc dưới lòng đất. Các cuộc khai quật khảo cổ học đã được tiến hành đã tái hiện một phần hình hài vật chất của Cố đô, tuy nhiên các phát hiện vẫn còn quá ít, chưa đủ cơ sở để tái hiện toàn bộ quy mô, hình hài của Cố đô.

Hiện nay, việc phục dựng lại các công trình thuộc kinh thành Hoa Lư xưa đang được cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh Ninh Bình đưa ra tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, hầu hết các nhà khoa học cho rằng, việc phục dựng toàn bộ hình hài của kinh thành Hoa Lư xưa trên thực địa và kể cả bằng kỹ thuật công nghệ, hiện đại là không khả thi, vì thiếu cơ sở khoa học, không gian kinh thành xưa, nay đã bị xáo trộn nhiều, nhiều khu vực dân cư đã được xây dựng trên địa bàn, rất khó khăn cho công tác nghiên cứu khảo cổ để xác định

chính xác quy mô của Cố đô, chưa kể đến kinh phí đầu tư là rất lớn. Nếu có phục dựng thì cũng chỉ có thể xem là giả thuyết [94].

Phục dựng các DSVH nhất là những di sản có giá trị tiêu biểu, đặc sắc để bảo tồn, giữ gìn cho đời sau phục vụ công tác giáo dục truyền thống và để khai thác phát triển du lịch văn hóa là một xu thế phổ biến đang diễn ra trên thế giới và cũng đã xuất hiện ở Việt Nam. Đối với một di tích có vị trí, vai trò quan trọng như Cố đô Hoa Lư, theo NCS, việc nghiên cứu, phục dựng lại các công trình của Cố đô là một việc làm cần thiết và có giá trị. Tuy nhiên, việc phục dựng lại các bộ phận của kinh đô Hoa Lư xưa phải đảm bảo tính chính xác về mặt văn hóa, lịch sử, kiến trúc, kỹ thuật, mỹ thuật trên cơ sở các kết quả nghiên cứu liên ngành của nhiều ngành khoa học như: khoa học lịch sử, văn hóa, khảo cổ học...

Đồng quan điểm với các nhà nghiên cứu đi trước, NCS cũng cho rằng việc phục dựng toàn bộ quy mô của Cố đô là không khả thi như các lý do đã nói ở trên. Theo quan sát của NCS, không gian khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay đang là một chỉnh thể hài hòa, bố cục hợp lý giữa cảnh quan thiên nhiên và các công trình kiến trúc đảm bảo về giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ, không cần thiết phải phục dựng trên thực địa các công trình bộ phận của kinh thành Hoa Lư xưa. Tỉnh Ninh Bình có thể nghiên cứu phỏng dựng mô hình kinh thành Hoa Lư bằng kỹ thuật, công nghệ hiện đại như ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), công nghệ thực tế ảo tăng cường (AR), công nghệ thực tế hỗn hợp (MR) vừa để phục vụ công tác số hóa bảo tồn, giữ gìn di sản, vừa phục vụ tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về di sản, phục vụ du khách thăm quan tìm hiểu về lịch sử, văn hóa của vùng đất Cố đô. Việc phỏng dựng bằng thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại có thể áp dụng với từng bộ phận của Cố đô, hoặc có thể ứng dụng để phỏng dựng toàn bộ mô hình, quy mô của Cố đô với tính chất là các giả thuyết khoa học.

Bên cạnh, việc nghiên cứu phục dựng các công trình kiến trúc của kinh thành Hoa Lư xưa, tỉnh Ninh Bình cần tiếp tục nghiên cứu các DSVH vật thể và phi vật thể khác gắn liền với lịch sử các sự kiện, nhân vật của các triều đại Đinh - Tiền Lê ở thế kỷ X như: nghiên cứu phục dựng các trang phục cung đình triều Đinh - Lê; nghiên cứu, sưu tầm hệ thống truyền thuyết, giai thoại, sự tích dân gian về thân thế, sự nghiệp, hành trạng của các nhân vật lịch sử như vua Đinh, Lê và các văn thần, võ tướng và các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian như xẩm, chèo... Đây không chỉ là các di sản có giá trị lịch sử, văn hóa mà còn là nguồn vốn quan trọng, tỉnh Ninh Bình có thể khai thác để phát triển KT-XH.

Để tạo cơ sở khoa học cho công tác phục dựng, tái hiện các DSVH trong không gian đương đại, tỉnh Ninh Bình cần tiếp tục đẩy mạnh các cuộc nghiên cứu khảo cổ học để phát hiện nhiều hơn các dấu tích vật chất trong lòng đất làm sáng rõ quy mô, phạm vi của Cố đô; nghiên cứu sưu tầm các tư liệu về các DSVH phi vật thể... Cần huy động sự tham gia của các nhà khoa học thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

4.2.1.2. Khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư trong phát triển du lịch và các ngành công nghiệp văn hóa với những sản phẩm, dịch vụ văn hóa mang bản sắc của Cố đô Hoa Lư

Có quan điểm cho rằng, khu di tích Cố đô Hoa Lư nằm trong Quần thể di sản hỗn hợp Tràng An với nhiều cảnh quan thiên nhiên nổi trội và nhiều công trình di tích tâm linh - tín ngưỡng, nên có vị trí khiêm nhường và kém sức hút hơn. Theo NCS, vị trí, vai trò của kinh đô Hoa Lư trong lịch sử dân tộc là những giá trị trường tồn không phải bàn cãi. Hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể còn hiện tồn cũng kết tinh những giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, tâm linh - tín ngưỡng... Ở trong một phức hợp cảnh quan thiên nhiên và DSVH nổi bật như quần thể Tràng An, việc DSVH Cố đô Hoa Lư gặp những thách thức trong việc thu hút khách du lịch là điều dễ hiểu, tuy nhiên

thực tế cũng cho thấy, các điểm du lịch trong Quần thể có mối quan hệ tác động tương hỗ lẫn nhau, tạo nên sức hút khách du lịch đến với cả Quần thể di sản nói riêng và đến với tỉnh Ninh Bình nói chung. Đã có nhiều du khách cho biết, họ bị hấp dẫn bởi giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư nên đã đến thăm quan du lịch Cố đô và Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và đến với Ninh Bình và ngược lại. Để tăng cường sức hấp dẫn của DSVH Cố đô Hoa Lư, đẩy mạnh khai thác, phát huy giá trị DSVH với phát triển du lịch và các ngành CNVH, theo kết quả nghiên cứu của luận án, tỉnh Ninh Bình cần thực hiện một số nội dung sau:

Cần định vị, xây dựng thương hiệu du lịch mang bản sắc riêng cho Cố đô Hoa Lư, nếu du lịch tôn giáo, tín ngưỡng thì đã có điểm du lịch chùa Bái Đính, nếu du lịch thăm quan thắng cảnh thiên nhiên thì đến Tràng An - Tam Cốc - Bích Động, vì vậy, theo NCS, *cần định hướng xây dựng các sản phẩm du lịch ở Cố đô Hoa Lư theo hướng du lịch tìm hiểu lịch sử - văn hóa, tìm về cội nguồn dân tộc, kết hợp với du lịch tâm linh, tín ngưỡng*. Các sự kiện, nhân vật lịch sử của các triều đại Đinh, Tiền Lê - mở đầu cho quá trình phục hưng, phát triển đất nước sau hàng nghìn năm Bắc thuộc, những đặc sắc về kiến trúc, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, những phong tục, tập quán, lễ nghi truyền thống... gắn liền các DSVH vật thể và phi vật thể của khu di tích vẫn là những nội dung có sức hấp dẫn, lôi cuốn đối với đông đảo du khách trong nước và quốc tế. *Đồng thời xây dựng khu di tích thành trung tâm văn hóa sáng tạo, hình thành hệ sinh thái cho phát triển các ngành CNVH tỉnh Ninh Bình*. Nơi đây sẽ là không gian diễn ra các sự kiện văn hóa lớn, tiêu biểu của tỉnh; nơi gặp gỡ giao lưu, chia sẻ giữa các nhà sáng tạo, nghệ sĩ biểu diễn với khán giả và các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp sáng tạo; là nơi trưng bày, quảng bá, kinh doanh, buôn bán các sản phẩm của ngành CNVH; trở thành những phim trường điện ảnh... từ đó góp phần thúc đẩy ngành CNVH, sáng tạo của tỉnh phát triển.

Cần đầu tư, nghiên cứu xây dựng các sản phẩm, dịch vụ du lịch, các sản phẩm, dịch vụ văn hóa hấp dẫn mang đặc trưng riêng của vùng đất Cố đô như Dự án xây dựng khu di tích thành công viên lịch sử, khảo cổ học mà Tỉnh đang xây dựng quy hoạch. Nghiên cứu xây dựng tour du lịch khám phá khu di tích về đêm, nếu các sản phẩm hấp dẫn du khách sẽ tăng số lượng du khách lưu trú trên địa bàn. Trong không gian khu di tích, tăng cường tổ chức các sự kiện văn hóa, các buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống của dân tộc, các hội chợ giới thiệu các sản phẩm thủ công truyền thống của địa phương và trong cả nước... Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa như du lịch tìm hiểu LS-VH kết hợp du lịch tâm linh - tín ngưỡng, du lịch lễ hội, du lịch âm nhạc, chú trọng khai thác, phát huy các giá trị DSVH phi vật thể là các truyền thuyết, giai thoại, câu chuyện dân gian về các nhân vật, sự kiện lịch sử liên quan đến các di tích, tạo nên sức hấp dẫn cho di tích và các cho các sản phẩm du lịch. Xây dựng các tour du lịch kết nối các điểm thăm quan trong khu di tích; các tour kết nối các điểm di tích liên quan cuộc đời, sự nghiệp của vua Đinh trong khu di tích và huyện Gia Viễn và các tour du lịch kết nối với các điểm thăm quan trong Quần thể danh thắng Tràng An. Đa dạng hóa các sản phẩm đồ lưu niệm, bên cạnh các sản phẩm mang đặc trưng của Tỉnh Ninh Bình, cần có những sản phẩm riêng gắn với khu di tích Cố đô Hoa Lư. Khi dự án phục dựng cổ phục triều Đinh hoàn thành, có thể triển khai dịch vụ chụp ảnh với cổ phục để phục vụ du khách... Để thúc đẩy phát triển du lịch và CNVH ở khu di tích Cố đô Hoa Lư, theo NCS, tỉnh Ninh Bình cần thực hiện một số nội dung sau:

Cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá về lịch sử, văn hóa và hệ thống DSVH của Cố đô Hoa Lư. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động xúc tiến, quảng bá, phát triển du lịch Cố đô Hoa Lư thông qua các hội thảo, hội chợ du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức các chương trình farm trip và press trip, đón các doanh nghiệp lữ hành, cơ quan báo chí, truyền thông, các đoàn làm phim, các show truyền hình thực tế... đến thăm quan, khảo sát, viết bài

tuyên truyền, quảng bá về di sản và xây dựng các sản phẩm du lịch. Bên cạnh các hoạt động, tuyên truyền trên. Luận án đã tiến hành khảo sát về các kênh thông tin tuyên truyền, giới thiệu về DSVH Cố đô Hoa Lư mà du khách tiếp cận trước khi quyết định đến thăm quan, du lịch.

Bảng 4.2: Các kênh thông tin chủ yếu du khách sử dụng để tìm hiểu về khu di tích Cố đô Hoa Lư

Đơn vị tính: người; %

Kênh thông tin	Số lượng	%
1. Các phương tiện truyền thông: phát thanh, truyền hình, Website	61	30.5
2. Mạng xã hội	105	52.5
3. Tour du lịch	8	4.0
4. Các kênh khác: Gia đình, bạn bè, Nhà trường...	26	13.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án năm 2025

Theo kết quả khảo sát của tác giả luận án, du khách biết về Cố đô Hoa Lư qua mạng xã hội chiếm tỷ lệ cao nhất là 52.5%. Trong bối cảnh hiện nay, hầu như tất cả mọi người đều có ít nhất một tài khoản mạng xã hội như: Facebook, Zalo, tiktok, twitter, intagram..., sự tương tác của các cá nhân trên mạng xã hội diễn ra thường xuyên, hàng ngày. Vì vậy, cần đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá về DSVH trên các nền tảng mạng xã hội, sẽ mang lại hiệu quả tuyên truyền cao. Tiếp theo cần đẩy mạnh tuyên truyền giới thiệu về DSVH, các sản phẩm, dịch vụ du lịch, CNVH thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, các website, chuyên trang du lịch... các kênh thông tin này cũng có sự tiếp cận của đông đảo du khách trong nước và quốc tế.

Bên cạnh các chương trình tuyên truyền, quảng bá chung về du lịch của tỉnh Ninh Bình, cần xây dựng các chương trình quảng bá riêng về các điểm

thăm quan, du lịch của khu di tích Cố đô Hoa Lư. Chúng ta thấy rằng, các chương trình quảng bá về lễ hội Hoa Lư hàng năm rất hiệu quả, bằng chứng là số lượng du khách đến khu di tích và tỉnh Ninh Bình vào dịp Lễ hội cao gấp nhiều lần ngày thường. Để tăng sức hấp dẫn cho du lịch văn hóa của khu di tích cần đẩy mạnh các chiến dịch tuyên truyền, giới thiệu như vậy.

Để khai thác, phát huy hiệu quả hệ thống DSVH trong phát triển du lịch và CNVH, trong công tác lãnh đạo, quản lý, cần có sự phối hợp của nhiều sở, ban ngành, đoàn thể, đặc biệt cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở văn hóa và Thể thao với Sở Du lịch của tỉnh; sự phối hợp giữa Trung tâm Bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư và Ban quản lý Quần thể danh thắng Tràng An.

NCS đã thực hiện phỏng vấn một lãnh đạo thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình [mã CBQL03, nam, 41 tuổi, Ninh Bình] về vấn đề xây dựng Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư, ông đã chia sẻ một số nội dung đáng chú ý như là: Tỉnh sẽ quy hoạch xây dựng khu di tích Cố đô Hoa Lư thành công viên lịch sử, khảo cổ học; tỉnh sẽ di dời toàn bộ người dân thôn Chi Phong, đang sinh sống trong vùng lõi di sản của Cố đô Hoa Lư đến khu vực tái định cư cách không xa, cùng với các thôn xung quanh đền vua Đinh, vua Lê như thôn Tây, thôn Bắc, thôn Tam Kỳ xây dựng thành quần cư di sản, trở thành khu vực cung cấp các sản phẩm, dịch vụ du lịch phục vụ du khách. Tỉnh sẽ xây dựng một bến xe khác thay cho bến xe hiện tại đang sử dụng ở trước cửa cổng vào đền vua Đinh, vua Lê, vừa để bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái khu di tích, vừa để phát triển dịch vụ, du lịch. Bến xe mới sẽ được xây dựng ở vị trí đảm bảo du khách sau khi gửi xe sẽ có thời gian đi bộ qua các khu dân cư rồi mới vào thăm quan di tích, khu dân cư này sẽ bố trí các cơ sở kinh doanh, cung cấp dịch vụ phục vụ du khách... [Phỏng vấn sâu, CBQL03, tháng 3/2025] Và còn nhiều nội dung khác nữa hướng đến mục tiêu vừa bảo tồn, tôn tạo khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư vừa đảm bảo khai thác, phát huy giá trị của hệ thống DSVH trong khu di tích đem lại lợi ích

KT-XH cho người dân và địa phương. Chắc chắn, khi Quy hoạch được phê duyệt đưa vào thực hiện trong thực tế sẽ tạo ra cú hích thúc đẩy phát triển du lịch và CNVH ở khu di tích Cố đô Hoa Lư, sẽ mang lại những lợi ích cho người dân và địa phương.

4.2.2. Khuyến nghị phát triển nguồn nhân lực và tăng cường liên kết các chủ thể trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa

Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH, để DSVH thực sự trở thành nguồn lực, động lực thúc đẩy sự phát triển KT-XH của địa phương, theo chúng tôi, Tỉnh cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có

Bổ sung nguồn nhân lực cho Trung tâm bảo tồn di tích LS-VH Cố đô Hoa Lư, chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chuyên môn kinh doanh du lịch, phát triển CNVH và nguồn nhân lực khoa học công nghệ để phục vụ nhiệm vụ khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô trong phát triển KT-XH. Sắp xếp tổ chức lại cơ cấu của Trung tâm, thành lập phòng khai thác, phát triển du lịch các sản phẩm du lịch và CNVH trên cơ sở khai thác giá trị di sản. Thường xuyên tổ chức cho đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa và du lịch đi thăm quan học tập kinh nghiệm quản lý, khai thác DSVH trong phát triển du lịch và CNVH ở các điểm di sản nổi tiếng ở trong nước và nước ngoài; thường xuyên tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH để nâng cao nhận thức, hiểu biết và khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác cho cán bộ, viên chức.

Đối với nguồn nhân lực du lịch đang hoạt động trên địa bàn thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ du lịch, và kiến thức về bảo tồn, giữ gìn DSVH, xây dựng đội ngũ nhân lực ngày càng chuyên nghiệp đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của du khách.

Thứ hai, nghiên cứu, áp dụng mô hình hợp tác công - tư nhằm phát triển nguồn nhân lực

Hợp tác công - tư (PPP - Public-Private Partnership) được hiểu là một cơ chế hợp tác giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tư nhân nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm và hiệu quả quản lý của khu vực tư nhân để thực hiện các dự án có lợi ích công cộng, đồng thời chia sẻ rủi ro, trách nhiệm và lợi ích giữa hai bên.

Trong bối cảnh phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản, mô hình hợp tác công - tư có thể được xem như một cơ chế trung gian quan trọng, cho phép kết nối và điều phối các nguồn vốn khác nhau - đặc biệt là vốn kinh tế của khu vực tư nhân với vốn văn hóa và vốn thể chế của khu vực nhà nước - nhằm thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển nguồn nhân lực. Thực tiễn tại Ninh Bình gắn với không gian di sản Cố đô Hoa Lư và Quần thể danh thắng Tràng An cho thấy những địa bàn có sự tham gia của doanh nghiệp trong khuôn khổ hợp tác với Nhà nước thường đạt hiệu quả cao hơn không chỉ ở phương diện khai thác du lịch, mà còn ở khả năng đào tạo, huy động và sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ. Chính trong quá trình vận hành các hoạt động du lịch và dịch vụ, các doanh nghiệp đã góp phần chuyển hóa vốn kinh tế thành vốn văn hóa thông qua đào tạo kỹ năng, chuẩn hóa nghiệp vụ, và tạo môi trường thực hành nghề nghiệp cho cộng đồng địa phương.

Từ đó, có thể gợi mở định hướng vận dụng mô hình PPP như một cách tiếp cận nhằm phát triển nguồn nhân lực di sản theo hướng tích hợp. Theo đó, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và điều tiết thông qua việc thiết lập khung thể chế, định hướng chuẩn mực và giám sát thực thi; trong khi khu vực tư nhân tham gia với tư cách là chủ thể đầu tư, tổ chức hoạt động và trực tiếp tham gia vào quá trình đào tạo, chuyển giao kỹ năng. Sự kết hợp này không chỉ góp phần

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà còn tạo điều kiện để vốn văn hóa được tái sản xuất và gia tăng trong chính quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Theo cách tiếp cận này, phát triển nguồn nhân lực không còn là một hoạt động bổ trợ, mà trở thành một mắt xích trung tâm trong cơ chế chuyển hóa vốn, nơi mà di sản vừa là đối tượng bảo tồn, vừa là nền tảng để hình thành các năng lực văn hóa mới. Qua đó, góp phần định hình một cấu trúc phát triển trong đó các loại vốn không vận hành rời rạc, mà tương tác và chuyển hóa lẫn nhau theo hướng bền vững.

Bên cạnh đó, để phát triển nguồn nhân lực, một hướng đi quan trọng là tăng cường hợp tác với các nhà khoa học, trường đại học, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế về nghiên cứu khảo cổ học và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, phát huy giá trị DSVH. Thường xuyên hợp tác với các nhà sáng tạo, các văn nghệ sĩ để xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa chất lượng cao phục vụ du khách...

4.2.3. Khuyến nghị hoàn thiện quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa

Hiện nay, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DSVH thuộc khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư đang được thực hiện căn cứ theo *Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư* được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003.

Sau hơn 20 năm thực hiện Quy hoạch, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DSVH khu di tích Cố đô Hoa Lư đã đạt được nhiều tích cực. Tuy nhiên, so với thời điểm ban hành quy hoạch, tình hình thực tiễn công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH gắn với phát triển KT-XH của địa phương đã có nhiều thay đổi, nhất là năm 2014, khu di tích Cố đô Hoa Lư đã trở thành một bộ phận cốt lõi của DSVH hỗn hợp thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Thực tiễn đó đặt ra vấn đề cần điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo

và phát huy giá trị khu di tích LS-VH Cổ đô Hoa Lư cho phù hợp. Ngày 07/02/2023, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 56/QĐ/TT *phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Từ đó, tỉnh Ninh Bình đã tổ chức nhiều hội thảo, chương trình khảo sát, nghiên cứu... tham vấn ý kiến các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực để xây dựng Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời tỉnh cũng đã chỉ định đơn vị tư vấn xây dựng quy hoạch. Quy hoạch đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo tác giả luận án, việc điều chỉnh quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn hiện nay là cần thiết. Trong quá trình xây dựng quy hoạch, tỉnh Ninh Bình cần chú ý một số nội dung sau: *Thứ nhất*, quy hoạch phải thể hiện được vị thế đặc thù, nổi bật, vị trí xứng tầm của di tích Cổ đô Hoa Lư - Cổ đô của quốc gia dân tộc. *Thứ hai*, vị trí của khu di tích Cổ đô Hoa Lư còn phải được đặt trong tổng thể phức hợp di sản thế giới Tràng An, tránh sự chồng chéo, trùng lặp giữa Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư và Quy hoạch chung xây dựng Quần thể danh thắng Tràng An - quy hoạch cũng đang trong giai đoạn xây dựng, hoàn thiện. *Thứ ba*, việc lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích Cổ đô Hoa Lư cần gắn với phát triển KT-XH địa phương theo hướng bền vững đảm bảo hài hòa giữa bảo vệ, tôn tạo di sản với khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển KT-XH, bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái... *Thứ tư*, để bảo đảm tính khả thi của quy hoạch, cần xác định cụ thể quy mô, phạm vi bảo tồn, tôn tạo di sản; xác định nhu cầu và khả năng thực tế về khai thác, phát huy giá trị di sản; tính toán khả năng huy động vốn, nhân lực và kỹ thuật... *Thứ năm*, quy hoạch nên tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hầu hết các di tích LS-VH trên mặt đất trong

không gian khu di tích được quản lý, bảo tồn, tôn tạo khá tốt, tình trạng xâm hại, lấn chiếm di tích rất hiếm khi xảy ra, vì vậy, với các di tích này nên thực hiện bảo tồn, tôn tạo định kì, chống xuống cấp, hạn chế can thiệp, thêm, bớt vào di tích; nên tập trung cho nội dung xây dựng khu di tích thành Công viên lịch sử, khảo cổ học; ứng dụng kỹ thuật công nghệ hiện đại vào bảo tồn, phục dựng và khai thác, phát huy giá trị di sản; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác, phát huy giá trị di sản trong phát triển du lịch, CNVH như hệ thống cơ sở lưu trú, đường giao thông, bãi đỗ xe; quy hoạch các điểm di tích thành các điểm thăm quan, du lịch, tổ chức sự kiện văn hóa...

4.2.4. Khuyến nghị nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của cộng đồng chủ thể địa phương trong bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa

Đối với các chủ nhân sở hữu DSVH cần giúp họ hiểu đúng về giá trị của DSVH mà mình sở hữu, làm hình thành nên ở họ tình yêu, sự trân trọng, niềm tự hào và ý thức trách nhiệm, thúc đẩy họ hành động bảo vệ và phát huy giá trị DSVH. Vì vậy, đối với cộng đồng chủ thể sở hữu DSVH Cố đô Hoa Lư, cần đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các chủ thể trong cộng đồng (các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân địa phương...) một số vấn đề cơ bản như: *Một là, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của kinh đô Hoa Lư trong lịch sử dân tộc*: sự ra đời của nhà nước Đại Cồ Việt và sự hình thành của kinh đô Hoa Lư có ý nghĩa to lớn đối với lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kiện đó đã khẳng định nền độc lập, tự chủ, vị thế của quốc gia sau nghìn năm Bắc thuộc; đánh dấu sự hình thành và phát triển chế độ phong kiến trung ương tập quyền của nước ta; kinh thành Hoa Lư xưa đã bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự chủ, thống nhất của dân tộc và tạo cơ sở cho sự phục hưng và phát triển của đất nước về sau. Vị trí và tầm vóc của kinh đô Hoa Lư sánh ngang với các kinh đô như kinh thành Thăng Long, kinh thành Huế... của dân tộc. Đặt trong bối cảnh kinh đô xưa của quốc

gia, kinh đô là những không gian văn hóa nổi trội, là sự tích hợp, hội tụ, chất lọc và tỏa sáng của tinh hoa văn hóa dân tộc. *Hai là, nâng cao nhận thức về những giá trị đặc sắc* về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, thẩm mỹ... của hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư: Kinh thành Hoa Lư không còn nữa, nhưng gắn liền với nó là một hệ thống DSVH vật thể và phi vật thể phong phú, đặc sắc, những dấu tích tường thành, cung điện được phát hiện thông qua các cuộc khai quật khảo cổ học đã cho phép thể hệ sau hình dung ra quy mô của Cố đô, thấy được nghệ thuật xây thành độc đáo thời Đinh - Lê; di tích đền vua Đinh, đền vua Lê là những tuyệt tác kiến trúc xây đền của dân tộc ta thế kỷ XVII; các bảo vật quốc gia như cặp long sàng, bộ phủ việt, cột kinh phạt thuộc khu di tích thể hiện những kỹ thuật đỉnh cao về chạm, khắc; quần thể di tích Cố đô Hoa Lư thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên tạo nên một bức tranh giàu tính thẩm mỹ... *Ba là, nâng cao nhận thức về giá trị KT-XH của DVSH*, DSVH Cố đô Hoa Lư không chỉ trở thành các không gian văn hóa diễn ra các sinh hoạt văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần, giáo dục truyền thống, hướng về cội nguồn cho các tầng lớp nhân dân địa phương mà còn trở thành một điểm du lịch hấp dẫn du khách thăm quan trong nước và quốc tế, nếu được khai thác, phát huy tốt trong phát triển du lịch và CNVH, hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư sẽ mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, văn hóa, xã hội cho cộng đồng địa phương. *Bốn là, nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị DSVH nói chung và DSVH Cố đô Hoa Lư nói riêng...*

Để nâng cao nhận thức cho các chủ thể, các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương cần thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền: tuyên truyền thông qua hệ thống đài phát thanh - truyền hình tỉnh, đài truyền thanh địa phương, các bản tin cộng đồng, các cuộc họp định kỳ của cộng đồng dân cư... tuyên truyền thông qua mạng xã hội, thông

qua các nhóm cộng đồng trên không gian mạng... Tiếp tục biên soạn các ấn phẩm giới thiệu về LS-VH và hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư và phổ biến rộng rãi đến cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, cần chú trọng giáo dục nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ, để DSVH được bảo vệ và tiếp tục lưu truyền cho các thế hệ tiếp theo, vì vậy, cần thực hiện tốt chương trình giáo dục địa phương ở các cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông trên toàn tỉnh Ninh Bình.

Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tầng lớp nhân dân được tham gia vào công tác bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị DSVH nhằm phát triển KT-XH từ khâu lập kế hoạch đến triển khai, thực hiện; tạo sinh kế và thu nhập bền vững cho người dân từ khai thác, phát huy giá trị DSVH trong phát triển du lịch và CNVH... Mang lại những lợi ích thiết thực cho người dân từ DSVH là biện pháp tuyên truyền hiệu quả nhất, có tác động mạnh mẽ nhất đến nhận thức của mọi chủ thể trong cộng đồng địa phương.

Nhờ vậy, người dân sẽ nhận thức sâu sắc về giá trị của DSVH, tầm trọng của DSVH đối với sự phát triển KT-XH địa phương và bản thân mình, sẽ có ý thức, trách nhiệm bảo vệ nguyên vẹn di sản và ngăn chặn mọi hành vi tác động xấu đến di sản.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở phân tích, đánh giá quá trình chuyển hóa vốn DSVH thành các nguồn lực phát triển KT-XH thông qua bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư gắn với phát triển KT-XH, luận án đã nhận diện và bàn luận bốn vấn đề nổi lên trong quá trình này, bao gồm: vấn đề cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản; vấn đề phát triển nguồn nhân lực và tăng cường liên kết các chủ thể; vấn đề quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di sản; vấn đề nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của cộng đồng địa phương. Từ đó, luận án đề xuất cân nhắc bốn nhóm khuyến nghị tương ứng nhằm hoàn thiện cơ sở khoa học cho bảo tồn và phát huy giá trị di sản gồm có: Khuyến nghị cân bằng mối quan hệ giữa bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản; khuyến nghị phát triển nguồn nhân lực và cơ chế hợp tác công - tư; khuyến nghị tăng cường quy hoạch, liên kết không gian di sản; khuyến nghị nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng. Các khuyến nghị hướng tới nâng cao hiệu quả chuyển hóa vốn DSVH thành nguồn lực phát triển KT - XH, đồng thời bảo đảm tái tạo và phát triển bền vững vốn văn hóa của Cố đô Hoa Lư trong bối cảnh phát triển mới của tỉnh Ninh Bình.

KẾT LUẬN

DSVH là sản phẩm do con người sáng tạo trong tiến trình lịch sử, kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần quý báu được cộng đồng gìn giữ, trao truyền qua nhiều thế hệ, trở thành nền tảng bản sắc và nguồn lực phát triển của dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, DSVH được nhìn nhận không đơn thuần chỉ là “đối tượng bảo tồn” mà còn là nguồn vốn văn hóa có khả năng tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển KT-XH.

Về mặt lý luận, luận án vận dụng lý thuyết vốn văn hóa và các loại vốn của Pierre Bourdieu, cùng với kế thừa quan điểm lý luận của các nhà khoa học về DSVH, mối quan hệ giữa DSVH với phát triển, luận án tiếp cận DSVH như một dạng vốn văn hóa, có khả năng khai thác, phát huy trở thành một nguồn lực tham gia vào quá trình phát triển KT-XH. Từ khung lý thuyết này, luận án không chỉ làm rõ vai trò của DSVH đối với phát triển KT-XH, mà còn lý giải chiều tác động ngược lại của quá trình phát triển KT-XH đối với DSVH. Qua đó cho thấy, mối quan hệ giữa DSVH với phát triển KT-XH không phải là mối quan hệ một chiều, mà là mối quan hệ tương tác biện chứng hai chiều.

Trên bình diện thực tiễn, luận án làm rõ hệ thống DSVH Cố đô Hoa Lư là nguồn vốn văn hóa đặc sắc, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình. Với tư cách là kinh đô của nhà nước Trung ương phong kiến tập quyền đầu tiên của nước ta - nhà nước Đại Cồ Việt, Hoa Lư lưu giữ hệ thống DSVH phong phú gồm các di tích lịch sử - văn hóa, di tích khảo cổ học, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng dân gian và không gian cảnh quan đặc sắc... Đây không chỉ là không gian di sản kết tinh bản sắc văn hóa vùng đất Cố đô mà còn là nền tảng hình thành nguồn lực biểu tượng và nguồn lực phát triển của địa phương.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong thời gian qua, thông qua quá trình khai thác và phát huy giá trị, DSVH Cố đô Hoa Lư đã góp phần vào phát triển KT-XH: *(1) đối với phát triển kinh tế*, DSVH Cố đô Hoa Lư đã được khai thác,

phát huy trở thành nguồn lực phát triển du lịch, dịch vụ, góp phần hình thành thị trường sản phẩm văn hóa, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển cơ cấu kinh tế địa phương; (2) *đối với phát triển văn hóa, nâng cao hình ảnh và vị thế địa phương trong giao lưu, hội nhập*, DSVH Cố đô Hoa Lư góp phần đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần xã hội, khẳng định bản sắc văn hóa cộng đồng; góp phần nâng cao uy tín, vị thế của địa phương và mở rộng giao lưu, hợp tác và hội nhập; *đối với phát triển xã hội*, quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH thành các nguồn lực phát triển đã tạo ra các tác động xã hội góp phần mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống người dân và cải thiện kết cấu hạ tầng phát triển; góp phần tạo lập các mạng lưới và quan hệ xã hội, tăng cường đoàn kết cộng đồng và tạo dựng môi trường xã hội ổn định để phát triển bền vững. Bên cạnh đó, DSVH Cố đô Hoa Lư cũng đặt ra một số rào cản, thách thức đối với đời sống KT-XH của cộng đồng địa phương như: Đòi hỏi chi phí bảo tồn, tôn tạo và phục hồi di sản rất lớn và tạo ra một số bất tiện và rào cản đối với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa và đời sống người dân.

Ngược lại, khi KT-XH phát triển, các nguồn lực mới được tích lũy lại được tái đầu tư cho lĩnh vực văn hóa và DSVH. Nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng, nhân lực và sự quan tâm của xã hội được sử dụng để bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị di sản; góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn DSVH của cộng đồng. Quá trình này đã góp phần tái tạo không gian văn hóa, phục hồi các thực hành truyền thống, sáng tạo sản phẩm văn hóa mới và nâng cao giá trị của di sản. Bên cạnh đó, phát triển KT-XH cũng giúp mở rộng phạm vi khai thác và lan tỏa giá trị di sản, kết nối nội vùng và liên vùng. Tuy nhiên, hoạt động phát triển KT-XH cũng tạo ra một số tác động hạn chế, tiêu cực đối với DSVH như áp lực từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đời sống sinh hoạt dân cư lên di sản; quá trình phát triển KT-XH chưa tích lũy được đủ các nguồn vốn như thể chế chính sách, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân

lực... để khai thác, phát huy hiệu quả giá trị của DSVH phục vụ phát triển KT-XH; hệ sinh thái dịch vụ văn hóa và các sản phẩm văn hóa mang bản sắc Cố đô Hoa Lư còn hạn chế...

Qua nghiên cứu, luận án cũng nhận thấy quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH ở Ninh Bình có nảy sinh những vấn đề hạn chế, thách thức cần nhận diện, bàn luận, tìm cách giải quyết như hiệu quả khai thác DSVH trong phát triển KT-XH còn chưa tương xứng với tiềm năng; vấn đề hài hòa giữa chi phí đầu tư phục dựng, bảo tồn, giữ gìn DSVH với lợi ích thu được trong quá trình khai thác, phát huy giá trị DSVH; vấn đề quy hoạch bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị DSVH; vấn đề nguồn nhân lực và vấn đề nhận thức và vai trò của cộng đồng...

Trên cơ sở nhận diện, bàn luận các vấn đề đặt ra, luận án đề xuất một số khuyến nghị nhằm hài hòa mối quan hệ giữa DSVH Cố đô Hoa Lư với phát triển KT-XH tỉnh Ninh Bình. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản theo hướng tích hợp; tăng cường nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng các giá trị văn hóa; phát triển du lịch và CNVH trên cơ sở khai thác chiều sâu giá trị bản sắc di sản; đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức cộng đồng và bảo đảm vai trò chủ thể của người dân trong quá trình bảo tồn, khai thác di sản. Quan trọng hơn, cần nhìn nhận DSVH không chỉ là “tài nguyên để khai thác” mà là nguồn vốn văn hóa cần được tái sản xuất liên tục trong tiến trình phát triển.

Thông qua việc làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa DSVH với phát triển KT-XH, luận án góp phần khẳng định vai trò của văn hóa như một nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác hoạch định chính sách, quản lý văn hóa và phát triển địa phương trong bối cảnh hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Hằng (2023), *Phát triển công nghiệp văn hóa: Giải pháp gắn bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế xã hội: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương”, Nxb Xây dựng, Hà Nội, T12/2023, mã ISBN: 978-604-82-7720-8.
2. Nguyễn Thị Hằng (2024), *Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cho người dân tỉnh Ninh Bình*, Tapchicongsan.Org.vn, ngày 26-09-2024 mã ISSN 2734-9071.
3. Nguyễn Thị Hằng (2024), *Phát huy giá trị làng nghề truyền thống trong phát triển kinh tế di sản tỉnh Quảng Ninh*, Tapchicongsan.Org.vn, Cập nhật, ngày 06-12-2024. Mã ISSN 2734-9071.
4. Nguyễn Thị Hằng (2025), *Phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư - nguồn lực quan trọng trong phát triển du lịch Ninh Bình*, Tạp chí Cộng sản điện tử, Tapchicongsan.Org.vn, cập nhật ngày 20-09-2025, Mã ISSN 2734-9071.
5. Nguyễn Thị Hằng (2026), *Phát huy giá trị lễ hội Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị, Số 1 (126), tháng 1/2026, tr.92-98, mã ISSN 2354-1040.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2017), *Kết luận số 03-KL/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/7/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về phát triển du lịch năm 2020, định hướng đến 2030*, Ninh Bình.
2. Nguyễn Duy Bắc (2022), *Phát triển văn hóa và con người Việt Nam- Nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia -Sự thật, Hà Nội.
3. Lã Đăng Bật (2011), *Cố đô Hoa Lư*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
4. Lã Đăng Bật (2017), *Nước Đại Cồ Việt xưa và Cố đô Hoa Lư nay*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
5. Nguyễn Chí Bền (2006), *Văn hóa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
6. Nguyễn Chí Bền (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Đức Bình (2012), “Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7)/2012, tr 40-45.
8. Vũ Thế Bình (2008), “Phát huy giá trị di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư và khu du lịch sinh thái Tràng An trong hoạt động du lịch”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, (4), tr 69-72.
9. Trương Quốc Bình (2016), “Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, tập 32, (số 1S), tr 68-76
10. Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Hà Nội.
11. Bộ Chính trị (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*, ngày 07/01/2026, Hà Nội.

12. Bộ văn hóa, Thông tin và Thể thao xuất bản (1994), *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Hà Nội.
13. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), Kỷ yếu Hội nghị đánh giá 5 năm triển khai, thực hiện Quyết định 1755/QĐ-TTG “*Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”, Hà Nội.
14. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/4/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Phương Châm - Hoàng Cẩm (2022), *Di sản văn hóa và sự phát triển bền vững, nhân văn ở Việt Nam hiện nay*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, [truy cập ngày 12/9/2022].
16. Nguyễn Thị Chiến (2004), “Khai thác di sản văn hóa như là một tài nguyên du lịch”, *tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (2), tr 38-43.
17. Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I.
18. Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập III.
19. Nguyễn Thị Kim Cúc (2017), *Hoa Lư xưa và nay*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
20. Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình (2022), *Thành tựu Kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình sau 30 năm tái lập (01/4/1992-01/4/2022)*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
21. Đinh Xuân Dũng (2023), *Văn hóa - Động lực và hệ điều tiết sự phát triển*, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
22. Trần Hữu Dũng (2002), “Vốn văn hóa”, *Tia Sáng*, số Xuân 2002. Bản online trên [THDung/V onVanHoa.htm](http://THDung/VonVanHoa.htm).
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, tập 1, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng ủy Ninh Bình (2016), *Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 17/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ Ninh Bình về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể Danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020*, Ninh Bình.
34. Đảng ủy Ninh Bình (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025*, Ninh Bình.
35. Đảng ủy Ninh Bình (2025), *Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 28/02/2025 về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2050*, Ninh Bình.
36. Đảng ủy Ninh Bình (2025), *Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/10/2025-Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Ninh Bình.
37. Phạm Duy Đức (2008), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

38. Phạm Duy Đức (2009), *Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
39. Phạm Duy Đức - PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu (đồng chủ biên) (2019), *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Lê Quý Đức (2012), “Di sản văn hóa nhìn từ góc độ kinh tế”, *Văn hóa và phát triển ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
41. Lê Quý Đức (2012), “Nguồn lực văn hóa và vai trò của nguồn lực văn hóa với sự phát triển kinh tế - xã hội”, *tạp chí Văn hóa dân gian*, (4), tr.3-10
42. Endruweit, G. và Trommsdorff, G. (2002), *Từ điển xã hội học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
43. Đỗ Danh Gia (2010), *Văn hoá dân gian Cố đô Hoa Lư và các vùng phụ cận: Sơ lược và giới thiệu một số nét tiêu biểu về Lễ hội*, *Văn hoá dân gian, ẩm thực*, Nxb. Thời Đại, Hà Nội.
44. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Việt Lộc (2015), *Công nghiệp văn hóa ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
46. Nguyễn Thị Thu Hà (2009), “Phát triển du lịch với việc quản lý di sản văn hóa ở Hội An”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (300).
47. Đặng Thị Hồng Hạnh (2017), *Nguồn lực văn hóa với sự phát triển kinh tế ở Hà Nội (Qua nghiên cứu tại Làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm và Làng Mông Phụ, Thị xã Sơn Tây)*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
48. Bùi Minh Hào (2021), “Vốn văn hóa và tiếp cận vốn văn hóa trong nghiên cứu phát triển”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, (1), tr.135-140,
49. Phạm Trương Hoàng (chủ biên) (2023), *Hướng dẫn tại di sản hỗn hợp thiên nhiên và văn hoá thế giới quần thể danh thắng Tràng An*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

50. Đỗ Huy (2009), “Một số vấn đề cần quan tâm trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”, *tạp chí Triết học*, (số 12) (223), tháng 12 - 2009.
51. Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2006), *Văn hóa, mục tiêu, và động lực phát triển xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Nguyễn Thị Thu Hường (2015), *Quản lý di sản văn hóa ở làng trong quá trình đô thị hóa (Trường hợp thị xã Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh)*, Luận án tiến sĩ văn hóa học, viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
53. Vũ Thị Hường-Nguyễn Thị Thu Giang (2021), “Hiệu quả mô hình quản lý công tư tại quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình”, *tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (461), tháng 5, Hà Nội.
54. Vũ Khiêu, Phạm Xuân Nam, Hoàng Trinh (chủ biên) (1993), *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
55. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Viện phát triển văn hóa dân tộc (2022): *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Văn hóa quản lý với di sản văn hóa trong quá trình hội nhập và phát triển”*, Hà Nội.
57. Ngô Sĩ Liên và sử thần Triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, H, tập I.
58. Từ Thị Loan (chủ biên, 2018), *Hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam*, Nxb.Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
59. Từ Thị Loan (2018), *Phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
60. Ngô Thắng Lợi - Vũ Thành Hưởng (đồng chủ biên) (2019), *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
61. Lê Hồng Lý (2000), “Du lịch và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (2), tr 16-19.

62. Lê Hồng Lý (chủ biên), Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu (2010), *Giáo trình quản lý Di sản với phát triển Du lịch*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
63. Nguyễn Thị Tuyết Mai, Hoàng Thị Tuyết Hương (2008), *Những kinh nghiệm bước đầu trong công tác hướng dẫn khách thăm quan, học tập tại di tích Văn Miếu -Quốc Tử Giám*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trung tâm hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu -Quốc Tử Giám, Hà Nội.
64. Bùi Văn Mạnh (2021), *Biến đổi văn hoá sinh kế của cư dân tại quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch*, luận án tiến sĩ Văn hoá học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.3.
66. M.Gumoutier (2024), *Nghiên cứu lịch sử và khảo cổ học về Hoa Lư - Kinh đô đầu tiên của Nhà nước độc lập triều đại Nhà Đinh và Tiền Lê từ năm 968 đến năm 1010 sau công nguyên (SCN)*, do Nguyễn Văn Trường dịch và Nguyễn Thị Vân khảo cứu, Nxb. Lao động, Hà Nội.
67. Hà Hữu Nga (2020), *Vốn văn hóa và phát triển du lịch*, Tài liệu viết cho Viện Nghiên cứu ứng dụng Văn hóa và Du lịch.
68. Đặng Kim Ngọc (2009), *Những bài học kinh nghiệm về công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Văn Miếu -Quốc Tử Giám*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trung tâm hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội.
69. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Thống Nhất (2014), *Khai thác hợp lý các di sản văn hóa thế giới nhằm phát triển du lịch miền Trung Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.
71. Nhiều tác giả (2014), *Con đường tiếp cận di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
72. Nhiều tác giả (2022), *Hướng tiếp cận giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển kinh tế xã hội*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
73. Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

74. Pedersen, A. (2002), *Quản lý du lịch tại các di sản thế giới: Tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý khu Di sản thế giới*. Paris, Trung tâm Di sản Thế giới, UNESCO.
75. Nguyễn Thị Thu Phương (chủ biên) (2022), *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam* (sách chuyên khảo), Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
76. Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình (2023), *Nghị quyết số 105/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2030*, Ninh Bình.
77. Quốc sử quán triều Nguyễn (1996), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế, tập III.
78. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch, Nxb. Giáo dục, H, tập I
79. Quốc hội (2001), *Luật số 28/2001/QH10 về di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001*, Hà Nội.
80. Quốc hội (2017), *Luật Du lịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Quốc hội (2013), *Luật Di sản văn hóa, luật số 10/VBHN-VPQH ngày 23 tháng 07 năm 2013*, Hà Nội.
83. Quốc hội (2024), *Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024*, Hà Nội.
84. Hồ Sỹ Quý, *Về văn hóa Tràng An - Hoa Lư, đô thị di sản thiên nhiên kỷ* (dangcongsan.org.vn) [Truy cập ngày 19/09/2024]
85. Rôdentia, M. và Iudin, P. (chủ biên) (1978), *Từ điển triết học*, Mátxcova, Nxb. Ngoại văn (bản dịch tiếng Việt, Nxb. Sự thật, Hà Nội).
86. Nguyễn Mạnh Quỳnh (chủ biên) (2022), *Văn hoá du lịch Ninh Bình: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.

87. Dương Văn Sáu (2014), *Hệ thống di tích Nho học Việt Nam và các văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ*, Nxb Thông tin và Truyền Thông, Hà Nội.
88. Dương Văn Sáu (2017), *Giáo trình Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh Việt Nam*, tái bản lần 1 có sửa chữa bổ sung, Nxb. Lao động, Hà Nội.
89. Schaefer, R. T. (2004), *Xã hội học* (Huỳnh Văn Thanh dịch), Nxb. Thống kê, Hà Nội.
90. Bùi Hoài Sơn (2013), “Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam”, *Tạp chí Di sản*, số 3 (44), tr 18-22.
91. Trần Hữu Sơn (2021), “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch di sản vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Cộng sản*, số 970 (tháng 7/2021), tr.75-80.
92. Sở Du lịch Ninh Bình (2018), *Báo cáo số 79/BC-SDL ngày 11/6/2018 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 54 -NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010, định hướng đến 2020 trên lĩnh vực du lịch tại Ninh Bình*, Ninh Bình.
93. Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình (2021): *Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại năm 2021 và xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại năm 2022*, ngày 15/11/2021, Ninh Bình.
94. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình-Viện Bảo tồn di tích - Bộ VH-TT và Du lịch (2022), *Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cố đô Hoa Lư*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Ninh Bình.
95. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình (2024), *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Hoa Lư Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII*, Ninh Bình.
96. Sở Văn hóa và Thể thao - Sở du lịch tỉnh Ninh Bình, *Báo cáo kết quả hoạt động du lịch các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018*, Ninh Bình.

97. Sở du lịch tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo số 53/BC-SDL ngày 3/4/2024 của Sở du lịch về tình hình khách du lịch giai đoạn từ năm 2019 đến nay*, Ninh Bình.
98. Sở du lịch tỉnh Ninh Bình (2025), *Báo cáo Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020-2025 trong lĩnh vực du lịch*, Ninh Bình.
99. Sở du lịch Ninh Bình (2024), *Tổng hợp danh sách cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến 31/12/2024*, Ninh Bình.
100. Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Ninh Bình (2023), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế xã hội: Nhìn từ quản trị vùng và địa phương”*, Nxb. Xây Dựng, Hà Nội.
101. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám Thống kê Việt Nam 2021*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
102. Tỉnh ủy Ninh Bình (2003), *Nghị quyết số 03/TU ngày 18/12/2001 về phát triển du lịch đến năm 2010*, Ninh Bình.
103. Tỉnh ủy Ninh Bình (2009), *Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/07/2009 về phát triển du lịch đến năm 2020*, Ninh Bình
104. Tỉnh ủy Ninh Bình (2017), *Nghị quyết số 10- NQ/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*, Ninh Bình.
105. Tỉnh ủy Ninh Bình (2021), *Nghị quyết số 07 -NQ/TU ngày 28/10/2021 của Tỉnh ủy Ninh Bình về phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2045*, Ninh Bình.
106. Tỉnh ủy Ninh Bình, Đại học quốc gia Hà Nội (2017): *Kỷ yếu Hội thảo “Văn hóa và con người Ninh Bình trong phát triển bền vững*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
107. Tổng cục Du lịch (2017), *Kết quả điều tra khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 2017*, Hà Nội.

108. Trịnh Đăng Thanh (2004), *Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
109. Lê Văn Thao, Trương Đình Tường (2011), *Đền vua Đinh vua Lê: Những giá trị đặc sắc về lịch sử văn hóa*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
110. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam - cái nhìn hệ thống loại hình*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
111. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Giáo trình tái bản lần 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
112. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, T.P. Hồ Chí Minh
113. Trương Đình Tường (2004), *Địa chỉ văn hóa dân gian Ninh Bình*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội.
114. Ngô Đức Thịnh (2007), “Bảo tồn và phát huy văn hóa phi vật thể”, *tạp chí Cộng sản*, (778) (8/2007), tr 73-78.
115. Ngô Đức Thịnh (2008), “Tiếp cận nông thôn Việt Nam từ mạng lưới xã hội và vốn xã hội”, *tạp chí Dân tộc học*, số 4.
116. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
117. Nguyễn Ngọc Thiện-Từ Thị Loan (2021), *Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
118. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử-văn hoá Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Hà Nội.
119. Thủ tướng Chính phủ (5/2009), *Quyết định số 581/QĐ-TTg (ngày 06 tháng 5 năm 2009) của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*, Hà Nội.

120. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030*, Hà Nội.
121. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 548/QĐ/TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt*, Hà Nội.
122. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Chỉ thị số 18/CT-TTg về tăng cường quản lý môi trường du lịch*, Hà Nội.
123. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 14/CT-TTg về tăng cường quản lý nhà nước, khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch*, Hà Nội.
124. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/9/2016 về Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Hà Nội
125. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 230/QĐ/TTg về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng quần thể Danh thắng Tràng An tỉnh Ninh Bình*, Hà Nội.
126. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1909/QĐ-TTG ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*, Hà Nội.
127. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2023 về phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
128. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 821/QĐ/TTg ngày 10/7/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tràng An-Tam Cốc-Bích Động, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
129. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 218/QĐ/TTg ngày 04/3/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.

130. Thủ tướng chính phủ (2024), *Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29/8/2024 về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam*. Hà Nội
131. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*, Hà Nội.
132. Thủ tướng chính phủ (2025), *Quyết định số 2486/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/11/2025 về Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
133. Bùi Thanh Thủy (2013), *Văn hóa tộc người thiểu số tỉnh Hòa Bình với việc phát triển du lịch văn hóa*, Luận án tiến sĩ văn hóa học, Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
134. Đặng Việt Thủy (Chủ biên) (2013), *Di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
135. Đỗ Thị Thanh Thủy (2024), *Bảo vệ và phát huy tài nguyên di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
136. Đoàn Thị Thanh Thúy (2014), “Mấy suy nghĩ về văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội”, *Tạp chí Văn hóa*, (số 359) (tháng 5-2014); tr 42-44.
137. Đoàn Thị Thanh Thúy (2019), *Giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch ở Thủ đô Hà Nội hiện nay (Qua nghiên cứu Trường hợp Văn Miếu -Quốc Tử Giám)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
138. Trần Mạnh Thường (2012), *Di sản thế giới ở Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
139. Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư (2024), *Báo cáo một số nhiệm vụ của Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư*, Ninh Bình.

140. Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư (2025): *Báo cáo kết quả đón khách và doanh thu từ hoạt động du lịch của Trung tâm từ năm 2014 đến năm 2024*, Ninh Bình, tháng 2/2025.
141. Tổng Cục Du lịch, Trung tâm thông tin du lịch (2012), *Di sản thế giới ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
142. Lưu Minh Trị (Chủ biên) (2008), *Tìm trong truyền thống và di sản*, Nxb Lao động, Hà Nội.
143. Võ Quang Trọng (Chủ biên) (2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long -Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
144. Đào Duy Tuấn (2012), *Khai thác các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch (Nghiên cứu trường hợp làng Mông Phụ, xã Đường Lâm, Thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây)*, Luận án tiến sĩ văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
145. Lương Chiêu Tuấn (2020), *Nhân lực tại các doanh nghiệp du lịch ở Ninh Bình trong Hội nhập quốc tế*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế Chính trị, Hà Nội.
146. Nguyễn Đức Tuy (2014), *Giải pháp phát triển du lịch bền vững Tây Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
147. Nguyễn Minh Tường (2011), *Những vấn đề chung về Nho học và quản lý di tích Nho học*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
148. Nguyễn Hoàng Tứ (2016), *Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam*, Luận án Quản lý kinh tế, Trường Đại học Thương Mại Hà Nội.
149. UBND tỉnh Ninh Bình (2016), Đề án “*Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể lễ hội Hoa Lư*”, Ninh Bình.
150. UBND tỉnh Ninh Bình (2017), *Kế hoạch số 83/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị và kết luận số 03/KL/TU ngày 26/6//2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Ninh Bình.

151. UBND tỉnh Ninh Bình (2017), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến 2030*, Ninh Bình.
152. UBND tỉnh Ninh Bình (2017), *Kế hoạch số 07/KH-UBND về phát triển du lịch Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến 2030*, Ninh Bình.
153. UBND tỉnh Ninh Bình (2021), *Kế hoạch số 90 về phát triển văn hóa, thể thao tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025*, Ninh Bình.
154. UBND tỉnh Ninh Bình (2021), Đề án “*Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư, giai đoạn 2021 - 2030*”, Ninh Bình.
155. UBND tỉnh Ninh Bình (2021), Đề án “*Xây dựng các sản phẩm văn hóa nhằm phát huy giá trị văn hóa, lịch sử Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo*”, Ninh Bình.
156. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), *Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm bảo tồn di tích Lịch sử - Văn hóa Cố đô Hoa Lư, thuộc Sở Văn Hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình*, Ninh Bình.
157. UBND tỉnh Ninh Bình (2024), *Kế hoạch Số 96/KH-UBND ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29/8/2024 của Thủ tướng chính phủ về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, Ninh Bình.
158. UBND tỉnh Ninh Bình, Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (2024), *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Quản lý và phát triển thành phố di sản Cố đô sở hữu danh hiệu Unesco -nhận thức lý luận, kiến tạo thể chế và hành động địa phương”*, Ninh Bình.
159. UBND tỉnh Ninh Bình- Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2024), *Đình Tiên Hoàng - Tầm vóc lịch sử và khát vọng dân tộc, Kỷ yếu hội thảo khoa học*, Ninh Bình.

160. UBND tỉnh Ninh Bình (2024): *Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025*, Ninh Bình.
161. UBND tỉnh Ninh Bình (2025), *Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về Phê duyệt đề án thực hiện nghị quyết 22 - NQ/TU ngày 28/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2050*, Ninh Bình.
162. UBND huyện Hoa Lư (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*, Hoa Lư.
163. UBND huyện Hoa Lư (2024), *Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII*, Hoa Lư.
164. UBND xã Trường Yên (2024), *Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 06/12/2024 của UBND xã Trường Yên về Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025*, Trường Yên, Ninh Bình.
165. UNESCO, *Công ước bảo vệ tài sản văn hóa trong các trường hợp xung đột vũ trang*, năm 1954, unesco.org.
166. UNESCO (1972), *Công ước về việc bảo vệ di sản văn hoá và tự nhiên của thế giới*, Pháp.
167. UNESCO (1982), *Báo cáo cuối cùng tại Hội nghị thế giới về các chính sách văn hóa, tổ chức tại Mexico từ ngày 26-7 đến 6-8-1982*, unesdoc.unesco.org, Paris, 11-1982
168. UNESCO (2001), *Tuyên bố chung về đa dạng văn hóa*, Pháp.
169. UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, Pháp.
170. Ủy ban quốc gia thập kỷ thế giới phát triển văn hóa, Bộ Văn hóa Thông tin và Thể Thao (1992), *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
171. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2005), *Pháp lệnh du lịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

172. Đỗ Thị Ngọc Uyển (2020), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, sinh thái với phát triển du lịch ở Hội An*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
173. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1993), *Đại Việt Sử ký toàn thư, tập 1*, Hà Nội.
174. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1993), *Đại Việt Sử ký toàn thư, tập 2*, Hà Nội.
175. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
176. Trần Quốc Vượng (2004), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
177. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

178. Bourdieu, P. (1973), *Cultural reproduction and social reproduction*, in Brown, R. (ed.), *Knowledge, Education and Cultural Change: Papers in the Sociology of Education*, London: Tavistock Publications, pp. 71-112.
179. Bourdieu, P. (1984), *Distinction: A Social Critique of the Judgement of Taste* (R. Nice, dịch), Cambridge, MA: Harvard University Press.
180. Bourdieu, P. (1986), *The forms of capital*, in Richardson, J. G. (ed.), *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, New York: Greenwood Press, pp. 241-258.
181. Bourdieu, P. (1993), *The Field of Cultural Production: Essays on Art and Literature*. Edited by Randal Johnson. Cambridge: Polity Press
182. Fukuyama, F. (2001), “Social capital, civil society and development”, *Third World Quarterly*, 22(1), pp. 7-20.
183. Goldthorpe, J. H. (2007), “Cultural capital: Some critical observations”, *Acta Sociologica*, 50(3), pp.211-229.
184. Golinelli, G. M. (2015), *Cultural Heritage and Value Creation: Towards New Pathways*, New York: Springer.

185. Graham, B. Ashworth, G. J. and Tunbridge, J. E. (2000), *A Geography of Heritage: Power, Culture and Economy*, London/New York: Routledge.
186. Greenwood, D. J. (1977), "Culture by the pound: An anthropological perspective on tourism as cultural commoditization", in Smith, V. L. (ed.), *Hosts and Guests: The Anthropology of Tourism*, Philadelphia: University of Pennsylvania Press.
187. Huibin, Z., Marzuki, A. and Razak, A. A. (2013), "Conceptualizing a sustainable development model for cultural heritage tourism in Asia", *Theoretical and Empirical Research in Urban Management*, 8(1).
188. Labadi, S. (2015), *UNESCO, Cultural Heritage, and Outstanding Universal Value: Value-based Analyses of the World Heritage and Intangible Cultural Heritage Conventions*, Lanham: AltaMira Press.
189. Leask, A. (2010), "Progress in visitor attraction research: Towards more effective management", *Tourism Management*, 31, pp. 155-166.
190. Lixinski, L. (2013), *Intangible Cultural Heritage in International Law*, Oxford: Oxford University Press.
191. Putnam, R. D. (2000), *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*, New York: Simon & Schuster.
192. Russo, A. P. (2002), "The 'vicious circle' of tourism development in heritage cities", *Annals of Tourism Research*, 29(1), pp. 165-182.
193. Throsby, D. (1999), "Cultural capital", *Journal of Cultural Economics*, 23, pp. 3-12.
194. Timothy, D. J. and Nyaupane, G. P. (2009), *Cultural Heritage and Tourism in the Developing World: A Regional Perspective*, London: Routledge.
195. Tzanakis, M. (2011), "Bourdieu's social reproduction thesis and the role of cultural capital in educational attainment: A critical review of key empirical studies", *Revue LISA/LISA e-journal*, 9(1), pp. 117-134. DOI: 10.4000/lisa.4065.

196. UNESCO (2013), *The Hangzhou Declaration: Placing Culture at the Heart of Sustainable Development Policies*, Hangzhou, China, 17 May 2013.
197. United Nations (1987), *Our Common Future* (Brundtland Report), New York: United Nations.
198. Wheatcroft, A. (1995), *Managing Quality Cultural Tourism*, London: Great Britain, pp. 127.

*** Tài liệu Web**

199. Lễ hội Hoa Lư năm 2024 hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế,
<https://nbtv.vn/video/le-hoi-hoa-lu-nam-2024-hap-dan-du-khach-trong-nuoc-va-quoc-te>
200. Tổng thuật Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam <https://baochinhphu.vn/cap-nhat-thu-tuong-chu-tri-hoi-nghi-toan-quoc-ve-phat-trien-cac-nganh-cong-nghiep-van-hoa-viet-nam-102231222082337374.htm>
201. <https://baoninhbinh.org.vn/xay-dung-phat-trien-do-thi-tinh-ninh-binh-den-nam-2030-dat-tieu-chi-do-thi-loai-251218182351108.html>
202. Ninh Bình hướng đến trung tâm kinh tế tại đồng bằng sông Hồng với "6 hành lang phát triển" đặc biệt
<https://sodulich.ninhbinh.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/gop-y-du-thao-nghi-quyet-de-an-va-chinh-sach-phat-trien-du-lich-cong-nghiep-van-hoa-tro-thanh-cum-nganh-kinh-te-mui-nhon-cua-tinh-giai-doan-2025-2030-tam-nhin-den-nam-2050-2415.html>
203. “Nơi diễn ra “Chân trời rực rỡ” của ca sĩ Hà Anh Tuấn có gì đặc biệt?”
<https://dantri.com.vn/van-hoa/noi-dien-ra-chan-troi-ruc-ro-cua-ca-si-ha-anh-tuan-co-gi-dac-biet-20230217124126209.htm>
204. “Gần 170 nghìn lượt khách đến Ninh Bình dịp Lễ hội Hoa Lư năm 2025”
<https://baoninhbinh.org.vn/gan-170-nghin-luot-khach-den-ninh-binh-dip-le-hoi-hoa-lu-775548.htm>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC.....	217
PHỤ LỤC 2: QUY ƯỚC MÃ HÓA VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC.....	230
PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	233
PHỤ LỤC 4: KHÔNG GIAN KINH ĐÔ HOA LƯ' THỜI ĐÌNH - TIỀN LÊ.....	248
PHỤ LỤC 5: SƠ ĐỒ KINH ĐÔ HOA LƯ'	249
PHỤ LỤC 6: SƠ ĐỒ THĂM QUAN KHU DI TÍCH CỔ ĐÔ HOA LƯ'	250
PHỤ LỤC 7: MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KHU DI TÍCH CỔ ĐÔ HOA LƯ'.....	251

- Tiểu học (cấp 1): ☐ - Trung học cơ sở (cấp 2): ☐
- Trung học phổ thông (cấp 3): ☐ - Trung cấp: ☐
- Cao đẳng: ☐ - Đại học: ☐ - Sau đại học: ☐

6. Nghề nghiệp:

Nghề nghiệp	Lựa chọn
1. Làm nông nghiệp	
2. Công chức/viên chức	
3. Lao động, buôn bán, kinh doanh, cung cấp các dịch vụ trong các khu du lịch (xin ghi rõ công việc cụ thể).....	
4. Công nhân	
5. Lao động tự do	
6. Lực lượng vũ trang	
7. Nghỉ hưu	
8. Học sinh, sinh viên	
9. Khác (xin ghi rõ...):	

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Địa phương Ông/bà có thường tổ chức các lễ hội và sinh hoạt văn hóa trong không gian các di tích lịch sử - văn hóa thuộc khu di tích Cố đô Hoa Lư không?

☐ Không bao giờ

☐ Thỉnh thoảng (xin ghi rõ các lễ hội và sinh hoạt văn hóa được tổ chức)

.....

☐ Thường xuyên (xin ghi rõ các lễ hội và sinh hoạt văn hóa được tổ chức)

Câu 2. Ông/bà đã tham gia các hoạt động lễ hội và sinh hoạt văn hóa trong không gian các di tích lịch sử - văn hóa thuộc khu di tích Cố đô Hoa Lư như thế nào?

☐ Không bao giờ

☐ Thỉnh thoảng

☐ Thường xuyên

Câu 3. Ông/bà vui lòng cho biết những hoạt động dưới đây được tổ chức tại không gian di tích Cổ đô Hoa Lư như thế nào?

Nội dung	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Lễ hội Hoa Lư			
2. Đi lễ phủ, đền, chùa...			
3. Triển lãm, trưng bày			
4. Thư pháp, xin chữ			
5. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật			
6. Hội họp			
7. Khác (Xin ghi rõ):			

Câu 4. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về chất lượng tổ chức, quản lý các hoạt động du lịch ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư hiện nay như thế nào?

☐ Kém

☐ Bình thường

☐ Tốt

Lý do lựa chọn:

Câu 5. Ông/ bà đã tham gia Lễ hội Hoa Lư với những vai trò dưới đây như thế nào?

Vai trò	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Thành viên ban tổ chức lễ hội			
2. Thành viên đội rước			
3. Thành viên đội tế lễ			
4. Thành viên đội kéo chữ “Thái Bình”			
5. Thành viên đội diễn tích “Cờ lau tập trận”			
6. Thành viên thi chèo thuyền			
7. Thành viên đội văn nghệ quần chúng			
8. Đi chơi hội, đi dự hội			
9. Khác (xin ghi rõ):.....			

Câu 6: Ông/bà đã tham gia vào những hoạt động đi lễ phủ, đền, chùa... trong khu di tích Cố đô Hoa Lư như thế nào?

Hoạt động	Mức độ		
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Đi lễ vào ngày thường			
2. Đi lễ vào cuối tuần			
3. Đi lễ vào ngày rằm, mùng 1 đầu tháng (Âm lịch)			
4. Đi lễ vào dịp lễ hội, ngày tết			
5. Khác (Xin ghi rõ...)			

Câu 7. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ hiểu biết về các nội dung dưới đây của mình về khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Mức độ		
	Không biết	Biết một phần	Biết rõ
1. Kinh đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỷ X, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt- nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước Việt Nam sau nghìn năm Bắc thuộc			
2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm 2012, là đế đô của quốc gia Đại Cồ Việt dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý vào thế kỷ X			
3. Các bảo vật quốc gia ở Cố đô Hoa Lư là: Cặp long sàng ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng; Bộ Phủ Việt ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng và ở Đền vua Lê Đại Hành; Bộ sưu tập cột kinh Phật ở Cố đô Hoa Lư đang được bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và cột kinh Phật ở chùa Nhất Trụ.			
4. Lễ hội Hoa Lư được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2014			

Câu 8. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về các giá trị của hệ thống di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư hiện nay?

Giá trị	Mức độ		
	Không hấp dẫn	Bình Thường	Hấp dẫn
1. Giá trị về cảnh quan thiên nhiên			
2. Giá trị lịch sử			
3. Giá trị văn hóa			
4. Giá trị nghệ thuật			
5. Giá trị kinh tế			
6. Giá trị tâm linh, tín ngưỡng			

Câu 9. Hệ thống di sản văn hóa ở Cố đô Hoa Lư thỏa mãn những nhu cầu dưới đây của ông/bà như thế nào? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Nội dung	Lựa chọn
1. Nhu cầu tìm hiểu lịch sử- văn hóa truyền thống của dân tộc	
2. Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng	
3. Nhu cầu kinh tế	
4. Nhu cầu học tập	
5. Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật	
6. Nhu cầu cổ kết cộng đồng	
7. Nhu cầu vui chơi, giải trí	
8. Khác (xin ghi rõ)	

Câu 10. Qua thực tiễn thời gian qua, ông/bà đánh giá như thế nào về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư?

☐ 1. Kém ☐ 2. Bình thường ☐ 3. Tốt

Lý do lựa chọn:.....

Câu 11. Theo ông/bà hệ thống di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương như thế nào?

☐ Không thúc đẩy ☐ Bình thường ☐ Thúc đẩy

Câu 12. Ông/ bà có đề xuất gì để khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa khu di tích Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Với chính quyền:

.....

Với người dân:

.....

Với du khách:

.....

Khác (xin ghi rõ):.....

1.2. PHIẾU DÀNH CHO KHÁCH DU LỊCH

Để nhận diện vai trò của hệ thống di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và có cơ sở đánh giá, đưa ra các biện pháp hiệu quả nhằm phát huy vai trò của di sản văn hoá Cố đô Hoa Lư với phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn, giữ gìn di sản văn hoá của tỉnh Ninh Bình, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý ông/bà về những nội dung dưới đây. Ông/bà vui lòng đánh dấu (X) vào ☐ phù hợp với ý kiến của mình theo các mức độ tương ứng hoặc ghi cụ thể những ý kiến cá nhân của ông/bà trong các câu hỏi. Thông tin của quý vị sẽ được bảo mật tuyệt đối và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của ông/bà!

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên:**

2. **Ông/bà là:** 1. Nam: ☐ 2. Nữ: ☐

3. **Tuổi:** ☐ 1. Dưới 18 tuổi ☐ 2. Từ 18 - 30 tuổi ☐ 3. Từ 31 - 45 tuổi
☐ 4. Từ 46 - 60 tuổi ☐ 5. Trên 60 tuổi

4. **Trình độ đào tạo:**

- Tiểu học (cấp 1): ☐ - Trung học cơ sở (cấp 2): ☐
 - Trung học phổ thông (cấp 3): ☐ - Trung cấp: ☐
 - Cao đẳng: ☐ - Đại học: ☐ - Sau đại học: ☐

5. **Nghề nghiệp**

Nghề nghiệp	Lựa chọn
1. Học sinh	
2. Làm nông nghiệp	
3. Công chức/viên chức	
4. Công nhân	
5. Lao động tự do	
6. Lực lượng vũ trang	
7. Nghỉ hưu	
8. Sinh viên	
9. Khác (xin ghi rõ...)	

6. Ông bà là người đến từ:

1. Tỉnh Ninh Bình: ☐
2. Du khách thập phương: ☐
3. Khách du lịch người nước ngoài: ☐

7. Ông/bà đi du lịch theo hình thức nào?

- ☐ 1. Cá nhân ☐ 2. Gia đình
- ☐ 3. Theo tour du lịch ☐ 4. Khác (xin ghi rõ):.....

8. Ông/bà biết về Cố đô Hoa Lư qua kênh thông tin nào?

- ☐ 1. Các phương tiện truyền thông (phát thanh, truyền hình, Website...)
- ☐ 2. Mạng xã hội
- ☐ 3. Tour du lịch
- ☐ 4. Các kênh khác: Gia đình, bạn bè, nhà trường...

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Điều gì khiến Ông/bà quyết định đến thăm quan, trải nghiệm khu di tích Cố đô Hoa Lư?

.....

Câu 2. Ông/bà đã đến thăm quan, trải nghiệm khu di tích Cố đô Hoa Lư với tần suất như thế nào?

- ☐ 1. Lần đầu ☐ 2. Lần thứ 2 ☐ 3. Trên 3 lần

Ông/bà có dự định sẽ quay trở lại nơi đây hay không?

- ☐ 1. Không bao giờ ☐ 2. Phân vân ☐ 3. Chắc chắn sẽ quay lại

Vui lòng cho biết lý do mà ông/bà lựa chọn phương án đó:

.....

Câu 3. Trong quá trình thăm quan, trải nghiệm ở khu di tích Cố đô Hoa Lư, Ông/bà đã tham gia những hoạt động dưới đây như thế nào? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Hoạt động	Lựa chọn
1. Thăm quan các di tích lịch sử - văn hóa ở Cố đô Hoa Lư	
2. Tham gia lễ hội Hoa Lư	
3. Đi lễ phủ, đền, chùa	
4. Tham gia buổi triển lãm, trưng bày	

Hoạt động	Lựa chọn
5. Chụp ảnh lưu niệm	
6. Thưởng thức ẩm thực vùng miền	
7. Thưởng thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật	
8. Xin chữ	
Khác (xin ghi rõ).....	

Câu 4. Ông/bà đánh giá như thế nào về các dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay?

Nội dung	Mức độ		
	Hấp dẫn	Bình thường	Không hấp dẫn
1. Đồ lưu niệm			
2. Thuyết minh, hướng dẫn du lịch			
3. Biểu diễn nghệ thuật			
4. Hoạt động thư pháp, xin chữ			
5. Dịch vụ chụp ảnh			
6. Kinh doanh sản vật địa phương: Dược liệu, ẩm thực...			
7. Các dịch vụ khác: bán hàng, trông xe, bảo vệ, xe ôm,...			
8. Khác (Xin ghi rõ):			

Câu 5. Ông/bà có sử dụng dịch vụ thuyết minh/hướng dẫn viên du lịch khi tới Cố đô Hoa Lư hay không?

☐ 1. Có

☐ 2. Không

Nếu có, xin vui lòng đánh giá về chất lượng của đội ngũ thuyết minh/hướng dẫn viên du lịch:

☐ 1. Chưa tốt

☐ 2. Bình thường

☐ 3. Tốt

Câu 6. Ông/bà vui lòng đánh giá về giá vé thăm quan và các chi phí dịch vụ tại Cố đô Hoa Lư?

☐ 1. Rẻ ☐ 2. Bình thường ☐ 3. Đắt

Câu 7. Ông/bà vui lòng cho biết mình đã mua sắm các sản phẩm đặc trưng nào tại đây?

☐ 1. Đồ lưu niệm ☐ 2. Đặc sản ẩm thực ☐ 3. Không mua sắm
☐ Khác (xin ghi rõ)

Câu 8. Ông/bà vui lòng cho biết số tiền mà mình đã chi tiêu khi thăm quan Cố đô Hoa Lư?

☐ 1. Dưới 3 triệu ☐ 2. Từ 3 - 5 triệu ☐ 3. Trên 5 triệu

Câu 9. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Mức độ		
	Kém	Bình thường	Tốt
1. Hệ thống đường giao thông			
2. Phương tiện, xe cộ phục vụ di chuyển			
3. Các cơ sở lưu trú, nhà nghỉ, khách sạn			
4. Cơ sở ăn uống			
5. Cơ sở vui chơi giải trí			
6. Công trình vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường			
7. An ninh trật tự xã hội			
8. Hệ thống bản đồ, biển chỉ dẫn			
9. Khác (Ghi rõ):			

Câu 10. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về chất lượng tổ chức, quản lý các hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay như thế nào?

☐ 1. Kém ☐ 2. Bình thường ☐ 3. Tốt

Lý do lựa chọn:

Câu 11. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ hiểu biết về những nội dung dưới đây sau khi thăm quan, trải nghiệm khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Mức độ		
	Không biết	Biết một phần	Biết rõ
1. Kinh đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỷ X, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước Việt Nam sau nghìn năm Bắc thuộc			
2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm 2012, là đế đô của quốc gia Đại Cồ Việt dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý vào thế kỷ X			
3. Các bảo vật quốc gia ở Cố đô Hoa Lư là: Cặp long sàng ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng; Bộ Phủ Việt ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng và ở Đền vua Lê Đại Hành; Bộ sưu tập cột kinh Phật ở Cố đô Hoa Lư đang được bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và cột kinh Phật ở chùa Nhất trụ.			
4. Lễ hội Hoa Lư được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2014			

Câu 12. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về các giá trị của hệ thống di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư hiện nay?

Giá trị	Mức độ		
	Không hấp dẫn	Bình thường	Hấp dẫn
1. Giá trị về cảnh quan thiên nhiên			
2. Giá trị lịch sử			
3. Giá trị văn hóa			
4. Giá trị kiến trúc, nghệ thuật			
5. Giá trị kinh tế			
6. Giá trị tâm linh, tín ngưỡng			

Câu 13: Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về các sản phẩm du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay?

Sản phẩm du lịch	Mức độ		
	Không hấp dẫn	Bình thường	Hấp dẫn
1. Du lịch lễ hội			
2. Du lịch tâm linh, tín ngưỡng			
3. Du lịch thăm quan, tìm hiểu di tích lịch sử- văn hóa			
4. Du lịch thăm quan danh lam - thắng cảnh			

Câu 14. Ông/bà vui lòng cho biết thăm quan, trải nghiệm di sản văn hóa ở Cố đô Hoa Lư thỏa mãn những nhu cầu dưới đây của ông/bà như thế nào? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Nội dung	Lựa chọn
1. Nhu cầu tìm hiểu lịch sử- văn hóa truyền thống của dân tộc	
2. Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng	
3. Nhu cầu kinh tế	
4. Nhu cầu học tập	
5. Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật	
6. Nhu cầu cổ kết cộng đồng	
7. Nhu cầu vui chơi, giải trí	
8. Khác (xin ghi rõ)	

Câu 15. Ông/bà vui lòng cho biết cảm nhận của mình về vùng đất Ninh Bình thông qua hoạt động thăm quan, trải nghiệm du lịch trong khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Các mức độ		
	Ấn tượng	Bình thường	Không ấn tượng
1. Vùng đất cổ, giàu truyền thống lịch sử- văn hóa			
2. Di sản văn hóa phong phú, đa dạng, đặc sắc			

Nội dung	Các mức độ		
	Ấn tượng	Bình thường	Không ấn tượng
3. Cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nhiều thắng cảnh nổi tiếng			
4. Con người hiền lành, thân thiện, chăm chỉ, năng động, sáng tạo			
5. Sản vật địa phương đặc sắc, hấp dẫn			
6. Đô thị sầm uất, văn minh, hiện đại			

Câu 16. Thông qua thăm quan, ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình đối về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư?

☐ 1. Kém

☐ 2. Bình thường

☐ 3. Tốt

Lý do lựa chọn:.....

Câu 17. Ông/ bà có đề xuất gì để khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa khu di tích Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển du lịch tại đây?

Đối với chính quyền:.....

.....

Đối với Trung tâm bảo tồn di tích:.....

.....

Đối với người dân:.....

Khác (Xin ghi rõ):.....

.....

PHỤ LỤC 2
QUY ƯỚC MÃ HÓA VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

1. Phần mềm và phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu được từ điều tra bằng phiếu hỏi được mã hóa và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 16.0. Các phép thống kê được sử dụng gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm (%), điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), tùy theo nội dung và mục đích của từng câu hỏi khảo sát.

2. Quy ước mã hóa các phương án trả lời

Đối với các câu hỏi sử dụng thang đo 3 mức, các phương án trả lời được mã hóa theo nguyên tắc: mức độ thấp nhất được mã hóa là 1; mức độ trung gian được mã hóa là 2; mức độ cao nhất được mã hóa là 3.

Tùy theo nội dung của từng câu hỏi, các mức điểm được quy định như sau:

Nội dung đo lường	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tính hấp dẫn	Không hấp dẫn	Bình thường	Hấp dẫn
Tần suất thực hiện/tham gia	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Mức độ đánh giá chất lượng	Kém/Chưa tốt	Bình thường	Tốt
Mức độ hiểu biết	Không biết	Biết một phần	Biết rõ
Mức độ ấn tượng	Không ấn tượng	Bình thường	Ấn tượng
Mức độ thúc đẩy	Không thúc đẩy	Bình thường	Thúc đẩy

Việc mã hóa được thực hiện theo đúng nội dung và chiều hướng của từng câu hỏi trong phiếu khảo sát. Giá trị điểm càng cao thể hiện mức độ của thuộc tính được đo lường càng cao theo chiều hướng đã quy ước.

3. Tính điểm trung bình

Điểm trung bình được sử dụng để phản ánh mức độ đánh giá hoặc mức độ thực hiện của đối tượng khảo sát đối với từng nội dung.

Công thức tính: $\bar{X} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$

Trong đó: $\bar{X}$: Số trung bình cộng

$\sum_{i=1}^n x_i$: Tổng điểm đạt được của khách thể nghiên cứu
 + n: số khách thể được nghiên cứu

Đối với các bảng có nhiều nội dung/tiêu chí, điểm trung bình chung được tính theo điểm trung bình của các nội dung thành phần khi các nội dung có cùng thang đo và cùng trọng số. Việc làm tròn số được thực hiện đến hai chữ số thập phân.

***Phân loại điểm trung bình theo thang đo 3 mức**

Khoảng cách giữa các mức được xác định bằng hiệu giữa giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất, chia cho số mức. Với thang đo từ 1 đến 3 và có 3 mức, khoảng cách giữa các mức là được tính theo công thức: $\Delta = (X_{\max} - X_{\min})/k = (3 - 1)/3 = 0,67$

Trong đó: Δ : Khoảng cách giữa các mức

$X_{\max}$: điểm cao nhất của thang đo, bằng 3

$X_{\min}$: Điểm thấp nhất của thang đo, bằng 1

K: số mức của thang đo, bằng 3

Trên cơ sở đó, điểm trung bình được phân thành ba khoảng:

Khoảng ĐTB	Mức độ
1,00 - 1,66	Mức 1
1.67 - 2.33	Mức 2
2.34 - 3.00	Mức 3

Tên gọi cụ thể của mỗi mức được xác định theo nội dung của từng thang đo.

Ví dụ, đối với thang đo tính hấp dẫn: 1,00 -1,66: Không hấp dẫn;

1,67 - 2,33: Bình thường;

2,34 - 3,00: Hấp dẫn.

Đối với thang đo tần suất: 1,00 -1,66: Không bao giờ;
 1,67- 2,33: Thỉnh thoảng;
 2,34- 3,00: Thường xuyên.

Việc phân loại điểm trung bình được áp dụng thống nhất đối với các câu hỏi sử dụng thang đo 3 mức, trên cơ sở bảo đảm phù hợp với nội dung và chiều hướng của từng thang đo.

4. Tính tỷ lệ phần trăm

Tỷ lệ phần trăm được sử dụng để phản ánh cơ cấu và mức độ phân bố câu trả lời của các đối tượng khảo sát.

$$\text{Công thức tính: Tỷ lệ \%} = \frac{m \times 100}{n}$$

-Trong đó:

+ (m): Số lượng khách thể trả lời

+ (n): Số lượng khách thể nghiên cứu

Tỷ lệ phần trăm được làm tròn đến một chữ số thập phân.

5. Độ lệch chuẩn

Độ lệch chuẩn (ĐLC) được sử dụng để phản ánh mức độ phân tán của các câu trả lời xung quanh điểm trung bình. ĐLC càng nhỏ cho thấy các câu trả lời có xu hướng tập trung hơn quanh ĐTB, tức mức độ đồng thuận giữa các đối tượng khảo sát tương đối cao; ĐLC càng lớn cho thấy các câu trả lời phân tán hơn và mức độ khác biệt trong đánh giá giữa các đối tượng cao hơn.

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

3.1. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:.....

2. Ông/bà là:

Giới tính	Số lượng	%
Nam	155	44.3
Nữ	195	55.7
Tổng	350	100.0

3. Tuổi:

Độ tuổi	Số lượng	%
1. Dưới 18 tuổi	43	12.3
2. Từ 18 - 30 tuổi	41	11.7
3. Từ 31 - 45 tuổi	102	29.1
4. Từ 46 - 60 tuổi	105	30.0
5. Trên 60 tuổi	59	16.9
Tổng	350	100.0

4. Địa chỉ: Thôn/xóm- xã/phường-huyện/thành phố:

.....
.....

5. Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Số lượng	%
1. Tiểu học (cấp 1)	6	1.7
2. Trung học cơ sở (cấp 2)	70	20.0
3. Trung học phổ thông (cấp 3)	69	19.7
4. Trung cấp	35	10.0
5. Cao đẳng	45	12.9
6. Đại học	68	19.4
7. Sau đại học	57	16.3
Tổng	350	100.0

6. Nghề nghiệp:

Nghề nghiệp	Số lượng	%
1.Làm nông nghiệp	17	4.9
2.Công chức/viên chức	41	11.7
3.Lao động, buôn bán, kinh doanh, cung cấp các dịch vụ trong các khu du lịch (xin ghi rõ công việc cụ thể): xe ôm, thợ chụp ảnh, chủ nhà hàng	98	28.0
4.Công nhân	21	6.0
5.Lao động tự do	39	11.1
6.Lực lượng vũ trang	3	.9
7.Nghỉ hưu	28	8.0
8.Học sinh, sinh viên	55	15.7
9.Khác (xin ghi rõ...)	48	13.7
Tổng	350	100.0

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Địa phương Ông/bà có thường tổ chức các lễ hội và sinh hoạt văn hóa trong không gian các di tích lịch sử - văn hóa thuộc khu di tích Cố đô Hoa Lư không?

Nội dung	Số lượng	%
1. Không bao giờ		
2. Thỉnh thoảng	43	12.3
3. Thường xuyên	307	87.7
Tổng	350	100.0

Các lễ hội người dân thường xuyên tham dự là:

Câu 2. Ông/bà đã tham gia các hoạt động lễ hội và sinh hoạt văn hóa trong không gian các di tích lịch sử - văn hóa thuộc khu di tích Cố đô Hoa Lư như thế nào?

Nội dung	Số lượng	%
1. Không bao giờ	3	0.9
2. Thỉnh thoảng	61	17.4
3. Thường xuyên	286	81.7
Tổng	350	100.0

Câu 3. Ông/bà vui lòng cho biết những hoạt động dưới đây được tổ chức tại không gian di tích Cố đô Hoa Lư như thế nào?

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Lễ hội Hoa Lư	2.94	0.2	1
2. Đi lễ phủ, đền, chùa...	2.93	0.2	2
3. Triển lãm, trưng bày	2.92	0.2	3
4. Thư pháp, xin chữ	2.90	0.3	5
5. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật	2.91	0.2	4
6. Hội họp	1.47	0.8	6
ĐTB Chung	2.71	0.2	

Câu 4: Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về chất lượng tổ chức, quản lý các hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay như thế nào?

Nội dung	Số lượng	%
1. Kém	0	0
2. Bình thường	43	12.3
3. Tốt	307	87.7
Tổng	350	100.0

Câu 5. Ông/ bà đã tham gia Lễ hội Hoa Lư với những vai trò dưới đây như thế nào?

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Thành viên ban tổ chức lễ hội	1.01	0.6	8
2. Thành viên đội rước	1.27	0.5	2
3. Thành viên đội tế lễ	1.15	0.4	4
4. Thành viên đội kéo chữ “Thái Bình”	1.07	0.1	7
5. Thành viên đội diễn tích “Cờ lau tập trận”	1.19	0.5	3
6. Thành viên thi chèo thuyền	1.11	0.3	6
7. Thành viên đội văn nghệ quần chúng	1.12	0.3	5
8. Đi chơi hội, đi dự hội	1.96	0.5	1
Khác: tham gia thi bày mâm ngũ quả, chơi tổ tôm điểm, chơi gà...			
ĐTB Chung	1.13	0.2	

Câu 6: Ông/bà đã tham gia vào những hoạt động đi lễ phủ, đền, chùa... trong khu di tích Cố đô Hoa Lư như thế nào?

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Đi lễ vào ngày thường	2.20	0.7	4
2. Đi lễ vào cuối tuần	2.25	0.66	3
3. Đi lễ vào ngày rằm, mùng 1 đầu tháng (Âm lịch)	2.40	0.7	1
4. Đi lễ vào dịp lễ hội, ngày tết	2.32	0.7	2
ĐTB Chung	2.29	0.6	

Câu 7. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ hiểu biết về các nội dung dưới đây của mình về khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Các mức độ					
	Không biết		Biết một phần		Biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
1.Kinh đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỷ X, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước Việt Nam sau nghìn năm Bắc thuộc	10	2.9	236	67.4	104	29.7
2.Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm 2012, là đế đô của quốc gia Đại Cồ Việt dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý vào thế kỷ X	10	2.9	238	68.0	102	29.1
3.Các bảo vật quốc gia ở Cố đô Hoa Lư là: Cặp long sàng ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng; Bộ Phủ	11	3.1	226	64.6	113	32.3

Nội dung	Các mức độ					
	Không biết		Biết một phần		Biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
Viết ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng và ở Đền vua Lê Đại Hành; Bộ sưu tập cột kinh Phật ở Cố đô Hoa Lư đang được bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và cột kinh Phật ở chùa Nhất Trụ						
4.Lễ hội Hoa Lư được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2014	10	2.9	225	64.3	115	32.9

Câu 8. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về các giá trị của hệ thống di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư hiện nay?

Giá trị	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Giá trị về cảnh quan thiên nhiên	2.90	0.3	4
2. Giá trị lịch sử	2.93	0.2	2
3. Giá trị văn hóa	2.93	0.2	2
4. Giá trị kiến trúc, nghệ thuật	2.93	0.2	2
5. Giá trị kinh tế	2.92	0.2	3
6. Giá trị tâm linh, tín ngưỡng	2.95	0.2	1
ĐTB Chung	2.93	0.2	

Câu 9. Hệ thống di sản văn hóa ở Cố đô Hoa Lư thỏa mãn những nhu cầu dưới đây của ông/bà như thế nào? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Nội dung	Số lượng	%
1.Nhu cầu tìm hiểu lịch sử- văn hóa truyền thống của dân tộc	342	97.7
2.Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng	341	97.4
3.Nhu cầu kinh tế	330	94.3

Nội dung	Số lượng	%
4.Nhu cầu học tập	338	96.6
5.Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật	338	96.6
6.Nhu cầu cổ kết cộng đồng	336	96.0
7. Nhu cầu vui chơi, giải trí	335	95.7

Câu 10. Qua thực tiễn thời gian qua, ông/bà đánh giá như thế nào về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư?

Nội dung	Số lượng	%
1.Kém	2	0.6
2.Bình thường	48	13.7
3.Tốt	300	85.7
Tổng	350	100.0

Câu 11. Theo ông/bà hệ thống di sản văn hóa Cổ đô Hoa Lư đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương như thế nào?

Nội dung	Số lượng	%
1. Không thúc đẩy	2	0.6
2. Bình thường	38	10.8
3. Thúc đẩy	310	88.6
Tổng	350	100.0

Câu 12. Ông/ bà có đề xuất gì để khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa khu di tích Cổ đô Hoa Lư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Với chính quyền:

Với người dân:

Với du khách:

Khác (xin ghi rõ):.....

.....

3.2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC KHÁCH DU LỊCH

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

2. Ông/bà là:

Giới tính	Số lượng	%
Nam	69	34.5
Nữ	131	65.5
Tổng	200	100.0

3. Tuổi:

Độ tuổi	Số lượng	%
1. Dưới 18 tuổi	41	20.5
2. Từ 18 - 30 tuổi	33	16.5
3. Từ 31 - 45 tuổi	52	26.0
4. Từ 46 - 60 tuổi	46	23.0
5. Trên 60 tuổi	28	14.0
Tổng	200	100.0

4. Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Số lượng	%
1. Tiểu học (cấp 1)	2	1.0
2. Trung học cơ sở (cấp 2)	44	22.0
3. Trung học phổ thông (cấp 3)	38	19.0
4. Trung cấp	14	7.0
5. Cao đẳng	12	6.0
6. Đại học	64	32.0
7. Sau đại học	26	13.0
Tổng	200	100.0

5. Nghề nghiệp

Nghề nghiệp	Số lượng	%
1. Học sinh	43	21.5
2. Làm nông nghiệp	18	9.0
3. Công chức/viên chức	50	25.0
4. Công nhân	10	5.0
5. Lao động tự do	32	16.0
6. Lực lượng vũ trang	5	2.5
7. Nghỉ hưu	22	11.0
8. Sinh viên	13	6.5
9. Khác (xin ghi rõ...)	7	3.5
Tổng	200	100.0

6. Ông bà là người đến từ:

	Số lượng	%
1. Tỉnh Ninh Bình	47	23.5
2. Du khách thập phương	153	76.5
3. Khách du lịch người nước ngoài	0	0

7. Ông/bà đi du lịch theo hình thức nào?

Hình thức	Số lượng	%
1. Cá nhân	20	10.0
2. Gia đình	111	55.5
3. Theo tour du lịch	12	6.0
4. Hình thức khác	57	28.5

8. Ông/bà biết về Cố đô Hoa Lư qua kênh thông tin nào?

Kênh thông tin	Số lượng	%
1. Các phương tiện truyền thông: phát thanh, truyền hình, Website...	61	30.5
2. Mạng xã hội	105	52.5
3. Tour du lịch	8	4.0
4. Các kênh khác: Gia đình, bạn bè, Nhà trường...	26	13.0

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Điều gì khiến Ông/bà quyết định đến thăm quan, trải nghiệm khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Câu 2: Ông/bà đã đến thăm quan, trải nghiệm khu di tích Cố đô Hoa Lư với tần suất thế nào?

Tần suất	Số lượng	%
1. Lần đầu	134	67.0
2. Lần thứ 2	51	25.5
3. Trên 3 lần	15	7.5

Ông/ bà có dự định quay trở lại đây hay không?

Nội dung	Số lượng	%
1. Không bao giờ	1	0.5
2. Phân vân	109	54.5
3. Chắc chắn sẽ quay lại	90	45.0

Câu 3: Trong quá trình thăm quan, trải nghiệm ở khu di tích Cố đô Hoa Lư, Ông/bà đã tham gia những hoạt động dưới đây như thế nào? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Hoạt động	Lựa chọn	%
1. Thăm quan các di tích lịch sử - văn hóa ở Cố đô Hoa Lư	192	96.0
2. Tham gia lễ hội Hoa Lư	124	62.0
3. Đi lễ phủ, đền, chùa...	157	78.5
4. Tham gia buổi triển lãm, trưng bày	150	75.0
5. Chụp ảnh lưu niệm	150	75.0
6. Thưởng thức ẩm thực vùng miền	99	49.5
7. Thưởng thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật	168	84.0
8. Xin chữ	70	35.0
Khác: tham gia trò chơi dân gian, xem đua thuyền, cắm trại, thưởng thức múa rối nước, các sinh hoạt văn hóa tập thể với người dân địa phương...		

Câu 4: Ông/bà đánh giá như thế nào về các dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ du lịch ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư hiện nay?

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Đồ lưu niệm	2.36	0.4	4
2. Thuyết minh, hướng dẫn du lịch	2.82	0.4	2
3. Biểu diễn nghệ thuật	2.92	0.2	1
4. Hoạt động thư pháp, xin chữ	2.54	0.5	3
5. Dịch vụ chụp ảnh	1.92	0.6	7
6 Kinh doanh sản vật địa phương: Dược liệu, ẩm thực...	2.25	0.4	5
7. Các dịch vụ khác: bán hàng, trông xe, bảo vệ, xe ôm,...	2.22	0.4	6
ĐTB Chung	2.43	0.2	

Câu 5. Ông/bà có sử dụng dịch vụ thuyết minh/hướng dẫn viên du lịch khi tới Cổ đô Hoa Lư hay không?

Nội dung	Số lượng	%
1. Có	71	35.5
2. Không	129	64.5
Tổng	200	100.0

Nếu có, xin vui lòng trả lời câu hỏi dưới đây. Nếu không sử dụng dịch vụ hướng dẫn viên du lịch xin vui lòng bỏ qua:

Quý khách vui lòng đánh giá về chất lượng của đội ngũ hướng dẫn viên du lịch:

Nội dung	Số lượng	%
1. Chưa tốt	1	1.4
2. Bình thường	7	9.9
3. Tốt	63	88.7
Tổng	71	100.0

Câu 6: Ông/bà vui lòng đánh giá về giá vé thăm quan và các chi phí dịch vụ tại Cố đô Hoa Lư

Nội dung	Số lượng	%
1. Rẻ	100	50.0
2. Bình thường	100	50.0
3. Đắt	0	0
Tổng	200	100.0

Câu 7: Ông/bà vui lòng cho biết mình đã mua sắm các sản phẩm đặc trưng nào tại đây?

Nội dung	Số lượng	%
1. Đồ lưu niệm	60	30.0
2. Đặc sản ẩm thực	43	21.5
3. Không mua sắm	97	48.5
Tổng	200	100.0

Câu 8: Ông/bà vui lòng cho biết số tiền mà mình đã chi tiêu khi thăm quan Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Số lượng	%
1. Dưới 3 triệu	139	69.5
2. Từ 3 - 5 triệu	51	25.5
3. Trên 5 triệu	10	5.0
Tổng	200	100.0

Câu 9: Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư? (kém, bình thường, tốt)

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Hệ thống đường giao thông	2.84	0.3	2
2. Phương tiện, xe cộ phục vụ di chuyển	2.86	0.3	1
3. Các cơ sở lưu trú, nhà nghỉ, khách sạn	2.74	0.4	3
4. Cơ sở ăn uống	2.67	0.4	4
5. Cơ sở vui chơi giải trí	2.22	0.4	7

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
6. Công trình vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường	2.55	0.5	6
7. An ninh trật tự xã hội	2.84	0.3	2
8. Hệ thống bản đồ, biển chỉ dẫn	2.64	0.4	5
ĐTB Chung	2.67	0.2	

Câu 10: Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về chất lượng tổ chức, quản lý các hoạt động du lịch ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư hiện nay như thế nào?

Nội dung	Số lượng	%
1. Kém	2	1.0
2. Bình thường	51	25.5
3. Tốt	147	73.5
Tổng	200	100.0

Lý do lựa chọn:

.....

Câu 11: Ông/bà vui lòng cho biết mức độ hiểu biết về những nội dung dưới đây sau khi thăm quan, trải nghiệm khu di tích Cổ đô Hoa Lư?

Nội dung	Các mức độ					
	Không biết		Biết một phần		Biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Kinh đô Hoa Lư được xây dựng vào thế kỷ X, là kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên của nước Việt Nam sau nghìn năm Bắc thuộc	4	2.0	77	38.5	119	59.5
2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cổ đô Hoa Lư được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt năm	2	1.0	77	38.5	121	60.5

Nội dung	Các mức độ					
	Không biết		Biết một phần		Biết rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%
2012, là đế đô của quốc gia Đại Cồ Việt dưới triều đại nhà Đinh, Tiền Lê và đầu nhà Lý vào thế kỷ X						
3. Các bảo vật quốc gia ở Cố đô Hoa Lư là: Cặp long sàng ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng; Bộ Phủ Việt ở Đền vua Đinh Tiên Hoàng và ở Đền vua Lê Đại Hành; Bộ sưu tập cột kinh phật ở Cố đô Hoa Lư đang được bảo quản ở Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và cột kinh phật ở chùa Nhất trụ.	7	3.5	85	42.5	108	54.0
4. Lễ hội Hoa Lư được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2014	5	2.5	59	29.5	136	68.0

Câu 12: Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về các giá trị của hệ thống di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư hiện nay? (không hấp dẫn, bình thường, hấp dẫn)

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Giá trị về cảnh quan thiên nhiên	2.70	0.4	4
2. Giá trị lịch sử	2.94	0.2	2
3. Giá trị văn hóa	2.95	0.2	1
4. Giá trị kiến trúc, nghệ thuật	2.59	0.5	5
5. Giá trị kinh tế	2.30	0.5	6
6. Giá trị tâm linh, tín ngưỡng	2.84	0.3	3
ĐTB Chung	2.72	0.2	

Câu 13: Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về các sản phẩm du lịch ở khu di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay?

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Du lịch lễ hội	2.88	0.3	2
2. Du lịch tâm linh, tín ngưỡng	2.79	0.4	3
3. Du lịch thăm quan, tìm hiểu di tích lịch sử- văn hóa	2.90	0.3	1
4. Du lịch thăm quan danh lam - thắng cảnh	2.70	0.4	4
ĐTB Chung	2.82	0.2	

Câu 14. Ông/bà vui lòng cho biết thăm quan, trải nghiệm di sản văn hóa ở Cố đô Hoa Lư thỏa mãn những nhu cầu dưới đây của ông/bà như thế nào? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Nội dung	Số lượng	%
1.Nhu cầu tìm hiểu lịch sử - văn hóa truyền thống của dân tộc	192	96.0
2. Nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng	160	80.0
3. Nhu cầu kinh tế	21	10.5
4.Nhu cầu học tập	84	42.0
5.Nhu cầu thưởng thức nghệ thuật	136	68.0
6.Nhu cầu cổ kết cộng đồng	129	64.5
7.Nhu cầu vui chơi, giải trí	139	69.5

Câu 15. Ông/bà vui lòng cho biết cảm nhận của mình về vùng đất Ninh Bình thông qua hoạt động thăm quan, trải nghiệm du lịch trong khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Vùng đất cổ, giàu truyền thống lịch sử - văn hóa	2.93	0.2	2
2. DSVH phong phú, đa dạng, đặc sắc	2.95	0.2	1
3. Cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nhiều thắng cảnh nổi tiếng	2.92	0.2	3
4. Con người hiền lành, thân thiện, chăm chỉ, năng động, sáng tạo	2.60	0.4	4
5. Sản vật địa phương đặc sắc, hấp dẫn	2.30	0.5	5
6. Đô thị sầm uất, văn minh, hiện đại	2.00	0.6	6
ĐTB Chung	2.62	0.2	

Câu 16: Thông qua thăm quan, ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình đối về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở khu di tích Cố đô Hoa Lư?

Nội dung	Số lượng	%
1. Kém	1	.5
2. Bình thường	25	12.5
3. Tốt	174	87.0
Tổng	200	100.0

Câu 17. Ông/ bà có đề xuất gì để khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa khu di tích Cố đô Hoa Lư phục vụ phát triển du lịch tại đây?

Đối với chính quyền:.....

.....

Đối với Trung tâm bảo tồn di tích:.....

.....

Đối với người dân:.....

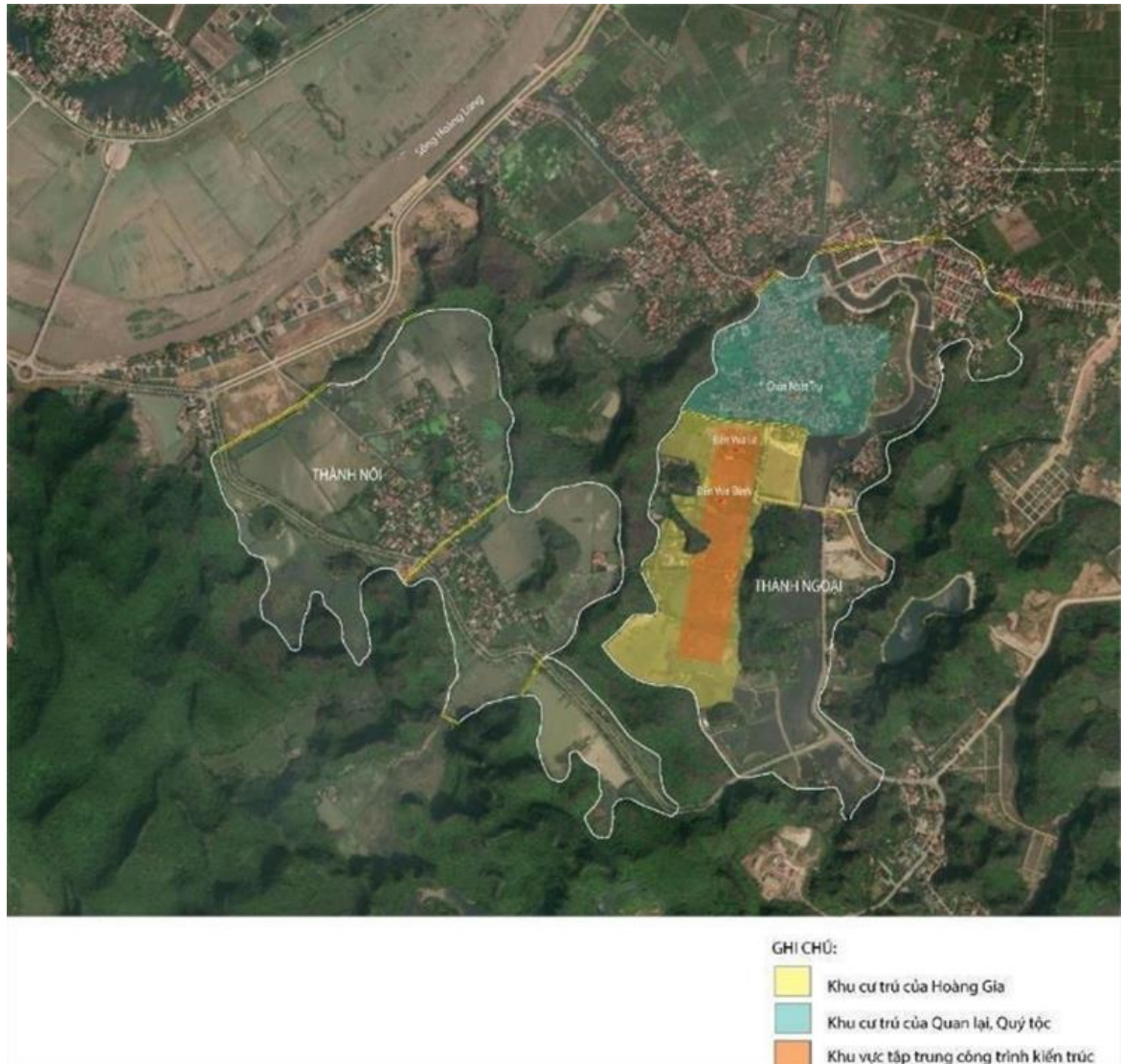
.....

Khác (Xin ghi rõ):.....

.....

PHỤ LỤC 4

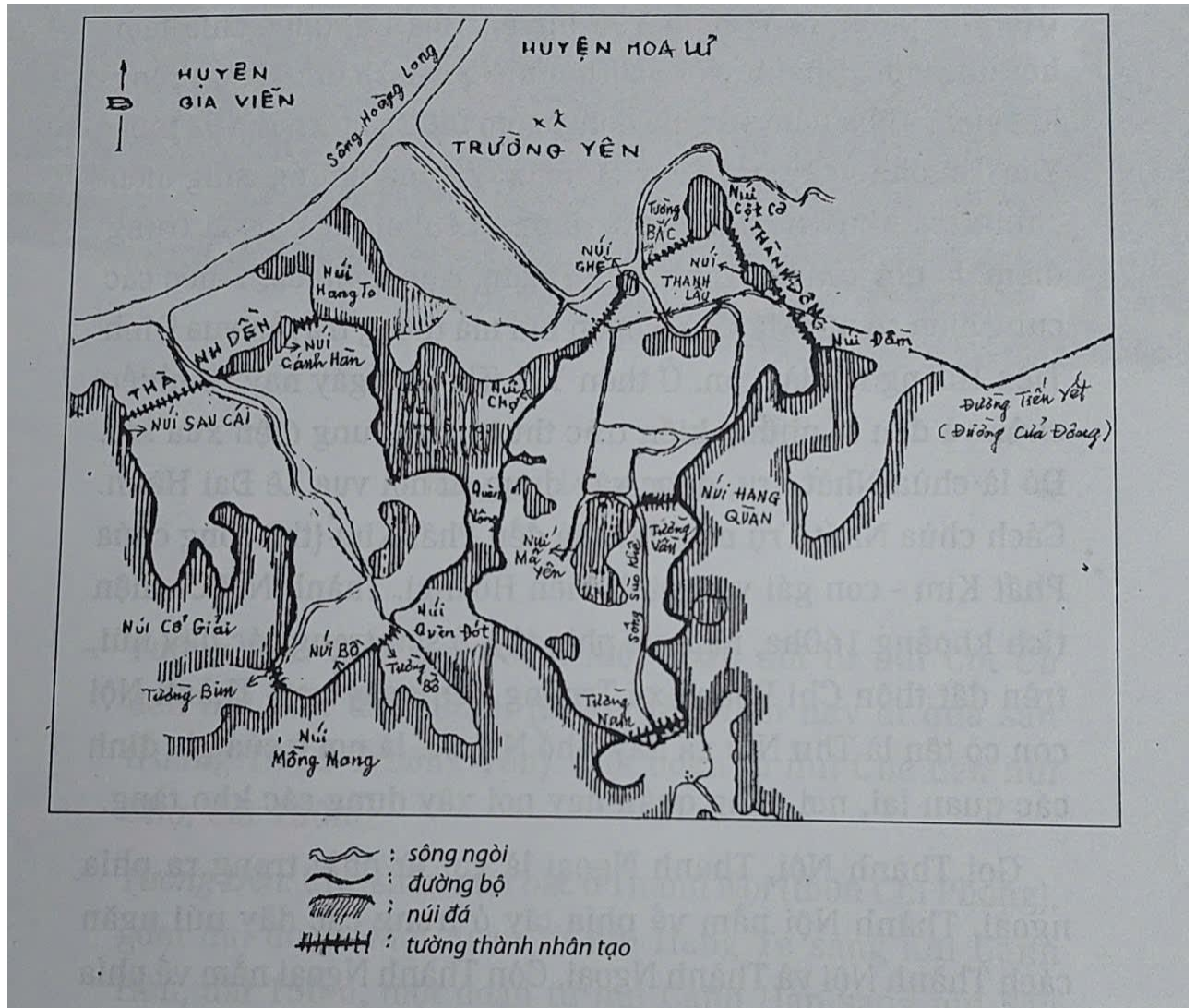
KHÔNG GIAN KINH ĐÔ HOA LƯ THỜI ĐÌNH - TIỀN LÊ



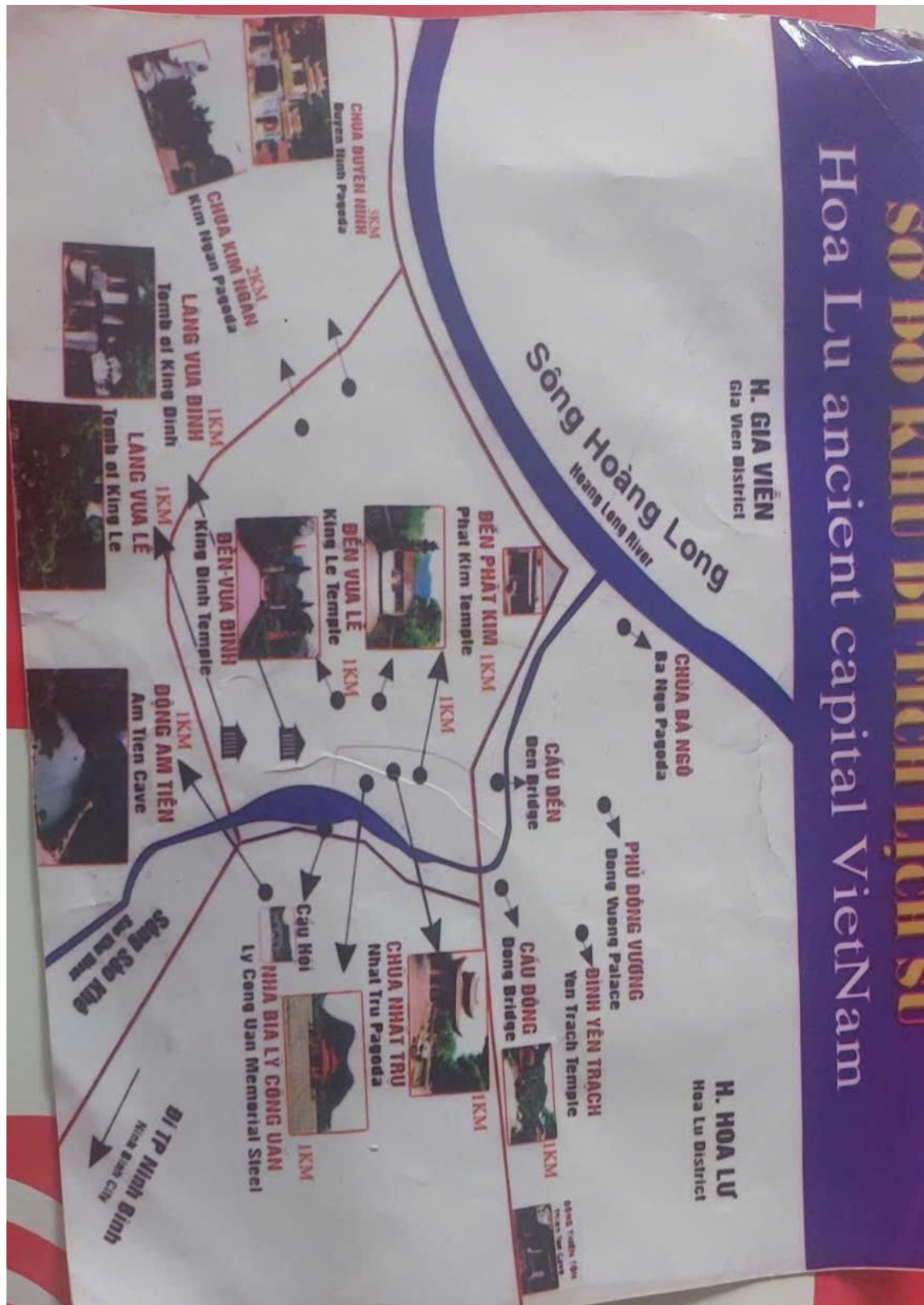
(Nguồn: *Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình-Viện Bảo tồn di tích - Bộ VH-TT và Du lịch (2022): Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH Cổ đô Hoa Lư, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Ninh Bình*)

PHỤ LỤC 5

SƠ ĐỒ KINH ĐÔ HOA LƯ



(Nguồn: Lã Đăng Bật (2011): *Cổ đô Hoa Lư*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, tr.11)



PHỤ LỤC 7

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KHU DI TÍCH CỔ ĐÔ HOA LƯ



Cổng vào Khu di tích Cổ đô Hoa Lư (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Cổng vào Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Sân trước đại bái đền vua Đinh Tiên Hoàng (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Ban thờ Vua Đinh Tiên Hoàng (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Cổng vào Đền thờ Vua Lê Đại Hành (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Sân trước đại bái Đền thờ Vua Lê Đại Hành (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



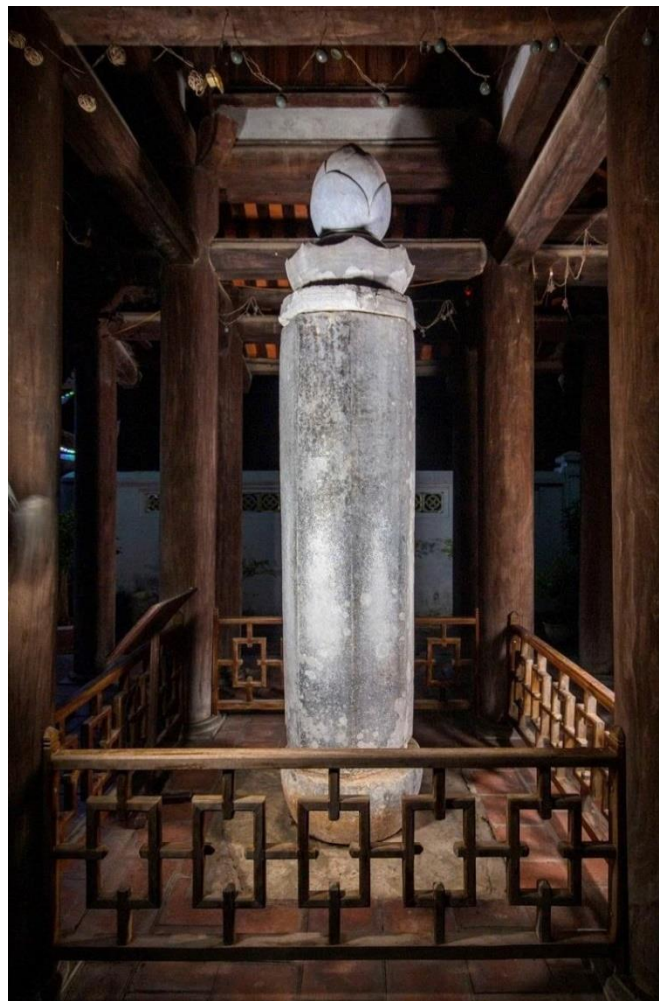
Ban thờ Vua Lê Đại Hành(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Một số hiện vật trưng bày ở Nhà trưng bày khảo cổ học
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Chùa Nhất Trụ (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Cột kinh phật trong chùa Nhất Trụ - Bảo vật quốc gia (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Đình Yên Trạch (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Bia Cửa Đông (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Chùa Bà Ngô (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Phủ Đông Vương (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Thuyết minh bằng mã QR (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Khu vực biểu diễn múa rối nước (Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Lễ rước nước trên sông Hoàng Long trong Lễ hội Hoa Lư
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Cuộc thi chèo thuyền khéo trong lễ hội Hoa Lư
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Du khách nước ngoài nghe hướng dẫn viên thuyết minh giới thiệu ở di tích đền vua Đinh Tiên Hoàng và đền vua Lê Đại Hành (nguồn: NCS chụp năm 2025)



Đoàn du khách chụp ảnh kỉ niệm tại khu di tích
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Đội văn nghệ quần chúng xã Trường Yên biểu diễn phục vụ du khách
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Đội văn nghệ quần chúng chụp ảnh kỉ niệm cùng du khách
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Du khách tham gia trò chơi dân gian nhảy sạp cùng đội văn nghệ
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Các du khách là các em học sinh thăm quan tìm hiểu khu di tích
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Người dân làm nghề xe ôm, chụp ảnh, bán đồ lưu niệm
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Gian hàng bán đồ lưu niệm (Nguồn: NCS chụp năm 2025)